# SỬ ĐỊA

DO MỘT NHÓM GIÁO-SƯ, SINH-VIÊN ĐẠI-HỌC SƯ-PHẠM SAI-GÒN CHỦ TRƯƠNG

## ĐẶC KHẢO VỀ

# PHAN THANH GIẢN

## (1796 - 1867)

*Nhà sách Khai-Trí bảo trợ*

1967

7-8

# SỬ ĐỊA

TẬP - SAN SƯU - TẦM, KHẢO - CỨU, GIÁO - KHOA


**BAN CHỦ-BIÊN:**

NguyễnThếAnh • Bửu-Cầm • PhanKhoang • LâmThanhLiêm • PhạmVănSơn • TháiViệtĐiều • PhạmCaoDương • Phù-Lang • ĐặngPhươngNghi • QuáchThanhTâm • TrầnĐăngĐại • Phạm ĐìnhTiếu • NguyễnKhắcNgữ • NguyễnHuy • TạChíĐại Trường • PhạmLongĐiền • TrầnAnhTuấn • NguyễnTháiAn • TrầnQuốcGiám • NguyễnSaoMai.

**VỚI SỰ CỘNG-TÁC THƯỜNG XUYÊN CỦA:**

HoàngXuânHãn • ChenChingHo • ThíchThiệnÂn • LêVăn Hảo • NguyễnVănHầu • TạTrọngHiệp • NguyễnTrầnHuân • PhạmVănDiêu • BửuKế • NguyễnKhắcKham • TrươngBửu Lâm • LêHữuMục • NguyễnPhương • HồHữuTường • LêThọ Xuân • ƯngTrình • NghiêmThầm • TôNam • BùiQuangTung.

**BAN TRỊ-SỰ:**

NguyễnNhã • NguyễnNhựtTấn • PhạmThịHồngLiên • Nguyễn NgọcTrác • TrầnĐìnhThọ • NguyễnHữuPhước • PhạmThịKim Cúc • TrầnNgọcBan • PhạmVănQuảng • PhạmĐứcLiên • NguyễnThịBíchLoan.



*TRÌNH BÀY:*
Kha Thùy Châu
N. N. Tấn

*Ảnh bìa: Trích B.A.V.H., 1926 phụ trương (Nguyên bản tàng trữ tại Viện Bảo Tàng, Paris)*

*THƯ TỪ, BÀI VỞ, NGÂN, CHI-PHIẾU:*
NGUYỄN NHÃ
221 Cộng Hòa, Saigon B. P. : 380

# LÁ THƯ TÒA SOẠN

*Mùa thu năm ngoái, Tập San Sử Địa số 3 đặc khảo về Trương Đỉnh. Mùa thu năm nay, Sử Địa đặc khảo về Phan Thanh Giản.*

*Trương Đỉnh, người đã chủ trương chiến đấu, chống thực dân Pháp tới cùng, còn Phan Thanh Giản được coi là phái chủ hòa, chủ trương dùng đường lối thương thuyết. Cả hai người đều thất bại và đều lấy cái chết để trả nợ núi sông. Riêng Phan Thanh Giản khi chết rồi còn chịu cái án « trảm hậu », đã bị triều đình thời vua Tự Đức truy đoạt các chức hàm và đục bia tiến sĩ, tới thời Pháp thuộc, dưới triều Đồng Khánh, được khôi phục các chức hàm.*

*Ngày nay, sao 100 năm, lịch sử có thể sẽ phán xét một cách công bình hơn, nếu những sự kiện lịch sử thực sự được sáng tỏ.*

*Cũng như số đặc khảo về Trương Đỉnh, nếu sự cố gắng của Tập San không đóng góp được gì vào kho tàng sử học, thì cũng mong là giúp nhắc nhở và đặt vấn đề : Đưa vụ án Phan Thanh Giản lên « bàn mổ » của lịch sử. Với lập trường quốc gia dân tộc, với sự công minh của lịch sử, ngày nay, liệu chúng ta có thể rút ra những bài học, những kinh nghiệm lịch sử nào chăng ?*

*Rời đây, Tập San Sử Địa sẽ sẵn sàng đón nhận những bài biên khảo, những góp ý của quí bạn đọc đối với vụ án lịch sử này. Và nếu không có gì trở ngại, Nhóm Chủ Trương sẽ tổ chức một buổi thuyết trình hội thảo với mục đích xét lại bản án Phan Thanh Giản.*

*Mùa thu sang năm, Tập San Sử Địa sẽ đặc khảo về Nguyễn Trung Trực, nhân kỷ niệm 100 năm vị anh hùng kháng chiến này*

*Sang năm 1969, Tập San Sử Địa sẽ ấn hành số đặc khảo về «Kỷ niệm 900 năm Nam Tiến của dân tộc Việt Nam».*

*Tập San Sử Địa cũng sửa soạn số đặc khảo về* **«CHIẾN THẮNG mùa Xuân của QUANG TRUNG»**, *nếu hoàn tất sớm sẽ ấn hành vào dịp Tết MẬU THÂN, bằng không sẽ để lại đến Tết KỶ DẬU vừa đúng 180 năm, kỷ niệm «Kỷ Dậu» lần thứ 4, năm chiến thắng Đống Đa*

*Sử Địa kỳ này được in hai số 7, 8 liền một và phải chậm trễ vì giấy báo khổ của Tập San Sử Địa đã biến hẳn trên thị trường chính thức từ 5, 6 tháng nay, đồng thời Sử Địa lại gặp nhiều khó khăn về kỹ thuật ấn loát.*

*Với lòng thương mến, ủng hộ của quí bạn, thì dù có gặp nhiều khó khăn đến đâu, Tập San Sử Địa vẫn tới tay quí bạn đọc mãi mãi để tiếp tục con đường phụng sự văn hóa dân tộc chân chính.*

**TẬP SAN SỬ ĐỊA**

# PHAN THANH-GIẢN

## đi sứ ở PARIS

### (13-9 đến 10-11-1863)

TRƯƠNG BÁ-CẦN

Ký hòa ước 5-6-1862, nhượng cho Pháp ba tỉnh Gia Định (Saigon), Định Tường (Mỹ Tho) và Biên Hòa, rồi ngày 14-4-1863 trao đổi long trọng văn kiện đã chuẩn phê, nhưng vua Tự Đức vẫn ngày đêm nghĩ tới việc đòi lại phần đất đã nhượng. Một trong những cố gắng cụ thể để thể hiện ước nguyện này là việc cử một phái bộ sang Paris điều đình với chính phủ Pháp. Phan Thanh Giản, người đã cùng với Lâm Duy Hiệp thương thuyết Hòa ước 1862, được cử dẫn đầu phái bộ. Ngày 21-6-1863, phái bộ lên đường vào Saigon đi Paris và Madrid.

## PHÁI BỘ TỚI PHÁP.

Sau hai tháng chuyển vận (1) phái bộ Phan Thanh Giản tới vịnh Toulon ngày 9-9-1863, khá khuya về đêm, và ngày 13-9, vào khoảng sau trưa, phái bộ lên bờ ở Marseille.

Được tàu Européen chở từ Saigon tới Aden và tàu Labrador từ Alexandrie tới Marseille, phái bộ gồm 64 người do Triều đình Huế cử và 9 người do nhà cầm quyền ở Saigon đài thọ (2). Dọc đường chết mất hai người, một chôn ở Aden, một chôn ở Alexandrie (3).

Bộ Ngoại giao Pháp phái Đại-Uý hải quân Aubaret, người dẫn đầu phái đoàn Pháp thương thuyết hiệp ước 1862, tới Marseille đón tiếp và tháp tùng phái bộ. Ngoài ra bộ cũng chỉ thị cho Tổng lãnh sự ở Marseille là Mure de Pelanne, và các cơ quan dân chính và quân sự trong vùng phải dành cho phái bộ một sự đón tiếp xứng đáng (4).

## NHỮNG NGÀY Ở PARIS.

Khi phái bộ tới nhà ga Lyon vào lúc 17 giờ ngày 13-9-1863, có ông Fueillet de Conches, Giám đốc nghi lễ và Hướng dẫn viên các phái bộ, tới đón. Đô đốc Bonard và Trung-Uý thủy quân Harmand, là những người đã ở Nam bộ trước, cũng đều có mặt.

Được 2 tiểu đội danh dự dẫn đầu, phái bộ đi qua các đại lộ và Champs Elysées, tới khách sạn đã có sẵn ở số 17 đường Lord Byron.

Phái bộ đáng lẽ sẽ được tiếp kiến Hoàng đế Napoléon III trong một cuộc triều yết long trọng khi ông ở Biarritz về, vào khoảng đầu tháng 10 — Nhưng đúng thời hạn, chỉ có Hoàng đế trở lại Paris, và Hoàng hậu Eugénie đi Y-pha-nho. Ngày 9-10, Aubaret thông báo cho đệ nhất Đại sứ biết: cuộc triều yết sẽ được hoãn cho tới 5-11, Hoàng đế và Hoàng hậu sẽ long trọng tiếp kiến phái bộ tại điện Tuileries.

Trong lúc chờ đợi, hoặc do Aubaret, hoặc do Rieunier hay Harmand, hướng dẫn, phái bộ đi thăm kinh đô Paris. Nhật ký của phái bộ cho chúng ta thấy một chương trình khá bận rộn. Mỗi ngày đều có tiếp tân hoặc thăm viếng thắng cảnh.

Cuộc tiếp tân chính thức đầu tiên là ở Bộ Ngoại Giao hôm 18-9. Ba ngày sau Drouyn de Lhuys, đến thăm phái bộ đáp lễ (5).

Sau này, vào ngày 21-10-1863, Bộ-Trưởng Ngoại Giao Pháp, lại mở cuộc tiếp tân đón mừng phái bộ, có Đại sứ Y-pha-nho

và Hoa-kỳ ở Pháp, 2 vị thừa sai, Bonard, Rieunier, Aubaret, với một vài công chức cao cấp dự (6).

Phái bộ tiếp Đại sứ Y-pha-nho, Ý-đại-lợi, Thổ-nhĩ-kỳ và đi thăm đáp lễ (7).

Trong khuôn khổ thăm viếng Paris thì có những cuộc du ngoạn thăm viếng thắng cảnh, các cơ sở kỹ nghệ ở kinh thành. Bắt đầu là vườn Bách thảo, cho tới điện Versailles, Rừng Boulogne, Rừng Vincennes. Phái bộ có dự nhiều buổi kịch nghệ và cả cuộc đua ngựa ở Longchamp. Các ngài quan sát lâu nhất là nhà máy gaz, xưởng làm thảm Gobelins. Các ngài chú ý nhất là cơ sở kỹ nghệ (8).

Trong hai tháng ở Pháp, các ngài đã thấy nhiều, biết nhiều, suy nghĩ nhiều (9). Các ngài có ghi chép (10). Nhưng các ngài, ít nhất là 3 vị đại sứ, khá lạnh nhạt và ít chú ý tới những cuộc vui tao nhã người ta cống hiến các ngài. (11) Có lẽ vì sứ mạng của các ngài nặng nề quá, thu hút hết mọi chú ý của các ngài.

## SỨ MẠNG CHÍNH TRỊ.

Lời dặn dò của nhà vua về điều đó quá rõ ràng :

*Phải đòi cho bằng được sự nhượng lại những phần đất mà Pháp đã chiếm cứ. Trong trường hợp chính phủ Pháp từ chối, các khanh hãy kéo dài cuộc lưu trú tại Paris để chờ có cơ hội thuận tiện mở lại cuộc thương thuyết. Phải cố gắng gây một dư luận thuận lợi cho chính nghĩa của ta. Các khanh cũng phải cố gắng làm cho chính phủ Pháp mềm lòng đối với số phận của xứ sở chúng ta.* (12)

Tự Đức cũng đã nói lên những đề nghị cụ thể trong một bức thư gởi cho Napoléon III, do Sứ bộ mang tới. Tự Đức xin duyệt lại một vài khoản của hòa ước nặng nề và khó chấp nhận cho Việt-nam, nhất là khoản liên hệ đến đất đai. Tự Đức cũng nhắc lại cho Napoléon biết rằng sở dĩ Việt-nam chấp nhận khoản

đó trong hiệp ước là để khỏi bị nghi ngờ về thiện chí hòa bình của mình, mặc dầu sự ủy quyền của Bonard không cho phép đòi khoản đó. Để bù lại sự trao trả phần đất đã nhượng, Tự Đức đề nghị nhường cho Pháp Thành Saigon, một căn cứ trong tỉnh Định-tường ngoài thành Mỹ-Tho, Thủ-Dầu-Một trong tỉnh Biên-hòa, đảo Poulo Condore.

Về việc bồi thường, thì Tự Đức xin hoặc giảm bớt số lượng, hoặc xin gia thời hạn trả. Không nói đến chuyện *chuộc lại* ba tỉnh, Tự Đức chỉ xin Pháp trao trả (13).

Nhưng chính phủ Pháp đâu có dễ dàng từ bỏ một phần lớn đất đai đã chiếm được, nếu không có một sự đổi chác lợi thực sự cho mình? Rất có thể là các Sứ giả đã được nhà vua cho những huấn thị bằng miệng để nhượng bộ khi cần, ngõ hầu đi tới kết quả. Có điều chắc chắn là khi đại diện nước Pháp đòi phải nộp thuế hằng năm từ 2 đến 3 triệu quan, để bù lại sự trao trả đất đai, thì phái bộ Việt-nam không phủ nhận nguyên tắc, mà chỉ nhận xét rằng số tiền đó quá cao đối với khả năng tài chánh của mình và xin để cho Triều đình Huế quyết định về điều đó. (14)

## THÁI ĐỘ CỦA CHÍNH PHỦ PHÁP.

Về phía chính phủ Pháp, ai là người có thể thấy lợi trong giải pháp này? Thực khó phân định được vai trò của mỗi một bộ liên hệ trong vấn đề này. Các tài liệu của Pháp liên quan tới phái bộ Phan Thanh Giản ở Paris không dồi dào. Các cuộc họp nội các không để lại biên bản; những sự trao đổi văn thư giữa các bộ cũng họa hiếm. Hình như không phải chính Chasseloup Laubat, Bộ Trưởng Bộ hàng hải và thuộc địa, cũng không phải Drouyn de Lhuys, Bộ Trưởng Ngoại Giao, đã đề nghị trao trả các phần đất đã chiếm cứ, để lấy tiền bồi thường. Thực vậy, từ dạo tháng 6, khi nghe tin sắp có phái bộ Việt-nam tới Paris, Drouyn De Lhuys liền vội vàng viết thư cho Chasseloup để chỉ

thị cho viên trấn thủ Nam kỳ tìm cách để làm cho Triều đình Huế đừng gởi phái bộ sang, ông viết trong thư gởi cho Chasseloup Laubat đề ngày 23-6-1863 như sau:

*Chắc chắn là mục đích chính của phái bộ là xin Hoàng đế duyệt lại một vài khoản của Hòa ước. Làm như thế là đặt lại tất cả những vấn đề đã được giải quyết.*

Ông xin Chasseloup Laubat viết thư cho La Grandière bảo làm cho Triều đình Huế hiểu rằng: «Việc gởi một phái bộ đặc biệt tới gặp Hoàng thượng không còn đối tượng nữa, bởi vì hiện nay hiệp ước Saigon đã được 2 chính phủ chuẩn phê. Nó đã qui định mối bang giao và vị trí của đôi bên». (15)

Hơn nữa, ở Bộ Ngoại Giao, hình như người ta luôn luôn chủ trương giữ nguyên tình trạng hiện hữu và không muốn một phiêu lưu nhỏ nào. Vì thế mà Bộ ngần ngại chuẩn phê hiệp ước ký kết với Cao Mên, hiệp ước mà La Grandière đã ổn thỏa dàn xếp ngày 11-8-1863, ngần ngại vì sợ phiền phức với Thái Lan và Anh quốc. Sau khi đã chuẩn phê hiệp ước ấy rồi, Bộ ra chỉ thị cho các Đô đốc trấn thủ Nam kỳ và các thuộc viên ở Cao Mên phải thận trọng, đừng gây sự. Ở Nam kỳ thì Bộ Ngoại Giao chỉ muốn kết thúc chiến tranh. Và để không trì hoãn việc ký kết hòa ước, Bộ Trưởng Ngoại Giao đã viết thư cho Bộ Trưởng hàng hải và thuộc địa ngày 21-6-1862 để thúc dục đồng nghiệp của mình bảo Bonard đừng yêu sách quá (16).

Một khi đã ký kết hòa ước 5-6-62 trên những căn bản đất đai rộng lớn hơn dự liệu, Bộ Ngoại Giao cũng cho như là xong và không muốn thay đổi gì nữa.

Lúc vấn đề Nam kỳ lại được thảo luận trong nhiều cuộc họp của chính phủ, ông Drouyn de Lhuys bảo viên Giám đốc Chính trị của Bộ thảo một bản tường trình về Nam kỳ. Ngày 12-10-1863, Herbet đem bản tường trình đó đến. Theo bản tường trình này thì có 4 giải pháp:

1) Triệt thoái để lấy tiền bồi thường.

2) Thôn tính cả 6 tỉnh Nam kỳ.

3) Giới hạn khu chiếm đóng ở Saigon và một vài vùng nhất định.

4) Giữ nguyên tình trạng hiện tại.

Theo ý Herbet giải pháp thứ I cần loại bỏ vì không phù hợp với quyền lợi của nước Pháp. Giải pháp thứ II có thể gây chiến tranh tốn kém. Giải pháp thứ III, có nhiều thuận lợi, bởi lẽ là những căn cứ như thế mới đủ bảo đảm cho quyền lợi nước Pháp (một căn cứ nghỉ ngơi và tiếp liệu trên đường Ấn độ đi Trung hoa) phí tổn ít. Nhưng tác giả bản tường trình trên lại thêm:

*Xu hướng tự nhiên của chúng ta chiếm đóng thu hẹp, nhưng theo những người có hiểu biết tận nơi, điều mà chúng ta không có, thì giải pháp này không thể hiện được và cần thiết phải chiếm đóng một phần Nam kỳ mới giữ nổi Saigon. Trước những bất tiện và khó thể hiện của những giải pháp vừa kể sơ lược trên, sự giữ y nguyên tình trạng chiếm đóng hiện tại trong 3 tỉnh Biên-hòa, Gia-định và Định-tường là cần thiết (17).*

Lập trường của Bộ Hàng Hải và thuộc địa cũng tương tự như thế. Chasseloup Laubat là một trong những chính khách của nước Pháp chỉ biết Nam kỳ qua những bản phúc trình và văn thư, nhưng quan tâm thực sự tới miền đất này. Cứ nhìn vào những bản chỉ thị dài dòng, tỉ mỉ tự tay ông viết và những lời chú thích bên lề các bản phúc trình, cũng đủ thấy sự hiểu biết xác thực và cái nhìn rất đúng của ông về vấn đề này.

Tháng 7 năm 1863, có tiếng đồn thổi về ý định của Tự Đức muốn xin bồi thường để chuộc lại ba tỉnh Nam kỳ đã nhượng cho Pháp theo Hòa ước 5-6-62. Có một vài nhân vật trong chính phủ muốn xét lại vấn đề trong trường hợp Triều đình Huế có đề nghị mới. Chasseloup liền tìm đến với những

người có trách nhiệm ở Nam-kỳ vừa mới hồi hương. Trước tiên là có Bonard, trấn thủ Nam kỳ và Aubaret, tác giả chính của Hòa ước 1862, để được soi sáng. Bonard lúc đó điều trị ở Vichy, Aubaret có thảo một bản tường trình. Bản trường trình đó không nói rõ là gởi đích danh cho Bộ-Trưởng Hàng Hải — Nhưng chắc chắn không phải Aubaret tự ý thảo, mà chắc chắn là thảo theo lệnh của Chasseloup Laubat.

Thực vậy, Aubaret hồi hương với Bonard vào khoảng tháng 6-63, và Bộ Hàng hải và thuộc địa triệu ông về Paris để dịch xong *Gia định thông chí* và *Hoàng Việt luật lệ* là 2 tài liệu cần thiết cho nền hành chánh Pháp ở Nam kỳ. Từ 10-7-63 (18) Aubaret lên Paris. Ngày 15-7-63, ông đệ lên Bộ Hàng hải bản tường trình. Bản viết tay có mang chữ ký của ông hiện giữ ở Văn khố Bộ Hàng hải và thuộc địa (19) không đề ngày tháng. Trái lại bản sao gởi Bộ Ngoại Giao đề ngày 15-7-63 (20). Bản tường trình này đã được in bằng thạch thành nhiều bản để gởi cho nhiều cơ quan và nhân vật (21) Aubaret hình như có ý trả lời cho 2 câu hỏi đã được đặt ra: Làm thế nào để lợi dụng Hòa ước 1862 và phải tổ chức thuộc địa này như thế nào?

Trái với sự quả quyết của Henri Rieunier và tất cả các sử giả sau ông, (22) Aubaret không hề chủ trương chính sách trả lại đất cho Triều đình Huế như chúng ta sẽ thấy sau. Nói về việc tổ chức và nền hành chánh ở Nam kỳ, ông chủ trương phải dùng dân sự (chứ không dùng quân nhân từ trước đến nay) và ông bênh vực hệ thống hành chánh «bản xứ» nghĩa là dùng người bản xứ để cai trị trực tiếp, dưới sự kiểm soát của các Thanh tra người Pháp, hệ thống này đã được thực thi dưới thời Bonard và bị nhiều sĩ quan Pháp chỉ trích (23).

Trở lại vấn đề trao trả đất đai cho Triều đình Huế, Aubaret viết như sau:

*Trong buổi lễ chuẩn phê Hiệp ước 5-6-62 ở kinh đô Huế, Triều đình Tự Đức không dấu diếm ý định của mình là xin bởi*

*thường để chuộc lại 3 tỉnh. Tự Đức rất ao ước giải pháp này, nhưng làm như thế là nước Pháp thoái vị hoàn toàn ở một miền mà những lực lượng sống động của Âu châu mỗi ngày một xâm nhập. Làm như thế là làm mất mặt chúng ta nhiều lắm. Và có thể nói không quá rằng làm như thế, các dân tộc ấy sẽ coi chúng ta như một dân tộc thuộc hạng ba trên thế giới.*

*Còn việc thiết lập một vùng rộng lớn, mà trung tâm là Saigon, chúng tôi nghĩ rằng sẽ không có tương lai. Và đây là lý do: Nam kỳ, là một miền có một nền hành chánh hay nhất và có hệ thống nhất ở Á đông. Đó là điều không ai chối cãi. Lệnh trên được thi hành, có thể nói, là không cưỡng bách và được nghe theo cả trong những chi tiết rất nhỏ. Vậy, thực là một sự lầm lẫn lớn nếu nghĩ rằng chính phủ Huế, nhường cho ta một địa điểm thương mại, rồi không tìm cách gây khó khăn và tổn kém cho ta, đến nỗi trở thành vô dụng.*

*Chắc là họ đã có kinh nghiệm về lực lượng của ta, họ sẽ tránh khiêu khích chúng ta một lần nữa, nhưng một địa điểm thương mại mục đích chính là vì quyền lợi buôn bán, mà cấm không cho hàng hóa thông thương thì sẽ làm nó tê liệt. Và chắc chắn là họ sẽ không thiếu lý do đúng hay không đúng để làm như thế. Về điều đó, Nam kỳ không giống Trung hoa và không thể lấy Thượng hải làm thí dụ. Trung hoa là một đế quốc rộng lớn, chia rẽ đến nỗi các chính phủ không thể can ngăn tinh thần buôn bán là tinh thần riêng của người Trung hoa. Ở Nam kỳ thì khác. Dân chúng làm nghề nông, hơn nữa, lệnh của Trung ương là kinh đô được truyền xuống tận biên thùy xa-xôi. Và không trước thì sau chúng ta sẽ ở vào một cảnh tương tự như ở Nhật bản..*

Tác giả kết luận:

*Nói tóm lại, chúng ta không thể rút khỏi các tỉnh mà chúng ta đã chiếm được ở Nam kỳ mà không thương tổn đến thể diện. Giới hạn sự có mặt của chúng ta ở một địa điểm thương mại là tạo thêm cho chúng ta một sự tiêu tốn vô ích và không khác gì triệt thoái.*

Aubaret nói với tư cách của một người biết rõ địa hình và sự việc. Ý kiến của ông đã làm cho Herbet dè dặt với chính sách chiếm đóng thu hẹp như chúng ta thấy ở trên.

Chasseloup Laubat cũng đồng ý với Aubaret. Sau này trong bản điều trần quyết liệt gởi Napoléon III ngày 4-11-64, ông cũng trích lại ý kiến của Aubaret. Nhưng từ khi phái bộ tới, vấn đề lại được khuấy lên. Ngày 17-9-63, Chasseloup cầm bút viết cho La Grandière, trấn thủ xử lý thường vụ ở Nam kỳ, để bàn ý kiến sau khi nói rõ ý nghĩ của mình. *Có người muốn chỉ giữ một địa điểm thương mại tại Saigon thôi. Nơi đó chúng ta sẽ dồn lực lượng lại cho mạnh và người ta sẽ đến để buôn bán. Họ nghĩ rằng người Việt-nam sẽ không thù gì chúng ta và ít nhất họ sẽ để cho chúng ta yên, nhất là khi họ thấy lực lượng mạnh của chúng ta Có người lại muốn chiếm đóng một vài căn cứ như Saigon, Bà rịa, Biên hòa, Mỹ tho để làm chủ được cả miền và để bảo đảm cho việc buôn bán trên sông Cửu-long và trong tất cả các tỉnh. Họ còn nghĩ rằng có thể thành lập một chế độ bảo hộ, để cho Triều đình Huế cai trị lấy người Việt nam, và chúng ta chỉ cần thu thuế hằng năm. Sau hết có một sự chiếm đóng đầy đủ, một sự thống trị trực tiếp, điều mà chúng ta đang muốn thể hiện trong lúc này. Điều đó chúng ta đã có thể thể-hiện dễ dàng nếu chúng ta biết cai trị và biết giữ trật tự từ ban đầu, nhất là nếu không trả lại thành Vĩnh long và chiếm luôn Châu đốc và Hà tiên, ngay lúc mà người ta cũng không muốn chiếm ba tỉnh kia.*

*Ông cũng thừa hiểu rằng lúc này có phái bộ Việt nam tới, rất nhiều giả thuyết được đặt ra và người ta sẽ bàn cãi xem giải pháp nào là tốt nhất. Nhưng điều đó không nên làm cản trở chúng ta tiến bước tới một sự tổ chức chu đáo..*

*Theo tôi thì rất khó, nếu không phải là không có thể, chỉ có một địa điểm thương mại Saigon không ở gần biển, như Singapour ở ngay trên con đường qua lại. Cần phải có một lực lượng hùng hậu để bảo vệ Saigon và bảo vệ lối vào Saigon. Nếu chính phủ Huế muốn, họ*

*có thể ngăn cản người ta, đến với chúng ta và sự buôn bán sẽ không có được.*

*Còn về việc chỉ chiếm đóng một vài căn cứ rồi để cho chính phủ Việt nam cai trị lấy người Việt nam chúng ta chỉ thiết lập một nền bảo hộ, giải pháp này đòi hỏi những lực lượng cũng mạnh bằng những lực lượng chúng ta hiện có và chúng ta sẽ chỉ là những người ngoại quốc đối với một dân tộc dưới quyền điều khiển của một chính phủ khác và bị chèn ép giữa đôi bên Do đó, tôi xin ông nói tất cả ý kiến của ông về tất cả những điều ông nghĩ, về tất cả những điều ông thấy đối với những giải pháp của một số người đang bàn tán. Trong buổi ban đầu của một thuộc địa, lẽ dĩ nhiên là người ta bàn bạc nhiều ở Quốc hội, ở Nội các và vấn đề được đặt đi đặt lại nhiều lần Tôi muốn một người ôn hòa, khôn ngoan như ông giúp tôi soi sáng chính phủ bằng cách soi sáng chính mình tôi. (24)*

Như thế chúng ta thấy Chasseloup Laubat cho rằng thu hẹp chiếm đóng là chuyện không hề làm được và nguy hiểm. Nhưng đến lúc quyết định ông nghiêng theo lập trường chung của chính phủ nhưng vẫn không xác tín. Ngày 18 1-1864, báo tri cho La Grand'ère về những điều khoản mới của Hiệp ước mà Aubaret được lệnh tới Huế để thương thuyết, ông viết:

*Tôi cũng biết rằng việc thi hành một Hiệp ước như thế sẽ có nhiều khó khăn. Nhưng tôi bắt buộc phải nói để ông biết rằng: sau khi đã suy nghĩ chín chắn Hoàng đế đã quyết định một đường lối, mà Hiệp ước này chỉ là hậu quả. (26)*

Chúng ta phải kết luận rằng Napoléon III, và chỉ có Napoléon III, đã quyết định đường lối mới ở Nam-kỳ. Drouyn de Lhuys, chuyển đến cho ông Bộ Trưởng Bộ Hàng hải, một bản sao Hiệp ước, ngày 2-11-63, ông cũng nói là ông đã soạn thảo nó theo chỉ thị của Napoléon (27).

Chúng tôi không thấy một tài liệu nào khác đầy đủ chi tiết hơn về tư tưởng của Napoléon III, trong vấn đề này. Nhưng hình

như trong đầu óc của Napoléon III, ngân sách là mối lo lắng chính yếu, vì chiến cuộc ở Mexique. Ông Bộ Trưởng Tài chánh lẽ dĩ nhiên là cũng đồng quan điểm với Hoàng đế Napoléon. Báo *La Nation* số ra ngày 10-10-1863, viết về những dự tính của phái bộ Việt nam rằng:

*Nếu những đề nghị ấy được chuyển lên chính phủ, thì chúng tôi tin chắc rằng ông Bộ Trưởng Tài chánh sẽ nhiệt liệt ủng hộ.*

Sau này, lúc dư luận sôi nổi về Hiệp ước Aubaret đã ký kết với Triều đình Huế ngày 15-7-1864, nhật báo *Indépendance Belge* quả quyết trong số ra ngày 10-10-1864:

*Chính vì theo ý kiến của ông Fould (Bộ Trưởng Tài Chánh), mà chính phủ quyết định trả lại ba tỉnh đã chiếm được ở Nam kỳ để lấy tiền bồi thường.*

Hơn nữa, vấn đề tài chánh là vấn đề chính yếu trong Hiệp-ước mới này. Aubaret cũng không dám tự quyết định lúc ông thương thuyết với Triều đình Huế tháng 6, tháng 7 năm 1864, mặc dầu trong thâm tâm ông vẫn cho yêu sách của Triều đình Huế là hợp lý, như chúng ta sẽ thấy sau này, trong những chương tới.

Dầu sao thì chính phủ Pháp cũng đã đồng ý trên nguyên tắc trao trả ba tỉnh lại cho Tự Đức. Đến lúc phải soạn thảo một Hiệp ước để định rõ mục tiêu phải đạt của đôi bên.

## SOẠN THẢO HÒA ƯỚC.

Theo nhật ký của Sứ bộ Việt Nam, có ghi rõ chi tiết, mặc dầu sơ lược, về mọi biến cố xảy ra trong ngày, thì không có nhiều cuộc tiếp xúc giữa các nhân vật trong chính phủ Pháp với Sứ bộ Việt-Nam (28). Không có cuộc gặp gỡ nào với Bộ Trưởng Bộ Tài Chánh (29). Chỉ có một cuộc thăm xã giao Bộ Hàng hải trước ngày phái bộ lên đường về nước, nghĩa là vào lúc mọi sự đã dàn xếp xong (30). Tiếp xúc nhiều hơn cả là với Bộ Ngoại Giao. Một cuộc tiếp tân đầu tiên diễn ra tại Bộ Ngoại Giao ngày 18-9-63: ba ngày sau (21-9-63) ông Drouyn tới thăm phái bộ để đáp lễ

tại khách sạn của các ngài. Ngày 21-10-63. Bộ Ngoại Giao còn mở tiệc khoản đãi Sứ bộ với sự tham dự của đại sứ I-pha-nho, Hoa-kỳ, các công chức cao cấp và các viên chức Pháp ở Nam-kỳ đã hồi hương (31).

Ngoài những cuộc thăm viếng ngoại giao ấy, chỉ có một cuộc đàm đạo có tính cách chính trị vào ngày 26-9-63. Sứ bộ có ghi trong nhật ký ngày hôm đó như sau:

*Do lời mời của Aubaret, chúng tôi tới biệt thự của ông Drouyn de Lhuys để đàm đạo (32).*

Chúng tôi không tìm lại được dấu vết của những cuộc thảo luận đó. Nhưng chắc chắn là các cuộc thương thuyết được thể hiện qua trung gian của Aubaret, là nhân vật tiếp xúc thường xuyên với phái bộ. Ngày 24-9 Aubaret dịch xong các văn kiện chính thức và đệ lên Bộ Ngoại Giao. (33) Ngày 26-9 Drouyn mời phái bộ tới thảo luận trên căn bản đó: giải pháp trả lại ba tỉnh để nhận bồi khoản được công khai nhìn nhận trên nguyên tắc. Hội đồng nội các chấp nhận (34). Và Aubaret được chỉ thị thảo dự án Hiệp ước. Vào khoảng giữa tháng 10-63, các bộ liên hệ đều nhận được bản sao dự án của Aubaret. (35) Các viên chức của Bộ Ngoại Giao tu bổ lần chót, rồi ngày 2-11-63, Drouyn de Lhuys chính thức gởi cho Chasseloup Laubat dự án Hiệp ước (36) và bảo Aubaret dịch ra Hán văn để trao cho phái bộ (37). Tới ngày 7-11-63, trước ngày phái bộ lên đường, bản dự thảo bằng Hán văn mới được chính-thức trao cho phái bộ (38). Aubaret thảo luận với phái bộ trên văn kiện rõ rệt ấy, trong lúc ông tháp tùng phái bộ từ Paris đi Madrid. Aubaret có tường trình với Bộ Ngoại Giao trong một văn thư quan trọng đề ngày 29-12-63 (39).

Hình như phái bộ Việt-Nam từ chối không thảo luận đến nơi đến chốn vấn đề. Cuộc thương thuyết thực sự theo họ phải được diễn ra tại Huế, Aubaret viết:

*Các Sứ giả, mặc dầu hết sức dè dặt và tuyên bố rằng các cuộc thảo luận đây chỉ với tính cách bạn hữu, cũng đã bằng lòng cho biết ý kiến trên một vài điều theo họ chưa được rõ.*

Người ta có thể nói rằng văn kiện này là do một mình Aubaret thảo ra, căn cứ trên quyền lợi của nước Pháp, nhưng vẫn cố gắng làm sao cho Triều đình Huế có thể chấp nhận. (40) Phái bộ Việt nam hình như không tham dự trực tiếp vào việc soạn thảo. Tuy nhiên họ vẫn hoàn thành đầy đủ sứ mệnh là làm cho Pháp chấp nhận nguyên tắc trao trả ba tỉnh mà Hòa ước 5-6-62 đã nhượng cho họ.

Nội vụ được dàn xếp hết sức kín đáo, không có tiết lộ chính thức nào cả (41).

Nguồn tin do nhật báo *La Nation*, số ra ngày 13-9-63, chính ngày phái bộ tới Paris, và được tờ báo *Indépendance Belge* (42) lặp lại, không được xác nhận cũng như không được cải chính. Tờ *Moniteur*, công báo của Pháp, giữ thái độ im lặng hoàn toàn trên mục đích chính của phái bộ Việt Nam. (43)

Báo chí hình như không bao giờ hay biết gì cả. Chỉ có tờ *La Nation*, báo đối lập, đăng một bài không trước không sau, dưới cây bút của Youllet, trong số 10-10-63, đề bênh vực chính sách trao trả đất đai cho Tự Đức. Tờ *La Patrie*, trái lại, với Octave Feré, nhiệt liệt tố cáo sự nhượng bộ này; nhưng cũng chỉ đoán chừng về công việc của Sứ bộ và không dám tin rằng chính phủ Pháp sẽ trao lại phần đất mà mình đã khó nhọc chiếm cứ:

«Giả thuyết này, người ta đọc trong *La Patrie*, số 4-10-63, chúng tôi sung sướng nói để kết thúc rằng, không thể có».

Phan Thanh Giản và các cộng sự viên rời Paris trong những điều kiện đó và có mang trong hành lý bản dự án của Hiệp ước mới. Một phái bộ Pháp sẽ lên đường để đi Huế thương thuyết.

## CHÚ-THÍCH

(1) Phái bộ lên tàu Européen ngày 5-7-1863.

*Xem nhật ký của phái bộ B.A.V.H (Bulletin des Amis du Vieux Huế)* 1919, trang 162.

(2) Chúng tôi có danh sách của nhân viên thuộc Phái Bộ in ở Saigon và do Rieunier chuyển cho chỉ huy trưởng lực lượng hải quân Pháp ở Alexandrie:

Văn khố hải quân BB/4 794, trang 618 — 619.

Xem văn khố Bộ Pháp quốc hải ngoại (F.O.M. Indochine carton 10 A 30)

63 người do chính phủ Việt-nam đề cử:

1. Đệ nhất đại sứ — Phan Thanh Giản
2. Đệ nhị đại sứ — Phạm Phú Thứ
3. Đệ tam đại sứ — Nguỵ Khắc Đản

Sĩ quan phụ trách lễ vật — Nguyễn văn Chất

Hai thư ký của Phái bộ — Hồ văn Luông (hay Hồ văn Long)
theo Trần văn Cư (Ng. văn Cư)
*nhật ký của phái bộ.*

4 văn nhân: Hoàng Ky
Tạ hữu Kế
Phạm hữu Độ
Trần Tề

Một thông dịch viên: Nguyễn văn Trường

Hai võ quan: Nguyễn mậu Bình
Hồ văn Huân (Nguyễn văn Huân ib.)

Bốn sĩ quan tháp tùng: Nguyễn hữu Tước
Lương văn Thế (Lương văn Thái ib.)
Nguyễn hữu Thần
Nguyễn hữu Cấp

Hai y sĩ: Nguyễn văn Huy
Ngô văn Nhuận

25 người lính

19 người giúp việc: 4 người giúp đệ nhất đại sứ
4 người giúp 2 đại sứ kia
11 người giúp các quan của phái bộ đài thọ.

9 người do nhà cầm quyền Saigon :

Pétrus Trương vĩnh Ký (Thông ngôn hạng nhất)

Pétrus Nguyễn văn Sang (Thông ngôn hạng nhì)

Tôn thọ Tường (Nho sĩ hạng nhất)

Phan quang Hiếu (Nho sĩ hạng nhì)

Trần văn Luông, Simon Của } Học sinh trường d'Adran

3 người giúp việc, trong đó có Pédro Trần quang Diệu.

Theo một lệnh xuất ngân thì 9 người này do tổn phí của nhà cầm quyền Saigon đài thọ.

(Văn khố P.O.M. Indochine Carton 10 A. 30)

Trong bản phúc trình đề ngày 28-6-1863 La Grandière viết :

*Thể theo nguyện vọng của Phó Đô đốc Bonard lúc rời Nam kỳ, tôi cho phép 9 nhân viên làm việc trong nền hành chánh bản xứ ở Saigon được phép tháp tùng phái bộ và được đi trên cùng một chuyến tàu.*

(Văn khố Bộ Hải quân B.B. 4834)

Theo lời yêu cầu của Phan Thanh Giản, một linh mục Việt nam được theo phái bộ để làm thông dịch viên : Paulus Nguyễn Hoàng.

Xem *Nhật ký của phái bộ.*

B. A V. H., 1919, trang 179

Xem thư của cha Croc viết cho cha A'brand ngày 4-7-1863 :

*Họ xin tôi một thông dịch viên có tín nhiệm, tôi chỉ họ cha Paulus Hoàng người đã học tại Penang.*

(Văn khố Missions Etr. Tonkin Meridional)

(3) Nguyễn văn Trường, thông dịch viên chết ở Aden.

Nguyễn văn Huy, Y sĩ chết ở Alexandrie.

*Nhật ký của phái bộ, B. A. V. H.*, 1919, trang 185 và 204.

Xem báo *Moniteur Universel*, 4-10-1863.

(4) Báo chí địa phương mà báo Paris trích lại, có thể cho chúng ta thấy quang cảnh của những cuộc đón tiếp ở các hải cảng Địa Trung hải. Ở Toulon : tiếp đón ở Tòa Thị chánh ; Tham quan

xưởng đóng tàu, biểu diễn một trận thủy chiến. Ở Marseille: tiếp đón tại Tòa Thị chánh, một buổi kịch nghệ.

Xem báo *Le Messager du Midi*, 11-9-1863.

báo *Le Nouvelliste de Marseille*, 12-9-1863.

báo *Le Sémaphore de Marseille*, 12-9-1863.

Xem điệp văn của Mure de Pelanne.

(Văn khố Af. E. Asie 28, trang 493)

(5) Báo *Moniteur Universel*, 19-9-1863 ; 22-9-1863.

(6) *Nhật ký của phái bộ B. A. V. H.*, 1921, trang 253 — 255.

(7) Không một tờ báo Paris nào nói đến vụ này nhưng theo nhật ký phái bộ:

28-9 tiếp Đại sứ Thổ nhĩ Kỳ.
4-10 đi thăm Đại sứ Thổ nhĩ Kỳ.
17-10 đi thăm Đại sứ Tây ban Nha.
22-10 tiếp Đại sứ Tây ban Nha.
2-10 tiếp Phó Đại sứ Ý đại Lợi.

(8) Xem các báo Paris hồi đó nhất là: *La Patrie — L'Union — Le Pays, Le Moniteur, L'Indépendance Belge* từ 10-9 đến 10-11-1863.

(9) Người ta đã xếp đặt để làm choáng mắt phái bộ và để thuyết phục phái bộ về nền văn minh và kỹ thuật của nước Pháp.

Xem báo *Le Messager du Midi*, 11-9-1863.

Xem thư của cha Croc viết cho cha Albrand ngày 4-7-1863 mà chúng tôi đã nói trên:

*Đô đốc (La Grandière) xin tôi nói với cha rằng ông chỉ muốn phái bộ xem ở Paris những gì đáng chiêm ngưỡng thôi.*

(10) Xem báo *Moniteur*, 4-10-1863.

Báo *Indépendance Belge*, 30-9-1863.

Thư của Rieunier 10-9-1863 đã nói ở trên.

(11) Nguyệt san *Revue des Deux-Mondes*, 1-5-1864, trang 202.

(12) Tài liệu của Triều đình Huế do Lê thanh Cảnh dịch *B.A.V.H*, trang 394.

(13) Văn khố bộ ngoại giao *Asie*, 28, fol. 433.

(14) Thư của Aubaret gởi Bộ Trưởng Ngoại giao ngày 29-12-1863.

Xem văn khố ngoại giao *Asie* 28.

*Sau hết, khoản 19 về vụ bồi thường và thuế phải đóng thường niên, là điều làm cho phái bộ đau lòng, theo họ nói, vì nước họ quá nghèo. Họ không đề nghị một con số nào cả, họ chỉ nói số tiền đòi họ quá năng lực của họ. Tôi nghĩ rằng, ở Huế, khoản đó sẽ bàn luận gay go hơn các khoản khác.*

(15) Văn khố F.O.M. Indochine A 30 Carton 10.

(16) Văn khố Ngoại giao *Asie* 28 fol. 79.

(17) Văn khố Ngoại giao *Asie* 28 fol. 507 — 512.

(18) Sách viết về cuộc đời của Aubaret, không rõ tác giả, *Aubaret.*

(19) Văn khố F.O.M. Indochine carton I A oo (2).

(20) Văn khố ngoại giao *Asie* 28, fol. 455.

Nhật báo *La Patrie*, trong số đề ngày 5-11-1864, có trích một đoạn của bản tường trình Aubaret về việc giao trả đất, với những lời giới thiệu sau đây: *Ông Aubaret chống lại chủ trương trao trả đất trong một bản tường trình chính thức, có in thạch gởi cho tất cả các nhân viên trong chính phủ. Chúng nghĩ nên trích đăng những đoạn chính của tài liệu này viết vào khoảng tháng 8-1863.*

(21) Bản tường trình viết tay này nhiều người bảo mất (Xem Boudet trong *B.S.E.I*, 1947, tam cá nguyệt 2, trang 97) hiện nay còn ở văn khố Bộ quốc phòng Section ancienne 1324.

Bộ ngoại giao *Asie* 28.

(22) H. Rieunier, cùng đi với phái bộ từ Saigon tới Paris và hướng dẫn phái bộ đi chiêm quan kinh đô Pháp. Sau này ông cũng tham gia chiến dịch chống Hiệp ước Aubaret năm 1864. Ông ghi lại ký ức của ông 10 năm sau khi đề tựa quyển sách của Paulin Vial : «Những năm đầu của Nam-kỳ thuộc Pháp», 2 quyển, Paris, 1874 ký ức của ông nhiều chỗ không đúng với sự thật.

Xem CULTRU, *Lịch sử Nam-kỳ thuộc Pháp từ đầu cho đến 1883*, Paris, 1910, trang 89.

Xem C. TABOULET, *La geste Française*... t. 11, trang 490.

(23) H. Rieunier : tựa cuốn sách của Paulin Vial, quyển I, trang 13.

A. LOMON, *Nhận xét về Nam kỳ*, Paris, 1862, trang 22.

Tác giả chỉ trích ý kiến của Aubaret.

(24) Văn khố F.O.M Indochine carton 1 A. 30 (1).

(25) Thư của Chasseloup Laubat gởi Drouyn ngày 10-12-1863.

Văn khố ngoại giao *Asie* 28, trang 550.

(26) Văn khố F.O.M. Indochine carton 10 A. 30 (1).

(27) — nt — A. 30 (6).

(28) *Bulletin des Amis du Vieux Huế*, 1919.

(29) Theo Silvestre trong *Annales de l'école libre des Sciences Politiques* thì Phan Thanh Giản được giới thiệu trước hết với ông Fould và có thảo luận tại Bộ Tài chánh. Nhưng Silvestre không nói lấy nguồn tin đó ở đâu

(30) *Nhật ký của Phái bộ* (tài liệu dẫn chứng trang 278).

(31) Báo *Moniteur*, ngày 19-9 1861 và 22-9-1863.

*Nhật ký của Phái bộ*, trang 157 và trang 261.

(32) *Nhật ký của Phái bộ*, trang 165.

(33) *Nhật ký của Phái bộ*, trang 162.

(34) Thư của Drouyn gởi Chasseloup ngày 2-11-1863.

Văn khố F.O.M. Indochine carton 1 A. 30 (6)

(35) Một bản dự thảo Hiệp ước đề ngày 14-10-63 hiện giữ tại văn khố Pháp quốc Hải ngoại.

(36) Thư của Drouyn de Lhuys gởi Chasseloup Laubat ngày 2-11-1863 Xem trước kia.

(37) Thư của Drouyn de Lhuys gởi Chasseloup Laubat ngày 2-11-1863.

(38) *Nhật ký của Phái bộ.*

(39) Văn khố ngoại giao *Asie* 28.

(40) Aubaret đã thảo 2 dự án Hiệp ước theo 2 giả thuyết :

A. Chiếm đóng vài căn cứ.

B Chiếm đóng 6 tỉnh.

Dự án A, về việc chiếm đóng thu hẹp, gần giống như bản Hiệp ước gởi cho phái bộ để thảo luận ở Huế năm 1864.

Dự án B, về việc chiếm đóng cả 6 tỉnh Nam kỳ : Triều đình Huế nhượng 6 tỉnh và đảo Poulo Condore, chính phủ Pháp sẽ giảm

1/2 số tiền bồi thường Chiến tranh còn lại chưa đóng và sẽ đóng theo thời hạn đã định trong Hiệp ước Saigon.

Xem Văn khố ngoại giao *Asie* 28 : Dự án hiệp ước A fol. 244-255
B fol. 256-257

Căn bản để thảo dự án A fol. 258 — 259
B fol. 260 — 261

(do tự tay ông viết)

(41) Đã hẳn là bài diễn văn của Napoléon đọc 5-14-63 và bản phúc trình về tình hình đế quốc Pháp năm 1863, cũng rất ý nghĩa, mặc dầu ít ai để ý.

Napoléon III nói :

*Ở Nam kỳ chúng ta đã chiếm được một vị trí không những không bắt chúng ta phải gánh lấy gánh nặng hành chánh địa phương, mà còn cho chúng ta được phép khai thác những nguồn lợi bao la ở đó và khai hóa cho họ nhờ thương mại.*

(Xem *Moniteur Universel*, 5-11-63).

Trong bản phúc trình tình hình đế quốc Pháp :

*Chính phủ Hoàng thượng đã phải cứu xét kỹ lưỡng những mối tương quan giữa nước Pháp và những vùng chúng ta đã chiếm đóng được. Sự hiện diện của phái bộ Việt nam tại Paris lại cho phép chúng ta có dịp nghiên cứu tận nơi những vấn đề đó và giải quyết vấn đề tổ chức vĩnh viễn vị trí của ta ở Nam kỳ. Chính phủ của Hoàng thượng rất quan tâm đến những điều kiện phải có để bảo đảm cho nền thương mại của chúng ta những nguồn lợi thích đáng, mà không bắt ngân sách quốc gia phải chịu những chi tiêu nặng nề không tương xứng với cái kết quả mà chúng ta mong ước.*

(Xem *Moniteur*, 13-11-63).

(42) Trái với ký ức của H. Rieunier (Sách trích dẫn trương XII). Chính tờ *La Nation*, số ra ngày 13-9-63, đã phao tin là : phái bộ Việt nam xin hủy bỏ Hiệp ước ký với Bonard, và xin chính phủ Pháp trả lại 3 tỉnh Saigon, Mỹ tho, Biên hòa và bằng lòng bồi thường 70 triệu.

Tờ *Indépendance Belge* chỉ lặp lại nguồn tin của *La Nation*

(43) *Ông TABOULET (trong sách đã nói trên) có nói rằng ; « người ta được biết qua tờ Moniteur 12-11-1863, là chính phủ Pháp sẵn sàng sửa đổi lại Hiệp ước 1862 ».*

Nhưng không có số *Moniteur* nào nói tới điều đó trong suốt thời kỳ này.

# PHAN THANH-GIẢN DƯỚI MẮT NGƯỜI PHÁP

## *qua vài tài-liệu*

■ NGUYỄN THẾ-ANH

Từ hiệp ước 1862, cho đến khi thượng tướng La Grandière sáp nhập nốt ba tỉnh miền Tây Nam-kỳ, Phan Thanh Giản đã giữ một vai trò chính yếu trong các sự giao thiệp giữa triều-đình Huế và người Pháp: ông đã đại diện triều-đình để ký hiệp ước 1862, ông đã cầm đầu một phái bộ qua Pháp để điều đình về những vấn đề liên quan tới hiệp ước ấy; được cử làm kinh lược ba tỉnh miền Tây Nam-kỳ, ông đã phải đương đầu với chính sách bành trướng rất hoạt động của La Grandière. Tất nhiên, Phan Thanh Giản đã là một trong những vị quan Việt-Nam tiếp xúc nhiều nhất với người Pháp, và vài sĩ quan Pháp đã tường thuật lại một số những cuộc tiếp xúc này. Các tài liệu ấy cho phép chúng ta được biết người Pháp đã nhìn Phan Thanh Giản ra sao.

### I.— CUỘC ĐỜI CỦA PHAN THANH GIẢN, TÓM LƯỢC BỞI E. LURO.

*Eliacin Luro tới Nam-kỳ năm 1864 và sống ở đây cho tới năm 1876. Ông điều khiển sở tư-pháp bản xứ dưới thời Thống-đốc Dupré, và được giao phó nhiệm vụ tổ chức Trường tập-sự (Collège des Stagiaires), có mục đích đào tạo những vị tham biện của nền hành chánh của thuộc địa Nam-kỳ (Inspecteurs des Affaires Indigènes). Trong tác phẩm LE PAYS D'ANNAM của ông, nói về sự tổ chức xứ Việt-Nam của triều Nguyễn, ông đã dẫn Phan Thanh Giản làm điển hình cho quan lại Việt-Nam.*

Ở Pháp, người ta chỉ còn nhớ chút đỉnh tới phái bộ an-na-mít hướng dẫn bởi Phan Thanh Giản đến Paris vào năm 1863. Nhân vật này đã giữ một vai trò quan trọng trong sự bang giao giữa hai quốc gia. Vài chi tiết về đời sống và tính nết của ông ta sẽ làm nổi bật cốt cách cao thượng và đạo đức cổ xưa thường được đôi khi tượng trưng bởi các đại sĩ phu của xứ An-nam.

Phan Thanh Giản là con trai của một viên chức hành chánh nhỏ. Thân-sinh ông, vì cấp trên thất sủng, bị kết án khổ sai, và vì thế phải làm những sưu dịch nặng nhọc nơi tỉnh lỵ. Phan Thanh Giản, tuy mới lên mười hai tuổi, không muốn dời thân phụ; ông theo cạnh cha khắp nơi, để chia xẻ các khổ não cùng thân phụ, và giúp sức thân phụ trong các khổ dịch phải làm. Lòng hiếu tử của ông chẳng bao lâu được để ý, vì đấy là đức hạnh mà dân tộc này tôn trọng rất nhiều. Các quan tỉnh vời ông tới để chất vấn, và lấy làm kinh ngạc trước trí thông minh sớm sủa của ông: ông được lệnh thụ huấn quan Đốc-học, với hi vọng được thấy giảm bớt hình phạt của cha mình. Thiếu niên này hứa theo lòng mong muốn ấy và giữ lời: vài năm sau, ông đậu một cách vẻ vang các khoa thi cử nhân, và lên đường tới Huế để dự trường thi tiến sĩ.

Cho tới bây giờ, xứ Nam-kỳ vẫn chưa sản xuất được một vị tiến sĩ nào cả. Các bài thi của Phan Thanh Giản phi thường đến nỗi mà nhà vua, sau khi đã đọc những bài này, muốn đích thân sát hạch ông. Minh Mạng hài lòng với các lời đáp ứng của ông, giao phó cho ông một chức vụ thân tín. Vị tiến sĩ trẻ tuổi được nâng lên chức quan hàm chánh nhị phẩm mau chóng; sau đó, ông được cử làm phó ngự sử. Tuân thủ đạo Nho, ông kính cẩn dâng lên nhà vua những lời trung cáo mỗi khi ông tin là Hoàng đế nhầm lẫn. Minh Mạng là một vị đế vương chuyên chế thực sự, tự cho là không khi nào lầm lỗi. Vị tiến sĩ của chúng ta bị liên luỵ quá nhiều bởi sự quan tâm của ông đối với các lợi ích của quốc vương; sau khi đã bị trừng phạt nhiều

lần vì lòng trung thực của ông, rốt cuộc ông bị tước đoạt quan hàm và chức vị, và được sung vào các đội quân tiền phong khi bấy giờ chinh chiến trong tỉnh Quảng Nam.

Phan Thanh Giản phục tòng sự trừng phạt ấy với một lòng đại độ hiếm có. Mặc quần áo một binh quèn, ông đi hàng đầu, làm gương dũng cảm và tuân trọng kỷ luật cho tất cả mọi người. Không bao lâu, ông được tướng sĩ cảm phục và quân đội kính nể. Nhà vua, sau khi giác ngộ sự phẫn nộ bất công của mình, triệu ông về, và dưới các triều vua kế vị Minh Mạng, ông được nâng lên tới những chức quyền quốc gia đại dụng nhất.

Khi chiến tranh bùng nổ giữa nước Pháp và nước An-nam, ông là người độc nhất dám khuyến hoà, nhưng vô hiệu. Tới lúc triều đình Huế bị đưa tới đường cùng, chính ông là người mà nhà vua giao cho trách nhiệm thương lượng.

Phan Thanh Giản ký kết hoà ước và nhờ sự khéo léo ngoại giao của ông, đạt được sự qui hoàn tỉnh Vĩnh Long. Khi đó, ông được phái làm sứ giả tới Paris và sau khi trở về, được cử làm quan Kinh-lược ba tỉnh ở phía Tây thuộc địa của chúng ta.

Khi chúng tôi biết ông, ông là một cụ già bệ vệ, có phong độ trang nghiêm, trông cao nhã và tri xảo.

Nhân vật xuất chúng này đã hiểu từ lâu là không thể chống cự nước Pháp được, và xét rằng vô ích tiếp tục một sự chiến đấu trong đó chỉ có máu người An na-mít chảy. Ông mong mỏi hoà ước sẽ được thi hành một cách trung trực, và đồng bào của ông sẽ trở nên học trò của chúng ta, và như là môn đồ của văn minh của chúng ta.

Các ước vọng của những tinh thần cao thượng ấy ít khi được thực hiện; không một nền văn minh nào hấp thụ một nền văn minh khác mà không bị những sự chấn động sâu rộng, những sự đấu tranh kéo dài và đau đớn. Chính phủ Pháp chán ngán

các sự công kích không bao giờ chấm dứt khởi đầu từ ba tỉnh miền Tây, mặc dầu có nhiều cố gắng của Phan Thanh Giản, chán ngán lòng ngoan cố càng ngày càng gia tăng của triều đình Huế, mới sáp nhập ba tỉnh ấy vào xứ Nam-kỳ thuộc Pháp.

Phan Thanh Giản không kháng cự vì ông hiểu là hoàn toàn vô ích. Ông ra lệnh hiến thành cho quân đội Pháp và được tuân theo. Nhưng trung thành với quân vương, và để tự trừng phạt về điều mà sức ông đã không thể ngăn cản, ông từ chối các đề nghị trọng hậu của kẻ thắng, và với thái độ bình thản của một cổ nhân La-mã, uống thuốc độc.

Vị kinh lược ba tỉnh, với một tinh thần thung dung cho tới phút cuối cùng, chết trong một căn nhà tranh nghèo nàn trong đó ông đã sống suốt thời gian ông cầm quyền, muốn bằng lối sống ấy nêu cho mọi người cái gương vong kỷ, bần cùng và liêm khiết trong sự thi hành những chức vụ cao quí nhất.

Thân thế phi thường mà tôi vừa tóm tắt lại ấy chứng tỏ là đạo Khổng cũng có thể sản xuất những nhân vật mà chính các triết gia khắc kỷ trứ danh nhất cũng sẽ không phủ nhận...*

E. LURO, *Le pays d'Annam*. Paris, 1897, tr. 101-104.

## II.— HỒI ỨC CỦA ĐẠI-TÁ HẢI QUÂN RIEUNIER (THÁNG 9-1873)

*Cuối tháng sáu năm 1863, một phái bộ Việt-Nam gồm ba sứ giả và 66 người tuỳ tùng, cầm đầu bởi Phan Thanh Giản và hộ tống bởi đại úy hải quân Rieunier, rời Huế lên đường sang Paris để đề nghị với chính phủ Pháp mua lại ba tỉnh Nam-kỳ mà triều-đình Huế đã phải nhường cho Pháp với hiệp ước Saigon năm 1862. Khi ấy, các cuộc viễn chinh xa xôi không được tán thành cho lắm ở Pháp, vì chúng được coi là làm nặng thêm các sự thiếu hụt của ngân sách quốc gia mà không đưa về một lợi ích cụ thể nào. Trong số những*

*nhân vật kêu gọi sự trả lại ba tỉnh miền Đông Nam-kỳ cho triều-đình Huế, có trung tá hải quân Aubaret, là người hiểu biết nhiều về Viễn-Đông Aubaret có thảo vào năm 1863 một bản báo cáo để trình bày những ý kiến của ông về vấn đề Nam-kỳ; bản báo cáo này được đề cập đến trong tài liệu phiên dịch sau đây.*

*Nhưng Rieunier, một sĩ quan đã tham dự các cuộc viễn chinh ở Trung-hoa và ở Nam-kỳ từ 1857 tới 1863, là một trong những người chống đối dự án triệt binh của Pháp ra khỏi Nam-kỳ; để cổ vũ cho sự chiếm cứ Nam kỳ, ông xuất bản dưới bút hiệu H. ABEL hai quyển sách nhỏ: « LA QUESTION DE COCHINCHINE AU POINT DE VUE DES INTÉRÊTS FRANÇAIS » (tháng 4-1864) và « SOLUTION PRATIQ E DE LA QUESTION DE COCHINCHINE » (cuối năm 1864).*

« ... Sống trong bốn tháng gần vị lão thành cao thượng ấy, chúng tôi có thể đánh giá các đức tính của ông ta... Và hồi tưởng lại lúc ấy, tôi còn thấy ông ngạc nhiên trước những điều xảy ra trên đại hải trình từ biển Nam-Hải tới Toulon; trong thời gian vượt biển này, ông không ngớt được khuyến khích bởi lòng ái quốc nhiệt thành của ông, và thúc đẩy bởi nguyên vọng thực hiện được công chuyện hữu ích cho nước nhà...

... Chúng tôi còn nhớ là, trong ba trường hợp mà cảnh tượng thiên nhiên kỳ diệu hay hùng tráng còn hiến thêm phần hứng thú, gần quần đảo Krakatow..., gần cù lao Périm..., và trong eo biển Messine..., quan sứ thần tư lự tới ngồi cạnh chúng tôi trên cầu chỉ huy của tầu *Européen*, và khơi chuyện về mục đích của sứ mệnh của ông. Chúng tôi khuyên can ông đừng có những mộng ảo về sự chuyển nhượng lãnh thổ mà chúng ta đã chinh phục, nhưng hứa ông sẽ được tiếp đón rất nồng hậu ở Pháp. Sau đó, chúng tôi đàm đạo về tương lai của xứ sở của ông về khả năng của dân tộc xứ ấy, và về những lợi ích mà cả dân chúng và quan lại sẽ hưởng được của nền văn minh của chúng ta. Hơn bất cứ ai trong đồng bào của ông, ông kính trọng giá

trị của nền văn minh ấy. Và ông luôn luôn chấm dứt câu chuyện bằng lời nói này: «Vẫn còn phải đợi, nhưng cho tới khi ấy hai quốc gia chúng ta sẽ không kém giao hảo»...

... Ngày mà phái bộ tới Toulon, vào tháng 9-1863, một tin đồn phóng ra trong tờ báo *Indépendance belge* bởi một kẻ vụ lợi, và được tái đăng trong tất cả các nhật báo Pháp, rêu rao rằng vua Tự Đức trả cho ta 85 triệu quan để mua lại ba tỉnh ta chiếm lãnh, nhưng nhường cho ta quyền chiếm hữu thương cảng Saigon. Tổng trưởng tài chính của ta, gặp nhiều khó khăn trong vấn đề giữ thăng bằng ngân sách vì những chi phí quá đáng của cuộc viễn chinh Mễ-tây-cơ, là người ủng hộ nhiệt liệt nhất (chúng ta dễ hiểu lập trường của ông) đề nghị này, sẽ được các sứ giả trình bày với những lời lẽ khác. Đã có một bản thuyết minh chép tay và sao ra có 50 bản, đã được trình Hoàng-đế ngự lãm, và cũng được trình cho các tổng trưởng và các nhân vật cao cấp chú trọng tới vấn đề. Tác giả bản thuyết minh ấy đã được hân hạnh tường thuật các kết luận trước hội đồng các tổng trưởng; dường như Hoàng-đế cũng đã chuẩn y các kết luận ấy nữa, và báo chí bán công ủng hộ chúng.

Bản biện hộ thư này phát ra mà không được hay biết gì bởi thống đốc Nam-kỳ, vì sức khoẻ suy bại phải nằm dưỡng bệnh tại Vichy; nó được tán thành bởi giới cận thần của triều đình. Song sau khi đọc xong, mọi trí thức đứng đắn chắc phải lưỡng lự và hơn nữa có một thái độ phản đối trước các lập luận nghịch thường khéo léo chứa đựng trong ấy. Đấy là một khuyến cáo bất lương, có thể đã được phát biểu một cách vô ý thức và được nguỵ trang dưới những ý kiến hấp dẫn vì độc đáo. Chúng tôi quyết định, sau khi tình cờ được đọc tài liệu ấy, nếu gặp dịp tốt sẽ triệt để bác luận nó. Thật vậy, lương tri thông thường nhất chỉ cho thấy là không cần thiết dị trang mọi công chức của ta thành quan-lại Trung-hoa, sau khi đã tốn công tốn của dậy cho họ cái học vấn nghèo nàn của các sĩ phu Thiên-quốc, tất cả những điều đó để mà cai trị các dân chúng đã

được đặt dưới sự đô hộ của ta. Vả lại, những lời cuối mà Hoàng đế nói để trả lời bài diễn văn đọc bởi vị chánh sứ rất là cứng rắn trong bản dịch của nó. Các sứ giả An-na-mít, đã phải đợi trong lo âu đến hơn một tháng ngày vào yết kiến Hoàng-đế, khi trở ra kinh ngạc rụng rời vì câu nói mà ý chung cho mọi tình trạng có thể áp dụng cho trường hợp của họ. Họ tưởng rằng mục đích của họ đã hỏng. Ngày hôm sau, họ được cáo tri là sự phúc đáp cho sứ mệnh của họ sẽ được gửi tới Huế trong hạn một năm. Và, cùng một lúc, họ được mời phát biểu các đề nghị của họ về các sự thông thương giữa hai quốc gia. Kể từ khi ấy, mặt mày các sứ giả bắt đầu hớn hở hẳn ra. Họ hiểu rằng họ có thể dời nước Pháp với một vài hi vọng thành công...»

Paulin VIAL, *Les premières années de la Cochinchine, colonie française*. Paris, 1876, tr. 11-13.

## III.— MỘT CUỘC ĐÀM THOẠI GIỮA PHAN THANH GIẢN VÀ TRUNG TÁ ANSART.

*Được cử làm thống-đốc Nam kỳ kể từ ngày 1 tháng 5 năm 1863, thượng-tướng de La Grandière cho rằng cần phải sáp nhập nốt ba tỉnh miền Tây Nam-kỳ, để bảo đảm sự an ninh cho ba tỉnh thuộc địa của Pháp. Ngay từ năm 1866, ông quyết định bắt triều đình Huế phải chấp nhận sự chuẩn nhượng các tỉnh Vĩnh long, An-giang và Hà-tiên cho Pháp. Hình như triều-đình Huế thấy rõ tình trạng yếu ớt của mình và không còn hi vọng chống cự lại nổi các sự đòi hỏi đó: thái độ này được biểu lộ trong cuộc đàm thoại giữa quan kinh-lược Phan Thanh Giản và trung tá hải quân Auguste Ansart, tư lệnh tỉnh Mỹ-tho, và sau này sẽ là tư lệnh tỉnh Vĩnh-long, trong những năm 1867-1868.*

Mỹ-tho, 18-11-1866.

Kính thưa Thượng-tướng,

Tôi trân trọng trình lại Thượng-tướng cuộc đàm thoại của

tôi với Phan Thanh Giản ngày 16 tháng này, khi ông ta dừng lại ở Mỹ-tho, trên đường từ Sài-gòn về Vĩnh-long.

Vào khoảng 4 giờ chiều, tôi dẫn Phan Thanh Giản vào trong cái đình trong vườn ; ở đấy, sau khi đã cho tất cả đoàn tuỳ tùng của ông lui ra, chính ông đã mở đầu câu chuyện qua trung gian của Cha Marc, và đã hỏi tôi câu này : « Khi nào các ông sẽ chiếm ba tỉnh đấy ? » Tôi trả lời ông rằng tôi hoàn toàn không biết gì về điều này, nhưng trước khi đi sâu vào câu chuyện, tôi phải nhắc lại với ông là tôi không có một tư cách chính thức nào để bàn về các vấn đề tương tự, và nếu tôi nhận đàm thoại về vấn đề ấy, ông chỉ được coi những lời nói của tôi như là sự phát biểu những ý kiến riêng tư, không thể dưới bất cứ một hình thức nào ràng buộc chính phủ Pháp được.

Ông trả lời tôi rằng ông muốn nói chuyện với tôi như là một người bạn và, tiếp tục cuộc đàm thoại, hỏi tôi tại sao chúng ta lại muốn chiếm ba tỉnh : « Các tỉnh này không phụ thuộc các ông sao, ông nói, và các quan lại không cố gắng thoả mãn tất cả mọi yêu sách của quan Thống-đốc sao ? Tất cả các sản phẩm của các tỉnh ấy không qua tay các ông sao ? Các ông không kiểm tra lối ra vào các tỉnh ấy sao ? Các ông hẳn không áp dụng ở đấy một quyền hành thật ra gần như tối cao, mà phái quá khích trách cứ chúng tôi ở triều đình, gọi chúng tôi là nô lệ của người Pháp ? » Tôi trả lời ông rằng nếu chính phủ Pháp muốn chiếm hữu ba tỉnh, đấy không phải chỉ để mở rộng thêm lãnh thổ, nhưng vì một nhu yếu chính trị mà chắc ông còn hiểu rõ hơn tôi nữa.

Ông mới đáp lại rằng : « Chính phủ Pháp sẽ viện một lẽ nào để trang sức sự lạm dụng thế lực ấy, vì chúng tôi sẽ không ngăn cản sự xâm lược bằng một sự kháng cự mà chúng tôi hiểu là vô ích ? Chúng tôi đã vi bội hoà ước ký trước đây chăng ? Tất cả mọi điều khoản của hoà ước ấy đã không được chúng tôi thi hành một cách trung thực hay sao ? » Tôi trả lời ông là ông đã quên cuộc nổi loạn năm 1863 mà triều-đình Huế đã

xui dục đúng vào lúc còn nghị hoà với thượng-tướng Bonard. Tôi nhắc lại với ông tất cả các sự phiến động trong các tỉnh của chúng ta, do những mật sứ chắc chắn đã được lệnh vì, nếu không, họ đã không thể nào tìm được nơi dân chúng tiếng vang mà họ đã gặp được. Tôi nhắc lại cho ông những sự toan tính của con trai của Quan Định, của Tien Hò, (1) tức là hai lãnh tụ đã được họ ngầm giúp đỡ, chứa chấp và che chở ; các đoàn quân của những người này ngày nay vẫn về bè với Poukombo. Ngược dòng lịch sử, tôi hỏi ông Triều-đình Huế đã tôn trọng như thế nào hiệp ước với Louis XVI, và đã nhìn nhận như thế nào các sự giúp đỡ phi thường của giám mục Bá-đa-lộc và các sĩ quan Pháp tới phụng sự Gia-Long. Chính phủ Pháp và trên toàn diện tất cả các chính phủ Âu-châu ngày nay thấy rõ là các chính phủ Á-đông ít đếm xỉa tới các hiệp ước ký kết với Âu Tây, và chúng ta không còn có thể tin tưởng ở lòng thành của các chính phủ ấy mà không có những bằng chứng rõ ràng và cụ thể.

Phan Thanh Giản trả lời rằng những người An-na-mít ủng hộ Poukombo là những kẻ vô lại của các tỉnh của chúng ta cũng như của các tỉnh thuộc họ, rằng dân An-na-mít đã luôn luôn thắng dân Cao-mên, khinh bỉ dân này quá nhiều để mà nhập bọn với họ, và rằng cũng không nên đi tìm những mối bất bình trong quá khứ lịch sử, rằng những gì đã xảy ra là những việc đã qua, rằng những lầm lỗi trước kia của chính phủ An-na-mít là do sự không hiểu biết giá trị và trí thức của người Âu, nhưng ngày nay hai dân tộc đã rõ nhau, thì dân tộc hùng mạnh phải giúp đỡ và soi sáng cho dân tộc yếu, để đưa dân tộc này vào các con đường của văn minh. Hiệp ước ký kết giữa Hoàng-đế Pháp và vua Tự-Đức không những là một hiệp ước hoà bình, nhưng còn là một hiệp ước giao hữu, xoá bỏ tất cả dĩ vãng, và trở lại các lý lẽ trước của ông, Phan Thanh Giản nói với tôi rằng « người An-na-mít đã không làm một điều gì để vi ước, nhưng người Pháp về phía họ đã không có một cố gắng nào để truyền bá cho người An-na-mít các khoa học Âu Tây ; tuy rằng có hiệp ước

(1) Tức của Trương Định, của Thiên Hộ Dương (Tòa soạn ghi chú).

giao hữu ấy, họ để mặc dân An-na-mít ở trong vòng vị khai và dốt nát, và lại còn lăm le vô cớ chiếm ba tỉnh tội nghiệp nữa ».

Tôi đáp lại Phan Thanh Giản rằng chúng ta còn nghi ngờ cho tới khi có bằng chứng trái ngược lòng thành của chính phủ An-na-mít, rằng nếu ngày nay chúng ta cố gắng đưa dân An-na-mít lên hàng các dân tộc văn minh, chúng ta e là võ trang cho chính kẻ thù của chúng ta, rằng chúng ta sẽ không bao giờ đi vào con đường ấy trước khi có được những bằng chứng hiển nhiên của lòng thành của họ.

Phan Thanh Giản mới hỏi tôi chúng ta còn muốn những bằng chứng nào ngoài bằng chứng đã được trưng bày bằng sự thi hành triệt để hoà ước. Tôi bèn trả lời ông : « Nếu, như ngài nói, ba tỉnh ở trong một tình trạng nghèo nàn, nếu chính Huế nhận chúng là nô lệ và phiên thuộc của Pháp, thì có phải hay hơn là giải quyết thẳng tình trạng dở dang này, nhường ba tỉnh tội nghiệp ấy đi, và ký kết trên căn bản ấy một hiệp ước mới sẽ phê chuẩn và nhìn nhận sự kiện ấy, mà chính ngài cũng cho là một việc đã thành? Sự tự ý nhượng một lãnh thổ nằm dưới quyền của chúng tôi, theo tôi, sẽ được chính phủ Pháp coi như bảo đảm cho ý hướng thành thực và ngay thẳng của chính phủ An-na-mít. Khi đó tôi chắc chắn là chính phủ Pháp sẽ từ bỏ cái chính sách ngờ vực đã làm yếu chính phủ An-na-mít quá nhiều. Trái lại, chính phủ Pháp sẽ được lợi với sự thịnh vượng của một vương quốc đã thực sự trở thành một nước bạn ; chính phủ Pháp sẽ bảo đảm an ninh cho vương quốc ấy và ngăn ngừa không cho các cuộc nội loạn, mà chính ngài biết là thiết bách, làm cho vương quốc này xuống thấp hơn vương quốc Cao-mên, và làm nó trở nên miếng mồi ngon cho quốc gia nào nhòm ngó nó đầu tiên. » — « Nhưng, Phan Thanh Giản đáp lại, tôi chỉ thấy ở đấy những điều kiện nặng nề đối với chúng tôi, còn các ông thì không hiến cho chúng tôi một sự đền bù chắc chắn và cụ thể nào. » Tôi trả lời ông : « Ngài quên rồi sao rằng xứ Bắc-kỳ

đang ở trong một tình trạng phiến loạn thường xuyên, rằng sự nổi loạn ở đó chỉ được đàn áp chứ không bao giờ được dẹp tắt, rằng ngày mà một nắm quân lính Âu Tây và vài khí giới được đưa vào đó, dân An-na-mít sẽ phải mất vương quốc phong phú ấy ? Ngài không biết chăng là người Tây-ban-nha muốn chiếm lấy xứ ấy, nhưng nước Pháp đã không bao giờ chịu ? Ngài không coi ra gì sự xá miễn món chiến phí bồi khoản mà Tự Đức còn phải trả cho chúng tôi hay sao ? Ngài cũng không coi ra gì hết sự trừng phạt bọn hải tặc phá hại các bờ biển và làm đói đế quốc ? Chắc ngài tưởng rằng các chiếc tầu chúng tôi sẽ dùng để quét sạch bọn cướp biển ấy không tồn ải chút nào và các máy dùng để chạy những tầu ấy không cần tới tiền bạc ? Ngài thử xét xem các chiếc tầu xấu các ngài mua ở Hương-cảng đã tốn bao nhiêu tiền và tính xem các sự hi sinh của chúng tôi sẽ tới đâu một khi các lợi ích của các ngài phù hợp với lợi ích của chúng tôi. Sau hết, ngài phải suy nghĩ rằng, nếu người Pháp muốn được ba tỉnh, họ có thể chiếm lấy chúng bằng vũ lực, không phải mất một trong những đền bù thật thụ mà một hiệp ước mới chắc chắn sẽ dành cho các ngài. »

Phan Thanh Giản mới cho tôi hân hạnh được biết rằng, nếu một ngày kia một sĩ quan Pháp tới trú tại Huế, ông muốn người ấy phải là tôi. Tôi vái chào lời khen ấy và đáp lại : « Aubaret ». Ông cả cười và, vì bữa cơm tối đã dọn, chúng tôi chấm dứt cuộc đàm thoại ấy và vị quan già vui vẻ nâng ly rượu để giải phiền, đến nỗi phải dựa vào tay Cha Marc để loạng choạng trở về thuyền của ông...

Tài liệu của *Văn-khố Trung-ương Đông-pháp*, *Amiraux*, 11803, bản 154. Đăng trong G. TABOULET, *La Geste française en Indochine*, Paris, 1956, tr. 509-512.

## IV.— CÁI CHẾT CỦA PHAN THANH GIẢN.

Trung-tá Ansart gửi Tổng Tham-mưu-trưởng Reboul.

Vĩnh-long, 4-8-1867.

Thiếu-tá thân mến,

Chúng tôi đã đạt đến chung cục bất hạnh của tấm bi kịch tự độc sát của Phan Thanh Giản. Ông ấy đã chết tối hôm qua, và thi hài của ông đã được đưa ra ngoài thành sáng nay. Ông ấy sẽ được mai táng ở Kebon (cố hương của Phan Thanh Giản) trong vài ngày sắp tới đây.

Chúng tôi không khỏi bị xúc động nhiều vì sầu cảm trước cái chết của vị lão thành phi thường ấy, và tôi chắc rằng sầu cảm này sẽ được chia xẻ bởi tất cả những ai được biết ông ta. Ông ta đã tự tử với một ý chí quả quyết lạ lùng. Sau khi đã chuẩn bị thể xác cho sức tàn phá của độc dược bằng một sự giảm thực kéo dài hơn mười lăm ngày, ông bình tĩnh trù liệu mọi điều, cho mua quan tài của ông và tang phục cho gia thất và đầy tớ, sắp đặt tang lễ cho tới những chi tiết nhỏ nhặt nhất và trối lại cho con cái ông những lời khuyên khôn ngoan và chính trực. Ông khuyến khích họ nên ở lại với người Pháp, nhưng không nên nhận một chức vụ nào của Pháp cả. Họ phải sống trong đất đai của họ, với tư cách những người chuộng hoà bình, ngay thực mà qui phục nước Pháp, không bắt tay vào chính trị ngoài sự khuyên nhủ hoà bình và cần lao khắp mọi nơi. Còn đối với các cháu nội của ông, không bị ràng buộc bởi cùng những lý do bất tham dự, ông dặn dò phải nhờ người Pháp chăm nom chúng và, vài ngày trước khi thi hành quyết định trí mệnh của ông, ông bày tỏ với tôi ý muốn giao cho tôi vài ngàn quan để đài thọ các phí tổn cho sự giáo dục các đứa trẻ này ở Saigon.

Khi ấy tôi không hiểu ý nghĩa của các lời nói của ông, mà chắc Cha Marc đã thấu rõ nếu Cha không vắng mặt, và mọi người đều tin tưởng rằng cha Marc cùng tôi sẽ có đủ ảnh hưởng đối với ông để khuyên can ông đừng thi hành quyết định tự tử. Nhưng số mệnh đã xen vào; tôi đã không hiểu tí gì về những lời của ông, được nói với tôi qua miệng của một viên thông ngôn.

Khi Cha Marc đến đây, Phan Thanh Giản không còn đả động đến quyết định tuyệt vọng của ông nữa. Sáng mùng một tháng 8, ông hợp thức hoá vài văn kiện liên quan tới ấp công-giáo. «Gấp lên, các người», ông nói. Vào lúc 11 giờ, ông uống thuốc độc trước mặt các con ông và các người thân cận. Khi chúng tôi được báo tin vào lúc 2 giờ thì đã quá muộn. Ông còn có thì giờ để ôm hôn Cha Marc và tôi, rồi bắt đầu hấp hối. Ông y sĩ ngoại khoa Le Coniat đã tranh đấu với thuốc độc bằng một trí sáng suốt và một sự tận tâm đã cho phép chúng tôi còn có một tia hi vọng cho tới chiều hôm qua, nhưng không có chi đủ thế lực để cứu sống cụ lão mà thân thể nhiễm đầy á phiện, và đã bị quật ngã bởi trạng thái đói lả và các mối sầu não...

5-8-1867... Cha Marc cho rằng, theo những câu chuyện hàn huyên trước đây, cụ già lương hảo này chắc đã theo đạo Thiên-chúa ngay sau khi ông loại trừ được chính sách và áp lực của các ông quan khác. Chính những vị này thật đã đẩy ông tới tuyệt vọng. Điều này đúng sự thật đến nỗi mà lúc các ông quan còn ở lại Vĩnh-long, ông đã khăng khăng từ chối mọi thứ thuốc men, và chúng tôi đã phải gần như ép buộc ông và lợi dụng một trong những lúc ông ngất đi mới khiến ông nuốt được một chút thuốc giải độc. Nhưng, ngay khi ông được biết là các quan đã bỏ đi, và chỉ còn có mình ông với chúng tôi, thì ông đã thuận mọi điều. Than ôi, khi đó đã quá muộn! Và điều cho thấy rõ tư tưởng của ông đã theo một chiều tốt đẹp hơn, là hai lần ông hỏi Cha Marc: «Tôi sẽ có thoát khỏi được chăng?» Rủi ro thay, thiếu tá biết chung cục như thế nào...

*Văn-khố Trung-ương Đông-Pháp*, tập 11.807/2. Đăng bởi G. TABOULET, *La Geste française en Indochine*. Paris, 1956, tr. 519-520.

# một nghi-vấn về tập TÂY PHÙ NHẬT-KÝ

LÃNG-HỒ

Trong tạp-chí *Văn-Học* số 73, tháng 3, 1935, ông Lưu Hải Nam có viết một bài ca tụng bài *Như Tây sứ trình nhật ký*, ông cho là tác phẩm của cụ Phan Thanh Giản đã được Tôn Thọ Tường dịch ra quốc-văn với nhan đề là *Tây phù nhật ký*.

Trước khi thử xét xem tập *Tây phù nhật ký* có quả thật là do Tôn Thọ Tường dịch ở một bài nhật ký nguyên văn chữ Hán của cụ Phan ra không, chúng tôi xin trích dẫn dưới đây vài đoạn có liên-quan trong bài của ông Lưu Hải Nam nói trên.

*Năm Tự-Đức thứ 16 (1863) ông Phan Thanh Giản được lịnh vua sai đi sứ bên Pháp để thương nghị về việc chuộc ba tỉnh miền Đông xứ Nam-Kỳ, nhân cuộc sang sứ đó, ông có làm một bài* HÀNH-TRÌNH « NHƯ TÂY » *bằng chữ Hán, kỷ-thuật lại những điều nghe thấy từ khi xuống tàu lìa bến Cần-giờ cho tới lúc ở nước* Y-Pha-Nho. KHÔNG RÕ ÔNG VIẾT TẬP VĂN VỀ NĂM NÀO, SONG CỨ THEO LỜI NHIỀU NGƯỜI NÓI LẠI *và cứ xem hai câu nói trang đầu : « Thừa nhàn cắt bút chép chơi, Tây phù nhật ký mấy lời ghi ra » thì biết rằng tập văn làm ra trong lúc ông ở Vĩnh-Long, lĩnh chức Kinh-Lược đại thần, với nhiều bài thơ khác (tập* LƯƠNG KHÊ THI THẢO) *vì chỉ có trong thời gian ấy; ông được rảnh rang một ít lúc mà thôi.*

*Sau khi ông qua đời, ông Tôn Thọ Tường đem dịch ra quốc-văn nhan đề là Tây phù nhật ký, nhờ vậy mà tập văn chẳng bao lâu phổ cập trong nước nhiều người được biết.*

*Tập văn đại khái có thể chia ra làm ba đoạn, đoạn đầu nói về lúc đi đường biển, thăm nước Ai-Cập và Alexandrie được các quan ở đây tiếp rước trọng đãi. đoạn kế nói về lúc tới thành Toulon xem diễn binh, ở Marseille xem hát và lúc ở Paris dạo chơi nơi vườn Luxembourg và rừng Boulogne, đi coi diễn kịch, có một người đàn bà Annam là Thị-Liên, tuổi đã hơn tám mươi, có chồng người Tây, trú ngụ ở Paris lâu năm, nghe tiếng ông Phan Thanh Giản, dắt một người con trai và một người con gái đến mừng ông và hỏi thăm quê hương xứ sở, đoạn chót nói về lúc ở nước Y-Pha-Nho được nhiều người tỏ tình kính trọng. Đến một nước nào, tới một hải-cảng nào, ông dùng ngọn bút mô tả rất rõ ràng, tựa như đem những cảnh vật ấy bày biện ở trước mắt người đọc, cứ xem cách viết văn của ông như thế, thời thấy ông thông hiểu nhiều địa-dư, quan sát tường tận và chẳng những là một nhà văn-sĩ hiếm có mà thôi lại là một tay danh họa tài tình nữa ».*

(1) . . . . . .

. . . . . .

Sau khi phân tích phê bình tập *TÂY PHÙ NHẬT KÝ* để nêu cao những ưu-điểm của tập văn đó, ông Lưu Hải Nam kết luận như sau :

*Ấy một áng văn như vậy, khi xem đến ai cũng lấy làm vui và bắt đọc tới mãi, chẳng những tại chuyện hay và lạ ở nơi hải-ngoại mà thôi, lại cũng vì văn-chương lưu-loát trơn tru, huống chi tập văn ấy là một quyển nhật ký kỹ thuật những sự kiến văn của người du lịch xuất hiện trước nhất ở nền quốc văn nước nhà thời hậu sinh chúng ta lại càng coi như một cái hương hỏa rất quí báu*

(1) *Văn Học* số 73, 16 và 23 Mars 1935: Lưu Hải Nam, *Một áng văn của cụ Phan Thanh Giản, tập Tây phù nhật ký*, trang 11.

*không bao giờ quên, người dịch ra quốc âm rất tài tình là ông Tôn Thọ Tường vậy* (2)

Vậy theo như hai đoạn đầu vừa dẫn ra bên trên Ô. Lưu Hải Nam đã cho tập Hán văn *Như Tây sứ trình nhật ký* là của cụ Phan Thanh Giản và tập *Tây phù Nhật ký* của Tôn Thọ Tường chỉ là bản dịch ra quốc-văn của bài đó.

Nếu ta căn cứ vào những sự kiện lịch-sử Việt-Nam cận đại có liên quan tới cuộc đi sứ năm 1863 của cụ Phan Thanh Giản, thời ta sẽ nhận thấy phần nhiều các sự kiện đó rất phù hợp với những điều kỷ thuật trong *Tây phù Nhật ký*.

Chúng ta hẳn còn nhớ rõ những trang quốc sử nhục nhã đau thương dưới triều vua Tự Đức nhất là từ năm 1858 đến năm 1864. Năm 1858, chiến thuyền của Pháp và Y-Pha-Nho đánh Đà-nẵng. Năm 1859, quân Pháp đánh lấy Gia-Định. Tới năm 1869 sau khi phá được đồn Kỳ-hòa, quân Pháp lại đánh lấy tỉnh Định-tường. Kế đến năm Nhâm-Tuất (1862), ta lại mất thêm 2 tỉnh Biên-Hòa và Vĩnh-Long.

Triều-đình Huế rất lo sợ. Vua Tự Đức sai Phan Thanh Giản và Lâm Duy Tiếp vào Gia-Định giảng hòa. Đến tháng 4 năm đó, sứ-thần ta theo chiếc tàu Forbin của Pháp vào Saigon và tới mồng 9 tháng 5, Phan Thanh Giản và Lâm Duy Tiếp cùng Thiếu-Tướng Bonard ký tờ hòa-ước gồm 12 khoản. Giảng hòa xong, Phan Thanh Giản được bổ nhiệm Tổng-đốc Vĩnh Long và Lâm Duy Tiếp được sung chức Tuần-phủ Khánh-Thuận để giao thiệp với quân Pháp ở Gia-Định. Nước Y-Pha-Nho, hồi đó, đã nhượng quyền lấy đất làm thuộc-địa cho Pháp và chỉ nhận tiền binh phí và quyền được cho giáo-sĩ giảng đạo mà thôi. Tháng 2 năm Quí-Hợi (1863) tức là năm Tự-Đức thứ 16, Thiếu-Tướng Bonard và Đại-Tá Y-Pha-Nho là Pa'anca vào Huế triều yết vua Dực-Tông và để phê chuẩn hòa-ước 1862.

Tuy vì tình thế bắt buộc phải nhường đất ba tỉnh Nam-Kỳ

(2) *Văn Học*, số 73, trang 12,

cho nước Pháp, vua Dực-Tông vẫn có ý muốn chuộc lại và vẫn sai quan thương nghị với đối phương về việc đó.

Nhưng sau khi nhận thấy người Pháp không chịu trả lại những đất họ đã chiếm cứ, Vua Dực-Tông bèn sai quan Hiệp-biện đại học sĩ Phan Thanh Giản, quan Tả-tri Lại-Bộ Phạm Phú Thứ và quan Án-sát sứ tỉnh Quảng-Nam là Ngụy Khắc Đản đem phẩm vật sang sứ nước Pháp và nước Y-Pha-Nho

Tháng 6, sứ-bộ ta xuống tàu *ECHO* vào Gia-định, rồi sang tàu *EUROPÉEN* để đi Pháp Đến tháng 8, sứ-bộ tới Pháp, lên Paris, xin vào triều yết Pháp-hoàng Nã-Phá-Luân đệ tam. Lúc đó Pháp-hoàng sắp đi ngự mát, nên sứ-bộ ta phải chờ hơn một tháng mới được yết-kiến.

Về việc sứ-bộ ta xin chuộc ba tỉnh Nam-kỳ, Pháp-hoàng hứa sẽ để đình nghị rồi sẽ phúc đáp Triều-đình Huế. Mấy hôm sau, sứ bộ Việt-Nam đi sang Y-Pha-Nho rồi đến cuối năm, xuống tàu Japon về nước. (3)

Chính cuộc đi sứ sang Pháp và Y-Pha-Nho này đã được kỹ-thuật tường tận trong tập *NHƯ TÂY SỨ TRÌNH NHẬT-KÝ* nguyên văn chữ Hán mà Ông Lưu-Hải-Nam đã coi là tác-phẩm của cụ Phan Thanh Giản.

Không rõ bản nguyên tác tập *nhật ký* hiện còn hay mất, nhưng cứ bằng vào lời nhận xét của Leopold Cadière chủ bút tập *Kỷ yếu Hội Đô-Thành hiếu cổ* (*Bulletin des Amis du Vieux Huế*), thời ngay từ năm 1919 tòa soạn muốn dịch tập *Nhật-ký* ra Pháp-văn đã không kiếm được bản nguyên tác nên đành phải dịch theo một bản chép tay (4) và đã cho đăng bản dịch vào tập *Kỷ yếu* năm 1919 và năm

(3) TRẦN TRỌNG-KIM, *Việt-Nam Sử-Lược*.
Tân-Việt, Saigon 1951 trang 487-497.

(4) *L'Ambassade de Phan Thanh Giản* (1863-1864).
*Bulletin des Amis du Vieux Huế*, année Nos 1-bis et 2,
Avril-juin 1919, trang 161 — chú-thích 1.

1921 (5). So sánh bản dịch Pháp-văn đó với tập *TÂY PHÙ NHẬT KÝ* của Tôn Thọ Tường, ta có thể nhận thấy hết thảy các sự việc được thuật lại trong tập *Nhật-ký* chữ nôm của Tôn Thọ Tường đã được ghi chép trong tập *Nhật-ký* chữ Hán dịch ra Pháp-văn nói trên.

Tuy nhiên có hai điểm chắc chắn là tập *Nhật-ký* chữ Hán không phải là tác phẩm của cụ Phan Thanh Giản và Tôn Thọ Tường tác giả *Tây phù Nhật-ký* đã không dịch tập đó ra quốc âm đúng theo nguyên văn chữ Hán

Về điểm thứ nhất, có một bằng chứng không thể bác được là ở cuối tập *Như-Tây sứ trình Nhật-ký* có ghi rõ người khởi thảo là Phạm Phú Thứ còn Phan Thanh Giản và Nguỵ Khắc Đản chỉ duyệt lại mà thôi.

Dưới đây là nguyên văn lời ghi đó theo như bản dịch ra Pháp-văn của Trần Xuân Toản *Rédigé par votre serviteur Phạm Phú Thứ, revu par vos serviteurs Phan Thanh Giản, Nguy Khắc Đản. (6)*

---

(5) *L'Ambassade de Phan Thanh Giản* (1863-1864). Traduction par Ngô đình Diệm, élève à l'école des Hậu-Bổ, sous la direction de Nguyễn đình Hoè, Directeur de la même école. *Bulletin des Amis du Vieux Huế*. Année Nos 1 bis et 2, Avril-Juin 1919 trang 161-216.

*L'Ambassade de Phan Thanh Giản* (1863-1864) (Suite). traduction de Trần Xuân Toản, sous la direction de Nguyễn đình Hoè, Secrétaire général du Conseil du Cơ-Mật.

*Bulletin des Amis du Vieux Huế*, 8me Année, No 3 Juillet - Septembre 1921, pp. 147-187 et No 4 Octobre-Décembre, trang 243-281.

(6) *L'Ambassade de Phan Thanh Giản* (1863-1864) (Suite), traduction de Trần Xuân Toản, sous la direction de Nguyễn đình Hoè, Secrétaire général du Conseil du Cơ-Mật.

*Bulletin des Amis du Vieux Huế*, 8me Années, No 4 Octobre Décembre 1921, trang 281.

Vả lại, lời tiểu-dẫn chữ Hán ở trên tập *Tây phù Nhật-ký* của Tôn Thọ Tường cũng không hề nói rõ cụ Phan Thanh Giản là tác-giả tập *Sứ trình nhật-ký* Lời tiểu-dẫn đó như sau: *Đại-Nam Qui-dậu niên, ngũ nguyệt thập ngũ nhật, Đại thần Phan, Phạm. Nguỵ khâm mạng sứ Phú-Lang-Sa, Y-Pha-Nho, lưỡng quốc, tùng sứ Tân bình phủ Tri-phủ quan Tôn Thọ Tường thừa diễn quốc âm* (7)

Về điểm thứ hai, chỉ cần so sánh tập *Tây phù Nhật-ký*, với bản dịch ra Pháp văn tập *Như Tây sứ trình Nhật-ký* do Phạm Phú Thứ khởi thảo bằng chữ Hán cũng có thể nhận thấy rằng Tôn Thọ Tường đã không dịch đầy đủ từ đầu chí cuối tập *Nhật ký* như trên ra quốc âm mà chỉ trình bày lại những sự kiện chủ yếu của cuộc *Như Tây sứ trình* bằng thơ lục bát mà thôi.

Vậy Tôn Thọ Tường vốn cũng đã theo chân phái đoàn Phan Thanh Giản đi sứ sang Pháp và Y-Pha-Nho đã sáng tác ra tập *Tây phù Nhật-ký* hay chỉ phỏng theo tập *Như Tây sứ trình Nhật-ký* của sứ bộ Phan Thanh Giản hoặc tập *Tây hành nhật-ký* của Phạm Phú Thứ (8) mà soạn ra.

Đó là một nghi vấn xin chất chính cùng các bậc cao minh trong nước.

(7) NGUYỄN BÁ-THẾ *Tôn-Thọ-Tường* (1825-1877) Phụ lục Tây phù Nhật ký, Tủ sách Những Mảnh Gương, Tân-Việt 1957.

(8) DƯƠNG QUẢNG-HÀM. *Việt-Nam Văn-học sử-yếu*, in lần thứ năm, 1956, trang 343, chú thích 17.

# KINH-LƯỢC ĐẠI-THẦN PHAN THANH-GIẢN

## VỚI

## *sự chiếm cứ ba tỉnh miền TÂY*

PHÙ LANG TRƯƠNG BÁ-PHÁT

### TÌNH-HÌNH TỈNH VĨNH-LONG SAU KHI TỈNH ĐỊNH-TƯỜNG MẤT.

Tỉnh Định-Tường mất (12-4-1861) và tuần-lễ kế đó (19-4-1861) Pháp quân đi trên năm thông-báo-hạm, ngược dòng rạch Vĩnh-Long. [sông Cổ-chiên chăng?] Pháp-quân dò xét các điểm trong địa-phương. Ấy náy về sự không hay sẽ xảy ra, các quan to của ta càng thận trọng nhiều và thử kiếm cách thương thuyết để kéo dằng dai thời-giờ. Các quan lớn mới sai người hỏi những cuộc thăm dò có mục-đích gì mà coi tuồng khiêu-khích. Pháp-quân đem tàu đậu dọc bờ sông, gần đồn binh *Thanh-Mỹ*, đồn nầy có phận-sự canh gác không cho bộ đội lạ đến gần Vĩnh-Long. [Theo đây đồn Thanh-Mỹ ở mé Vĩnh-Long, nghĩa là mé tay mặt sông Cổ-chiên] Sĩ-quan Pháp cho những người đi tới hay rằng họ có một bức công-điệp của viên Sĩ-quan cao cấp đưa cho nhà chức-trách Việt-Nam. Các vị quan Việt-Nam xuống lịnh cho *Án-sát Nguyễn-Duy-Quan* đi thọ nhận bức thơ ấy. Khi lên trên tàu, Án-sát Nguyễn-Duy-Quan không thấy có chi là nghi ngờ cả đối với cuộc tiếp rước lễ-độ của sĩ-quan Pháp và nhận lấy bức thơ đem về cho các quan Việt Bức thơ tóm tắt như sau đây. [Không biết bức thơ nầy còn chăng mà không đăng lên sách báo].

Pháp quân muốn trước tiên là hòa-bình [??] và chỉ có kêu nài về lãnh-thổ của tỉnh Gia-Định; nhưng vì sự thương-thuyết không thành, nên Pháp-quân trở về tự-do hành-động. Những đồn binh của Pháp-quân thiết-lập trên nhiều điểm của lãnh-thổ, không liên-lạc đường bộ với nhau đặng, nên Pháp quân mượn đường sông để giao-thông từ điểm nầy tới điểm nọ. Đo là kết-quả không gượng lại đặng của chiến-tranh và nhà chức-trách Việt-Nam cũng không nên lấy làm lạ.

Những lời lẽ trong thơ rất nhã nhặn. Sau khi gởi thơ, Pháp-quân đi lại trong vùng Vĩnh-Long với thái-độ trung-lập dè-dặt.

Các quan ta trong tỉnh quan-sát thấy thái-độ và cử-chỉ hòa-giải của Pháp-quân đồng gởi tờ phúc-trình cho Hoàng-Đế Tự-Đức.

Ngày 20 tháng ấy, lối 10 chiếc hải-phòng-hạm tới bỏ neo gần bên đồn *Vĩnh-Tùng*, và khởi sự cho đổ bộ trên 1.000 lính, rồi lính nầy lo đắp phòng lũy. Thấy chúng ló mòi chiến-tranh, quan cai-huy quân Việt là *Trương-văn-Uyển*, cho lãnh-binh *Tôn-Thất-Thoan*, phó-lãnh-binh *Nguyễn-Thân* và *Lê-Đình-Cưu* (ở đồn Vĩnh-Long), lãnh-binh An-Giang *Hồ-Lực*, phó-lãnh-binh *Ngô-Thành* và *Trương-Văn-Thanh* (ở đồn Thanh-Mỹ) đồng hay là phải chuẩn-bị giao-phong với chúng [đồn Thanh-Mỹ ở mé bên Vĩnh-Long, còn đồn Vĩnh-Tùng ở mé cù-lao *Đua* co An-Thanh, Bình-Luông (Monographie de Vĩnh-Long) ngày nay là cù-lao *An-Bình*, hai đồn giao mặt nhau, để kiểm-soát cửa sông Cổ-chiên]. Quan bố-chánh *Lê-Đình-Đức* khuyến khích các lính mới mộ gắng sức chịu sự xung-kích của địch-quân (Án-sát Nguyễn-Duy-Quan đi Định-Tường với một sứ mạng).

Ngày chúa-nhựt 21 và thứ hai 22, Pháp-quân trên bộ như dưới sông không ngớt công-kích đồn *Vĩnh-Tùng* và *Thanh-Mỹ*. Đại-bác của Pháp-quân bắn như mưa trên thành và tàn phá ghê gớm, nhơn-mạng Việt. Trước tiên quân-binh của ta chống cự dõng mãnh, nhưng, cuối cùng phải lùi không trật-tự trước hỏa-lực của đại-bác địch.

Theo đà thắng, Pháp-quân áp đến bủa vây châu-thành Vĩnh-Long. Đầu tiên chúng đem dụng-cụ thúc mạnh vào vách thành ngoài khiến bể những lỗ lớn, rồi chú g công-kích vào binh Việt, khiến binh nầy bị thương rất nhiều, bại thối và rút lui. Thừa lúc đang đêm, Trương-Văn-Uyển và bọn lính dưới tay ông thấy không thể chống cự nổi với sự xung phong dữ dội, ra lịnh rút ra khỏi thành trì Vĩnh-Long. Nhưng trước khi quyết định như vậy, Trương-Văn-Uyển ra lịnh đốt kho thuốc súng và kho lương, để binh Pháp phải lo chữa lửa và thế ấy quân Việt có ngày giờ rút yên ổn về đồn *Tri-Bảo* [nay không biết vị-trí ở đâu?] tỉnh Vĩnh-Long. Viên chỉ-huy Trương-Văn-Uyển bị Pháp-quân theo đuổi, phải tháo lui tới huyện *Duy-Minh* [nay là sáu tổng có tiếng *Minh* đứng đầu, trong tỉnh *Bến-tre* — *Annuaire 1869*], ở đó ông sai người về Huế để tường thuật những sự thất-bại liên-tiếp.

Tự-Đức xuống chiếu như vầy:

« Thấy rằng tỉnh Vĩnh-Long ở cô-lập dưới chót của lãnh-thổ « và như thế đường giao-thông rất khó khăn, tỉnh ấy mất đi chỉ « còn là vấn-đề thời-gian. Nhưng không phải vì vậy mà các ngươi « không chịu trách-nhiệm về sự chọn các vị-trí vững chắc để ẩn « mình vào đó hầu có đương đầu chống lực-lượng địch-quân, chớ « không phải chỉ trông cậy vào sự yếu ớt của đồn Thanh-Mỹ và « Vĩnh-Tùng. Các ngươi phạm lỗi nặng không coi chừng luôn luôn. « Vì các lẽ ấy chỉ trừ *Tôn Thất-Thoan* ra vì Người nầy đã bị bãi « chức sau khi tỉnh Định-Tường thất thủ, các tôi-thần như *Văn-« Uyển*, *Định Đức*, *Duy-Quan*, *Lực*, *Thái*, *Thanh*, *Đinh Cửu*, phải « bị treo chức, nhưng cũng còn ở y chỗ cũ. Các tôi thần này phải « kiếm vị-trí vững chắc để rút vào, tuyển mộ thêm lính mới, tom « góp võ khí đạn dược và ủng-hộ sự hoạt-động của Tổng-đốc Định-« Tường và cố gắng khôi phục danh-dự càng sớm càng tốt.

Lịnh cũng truyền cho các quan văn, võ tỉnh Gia-Định và Định-Tường *Đỗ-Quang* và *Đỗ-Thúc-Tịnh*, kiếm cách nào để giữ lãnh-thổ tỉnh An-Giang và Hà-Tiên đặng toàn-vẹn vì hai tỉnh nầy

ở vào một tình-thế nghiêm-trọng (1). *B A I' Huế, Avril-Juin 1932, pp. 237, 238, 239.*

Ngày thứ năm 5 tháng 6 năm 1862 là ngày ra đời hiệp-ước bất-bình-đẳng giữa *Bonard, Carlos Palanca Gutierres* một đàng và *Phan-thanh-Giản Lâm-Duy-Hiệp* đàng khác.

Sau khi ký kết xong, vua Tự-Đức quở trách Phan-Thanh-Giản và bổ nhiệm cụ làm tổng-đốc Vĩnh-Long để điều đình với Pháp hầu chuộc ba tỉnh miền Đông và tẩy xóa những cái lỗi lầm, do cụ và Lâm-Duy-Hiệp làm ra.

Cụ đã điều đình, nhưng Bonard không ưng thuận. Cụ Giản bị bãi chức nhưng vẫn còn nhiệm vụ. Hồi bấy giờ, lối chừng nửa tháng sáu năm 1862.

Ngày thứ hai 25-5-1863 (mồng 8 tháng 4 Quí-Hợi) cụ Giản trở về cai-trị thành Vĩnh-Long vì Bonard trả lại.— VIAL, *Les 1ères années*, Tome I, p. 220.

Ngày thứ sáu 3-7-1863 (18 th 5 Quí-Hợi) Phan-than-Giản vưng mạng vua Tự-Đức. sang Pháp thương thuyết để chuộc lại ba tỉnh miền Đông.— *B.A V Huế 1919*

Ở Pháp và ở Tây-Ban-Nha về, sứ-bộ Phan-Thanh Giản ghé Sài-Gòn ngay 18-3-1864 (11 th. 2 Giáp-Tí) và đi về Huế nhằm ngày thứ năm 24-3-1864 (17 th. 2 Giáp-Tí).— VIAL Tome II, tr. 256.

## TRÀO-ĐÌNH HUẾ THƯƠNG-THẢO VỚI HÀ-BÁ-LÝ (AUBARET).

Hai tháng hai mươi bốn ngày sau, nghĩa là ngày thứ năm 16-6-1864 (13 th 5 Giáp-Tí) Huế tiếp nhận sứ thần Pháp là Aubaret (Hà-Bá-Lý).

---

(1) Trong *Sử-Địa* số 3 trang 16, từ dòng 14 đến chót, tác-giả nói sót. Nay đoạn từ đầu bài cho đến đây bổ-túc cho *Sử Địa* số 3, chỗ nói trên.

Nhưng đến một tuần sau, ngày thứ tư 22-6-1864 (19 th. 6 Giáp-Tí) Tự-Đức mới ngự đại-trào và rước Hà-Bá-Lý một cách long-trọng. Tự-Đức mời Hà-Ba-Lý ngồi chỗ cấp ngôi báu, ân-huệ chưa từng có đối với người ngoại-quốc.

Ngày thứ năm 23-6 Tự-Đức có cho Hà-Bá-Lý một buổi hội-kiến đặc-biệt. Tự-Đức nói với Hà-Bá-Lý rằng quốc-gia Đại-Nam nghèo lắm, một nạn đói tàn phá do trận giặc mới rồi, những cuộc nổi dậy ở Bắc-Kỳ, nạn hải-tặc cướp phá khiến cho dân lành không dám đi theo bờ biển ra xa, để chài lưới nhứt là ở ngoài khơi Huế, Đà-Nẵng Rồi Tự-Đức nói thêm là ông sẽ cho phép Phan-Thanh-Giản thảo luận với Hà-Bá-Lý về cách chuộc lại ba tỉnh miền Đông.

Tới phiên Phan-Thanh-Giản thương-thuyết với Hà-Bá-Lý thì ông Hộ-Bộ-Thượng-Thơ [lúc nầy cụ Giản đang tại chức ấy] không ngần ngại nói rằng ý-muốn tha thiết nhứt của nhà Vua Đại-Nam-quốc là chuộc lại ba tỉnh đã nhường cho Đại-Phú-Lang-Sa, nhưng tiền bạc không cho phép. *Hộ Bộ Thượng-Thơ không dám chịu trả một trăm triệu đồng bạc để chuộc ba tỉnh miền Đông Nam-kỳ, số tiền nầy chia ra làm năm mươi năm, mỗi năm là hai triệu đồng.* Hộ-Bộ Thượng-Thơ hứa sẽ trả lời. Khi phúc đáp cho Hà-Bá-Lý, ông Hộ-Bộ Thượng-Thơ nói vua Tự-Đức chịu cái điều-khoản trong bản hoà-ước mới, nhưng còn số tiền thì trả tới bốn mươi năm, nghĩa là thay vì 100 triệu thì trả tám mươi triệu đồng. Hà-Bá-Lý nói chuyện nầy cần phải để cho người về thảo-luận với Chánh-Phủ Pháp.

Hà-Bá-Lý từ giã trào Huế và tàu *L'Echo* chở người về Sài-Gòn.— VIAL, Tome I tr. 282, 283.

Trong thời-gian ở Huế, Hà-Bá-Lý có xin vua Tự-Đức trả tự-do cho 27 người ở trong Thiên-Chúa-giáo [có lẽ là người Việt].— VIAL, Tome I tr. 318.

Vua Tự-Đức y lời Hà-Bá-Lý.

Chuyện chuộc ba tỉnh miền Đông còn dây dưa.

## GIA-LĂNG-GI-Y (La GRANDIÈRE) TÁI-NHẬM — PHAN-THANH-GIẢN LÀM CHỨC KINH-LƯỢC ĐẠI-THẦN.

Kịp đến ngày thứ năm 30 tháng ba 1865 (mồng 4 tháng 3 Ất-Sửu) *La Grandière* xuống tàu *Le Donnai*, thuyền-trưởng là *Bourdon*, về nghỉ bên Pháp. La Grandière (trào-đình Huế gọi là Gia-Lăng-Gi-Y) trao quyền chỉ-huy thuộc-địa mới của Pháp lại cho tướng hải-quân *Roze* (trào-đình Huế gọi là ông Khởi), rồi ngày thứ hai 27-11-1865 (mồng 10 th 10 Ất-Sửu) trên tàu *Le Tigre*, thuyền-trưởng là *Boilève*, La Grandière qua đất Nam-Kỳ để tựu chức trở lại.

Khỏi phải nói là quan lại Pháp thân hành đến chúc mừng và quan lại Việt đầu Pháp cũng bệt vậy.

Ngày thứ sáu 15-12 (28 th. 10 Ất-Sửu) La Grandière có tiếp rước hai quan Nam-trào thay mặt cho Tự-Đức đến chúc-tụng. Một người là *quan-bố* tỉnh Vĩnh-Long danh là *Tôn-Thất-Ngoan* và một người khác là chánh-thơ-ký tỉnh Vĩnh-Long là *Kinh-lịch Nguyễn-Bá-Phan*. Viên nầy đến xin với La Grandière cho hai thiếu-niên đi tùng-học theo trường Trung-học Thông-Ngôn [Trường nầy mở cửa chánh-thức ngày 16-7-1864 — BOUCHOT p. 109]

Ngày chúa-nhựt 28-01-1866 (12 th chạp Ất-Sửu) Phan-Thanh-Giản ở Huế vào với chức Kinh-Lược ba tỉnh miền Tây.— VIAL quyển II, tr. 39

Lối tháng 2 â.l. Ất-Sửu (tháng ba 1865) *Trương-Văn-Uyển*, Tổng-đốc Vĩnh-Long có dâng sớ tâu với Tự-Đức về tình hình ba tỉnh Vĩnh-Long, An-Giang và Hà-Tiên và xin một người có oai thế để bên đối địch phải nể vì. *Doãn-Thọ* và *Trần-Tiễn Thành* đưa ra tên Phan-Thanh-Giản. Tự-Đức chấp thuận và phong cho Phan-Thanh-Giản chức *Kinh-Lược Đại-Thần*. DAUDIN et Lê-văn PHÚC, *Phan-Thanh-Giản et sa famille*.

Vậy thì Daudin trịch với Vial nhiều tháng, có lẽ là cụ Giản được phong nhưng còn chưa nhậm chức chăng? Dầu sao, tôi theo Daudin, vì những tài-liệu trong sách của ông đều là của gia-đình ông Phan đưa ra.

Ngày 28 tháng 01 năm 1866 có lẽ là ngày của ông Giản viếng thăm chánh-thức chánh-phủ Pháp ở Sài-gòn.

Phan-Thanh-Giản là một ông lão trầm tĩnh, thông minh có dư và có đi sứ bên Pháp và Tây-Ban-Nha, đã thấy văn minh Âu-châu rồi Người Pháp ở ba tỉnh miền Đông phải nhờ đến cụ Giản để thắt chặt mối tình giao-hảo giữa Trào-đình Huế và Chánh-Phủ Pháp ở Việt-Nam, nhứt là ảnh-hưởng của ông đối với Tự-Đức. Mới hồi năm rồi (1865) ông đã thay mặt Vua mà tế Nam-giao, dưới bao nhiêu cặp mắt ganh tị và thèm thuồng của bá quan, vì bá quan khuyên Vua không nên chấp nhận những đề-nghị của Aubaret, và chánh-sách ấy không đi đôi với sự thành-công.

Tại Sài-Gòn có triển-lãm ngày chúa-nhựt 25-2-1866 (11 tháng giêng Bính-Dần) nơi « kho thủy-quân », tại bến Bạch đằng bây giờ, gần Thủy-Xưởng.

Đến ngày thứ năm 1-3 (rằm tháng giêng Bính-Dần) lại có nhiều cuộc vui chơi nhứt là đua ngựa với tiền đánh cá thật to!!!

Ngoài vui chơi, có phần hữu ích cho dân-chúng như họ được xem đầu máy hơi, máy ép mía, máy xay lúa, họ thấy thêm thuốc hút, chàm nhuộm, tiêu, quế, khí-cụ canh-nông như cuốc, xuổng; bông, rau cải, bàn ghế cẩn ốc xa-cừ, đồ trang sức bằng vàng, bạc; thú vật rừng, thú vật nhà, vải sồ, gấm vóc dệt ở xứ nầy và ở xứ khác.

Gần tàn cuộc, Phan-Thanh-Giản mới đến xem cuộc triển-lãm. Kinh-Lược đại-thần coi mệt-mỏi, đau yếu. Có lẽ ông có cảm-giác rằng ông không làm đặng trọn vẹn sứ-mạng là chuộc lại ba tỉnh miền Đông Nam-Kỳ. Ông vẫn lặp lại là quốc-gia Đại-Nam còn nghèo, dân-chúng còn dốt nát, khó cho họ hiểu đâu là lợi, đâu là hại. Dầu

sự có mặt của Phan-Thanh-Giản ở ba tỉnh miền Tây, dầu cho có lời khuyên răn họ, họ vẫn không đếm xỉa, nhứt là nghĩa-quân trong đồng Tháp Mười.

Lối tháng 3-1866 nghĩa-quân cho phát ra những tờ hịch kêu gọi dân-chúng vùng dậy, họ nói có Nhựt-bổn giúp sức để đánh đuổi Pháp-quân ra khỏi xứ Việt-Nam Nhơn hôm chúa-nhựt 25-2-1866 (11 tháng giêng Bính-Dần) một sứ-bộ thứ nhứt của Nhựt-Bổn đi qua Âu-Châu để thắt chặt tình hữu-nghị Nhựt với các quốc-gia Âu, sứ-bộ ấy đi trên chiếc tàu Pháp và ghé ngang qua Sài Gòn. Nghĩa-quân tuyên-truyền cho nức lòng dân-chúng. Vả lại người ta cũng yên trí rằng Nhựt-bổn là cường-quốc quân-sự làm cho Tây-phương nể mặt

Nghĩa quân ở Đồng Tháp Mười khởi dấy Họ chiếm *Cái Nứa*, đồn *Sa-Tiên* trên sông *Vàm Cỏ Tây*, họ đóng binh ở *Đồn Tiền* đồn *Gò Bắc Chiên* (Mộc-Hóa, bây giờ là tỉnh Kiến-Tường). Binh Pháp phá đặng nhưng không phải là không khổ công, hao người

Phan-Thanh-Giản thấy trách-nhiệm ấy về mình vì ông đã giữ không đặng nhơn-dân của ông.

Kinh-Lược đại-thần của Trào Huế lại đi Sài-Gòn ngày thứ bảy 14-7-1866 (mồng 3 tháng 6 Bính-Dần) để tìm cách ký-kết một thương-ước với người Pháp, có lẽ là để thoa dịu những binh biến mới rồi. *La Grandière* giao vụ nầy lại cho *Vial*, Giám-Đốc Nội-Vụ Pháp. Cuộc thương-thuyết không kết-quả. Phan-kinh-lược có nói với La Grandière rằng quan Tổng-đốc tỉnh An-Giang bị rút về Huế và viên Tổng-đốc ở Bình-Thuận vào thay, lối 10-8 thì viên quan ấy sẽ đi ngang qua Sai Gòn (*Journal* 5-8-1866).

Ngày thứ ba 14 8-1866 (mồng 5 tháng 7 Bích-Dần) Tổng-đốc Vĩnh-Long là *Trương* đến Sài-Gòn để mừng lễ Sanh-Nhựt của Hoàng-Đế Pháp-quốc. La Grandière muốn cho lễ nầy đặng nhiều nghi-thức và có vẻ long-trọng, để biểu-dương lực-lượng quân-sự còn lại của Pháp bên Việt-Nam và chỉ ngầm rằng lực-lượng Pháp còn đủ mạnh

để đàn-áp các cuộc khởi-nghĩa mặc dầu phần lớn lực lương mắc đi đánh ở Tây-Ninh.

## ■ VI-AN (VIAL) VÀ CỐ TRƯỜNG (LEGRAND DE LA LYRAIE) RA HUẾ HỎI LÀM CHỬ BA TỈNH MIỀN TÂY..

*La Grandière* đã nói với *quan Kinh-Lược* ba tỉnh miền Tây sẽ về tay Pháp vì ba tỉnh ấy là ổ *phiến-loạn*. Để đạt đến cứu-cánh ấy, *La Grandière* mới chọn *Vial* đi ra Huế thảo-luận về việc thêm vào tờ hiệp-ước năm 1862.

Ngày chúa-nhựt 14-10-1866 (mồng 6 tháng 9 Bính-Dần), chiếc tàu hơi *Cosmao*, thuyền-trưởng *Halna du Fretay*, cõi sóng từ Sài-Gòn ra Huế. Chiếc *Cosmao* vô không tới Huế, vì có lườn sâu. *Vial* phải đợi ngày 15-10 mới vô Huế đặng [?] Cùng đi với Giám-Đốc Nội-Vụ Pháp có *cố Trường* lay là *Legrand de la Lyraie* làm thông-dịch-viên.

Cuộc thảo-luận ấy diễn ra thế nầy.

*Vial* đến « xin đất ba tỉnh Vĩnh-Long, An-Giang và Hà-Tiên ». « Đình thần rằng : « Hình thế ba tỉnh ở xa cách, khó giữ lắm, chỉ « vì quan-hệ về thổ-địa, nhơn-dân không nên dễ dàng, xin khiến quan « Thương-bạc viết thơ nói tình lý cho rõ ».

Tự-Đức khiến *Huy-Vịnh* và *Phan-Phú-Thứ* qua sứ-quán Pháp tùy cơ mà trả lời.

Khi đến hai quan dùng lý-luận trên mà nói với *Vial*.

*Vial* trả lời : « Nếu bây giờ không chịu giao cho xong, e những « ủng hộ càng thêm lung, rồi gây việc binh cách » CAO XUÂN-DỤC », *Sử Quốc-Triều*.., quyển II, trang 359.

Trào-đình Huế từ chối và gởi một bức thơ xin với La Grandière vui lòng đợi, đừng vội vã quá.

Tự-Đức sai người đem yến tiệc thết đãi *Vial* và *cố Trường*,

đem lễ-vật và ba huy-chương (1) tặng cho *La Grandière*, *Vial* và *Legrand de la Lyraie*.

*Vial* về Sài Gòn.

Lối tháng 12 năm 1866, Trào-đình Huế lại gởi một bức công-thơ thứ nhì cho *La Grandière* hay rằng Trào đình Huế đã trao cho Phan-Thanh-Giản trách nhậm thảo-luận ba tỉnh miền Tây với Chánh-Phủ Sài-Gòn Các quan trong Trào xin *La Grandière* đợi, đừng làm việc gì hối hả

## ■ QUYẾT TÂM KHÔNG THỂ SỬA ĐỔI CỦA LA GRANDIÈRE ĐỂ CHIẾM-CỨ BA TỈNH MIỀN TÂY.

*La Grandière* cho *Phan-Thanh Giản* hiểu rõ rằng *quyết tâm không thể sửa đổi* của người là chiếm giữ ba tỉnh miền Tay Nam-Kỳ.— VIAL *Les 1ères annrés*. quyển II, trang 99 dòng 7).

Từ đó đến cuối tháng 12 năm 1866 (tháng 11 Bích-Dần), *Phan-Thanh-Giản* nhiều lần thương-thảo với *La Grandière*. Thái độ của Phan-Thanh-Giản không sắn sướt mà ông cũng không dám hứa những gì hết; bản là Trào Huế có lịnh cho ông Phan kéo dài thời-gian.

---

(1) *Huy chương bằng vàng*.

Có ba loại huy chương bằng vàng, nhưng huy-chương « Long-Văn » là tôi chắc tặng cho ba người trên vì vua Tự-Đức dùng làm huy-chương danh-dự. Đặc-thù của huy-chương ấy như sau đây:

*Bên mặt*: ở giữa một mặt trời với những tia ánh sáng có bốn tiếng Hán « Tự-Đức Thông Bửu ».

*Bên trái*: một mặt trời ở giữa với tia ánh sáng, chung quanh mặt trời có một con rồng mặt thấy ngang, uốn cong theo mé mặt, xuống tới nửa đồng tiền thì hết, có hai tiếng Hán Long-Văn. Thường thường có sợi giây tơ và một tụi thắc.

Đường kính : 40 ly.
Bề dày : 1 ly 5.
Nặng : 24 gram. — Désiré Lacroix, Numismatique annamite.

Kịp đến ngày thứ bảy 19-1-1867 (14 tháng chạp Bính-Dần) hải-quân trung-tướng *Rigault de Genouilly* đặng cử làm Bộ-trưởng hải-quân và thuộc-địa [Như người ta đã biết *de Genouilly* là tướng mở đường cho thực-dân xâm lăng xứ nầy, đã trồng ở đây lá cờ tam-tài ; người đã ngang nhiên chiếm cứ thành Bến Nghé (Sài-Gòn) ngay thứ năm 17-2-1859 (nhằm tháng giêng Kỷ-Mùi), có tượng để ở mé sông, chỗ Công-trường Mê-Linh bây giờ ; trong cuộc biểu-tình độc-lập ngày 25-8-1945, dân chúng lấy giây xiềng trói tượng Rigault de Genouilly và kéo nhào xuống sông ; dân chúng oán ghét ghê gớm vậy ]

*De Genouilly* lên Bộ-trưởng, ba tỉnh miền Tây mau về tay Pháp hơn.

Lối cuối tháng hai 1867, một sĩ-quan thân tín và kín miệng âm-thầm viết những chỉ-thị, dự-bị những tên của các người cai-trị, các thanh-tra bổn-xứ sự-vụ, vẽ những bản-đồ phân ranh-giới các tỉnh, các quận, làm các công-văn cần thiết nhưng chưa để ngày tháng ; những đồn bót gần với tỉnh phải tiếp cứu lẫn nhau, làm thành những tung-đội lưu-động gồm mỗi nhóm 200 lính ma-tà bổn-xứ, vài người Âu chỉ-huy những tung-đội ấy để giữ an-ninh trong những quận nhứt định nào đó Ba tỉnh miền Tây phân ra làm 8 thanh-tra-toà, có tên những thanh-tra rồi, nhơn-viên và văn-khố đều sẵn sàng chờ lịnh là người ta chở đi tới chỗ ngay.

Mặc dầu sách Paulin Vial không nói rõ vị-trí các thanh-tra-toà, song tôi suy luận đã như vầy [sau khi coi địa-đồ Nam-kỳ].

Phần lớn các thanh-tra-toà đều ở trên sông *Tiền* hoặc nhánh của nó, như *Vĩnh-Long*, *Bến-Tre*, *Trà-Vinh*, *Sa-Đéc*, *Cần-Lố*, rồi tới *Châu-đốc*, *Hà-Tiên*, một chỗ trên sông *Hậu*, một chỗ trên bờ *vịnh Thái-Lan* ; thanh-tra-toà thứ tám chưa biết là chỗ nào vì trong quyển *Annuaire de la Cochinchine* 1868 lại để *Rạch-Giá* và *Ba-Xuyên*, thành thử cộng lại đến *chín* thanh-tra-toà, tôi có lật quyển *Annuaire* 1867 [thư-viện S E.I] thì thấy mới để có ba tỉnh miền Đông. Vậy thì biết làm sao mà nói Rạch-giá có trước hay Ba-Xuyên có trước,

duy có biết đặng là hai chỗ ấy có trước hay sau lối chừng sáu tháng mà thôi [Lý-luận của tôi Ngày 17 6-1868 Nguyễn-Trung-Trực đanh cướp đồn Rạch-Giá, vậy đồn nầy có từ ngày ấy sắp lại trước, quyển *Annuaire* 1868 là bắt đầu từ tháng 1 tới tháng 12 năm 1868, trong sách nầy có biên ở Rạch Giá có thanh-tra-toà và *Lemonnier de la Croix* (*Charles Edouard*) làm thanh-tra ; do đó từ 31-12-1867 lùi lại 30-6-1867, thì có thanh-tra-toà Rạch-Giá rồi, song không biết chắc ngày và tháng nào. *Rạch Giá* gồm 2 huyện *Kiên-Giang, Long-Xuyên.*

Cũng trong *Annuaire* 1868 có thanh-tra-tòa ở *Ba Xuyên*, tỉnh-lị *Sóc-Trăng*. *Bertaux Levillain* (*Charles-Georges*), trung-úy lục-quân thủy-chiến làm thanh-tra, rồi tới *Durand* (*Jules - Eugène*), trung-úy lục-quân thủy-chiến làm thanh-tra. *Ba-Xuyên* có thanh-tra-toà cũng lối 6 tháng sau năm 1867 và gồm có 3 huyện, *Vĩnh-Định, Phong-Thạnh, Ba-Xuyên.*

Bạn đọc vui lòng biết tới đây thôi.]

Một điểm lạ là từ hồi nào đến bấy giờ *Cần-Lố* [thuộc tỉnh Định-Tường] có dân cư thưa thớt, bụi, tre liên tiếp thành rừng mà đặt thanh-tra-toà ở đó ?

Câu giải đáp như thế nầy là đúng.

*Cần Lố* có rạch Cần Lố, hợp-lưu ở *bờ trái* sông *Tiền*, tại mé Tây huyện *Kiến Phong*; nay ở làng *Nhị-Mỹ*. *Rạch Cần Lố* chảy sâu vô Đồng Tháp. Đặt thanh-tra-toà ở Cần Lố là chận nghẹt nghĩa-quân ở Đồng Tháp ra. Thế nên Pháp lập đồn binh ở chỗ hợp-lưu rạch Cần Lố và sông Tiền vậy.

Thanh-tra bổn-xứ Cần Lố là *Gay de Taradel* (*Alphonse Bernard*) trung-úy lục-quân thủy-chiến — *Annuaire Cochinchine* 1868, trang 92.

Tên 8 thanh-tra-toà đã biết, còn tên các nhơn viên như dưới đây.

Chỉ-huy tột cao binh-đội ba tỉnh miền Tây, tại Vĩnh-Long là đại-tá *Reboul.*

Thanh-tra bổn-xứ sự-vụ ở tại *Vĩnh-Long* [tỉnh-lị] là đại-úy *Bourchet*.— *Sách Vial*

Sau kế tiếp là *Saury* (*Jean*) trung-úy lục-quân thủy-chiến.— *Annuaire Cochinchine 1868*, trang 91.

Tỉnh *Vĩnh-Long* lại chia làm hai thanh-tra-toà : *Lạc-Hóa* và *Hoằng-Trị*. *Lạc-Hóa* tỉnh-lị *Trà-Vinh*, thanh-tra là *Pollard* (*Albert-Marie*) trung-úy lục-quân thủy-chiến ; *Hoằng-Trị* tỉnh-lị *Bến-Tre*, thanh-tra *Palasne de Champeaux* (*Louis-Eugène*), hải-quân trung úy.

*Sa-Đéc* gồm 3 huyện *An Xuyên*, *Vĩnh-An*, *Phong Phú*

Thanh-tra bổn-xứ sự-vụ ở *Sa Đéc* là *Vigne*, trung-úy lục-quân thủy-chiến — Sách VIAL.

Kế tiếp đó là *Levasseur* (*Théophile-François-Eugène*) hải quân trung-úy. Sau nữa là *Barbier* (*Auguste-Edouard*) trung-úy lục-quân thủy-chiến.— *Annuaire Cochinchine 1868* trang 91, 92.

Tới *Cần-Lố* [xem trên kia]

*Châu-Đốc* gồm 2 huyện *Đông-Xuyên*, *Hà-Dương*

Thanh-tra bổn-xứ sự-vụ *Châu-Đốc* là *Cocu* (*Paul Auguste*), đại-úy lục-quân thủy-chiến. Tiếp theo là *Labussière* (*Adolphe-Auguste*), trung-úy pháo-binh thủy-chiến.— *Annuaire Cochinchine 1868*, trang 91, 92.

*Hà-Tiên* không có huyện nào chỉ có *5 tổng* và *22 làng*.

Chỉ-huy quân-đội đóng đồn ở Hà-Tiên là đại-úy *Dauvergne*.— Sách VIAL.

Thanh-tra bổn-xứ sự-vụ là *Labellivière* (*Marie Pierre-Lamille*) hải-quân trung-úy.— *Annuaire Cochinchine 1868*, trang 91.

Các bạn thấy sự sắp đặt bên trong của La Grandière đã rất đầy đủ.

Ngoài mặt, La Grandière sai người nói rằng y cũng sẵn sàng điều đình, không làm điều gì để hối tiếc với Trào-đình Huế, có khi y lại hăm, có khi lại dụ [La Grandière ru ngủ Trào-đình Huế].

## TỈNH VĨNH-LONG BỊ MẤT.

Có lẽ nghĩa-quân cho rằng tới mưa, không thể nào Pháp-quân đánh dẹp, và tới người Pháp cũng suy vậy, vì mùa mưa nước nổi minh-mông, đồng lầy ngập linh láng. Người nào nghĩ như thế rất lầm đối với La Grandière.

*La Grandière* định rằng đến mùa mưa xua binh đánh chiếm chớp nhoáng vẫn hay hơn mùa nắng vì năm lẽ:

**Một.**— đâu đâu cũng có nước ngọt chứa sẵn trong mỗi chỗ đông người, thế thì khỏi lo vấn-đề tiếp-tế nước.

**Hai.**— tiết trời âm-u dễ chịu hơn lúc nắng, vì nắng gắt binh lính bị chết khi đi dan ra nắng,

**Ba.**— khí-hậu mùa nắng thay đổi mau gấp, nhứt là đêm tối, bầu không khí trong lành và lạnh lẽo, lại xảy ra bịnh kiết [?], thế nên đánh nhằm mùa mưa tiện hơn,

**Bốn.**— đánh giặc lúc mùa nắng ở xứ nầy lại sanh ra cháy đồng hết sức mau lẹ, và cháy nhà không thể chữa đặng.

**Năm.**— một nguyên-nhơn chánh là La Grandière để cho dân-chúng ba tỉnh miền Tây so sánh với ba tỉnh miền Đông

Các người khách Huê Kiều trước kia ngó thấy gương của người đồng-hương của họ chịu hình phạt khi Gò-Công bị thất thủ. *Sử-Địa số 3*, tr. 41.

Bây giờ, họ không dám làm càng nữa mà trái lại các Huê-« Kiều gởi cho vị Soái một tờ đơn yêu-cầu người sáp nhập lập « tức ba tỉnh miền Tây Nam-Kỳ ».— TABOULET, *La geste française*, p. 549, renvoi 4

Thật là « sáo ngả bò câu đá dập » hoặc là « nuôi ong tay áo » đều ứng-dụng đặng với Huê-Kiều hồi bấy giờ

Thấy rằng điều-kiện chín mùi rồi, ngày thứ bảy 15 tháng 6 năm 1867 (14 tháng 5 Đinh-Mão) La Grandière cho lịnh các vị chỉ-

huy chi-đội, các thuyền-trưởng nhứt định nào đó, đồng đến Mĩ-Tho.

Ngày thứ hai 17-6- (16 tháng 5) tất cả các người đặng La Grandière chỉ-định đều lục tục đi đến chỗ hẹn.

Ngày thứ ba 18-6 (17 tháng 5) tất cả 1.200 người đồng lên đường. Bốn trăm lính ma-tà bổn-xứ, 8 thanh-tra người Pháp đều ở bên Chợ Cũ Mĩ-Tho. Tới đây bằng ghe chài, phần nhiều các thanh-tra cũng chưa biết người nào ở đâu. *Vial* có trách-nhậm tới đâu chỉ chỗ cho người ấy ở đó.

Một giờ trưa ngày thứ tư 19-6, từ ngoài biển đoàn tàu vô *cửa Tiểu* và noi theo sông lớn mà lên, giữa có chiếc du-thuyền *L'Ondine*. Đoàn tàu gồm có pháo-hạm lớn bằng cây *La Mitraille Le Bourdais*, *L'Alom-Prach*, các pháo-hạm nhỏ bằng sắt *L'Espingole*. *Le Glaive*, *Le Fauconneau*, *La Hallebarde*, và *L'Arc*, thông-báo-hạm *Le Biên-Hoà* và một chiếc tàu chạy bằng hơi nước. Các viên chỉ-huy, các thuyền-trưởng đều tựu trên chiếc *L'Ondine* để lấy lịnh. Hồi ngày 25-2-1863, trong lúc tấn-công *Trương-Định* ở *Gò-Công* chiếc *L'Ondine* cũng là tàu chở hải-quân trung-tướng *Bonard*.

12 giờ đêm, người ta huy-động đoàn tàu đi lên Vĩnh-Long với chiến-thuật công-kích. Vừa hừng sáng, mây mù dày đặc, đoàn tàu chạy từng chiếc trước thành Vĩnh-Long, vô rạch hẹp mà hồi 5 năm trước Bonard đã dùng võ-lực lọt qua.

Đến 7 giờ rưỡi, tất cả tàu đều bỏ neo trước Vĩnh-Long-thành, nhiều trung-đội binh đã lên bộ, dưới tàu dự-bị chiến-thuật tấn công. Cơn gió nhẹ thổi qua, mây mù bay mất, một người phó-quan của La Grandière đến thành *kêu đầu hàng*. Dân-chúng tụ hợp rất đông để coi đoàn tàu Pháp đã thình-lình xuất-hiện.

Vài ba tháng trước, Phan-Thanh-Giản đã biết thế nào Pháp cũng xâm chiếm ba tỉnh miền Tây, Thế nên ông đã có lời dặn không nên kháng cự.

Với tư-cách một người đã thắng trận một cách không nhọc mệt,

*La Grandière* nói rằng các quan Việt đều còn giữ nguyên chức-tước mình nếu muốn phụng-sự Chánh-Phủ Pháp, hay là muốn về hưu đều tuỳ sự lựa chọn của các quan, ông nào muốn về làng thì ở đó chờ ngày về, các súng đại-bác, cờ xí và chiếc tau *Nong thit* [?] của các quan Việt đều trở về người Việt.

*Phan-Thanh-Giản* rất trầm tĩnh trước tai-biến ấy, giao thành cho quân Pháp. Ra đến bờ sông, theo sau là các quan văn võ Việt, Phan-kinh-lược gặp *Vial* từ tàu mới lên bộ, bắt tay Vial và dặn viên phó-quan đã kêu đầu hàng đừng làm chuyện gì rối loạn trật-tự. *Phan-Kinh-lược* nói với người đồng-hương của ông kể cả người Việt đang phục-vụ chánh-quyền Pháp rằng mặc dù các người là nhơn-chứng của cát biến-cố lớn lao đã xảy ra, nhưng hai quốc-gia còn là *anh em* [Vial có viết hai tiếng anh em lồng trong dấu ngoặc chiếc], không có gì làm cho đứt tình ấy, trong những ngày sắp tới, rồi ông trở về nơi văn phòng, viết lịnh cho tổng-đốc Châu-Đốc, Hà-Tiên, theo lời của La Grandière. Ông tóm tắt cho các viên tổng-đốc hay Vĩnh-Long đã mất và lời của La Grandière hứa sẽ giữ an ninh cho họ, nhưng ông lại quên dặn rằng các quan Việt nào ở lại phục-vụ dưới cờ Pháp đều giữ chức-tước cũ như hồi ở dưới Nam-Trào. Vài dòng chót của những công-thơ ông Giản viết vài hàng bí-ẩn dặn dân-chúng hãy giữ bình-tĩnh vì lịnh nổi giậy chưa xuống [?] Người ta niêm phong lại và sẽ xé ra khi tới chỗ. Ngày ấy chỉ có một tiếng súng ở dưới thông-báo-hạm *Le Biên-Hoà* nổ lên vì một chiếc thuyền trận Việt muốn vượt ra khỏi chốn đó, trong lúc ấy Pnáp ra lịnh không một chiếc thuyền nào đặng chèo đi.

Theo chỉ-thị của *La Grandière* thì Đại-tá *Rebonl*, tổng-chỉ huy quân-đội của ba tỉnh miền Tây phải đóng ở Vĩnh-Long. *Rebonl* y lịnh. Bại-úy *Bourchet* cũng ở Vĩnh-Long, nhưng có trách-nhậm làm thanh-tra bổn-xứ. Tất cả đều sẵn sàng để chiếm-cứ các trung-tâm đông đúc dân-cư quan-trọng.

## TỈNH CHÂU-ĐỐC BỊ CHIẾM.

*Galey và Vial xuýt mắc mưu của Tổng-đốc An-Giang.*

Ngày thứ sáu 21 tháng 6 năm 1867 (20 tháng 5 Đinh-Mão), đúng 5 giờ sáng, *Galey* hải-quân trung-tá đi xâm-chiếm Châu-Đốc, trên chiếu *Le Biên-Hoà*, theo sau có pháo hạm *Le Bourdais*, *La Fusée* +, *L'Alarme* +, *Le Fleuret* +, *La Hallebarde* và chiếc *La Flamberge*. [Ba chiếc có dấu + đều hồi xuất-phát đi không có].

*Vial*, đại-tá *De Guilhermy*, giám-đốc pháo-binh, đại-tá *Boret*, giám-đốc công-binh, đại-tá *Domange*, chỉ-huy quân-đội dưới chiến-thuyền cùng đi một thể.

Hồi bấy giờ, kinh *Vàm Nao* sâu lắm, nối liền Tiền-giang với Hậu-giang, Mỗi con nước lớn, nước ồ-ồ chảy vào trong kinh. Lúc Đại-tá *Galey* vừa qua khỏi một «vịnh nhỏ», người ta cho *Galey* hay rằng hai chiếc thuyền có cờ xí và lọng dương ra, dấu hiệu của quan, cột theo bờ sông *Vial* đặng lịnh tìm các quan Việt ấy. Tổng-đốc Hà-Tiên đang đi Rạch-Giá để xem xét tình-hình canh-nông [Vial nhớ lắm, chớ đi Rạch-Giá đâu lại lọt đến Vàm Nao]. *Vial* cho hay rằng có lịnh quan-trọng cử Kinh-lược đại-thần gởi cho ông ấy. *Vial* cùng trở lại tàu *Le Biên-Hoà* với ông *Tổng-đốc Hà-Tiên*. *Galey* đưa cho ông bức thơ của Phan-Kinh-lược. Mặt trời ngã chiều: còn chốc nữa là tối. Chiếc tàu *Le Biên-Hoà* vô một con kinh hẹp chảy trước thành Châu-Đốc. Hai bên bờ chen chúc những ghe nhỏ lớn, những nhà chen nhau phơi nóc trên nền trời trắng đục. Dân chúng đông đúc đứng đầy trên bờ kinh và ngắm xem các tàu chiến Pháp.

8 giờ tối, chiếc *Le Biên-Hoà* thả neo, ngừng lại. Các chiếc pháo hạm theo sau đều có ba chiếc tới đậu trước nó và ba chiếc đậu sau nó, trong trật tự xung-kích.

Đến 11 giờ tối, các chiến-thuyền khác trước kia đã dự trận đánh thứ nhứt bên Trung-Huê mới rẽ sóng theo kịp.

Trong lúc đại-tá *Galey* ra lịnh cho chiếc *Le Biên Hoà* bỏ neo

trước thành Châu-Đốc, ngay cửa lớn, ở cách sông lối 100 thước, một chiếc ghe chở một viên lãnh-binh đến nói rằng nhơn danh ông chỉ-huy vị-trí ấy, hỏi các quan Đại Phú-Lang-sa tỏ ra ý-muốn thế nào. *Galey* nói rằng có lịnh của Kinh-Lược Đại-Thần gởi cho Tổng-đốc, và quan Tổng-đốc phải thân hành đến lãnh lấy lịnh ấy mới đặng. Một giờ sau, hai *quan-bố* và *quan-án* của tỉnh ấy đến thay mặt cho tổng-đốc nói rằng không thể nào Tổng-đốc bỏ nhiệm-sở đi đâu trong đêm tối *Galey* đưa bức thơ của Phan-Thanh-Giản ra, thơ có đóng dấu son và nói rằng chỉ có ông Tổng-đốc mới có quyền coi đặng mà thôi.

Qua đến 11 giờ, quan Tổng-đốc [*Nguyễn Hữu Kỷ* — Schreiner, p 291, renvoi 4] mới đến, xuống tàu *L'Ondine Galey* trao cho ông bức thơ đóng dấu đỏ Ông mở ra, tay ngập ngừng, đọc lầm-thầm, rồi cuối cùng ông hất ra hai, ba hơi thở. [Xin các bạn xem bức thơ ấy một đoạn sau].

Lúc đó, người có mặt dưới tàu là *Galey, Vial, Guilhermy, Bovet, Varannes*, sĩ-quan hầu của Hoàng-đế Nã-Phá-Luân mới đến Sài Gòn hồi cuối tháng năm [VIAL, Tome II, p. 122, l. 25] vì công-luận phàn-nàn về tài-nguyên, về hiến-pháp [có lẽ vì ha-sát nhiều loạt, và bắt đày nhiều người], bởi thế *Varannes* qua viếng thuộc-địa để về làm thỏa mãn công-luận không hay ấy.

Quan tổng-đốc thấy chung quanh ông người nào cũng ra vẻ có cảm-tình với ông, mới nhứt nhát xin với quan Pháp một thời-hạn đến sáng sẽ trao thành vì, trong lúc nửa đêm, giao thành, e có rối loạn trật-tự. Trong các quan Pháp, một người nói có lịnh chiếm cứ thành lập tức, *không thời-hạn*, nếu có sự trở ngại, binh Pháp sẽ đổ bộ sang bằng các sự trở ngại ấy Rồi tàu lại sửa soạn đại-bác để tấn-công liền, khi có lịnh ra, Quan Tổng-đốc yêu-cầu *Vial* lên bộ, nghỉ tại tư dinh ông để trấn an các quan dưới tay ông, và ông. Các người Pháp nói: yêu-sách của ông vô ích, nhưng cũng nghe theo lời ông và *Galey* cho lịnh đại-tá *Domange* và 100 lính lên bộ đóng trại.

Đúng 12 giờ đêm, quan Tổng-đốc, *Galey* và *Vial* đồng qua ghe của quan Tổng-đốc đi vô thành Châu-Đốc, để tiếp nhận thành nầy. Ghe cặp bờ, ba người đều lên, trước khi tàu Pháp tới Các quan nhỏ tùy thuộc Tổng-đốc, các người lính Việt trong thành đều vây quanh ba người ấy Quan *Tổng đốc* than mệt mỏi, nắm tay đại-tá *Galey* kéo đi mau vô cửa thành, còn *quan ăn* và *quan-bố* bắt tay *Vial*, tỏ tình bằng hữu một cách vồn-vã vượt mức, và cũng lôi vô cửa thành. Hồ nghi về sự tỏ tình thân thiện như thế, *Galey* và *Vial* dừng lại và nói rằng không khi nào bước vô cửa thành, nếu không có đặng đoàn hộ-vệ danh-dự của hai người ấy vào trước.

Về sau *Vial* hỏi thăm lại tại thế nào đã xảy ra như nói vừa rồi, người ta trả lời rằng các quan Việt làm màu tỏ tình thân thiện để sau cùng bắt hai người làm hai con tin.

Ngày thứ bảy 22-6-1867 (21 tháng 5 Đinh-Mão) hồi 3 giờ chiều *La Grandière* đến viếng ba tỉnh miền Tây, sau khi để Trung-úy lục-quân thủy-chiến *Vignes tại Sa-Đéc*, một chỗ buôn bán hàng hóa rất chạy.

## ■ TỈNH HÀ-TIÊN THẤT-THỦ.

Ngày chúa-nhựt 23-6 (22 tháng 5 Đinh-Mão) hồi 12 giờ trưa *Galey* chỉ-huy vô kinh hẹp Châu Đốc — Hà-Tiên [kinh Vĩnh-Tế]. *Galey* có dưới tay tàu *La Flamberge*, thuyền-trưởng *Benoist*, một chiếc xà-lúp chạy bằng hơi nước, 20 chiếc thuyền lớn chở lính săn-đá và ma-tà. Pháo-hạm đi đặng có ba phần tư kinh ấy mà thôi, còn một phần tư thì nó bị mắc sình đi hết nổi. Hồi bấy giờ, con kinh ấy là một cái mương rộng lối 20 tới 30 thước, đào ở giữa bưng lầy, để nối liền vịnh Thái-Lan vô Hậu-giang. Phải trải qua 24 giờ đi trên con kinh ma cũng chưa đến đồn Hà-Tiên. Khi đến đồn nhơn-dân và thơ lại đến trước mặt *Galey* Quan *Tổng-đốc Hà-Tiên* theo Galey từ ngày 21-6 đến giờ phải giao thành lại cho *Galey*.

*Vial* và *De Guilhermy* giám-đốc pháo-binh, *Bovet*, giám-đốc công-binh đồng lên bờ. Đại-úy *Dauvergne* có trách-nhiệm điều-khiển

quân-đội giữ gìn thị-trấn quan-trọng ấy. Hà-Tiên chiếm một vị-trí nên thơ, ở trên mặt biển, cao lối vài ba thước. Một cai đồn cũ, không một linh-hồn sống ở đó, nằm trên mũi nhọn, chỉ có vài họng đại-bác hư hỏng ở trong đồn mà thôi. Một làng ngư-dân nghèo khổ ở gần một rào vuông vức lớn, trong đó là nhà ở của nhơn-viên làm việc trong dinh Tổng-đốc và những viên chỉ-huy quân đội Việt. Đến mùa nắng, nước mặn vây quanh, mà không có lấy một nhểu nước ngọt. Nhơn dân không đủ để các quan Việt tuyển binh, phải nhờ đến người bên Châu Đốc và Vĩnh-Long trám vào mới đủ số lính.

Sau khi Hà-Tiên thất thủ [một hay hai ngày], *La Grandière* phái *Cô Trường* (Legrand de la Lyraie) đi trên chiếc tàu *Le Monge* ra Huế, cho Trào-đình Huế rõ là Chánh-Phủ Pháp ở Sài-Gòn đã ra lịnh cho sáp nhập ba tỉnh miền Tây Nam-Kỳ vào ba tỉnh miền Đông. Các quan Trào lộ sự bất bình; có pha lộn sự lo ngại và sự ngạc nhiên. Để cứu vớt danh-dự cho quốc-gia Đại-Nam các quan Trào Huế viết một công-điệp *yêu-cầu hoàn lại tất cả võ-khí ở ba tỉnh mới bị chiếm* và nhường một khu-vực: *trọn tỉnh Biên-Hòa, một phần hạt Sài-Gòn* để đổi ba tỉnh miền Tây. [Khi về Pháp họ kêu là hạt Sài Gòn gồm có 6 thanh-tra-tòa không tính Sài-Gòn châu-thành vô trong số ấy: Chợ-Lớn thanh-tra-tòa, Phước-Lộc thanh-tra-tòa ở Cần-Giuộc, Tân-Hòa thanh-tra-tòa ở Gò-Công, Tân-An thanh-tòa Bình Lập, Tây Ninh thanh-tra-tòa Tây-Ninh, Quang-Hóa thanh-tra tra-tòa Trảng-Bàng.— Annuaire de la Cochinchine 1867].

Trào-đình Huế hạ lịnh cho hai viên lang-trung đem bức công-điệp vào cho Chánh-phủ Sài-Gòn.

Lẽ cố nhiên là ba tỉnh miền Tây đã về tay Pháp, không quyền lực gì gỡ ra. Thế nên, Pháp từ chối ngay việc đổi chác đất đai, trái lại Pháp chịu nhượng bộ chút đỉnh là giao võ-khí ở ba tỉnh mới chiếm cho các quan Việt-Nam nào lấy đặng bao nhiêu thời đem đi. *La Grandière* nói thêm là các quan về ngoài Trung hãy hồi bằng tàu chạy hơi nước *La ville de Huế*.

Hai viên lang-trung không chịu xuống cùng tàu với các quan kia mà trở về Huế. Lý của hai viên ấy là: các quan kia đã thấy mất ba tỉnh miền Tây thì họ không thể sống chung với các quan nọ vì là những người mất hết danh-dự, Trào Huế sẽ xuống chức các quan ấy.

## HAI BỨC THƠ CUỐI CÙNG CỦA KINH-LƯỢC ĐẠI THẦN.

Pháp-quân chiếm cứ ba tỉnh miền Tây rất dễ dàng vì Phan-thanh-Giản đã biểu sâu rằng chống lại thì đổ máu người Việt nhiều mà chẳng lấy lại đặng thước đất nào! Nỗi khổ-tâm của ông Giản ở chỗ đó.

Một trang trước, tôi nói Phan-Thanh-Giản có gởi một công-thơ cho các quan tổng-đốc hai tỉnh An-giang, Hà-Tiên xuống lịnh trao thành.

Đây là bức công-thơ ấy:

« Hỡi các quan và dân-chúng,

« Số phận đã định rằng: người nào thuận theo lòng Trời thì « còn, người nào nghịch lòng Trời thì mất Làm theo ý muốn của « Trời, là thuận thiên-lý... Người ta là một con vật có trí sáng « suốt dựng lên do Trời định. Mỗi loại thú sống tùy theo sự tự-« nhiên của nó, như nước chảy từ đất cao xuống đất thấp, như lửa « cháy trên đất khô ráo.. Trời đã cho con người có lý-trí con « người phải sống tùy theo lý trí ấy.

« Quốc-gia của Hoàng-Đế ta có từ thời xưa. Sự trung thành « với tiên-vương là trọn vẹn và luôn luôn hăng hái, chúng ta không « thể nào quên ơn của Hoàng-đế và của tiên-vương ta. Bây giờ đây, « người Phú-Lang-sa đến xứ ta. với nhiều súng ống bắn mạnh, gieo « rắc sự vẫn đục trong nhơn-dân ta. Chúng ta yếu ớt không chống « nổi người Phú-Lang-sa, tướng soái và lính tráng đều bị đánh bại:

« Mỗi lần chiến là mỗi lần thêm đau khổ cho ta. Người Phú-Lang-
« sa có chiến-thuyền to, chở đầy quân và võ trang bằng đại-bác.
« Không người nào có thể chống lại. Người Phú-Lang-sa muốn đến
« đâu cũng đặng, những đồn lũy chắc chắn cũng phải bể.

« Bổn-chức van vái Trời, bổn chức nghe theo Lẽ Phải và tự
« nhủ: « Mình còn ngốc khi mình muốn đánh người Phú-Lang-sa bằng
« võ-khí, cũng như con nai con muốn bắt con cọp. Mình lại kéo
« về phe mình một cách vô ích những tai hại lớn, để tai hại ấy đè
« trên đầu dân mà Trời đã giao cho mình chăn. Vậy bổn-chức viết
« công-thơ cho các quan văn cũng như cho các tướng, võ bãy bể
« gãy giáo và giao thành trì, khỏi chống lại.

« Nhưng, nếu bổn-chức tùy theo Thiên ý mà tránh đỡ giùm
« dân đem tai hạo rớt trên đầu họ, bổn-chức trở thành phản-thần
« đối với Hoàng-đế của ta vì bổn-chức trao ba tỉnh của Hoàng-đế
« cho Phú-Lang-sa mà không chống cự... Bổn-chức đáng tội chết.
« Hỡi các quan và lê-dân, các người có thể sống dưới sự điều-
« khiển của người Phú-Lang-sa, những người nầy chỉ đáng sợ trong
« lúc chiến-tranh mà thôi, nhưng lá cờ ba sắc không thể phấp phới
« bay trên một thành lũy mà nơi ấy Phan-Thanh-Giản còn sống... »

[TABOULET, *La geste française en...*
Tome II, pp. 518 et 9 lignes de 519].

Trên đây là bức thơ chót mà Phan-Thanh-Giản gởi cho các quan thuộc-hạ và dân-chúng ở ba tỉnh miền Tây vì bức thơ nầy đến tay các quan và dân thì ba tỉnh đã trở thành thuộc Pháp.

Còn một tin khác, sau công-thơ trên. Có lẽ chừng một hoặc vài ngày sau, Phan-Thanh-Giản mới gởi cho La Grandière. Trong thơ sau, lời nói chải chuốt hơn, từ-ngữ lựa chọn hơn, chứng tỏ rằng con người đã lấy lại sự bình-tĩnh.

« Kính gởi hải-quân thượng-tướng đại-nhân và tư-lịnh Nam Kỳ
« thuộc Phủ-Lang-sa.

« Tất cả dân-tộc ở theo bờ Đại dương minh mông đều thân
« ái nhau và nên cảm tạ Trời đã ban như vậy. Cũng nhờ Trời mà
« người ta sống hòa-bình nhau, cũng nhờ Trời cho người ta hưởng
« dương đặng lâu hay ngắn.

« Về phần hải-quân đại-tướng Bonard, viên sĩ-quan tiếng tăm
« hơn tất cả các vị danh-tiếng của Âu-châu.

« Khi thuật lại võ-công của những người Âu-châu, những thế-
« hệ tương-lai kể lại tại sao hải-quân đại-tướng Bonard trở về châu-
« thành Bá-Lê, đầy kinh-nghiệm, sau khi dọc ngang những biển miền
« Nam, biển Trung-Huê và sông xứ nầy, cũng như xa tổ-quốc ông,
« ông đã đi viếng qua các núi, các sông, chiến-thắng bão tố. Số phận
« ông lớn lao hơn số phận của phàm-nhơn nào hết, những đức-tính
« vinh-quang đều là riêng có của ông, ông xứng đáng cho những lễ-
« pháp trọng-đại và trước mặt ông, những đứng khác thường, đã qua
« rồi và sẽ tới của mặt đất đều phải nghiêng mình. [ *Thật là tán-*
« *dương Bonard quá, nhưng tán-dương có nhằm chỗ chăng ?* ]

« Về phần tôi, tôi nói rằng, mặc dầu chức-vị nặng nề, sứ-
« mạng khó khăn và danh-tiếng yếu ớt của tôi, hải-quân Bonard kính-
« trọng tôi bằng tình tri-kỷ ! Tại sao đời người chưa đầy đủ và
« trước khi chưa thỏa-mãn sở-vọng thì người lại lìa trần tục ! Chúng
« tôi đã ở trong sự thân-tình với nhau và chúng tôi sẽ siết tay nhau.
« Hồi ấy, Đại Phú-Lang-sa đã lưỡng lự về vấn-đề ấy xứ Nam-kỳ
« làm thực-dân-địa. Khi một lần đối thoại giữa người và tôi để định
« ngày cho cuộc thương-nghị và vấn-đề một khi đã giải-quyết xong,
« những tư-tưởng và những nguyện-vọng của chúng tôi hóa thành
« một [ nguyện-vọng hòa-bình ]

« Bây giờ đây điều đắng cay và sự đau khổ thế chỗ cho
« những tình-cảm trên Trong năm năm sau nầy [ *1863 đến 1867* ],
« những đêm nằm mơ, tôi thấy người ấy đến gần tôi

« Than ôi, mới tháng rồi đây, tôi có đặng hung-tín bên trời
« Âu qua cho hay rằng cách đây hai tháng Trung-tướng Bonard tìm

« Tiên-cảnh bởi một bịnh tim Chỉ có sự vinh-quang còn sống lại
« trên đời mà thôi.

« Nhưng nhau, chúng tôi đặng ủy-thác sứ mạng nguy hiểm là
« thương thảo hòa bình, xếp đặt công-việc của hai xứ chúng tôi và
« đem lại sự giải-hòa cho đôi dân-tộc. vậy chúng tôi không được gặp
« lại sao, trước khi làm mồi cho tử-thần ! Giờ đây, định-số bẻ gãy
« đời ngang tàng của hải quân Trung-tướng Bonard. vậy tôi là người
« già yếu ớt tôi còn hy-vọng gì sống ? Vâng, đây rồi Tử-Thần sẽ
« cho tôi hiệp mặt trong sự vĩnh-cửu với người nổi tiếng ấy. Nơi đó,
« hai tôi sẽ sung sướng vô biên-giới và tình huynh-đệ không thể
« tan rã đặng.

« Nhưng với kinh-nghiệm nầy [*dịch expérience nhưng ở chỗ
« nầy tôi nghĩa, phải dịch tiếng perspective là viễn-ảnh mới hiệp nghĩa
« câu nầy*] không thể cản ngăn nổi sự đau xót của tôi đối với gia-
« quyến của tướng Bonard Tôi chúc cho gia-quyến ấy và những
« người quen biết của hải-quân trung-tướng tất cả muôn điều thạnh-
« vượng. Vì biển trời bát ngát, và vì tư-tưởng không thể truyền
« qua không-gian, tôi hy-vọng rằng người ta sẽ chuyển-đệ những tình-
« cảm mà tôi phát-nguyện ra cho những đồng-nghiệp của hải-quân trung-
« tướng, cho bà hải-quân trung-tướng, bà con thân-thích nói chung
« và cho tất cả bậu bạn của người ».

Sau khi giao ba tỉnh miền Tây Nam-kỳ cho La Grandière, Kinh-Lược Đại-Thần Phan-Thanh-Giản lấy trong công-quỹ của ba tỉnh số tiền một triệu đồng để trả tiền thiệt hại chiến-tranh [?] cho Pháp, còn dư lại bao nhiêu cho người đem về Huế dưng cho Tự-Đức, kèm theo áo mặc đại-trào của Kinh-Lược Đại-Thần, con dấu, ấn-tín Kinh-Lược và bài sớ tấu.— DAUDIN et Lê-văn-PHÚC, *Phan-Thanh-Giản et sa famille.*

Rồi Kinh-Lược Đại-Thần nhịn ăn và cuối cùng uống á-phiện chờ chết.

Một y-sĩ tài hơn hết của Thủy-quân Pháp, *Le Coniat*, gỉnh

giựt ông Giản với Tử-thần. *Le Coniat* chỉ kéo dài sự «ống của Phan-Thanh-Giản có 48 giờ đồng-hồ. Lão trượng danh tiếng lv buông hơi thở cuối cùng *ngày 5 tháng 7 năm 1867* — Vial, Tome II, p. 147.

## CẢI CHÁNH NGÀY CHẾT CỦA KINH-LƯỢC ĐẠI-THẦN.

Tuy là người đồng-thời với ông Phan, nhưng *Vial* lại lầm về ngày của ông Phan về chầu Tổ.

Ngày, tháng mà *Vial* nói ở cách trên đây vài hàng là thuộc về dương-lịch. Ông Giản chết ngày mồng năm tháng bảy âm-lịch năm Đinh-Mão, nhằm *chúa-nhựt 4 tháng 8 năm 1867*.

Nếu bạn nào còn giữ tuần-báo Văn-Lang số 15 xuất-bản lối tháng 11 năm 1939, thì thấy ông Lê-Thọ-Xuân nói chuyện về ngày tuẫn tiết của ông Kinh-Lược rõ lắm.

Bây giờ đây, bạn đi kiếm trong Thơ-viện Quốc-gia không có tuần-báo ấy đâu, vì tôi đã hỏi ông Giám-Đốc cũ của Thơ-viện, ông đáp rằng: Hồi bấy giờ các báo của ta ít đặng người Pháp chú-ý, thế nên dầu có dầu không họ cũng không cần biết.

Vậy là có ít người biết tuần-báo ấy. Tôi xin tóm thuật lại một đoạn sử báo ấy.

Kể từ ngày 24 tháng 5 Đinh-Mão hay là 24 tháng 6 năm 1867 tất cả Nam-Kỳ Lục-Tỉnh đều về Pháp-quốc cai-trị trực-tiếp. Vì thấy khí-tiết làu làu của Phan-Thanh-Giản nên các quan đem danh thơm của cụ vào Văn-Miếu ở Vĩnh-Long bên đường đi Trà-Ôn, và mỗi năm đến ngày mồng bốn, mồng năm tháng bảy âm-lịch có cúng tế cụ Phan. Trong sách *Nam-kỳ phong-tục nhân-vật diễn ca* có 4 câu lục-bát như vầy:

*Phan-công từng tự miếu đình,*
*Tới khi kỵ nhựt sắm sanh lễ bày.*

*Mồng năm tháng bảy chánh ngày,*
*Đồng-nhơn văn-hội cúng rày không sai.*

Cái móc thứ nhì là ngày giỗ của cụ ở tại nhà thờ cụ ở *Bảo-Thạnh*. Trong gia-quyến cụ Phan hồi năm 1939 có ông *Phan-Thanh-Hoài* là cháu nội *Phan-Hương* và cháu kêu cụ Giản bằng cố. Ông Thọ-Xuân hỏi ông Hoài như vầy :

— Mỗi lần đám giỗ Quan Lớn, bà con có tụu về đủ chớ ? À kỵ cơm Quan Lớn ngày nào tôi quên anh.

— Mồng bốn, mồng năm tháng bảy.

— Anh có nghe thuật lại vì sao cụ mất không ?

— Nghe nói sau khi thất-thủ, cố tôi nhịn đói, ban đầu có « *uống nước sâm* », sau không uống nữa. Rồi lâu ngày không chết, cố tôi uống thuốc phiện.

— Anh nghe nói cụ nhịn đói bao lâu không ?

— Không.— *Văn-Lang* số 15.

Vậy là đặng hai bằng chứng rằng ông Phan chết ngày mồng năm tháng bảy âm-lịch vì thông-tục Việt-Nam phải cúng ngày sống khít trước ngày chết và luôn luôn là giỗ ngày âm-lịch mà không bao giờ người Việt cúng ngày dương-lịch, mặc dầu dương-lịch, đã qua bên Việt-Nam hơn một thế-kỷ ? Có thể nói là dương-lịch làm chủ cái vỏ bên ngoài, còn âm-lịch thống-trị bên trong.

Một việc khác thúc chặt thêm ý-tưởng « uống nước sâm » của ông Phan-Thanh-Hoài.

Nguyên là tôi có thấy một cuốn sách trích-lục các bài thơ của các thi-gia xưa, nhưng đã rách bìa không biết của soạn-giả nào, in năm nào [tôi nhớ chừng như in năm 1924, 1925 ?]. Bài thi ấy đánh số 77 với tựa là :

## ĐIẾU LƯƠNG-KHÊ

*Phan-công tiết nghĩa sánh cao dày,*
*Thương bấy vì đâu khiến chẳng may!*
*Hết dạ giúp vua Trời Đất biết,*
*Tan mình vì nước quỉ thần hay.*
*Tuyệt lương một tháng cây xanh mắt,*
*Bị cách ba phen lửa đỏ mày.*
*Chín sợ sử-thần biên chẳng rõ,*
*Tấm lòng ám-ức phải thày lay!*

PHẠM-VIẾT-CHÁNH

Câu thứ năm để *cây xanh mắt*. sau tôi thấy là *rau xanh mặt*. Vậy xin cải-chánh *rau xanh mặt* cho hiệp lẽ.

Kể từ 20 tháng 5 âm-lịch cho đến mồng 5 tháng 7 âm-lịch là 45 ngày.

Tuyệt lương một tháng rau xanh mặt.

Nếu không có nước sâm thì chắc là không khỏi tử sớm hơn.

Nhưng sao lại không chịu chết hồi mới mất ba tỉnh miền Tây, mà để tới ngày mồng 5 tháng 7 mới lìa trần

Nguyên là 20 tháng 5 âm-lịch hay là ngày thứ sáu 21-6-1866 dương-lịch sau khi giao thành Vĩnh-Long, Phan-Thanh-Giản còn dưng sớ về Huế, và đợi Trào-đình trả lời. Mãn trông « mòn con mắt » càng ngày càng bặt nên ông Phan dùng chén á-phiện để liễu-kết đời sống.

## ■ TIẾT THẢO CỦA ÔNG KINH-LƯỢC ĐẠI-THẦN TRANG SÁCH LURO.

Phan-Thanh-Giản làm quan ngay thẳng hơn hết. Có thể nói ông là người gương mẫu để nhà Vua trông xuống, nhân-dân ngó vào.

Năm Tự-Đức thứ 5 (Nhâm-Tí 1852) ông đặng ân-thưởng một huy-chương có bốn chữ nho « Liêm, Bình, Cần, Cán » Chứng-tích nầy nói lên sự trong trắng, không bợn của ông.

Kịp đến khi nghe ông từ trần, *Luro*, *Rieunier* (Lý-Á-Nhi) và *Vial*, ba người Pháp đồng thời với ông đều có tỏ cảm-tình với dân-chúng. hồi bấy giờ. Vậy ta hãy nghe *Luro*, rồi *Rieunier* rồi tới *Vial* chia buồn.

« Khi trận chiến-tranh nổ bùng giữa nước Pháp và nước Việt-
« Nam, có mình người khuyên nên hòa với Pháp, nhưng hảo huyền.
« Khi Trào-đình Huế hết phương-kế, vua Việt ủy-thác sự thương-
« thuyết cho người.

« Phan-Thanh-Giản ký-kết hòa-bình và được Pháp qui-hoàn lại
« tỉnh Vĩnh-Long nhờ tài ngoại-giao khéo léo. Bấy giờ, người làm
« sứ-thần đi bên Ba-Ri, rồi khi về, đặng bổ nhậm làm Kinh-lược
« trông nom ba tỉnh ở miền Tây của thực-dân-địa ta.

« Lúc chúng tôi biết người, người là một ông lão đầy oai-
« nghi trang-nhã, có bộ dạng cao quý, có mặt mày thông minh.

« Từ lâu, người quan trọng ấy hiểu biết không thể nào chống nổi
« Pháp-quốc và phán-xét rằng chiến-tranh chỉ làm cho người Việt-Nam
« đổ máu. Người hy-vọng hiệp-ước hòa-bình sẽ đặng trung-thành thi-
« hành, đồng bào của người sẽ trở nên học-trò ta và môn-đệ của
« sự văn-minh ta

« Mộng của những bực lớn ít khi thành sự thật ; chẳng phải
« là không có sự rung chuyển sâu xa, không có những trận đánh
« dai dẳng và đau thương mà một văn-minh nầy thâu hút một văn-
« minh khác [?]. Một vì những cuộc tấn-công mãi mãi do ba tỉnh
« miền Tây xuất-phát ra, mỗi lòng vì ác-ý càng ngày càng gia-tăng
« của Trào-đình Huế, Chánh-phủ Pháp sắp nhập ba tỉnh Tây Nam-kỳ
« vô ba tỉnh miền Đông.

« Phan-Thanh-Giản không chống lại vì ông hiểu là tuyệt-đối

« vô ích. Ông hạ lịnh giao thành cho Pháp quân, và đặng vương lời.
« Nhưng trung thành với nhà vua của ông và muốn ban cho mình
« một hình phạt vì mình không thể cản một sự không ngăn đặng, ông
« đã từ chối những sự hiến dưng hào hiệp của người thắng trận,
« và với sự bình-tĩnh của lão trượng La-Mã, ông uống cạn chén
« độc-dược.

« Tinh-thần đặng tự do đến những lúc cuối cùng, ông Kinh-
« Lược chết trong *một gian nhà có* mà ông đã ở, trong thời-kỳ
« nắm quyền cai-trị, như thể muốn mỗi người thấy gương xả-kỷ, nghèo
« nàn và liêm-khiết đến một mức cao lúc ông tại chức vậy. »

## BÀI TỰA CHIA BUỒN CỦA RIEUNIER...

Ngày 4-5-1863. *Rieunier*, hải quân đại-úy, hướng dẫn sứ-bộ Phan-Thanh-Giản sang Pháp

Tháng 9 năm 1873, người đã đề tựa quyển sách *Les premières années de la Cochinchine* của *Paulin VIAL*, có một đoạn nói đến cụ Phan như vầy:

« Biến cố quan trọng ấy [cuộc chiếm sứ ba tỉnh miền Tây]
« đã làm thiệt mạng Phan-Thanh-Giản, Kinh-lược của chúng dân
« [Việt-Nam] và cựu Chánh-sứ đi bên Paris năm 1863. Chúng tôi cảm
« thấy trái tim thật tình thất lại chi hay đặng tin nguyên-nhơn vụ
« tự tử của bậc lão thành tôn quí ấy. Đã bốn tháng chúng tôi gần
« gũi ông, chúng tôi mến phục ông có đủ đức-tính mà người ta có
« thể noi theo Nhìn lại ngày qua khi đi sứ, chúng tôi thấy ông còn
« ngạc-nhiên về sự biến thiên của cuộc vượt biển dài từ Nam Hải
« đến bờ Toulon, ông vẫn duy-trì sự hăng-hái ái-quốc trong lòng
« và động luôn vì ý muốn giúp ít cho xứ sở ông. Bởi một lối
« suy-loại buồn thảm, mới vài tháng đây, chúng tôi thấy một ông
« lão tiếng tăm làm chánh-sứ như lão trượng Việt-Nam nầy, đương
« đầu chống sự mệt nhọc do cuộc công-du tương tự ấy cho Tổ Quốc
« của ông lão kia.

« Chúng tôi nhớ lại rằng trong ba trường-hợp mà thiên-nhiên « đã ban cho cặp mắt một dịp thưởng thức vì sự dị thường hay « vì sự tráng-lệ, nơi đảo *Krakatow*, trong toàn cảnh lộng lẫy của eo « biển *La Sonde* (1) ; gần đảo nhỏ *Périm* (2) ở chỗ cửa vô Hồng-hải (ông « thất-vọng khi hay biển nầy không có màu đỏ); và trong eo biển « *Messine* (3), lúc ông đang ngắm nghía ngọn hỏa-diệm-sơn *Etna* phun « khói, hai bên sườn lài lài thanh-nhã vẽ những đường vành đỏ « sẫm lên nền trời chiều không gợn chút mây; trong ba trường-hợp « ấy, viên Chanh-sứ ưu tư ngồi gần chúng tôi trên cầu hóng gió của « tàu *L'Européen*, đàm-đạo với chúng tôi về mục-đích của sứ-mạng « ông. Chúng tôi khuyên-giải ông về những ảo-ảnh xảy ra trong óc « đối với sự nhường đất đai mà chúng tôi đã chiếm-lãnh đặng bằng « hứa rằng ông sẽ gặp bên Pháp-quốc một sự tiếp đãi thân ái và tử- « tế hơn cả. Tiếp theo, chúng tôi thảo-luận về tương-lai của tổ-quốc « ông, về khả-năng của người dân của ông và những lợi-ích của văn- « minh chúng tôi mà dân chúng và các quan thâu hưởng đặng. Hơn tất « cả đồng-bào ông, ông hiểu biết giá-trị văn-minh chúng tôi; và « luôn luôn ông chấm dứt cuộc nói chuyện bằng những tiếng sau nầy : « « Phải còn chờ đợi nữa, và bây giờ tới lúc ấy, tình thân-hữu giữa « hai quốc-gia chúng ta cũng còn đẹp ».

## ...Và những mối nghi ngờ tấm lòng thành thật của Rieunier.

Nhưng tôi rất ngờ mối thiện-cảm của *Rieunier* đối với Phan-Thanh-Giản

Nếu *đã* có lòng tốt thành thật, là hồi còn linh-đinh giữa biển từ Việt-Nam qua đến Pháp-quốc thôi. Lên đến Paris, thay vì

(1) Thay vì đi eo biển Malacca để tiết-kiệm thời giờ, lại xuống eo biển *La Sonde*, ở giữa hai đảo *Sumatra* và *Java*. Phải có duyên cớ song chưa rõ,

(2) Đảo có pháo-đài của Anh-cát-Lợi trong eo biển *Bab-el-Mandeb*, nằm giữa xứ *Arabie* và *Phi-châu* nối liền *Hồng-hải* và *Ấn-Độ-dương*.

(3) Eo biển ngăn đôi nội-địa *Ý-đại-lợi* và đảo *Sicile*.

nói bên phe cụ Giản cho sứ-bộ chuộc đặng ba tỉnh miền Đông, Lý-Á-Nhi chống lại. Lúc bấy giờ, từ ngày 13 tháng 9 năm 1864 đến tháng 11 mà nói nghịch lại chuyện chuộc ba tỉnh miền Đông Nam-kỳ là một điều nặng, ngăn cản ông Giản trong sự thi-hành khéo léo sứ-mạng mình cho có kết-quả mong muốn. Vì xã-giao hoặc cảm-tình cá-nhơn mà Lý-Á-Nhi chia buồn. Chỉ có thế thôi, chớ trong đầu óc nghĩ khác. *Lý-Á-Nhi* cũng có gián-tiếp dự phần nào trong nguyên-nhơn cái chết của *Lương-Khê*. Quyền-lợi hai quốc-gia tương khác nhau, hai người lại ở hai quốc-gia đương xung đột ấy.

Hồi ở Paris, nhơn nghe phong thanh Hoàng-Đế Napoléon III coi mòi thuận-ý cho sửa lại Hoà-ước ký-kết ngày 5-6-1862 giữa Bonard, Palanca và Phan-Thanh-Giản, Lâm Duy-Hiệp, Lý-Á-Nhi hối hả cho ấn-hành một quyển sách con nhan-đề *La question de la Cochinchine au point de vue des intérêts français*. Lý-Á-Nhi lấy bút-hiệu là Abel. Tiếng nầy do ba chữ đầu Adrien-Barthélemmy-Lous làm ra: A+Bé+L.

« Trong sách nầy có đoạn như sau đây:

« ... ví-dụ như người ta trả cho Tự-Đức ba tỉnh miền Đông Nam-« kỳ, thế nào cũng phải giữ lại nhiều điểm để bảo toàn sự an-ninh « cho người Âu-Tây và bảo-đảm sự thương mãi đặng chừng nào hay « chừng ấy.

« Thế thì chúng ta có nhà trức-trách cao cấp Pháp, kèm « theo một bên là nhà đương-cuộc Việt, nhưng dưới quyền kiểm-soát « toàn vẹn của Trào-đình Huế. Phải thú-nhận rằng việc nghe với « nhau giữa hai Chánh-Phủ là khó khăn, trừ phi ra mé bên đây phải « chìu theo ý-muốn của mé bên kia. Vậy thì gặp những điều-kiện « khúc mắt nếu muốn thực-hành kế hoạch ấy! Ngoài những chướng-« ngại tinh-thần còn có những trở lực về hình thể và về vật-chất; « sự thông-dịch các điều chỉ-dẫn, những trường-hợp mới hay là không « ngờ trước, đều phải cậy nhờ nơi Trào-đình Huế, những sự tranh « tụng, những sự khắc biệt tánh nết và phong-tục, những sự bế tắc

« phải có của thương-mãi bắt buộc phải nhờ nhà trực-trách ngoại-bang « [là Việt-Nam] tham lam, sự chậm trễ của các loại giao-dịch : đó những « chướng-ngại là vậy. Nhưng những sự kể trên là ít trở ngại. Hãy « xem xét các chi-tiết của kết-quả nguy hại cho cuộc thương-mãi, kỹ « nghệ, canh-nông, và nhất là nguy hại cho luân-lý và đạo-giáo, « nguy hại cho vai tuồng khai-hóa [sic] mà với vai tuồng ấy mới giắc « dẫn chúng ta đến chốn nầy.

« Còn về thương-mãi muốn hiểu cho rõ rệt vấn-đề, hãy trở « lên hồi trước khi chúng ta đến Nam-Kỳ. Lục-Tỉnh cung cấp dễ dàng « cho sự xuất-cảng 80 000 tấn gạo trắng nghĩa là với số gạo ấy, mỗi « năm người ta nuôi sống đặng 150 000 gia-quyến. 80.000 tấn gạo trắng, « ấy là gốc và dung-lượng của cuộc thương-mãi của ta, trong khi « chờ đợi cho phát-triển những phó-sản khác. Nay tất cả cuộc xuất- « cảng ấy phải bị *đoạt* [ravi] ; 80.000 tấn gạo ấy đi đâu nếu chúng « ta cho chuộc lại ba tỉnh miền Đông.

« Từ 8 tới 9 phần 10 xuất-cảng ra Huế và những tỉnh chung « quanh Huế, để nuôi dưỡng dân chúng ít trồng trọt ; dân-chúng ở « đây trồng thứ khác ít nhọc nhưng nhiều lợi. Gạo ấy còn để nuôi « dưỡng binh đội rất đông của Trào-đình Huế, gia-quyến các quan đều « nhờ số gạo ấy. Hồi trận giặc mới rồi, giá sanh-hoạt ở Huế tăng « lên, vì dân-chúng ở đó và các tỉnh kế cận không thể làm ruộng « đặng. Hai nguyên-nhơn ấy làm cho Triều-đình Huế rất tiếc cái kho « lúa, nên nhường lại cho ta một cách khó khăn và thêm vào lý lẽ « trên là những tỉnh ấy là cái nôi của trào-đại nhà Nguyễn bây giờ « [bên ngoại của Tự-Đức chớ không phải bên nội]

« Dĩ nhiên, những sự vật đã xảy ra trước khi chúng ta tới « đây, rồi sẽ xảy ra nữa, với hệ-thống ấy còn lại từ 8 tới 10.000 « tấn để xuất-cảng về phần Âu-Châu, còn phải tính vô đó cuộc buôn « bán lẻ của người Trung-Huê.

« Vậy thì kỹ-nghệ nào phát-triển nổi với hệ-thống không bảo- « đảm chút nào cho tư-bổn ? Có người nào tin vào lời nói của quan « Việt, khi người ta mua chuộc quan nầy với vài đồng bạc ? [Khinh

« khi quá] Không có một tí bảo-đảm nào cho các cuộc khai-thác « như trại cưa, hãng đường, hãng làm màu chàm, sở nuôi tằm v.v.. « các cuộc nầy đã thiết-lập, dưới quyền cai-trị của chúng ta. Sự « *nhượng* [?] lại các tỉnh là một sự mất mát tất cả các kỹ nghệ

« Về canh-nông cũng thế. Có sự tin cậy nào trong hiệp-đồng, khi « ký kết rồi với nhà chức-trách ấy? Với phương-tiện nào để đẩy « dân-chúng đi trên đường tiến-phát, dân-chúng sợ bị lột hết của cải « bởi các quan của họ [?], trong lúc đó ở với chúng ta thì yên « vì giàu có là phần thưởng của sự làm việc, sự sáng-kiến của họ? « Thói làm việc theo xưa cứ đi mãi: với hệ-thống ấy không làm « sao sửa đổi đặng.

« Nhưng mục-đích quan-hệ hơn, long-trọng hơn của sự có mặt « ta trong xứ ấy sẽ trở nên ra sao? Không thể thực-hiện mục-đích « ấy đặng sao? Vả lại, chúng ta sẽ cho gương nào đối với dân- « chúng? Chúng ta nuốt lời hứa đối với toàn dân, đối với cả khối « người qui thuận ta vì tin cậy nơi lời hứa ấy; và không phải là « số ít mà là hơn phân nửa dân-chúng trong ba tỉnh. — Nếu chúng « ta cho chuộc lại ba tỉnh ấy biết bao nhiêu là máu sẽ đổ để trả « thù, trả oán! ABEL, *La question de la Cochinchine*, pp. 22 et 23.

Quí bạn xem qua và suy nghĩ kỹ bài dịch trên đây thì biết chỉ vì xã-giao với cảm-tình cá-nhơn mà *Rieunier* viết một đoạn trên bài tựa sách, để chia buồn vậy thôi, ngoài ra *Rieunier* nghịch hẳn chánh-kiến đối với *Phan-Mai-Xuyên* vậy.

## VÀI HÀNG ĐIẾU KINH-LƯỢC ĐẠI THẦN CỦA VIAL.

« Ông ấy là khôn ngoan và sáng suốt hơn tất cả người Việt- « Nam khác, trong năm năm cương-quyết chiến-đấu không ngừng chống « thế-lực của ta, vài lần hòa mình vọng-đoán và với ảo-ảnh của đồng- « bào ông, tới điểm ông ước-ao rằng có lẽ chúng ta hủy bỏ sự bảo- « đảm vật chất, hủy bỏ sự lo cứu nạn và cứu tự-do [tự-do tín-

« ngường] của nửa triệu tín-đồ Công-giáo núp dưới sự bảo-vệ của
« ta, theo lời phán của vua Tự-Đức, nhưng, tiếp-xúc với chúng ta,
« Phan-Thanh-Giản chịu sức thu hút của phong-tục và tập-quán ta và
« nhứt là ý-tưởng tôn-giáo. Sau cùng, ông hiểu rằng, chúng ta có
« một sự tổ-chức xã-hội cao hơn, linh-động hơn, có tự-do hơn, rộng
« lượng hơn người Đông-phương; ông biết phán-đoán sự ích-lợi sự
« tự-do thương-mãi và sự truyền rộng khoa-học tới đại-chúng; và
« vì yêu đồng-bào, vì muốn cho đồng-bào ông đặng hạnh-phúc, ông
« vững lòng tin nơi tương-lai của họ, nhưng sau cùng ông phải bỏ
« mặc cho vận-mạng của họ, cặp mắt ông không khỏi mến tiếc những
« chuyện đã qua, luôn luôn lương-tâm do dự giữa sự sinh-hoạt mới
« mẻ đang xúc-cảm đến trí-tuệ ông và những kỷ-niệm ngàn xưa trong
« tim ông, đang đem ông trở lại với nguồn gốc của tuổi thanh-xuân »

Để chứng-tỏ thêm lần nữa sự trong sạch, sự không vụ lợi trong việc chăn dân, các bạn hãy nghe một đoạn của *Vial*.

« Chiều ngày ấy [chúa-nhựt 17-11-1867 nhằm 20 tháng 10 Đinh-
« Mão], gần tới *Bảo-Thạnh*, quê hương của Phan-Thanh-Giản, người
« ta đi ngang qua ruộng trồng thuốc và trồng bông vải, vài trại
« lớn nằm thưa thớt giữa các đám thuốc, đám bông. *Một trong nhiều*
« *nhà lợp bằng tranh, là nhà của cựu-bộ-trưởng trào Tự-Đức, trong*
« *một thời-kỳ lâu dài.*

« Mả của Phan-Thanh-Giản xây mới vừa rồi, nằm bên lề đường
« và chưa có chữ nào trên mộ bi. Một nho-gia hạ bút đề trên mặt
« trước của khuôn mả khiêm nhường ấy: « Các người con không
« vưng lời thân-phụ ».— VIAL, tome II, p. 181.

[Thay vì nghe lời ông là không chống lại cũng không nên phục-vụ Tân-trào thì trái lại hăng hái chống Tân-trào, thế nên mới có câu nói của nho-gia nào đó.]

## ■ KẾT-LUẬN: TÌM HIỂU NHỮNG NGUYÊN-NHÂN CÁI CHẾT CỦA KINH-LƯỢC ĐẠI-THẦN.

Ngày chúa nhựt 4 tháng 8 năm 1867, tháng 8 năm 1967.

Một trăm năm đúng.

Không biết có ai tìm những nguyên-nhơn cái chết của *Phan-Tinh-Ba* chưa?

Dầu có rồi, ta tìm lại để làm bài học chánh-trị nằm trong đó, dầu chưa, chúng ta đáng nên kiếm hiểu để thêm vào kiến-thức mỏng manh của chúng ta.

Thoạt đầu tiên ta nói *La Grandière* giết *Phan-Thanh-Giản*.

Chuyện ấy đã đành vậy, song còn nhiều nguyên-nhơn khác.

Vậy tôi xin kể ra đây.

### ● VIỄN-NHƠN.

**Một.**— Thể-chế nhà vua.

Từ ngày lập quốc, tới các vua Nguyễn, nhà nầy liên-tiếp đến nhà kia, xúm nhau đè đầu cỡi cổ dân đen, khiến dân-chúng ngóc đầu không nổi. Thoản có cách-mạng, lẽ cố-nhiên là vì bất bình chuyện đại-sự nào đó, như cuộc cách-mạng Lê-Văn-Khôi, thì bị đàn áp một cách ghê sợ, vì nhà vua nào cũng tự cho là con Trời có độc quyền yêu nước.

**Hai.**— Nền kinh-tế canh-nông

Khi đụng đầu với nền kinh-tế phát-triển của Âu-châu tức nhiên nó phải kém ngay đủ mọi mặt, mà người mình cũng không hiểu đường nào cải-cách kinh-tế cho kịp thời. Kinh-tế yếu, tài-chánh lụn luôn.

**Ba.**— Chiến-thuật, chiếc-lược, chiến-cụ, đều ở đời trung-cổ, súng ống mua lại của Tây-phương thải ra, việc thua trận là luật tự-nhiên.— *Sử Địa* số 3, *Trương-Định*, trang 40 dòng 28 tới 32.

Bốn.— Tư-tưởng, học-thuật, văn-hóa, nhứt là tư-tưởng đều một mực theo Khổng-Mạnh, mà các ông ấy đã sống hơn 2 400 năm trước, đến thời ông Giản nó đã xưa lắm rồi Từ đầu đến cuối theo Khổng-Mạnh-học là tự ru ngủ và tự uống thuốc độc mà chết.

Bốn viễn-nhân bao trùm đời sống quốc-gia Việt-Nam trong ấy có Phan-Kinh-Lược.

## • CẬN-NHƠN.

Một — Lựa ông Phan hoặc ông nào khác đi sứ Pháp quốc hoặc làm sứ-thần ở Sài-Gòn đều thất-bại, vì tất cả là quan lại, do học thuật một chiều mà lên ít sáng kiến, tình-cảm còn mộc-mạc, ngay thật, không bằng người Tây-phương đã có một học-thuật ngoại-giao khoa-học, sắc sảo hơn, biết xoay trở theo thời, nhứt là biết cặp theo dò xét, như đi chốn nào ông Giản cũng gặp Hà-Bá-Lý, xuống tàu đi Tây-Ban-Nha, có Hà-Bá-Lý theo [B.A.V. Huế *1921, p. 281*] cốt là để dọ dẫm coi sứ-bộ có bí-mật vận-động gì bên trào Tây-Ban Nha chăng ?

Hai.— Người Pháp biết phá ảnh hưởng của Phan-Kinh-Lược, như Rieunier cho ấn-hành quyển sách con để chận đứng những yêu-sách của sứ-bộ ; Abel, La question de la Cochinchine...

Ba — Sự ganh-tị, dèm pha của các quan Việt thường nói ông Giản đi xa về mặc sức nói dối.

Bốn.— Tất cả những tổ-chức của Việt-Nam đều yếu kém thì ngoại-giao cũng suy đồi luôn.

Bao nhiêu viễn-nhơn và cận-nhơn qui tụ lại thành ra cái chết của *Phan-Đạm-Như*.

Một trăm năm sau, người viết bày nầy chơn thật mà nhỏ hai giọt nước mắt thương tình trước anh-hồn Phan Kinh-Lược, một nạn-nhơn của chế-độ độc đoán, lụn bại mà các sĩ-phu từ đời xưa tới thời Phan-Tinh-Ba đã noi theo.

*PHÙ LANG*

18-6-1967—18-7-1967

## NHỮNG SÁCH, BÁO DÙNG ĐỂ THAM-KHẢO


Paulin VIAL, *Les premières années de la Cochinchine*, Tome I, pp. 220, 282, 283 — Tome II pp. 256, 318, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 74, 75, 76, 87, 88, 89, 95, 98, 99, 104. 122, 123. 124, 125, 126, 127, 128, 129, 130 131, 132, 133, 135, 136, 137, 138, 139, 140, 142, 144, 145, 147, 148, 212, Paris, Challamel Ainé Libraire, Editeur, 30 rue des Boulangers, 1874.

Jean BOUCHOT, *Documents pour servir à l'Histoire de Saigon*, Imprimerie Nouvelle, Albert Portail, 1927, p. 109.

Pierre DAUDIN et LÊ VĂN PHÚC, *Phan-Thanh-Giản et sa famille, Bulletin, de la Société des Etudes Indochinoises*, 2ème trimestre, 1941, p. 29 et suivantes.

CAO XUÂN-DỤC, *Sử Quốc Triều Chánh Biên toát yếu*, quyển II, trang 358, 359.

TABOULET, *La geste française en Indochine*, Tome II, Adrien, Maison neuve, 11 Saint Sulpice, Paris 6ème, 1956, pp. 549, 518, 519, 488.

Alfred SCHREINER, *Abrégé de l'Histoire d'Annam*, 2ème édition, Imprimerie Coudurier et Montégout, Sài-gòn, 1906.

ABEL, *La question de Cochinchine au point de rue des intérêts français*, Paris, Challamel Ainé Ed teur, 1864, réédition de la Société des Etudes Indochinoises, 1928, pp 22, 23.

Eliacin LURO, *Le pays d'Annam*, Paris, Ernest Leroux éditeur, 28 rue Bonaparte, 1878, pp. 103 104.

*Bulletin des Amis du Vieux Huế*, Avril-Juin 1932, auteur: Lê-Thanh-CẢNH, pp. 237, 238, 239.

*Bulletin des Amis du Vieux Huế*, 1919.

*Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises*, Tome XVII, No 2, 3ème trimestre, 1942 Hanoi, IDEO, 1902, auteur: TABOULET.

*Sử - Địa số 3*, Nguyễn-NHÃ chủ-nhiệm, nhà sách Khai-Trí bảo trợ, nhà in Việt-Hương, 17-9-1966, trang 41, 40 dòng 28 tới 32.

*Văn Lang tuần báo* số 15, tháng 11 năm 1939, bài: *Ngày cụ Phan-Thanh-Giản từ trần* tác giả: Lê-Thọ-XUÂN.

*Annuaire de la Cochinchine*, 1867.

*Annuaire de la Cochinchine*, 1869.

Désiré LACROIX, *Numismatique annamite*, Saigon, Imprimerie Ménard Legros 1900, p 167.

# CHUNG QUANH CÁI CHẾT VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA PHAN THANH GIẢN

## *TRƯỚC CÁC BIẾN CỐ CỦA NAM KỲ cuối Thế kỷ XIX*

PHẠM VĂN SƠN ■

Cho tới ngày nay chúng ta đọc sử đều chỉ được biết rằng Phan-Thanh-Giản đã rất tuyệt vọng sau khi ba tỉnh miền Tây lọt vào tay giặc Pháp, Ông đã ân hận bởi coi việc mất vùng đất phì nhiêu, thịnh vượng của Quốc-Gia là trách nhiệm của mình do đó tâm sự bi thiết của ông đã được diễn tả trong lá sớ di-bút của ông, (1) để tạ tội với vua với nước như sau:

... « *Nay gặp thời suy bĩ, việc dữ khởi ở trong cõi, khí xấu xuất hiện ở biên thùy, trách nhiệm giữ an nguy ở Nam-kỳ, đến thế này tôi không ngăn nổi, thật đáng tội chết Nay không dám sống cẩu thả để nhục cho vua, Đức Hoàng Thượng rộng xét xưa nay hiểu rõ lẽ trị loạn, người thần kẻ hiền trong nước cùng lòng giúp đỡ, kính cẩn phép trời thương người cùng khổ lo trước tính sau, đổi dày thành bánh, thế còn làm được, tôi tới lúc tắt nghỉ nghẹn ngào không biết nói sao, chỉ gạt nước mắt tỏ lòng quyến luyến trông mong khôn xiết...*

(1) *Sử Địa* có đăng trong số này trọn lá số, trong phần «Lương Khê Thi Thảo» (Tòa soạn ghi chú).

Xem lời sớ trên đây ta có thể nghĩ rằng vào địa-vị Phan ta cũng chỉ nói ra những lời trên mà thôi nghĩa là phải can đảm nhận mọi phần lỗi về nơi mình, vả chăng đổ trách-nhiệm cho ai bây giờ? Con người có học thức, có đạo đức đều không có thể làm khác được do sự tự-ái của mình, do danh diện của mình trước Triều-Đình cũng như trước dân chúng.

Năm mười năm sau Nguyễn-tri-Phương và Hoàng-Diệu mất thành thua giặc cũng phải lấy cái chết tương-tự để xứng đáng là phương diện quốc-gia (Hoàng-Diệu tự treo cổ sau Võ-miếu, Nguyễn Tri-Phương cũng từ bỏ sự ăn uống để khỏi sống nhục trước mắt địch).

Nhưng về trường hợp của Lương-Khê tiên sinh (biệt hiệu của Phan-Thanh Giản) ta không khỏi ngạc-nhiên là có nhiều tài-liệu nói rằng cụ không có ý tự vẫn sau khi ba tỉnh Vĩnh-long, Châu-Đốc và Hà-tiên rơi vào tay giặc Pháp và về chánh trị cụ đã làm nhiều việc sai lầm hết sức nghiêm-trọng. Những tài-liệu này không thấy được nêu ra từ trước đến giờ do đó mà hầu hết mọi người chúng ta đều nghĩ rằng Phan-Thanh-Giản đã buồn vì mất miền Tây mà quyên sinh và cụ cũng không có gì đáng chê trách về mặt chính trị. Đứng trên khía cạnh văn học chúng ta thấy rằng mọi vấn đề đều phải được sáng tỏ, không một sự thật nào được bưng bít nhất là trách nhiệm của con người đối với Quốc-Gia do đó mà các tài liệu thuận hay nghịch đều cần được trình bày, phanh phui để rọi ánh ánh sáng vào các vấn đề Quốc-Gia trọng sự hay hành động của các nhân vật đã hay đang đi vào lịch-sử. Con người của khoa học khi làm nhiệm-vụ không được đặt tình cảm vào đâu biết, chỉ hết phục vụ Chân-Lý mà thôi. Hôm nay chúng tôi đưa ra tài liệu ngược chiều là do ý niệm này để bạn đọc nếu thấy gì lạ hơn hoặc thấy gì lầm lỗi thì xin hưởng ứng để cùng cứu xét vấn đề.

A.— Theo tài-liệu đăng trong báo *FRANCE-ASIE*, số 109-110 phát hành vào tháng 6 và tháng 7 năm 1955, trang 740-741 dưới

chua là của *Trung-ương văn-thư-khố Đông-Dương*, bìa số 11.807/2 chưa xuất bản, Thiếu-tá *ANSART* có gửi cho Tham-mưu-Trưởng REBOUL một bức thư đề ngày 4-8-1867 có đoạn nói sau khi mất ba tỉnh Miền Tây Phan-Thanh Giản vẫn không có ý quyên-sinh nhưng vì áp-lực của một số quan lớn mà Phan phải dùng độc-dược. Khi các quan còn có mặt ở Vĩnh-Long thầy thuốc LECONIA có đưa thuốc giải độc đến để cấp cứu nhưng Phan từ khước. Người ta đã phải lợi dụng những phút Phan bị ngất đi để đổ thuốc cho ông nhưng muộn quá rồi. Ông già đã nuốt quá nhiều thuốc phiện dấm thanh sau nhiều ngày nhịn đói và sầu muộn...

Cũng trong bức thư này, ANSART kể rằng người Pháp đã tận tình cứu vị Kinh-lược miền Tây nên mới đưa thầy thuốc LECONIA tới. Có điểm đáng chú ý: Sau khi các quan rời Vĩnh-Long, thì Phan không những chịu uống thuốc giải độc lại còn thiết tha sống là đàng khác. Phan luôn luôn hỏi cha MAC: «Tôi có thoát chết được không Cha?»

Ngoài vấn đề này, ANSART còn nói đến việc Phan gửi ông ta vài ngàn quan tiền Pháp để chi dụng vào việc học hành của các cháu (cháu gọi bằng ông) ở Sài-gòn vài ngày trước khi Phan thở hơi cuối cùng.

*Il me témoigna quelques jours avant l' accomplissement de sa funeste résolution le désir de me laisser quelques milliers de francs* (1) *pour subvenir aux frais de leur* (*ses petits enfants*) *éducation à Saigon.*

Đọc đến đây, chúng tôi cảm thấy có một điều bất thường: Phan-Thanh Giản không có quyên-sinh, nhưng nếu quyên-sinh là điều rất bất-đắc-dĩ. Nay xin hỏi tại sao họ Phan đề mất thành mà không muốn tự vẫn, ông ham sống chăng? Và vì sao người ta muốn Phan chết?

Để thỏa mãn ba câu hỏi trên đây, chúng ta hãy tìm hiểu nội tình vua quan dưới đời Tự-Đức và vấn đề Pháp xâm lăng Việt-Nam nói chung, Nam-kỳ nói riêng vào giữa thế kỷ thứ 19.

(1) Xin nhắc rằng đồng quan thuở ấy là đồng vàng (Franc or).

Vấn đề này đã làm cho Triều-đình Huế hết sức bối rối. Ngay từ Minh-Mạng, tức là trên hai chục năm trước, nhà vua và các triều thần đã hiểu Pháp có những ý định đen tối thế nào đối với Việt-Nam và Minh-Mạng đã cử một phái đoàn ngoại giao qua Pháp và qua Anh do Tôn-Thất-Thường cầm đầu. Không ai đọc sử có thể quên rằng sau khi vua Gia-Long hạ được con cháu nhà Tây-Sơn, ngài đề áp dụng ngay chánh sách đóng cửa khóa nước với Tây-phương. Với chính-phủ Hoàng-gia Anh-cát-Lợi đưa quốc thư xin vào giao thương với Việt-Nam và tặng-phẩm đệ lên nhà vua cũng bị cương quyết từ khước mấy lần, riêng với Pháp nhà vua còn nể mặt bọn công thần khai quốc là Chaigneau, Dayot, Vanier, De Forsan v.v... nên không nỡ hắt hủi ra mặt. Ít năm sau vì sự lãnh đạm mỗi ngày một rõ rệt, bọn Chaigneau lần lượt viện cớ hoài hương cuốn gói lên đường, nhưng đến Minh-Mạng thái độ bài ngoại của Huế đã không còn úp mở đối với họ do đó mà không-khí Việt-Pháp mỗi ngày một trở nên căng thẳng. Chủ-trương bài Tây-phương thật ra không phải là không có lý do xác-đáng. Vua Gia-Long là con người rất thông-minh đã có mắt nhìn sang các lân quốc nên rõ hơn ai hết thuở ấy dã tâm của bọn da trắng ào-ạt kéo sang Á-Đông khiến bao nhiêu tiểu-nhược-quốc đã thành thuộc-địa hay điêu đứng vì họ kể từ Ấn-Độ, Mã-Lai, Miến-Điện, Nhật-Bản v. v... vào những năm cuối của hậu bán thế kỷ 18 trở đi. Áo dài thâm đi trước, bộ đội thực dân đi sau là hai hiện-tượng nối liền làm cho vua Thế-tổ nhà Nguyễn phải hốt hoảng, sau đó đã tiểu-dĩ cho Minh-Mạng những thủ đoạn ghê ghớm của Tây-phương để liệu bài đối phó về tương lai. Ngoài ra ngoài đã nằm gai nếm mật với, nhiều tướng tá Tây-phương tới giúp ngài đánh Tây-Sơn cũng là những dịp thuận-tiện để ngài thăm dò chủ-trương của Tây-phương đối với các nước lạc-hậu đời bấy giờ, sau khi nền kỹ nghệ và tư bản của họ bành trướng quá mạnh đang đòi hỏi thị-trường và nhân công cùng vị-trí kinh-tế, thương mại ở các vùng đất còn dã-man hay bán-khai.

Đến Minh-Mạng, Ba-Lê nài ni kề cả dọa nạt Huế rất nhiều

về việc xin truyền-giáo rồi vụ đàn áp đạo Thiên-chúa dưới con mắt của các nhà sử-học là điều tất nhiên phải xảy ra do chủ trương kể trên của vua Thế-Tổ. Triều-đình Huế biết rằng sớm muộn Pháp sẽ gây sự và họ là một cường quốc trội hơn mình về mọi phương-diện sẽ không khỏi có mối nguy nên vội cho sứ-đoàn Tôn-Thất-Thường qua Ba-Lê và Luân-Đôn xoa dịu tình thế giữa Việt-Nam với hai cường quốc Anh — Pháp mà Triều đình vẫn quen gọi là Bạch-Quỷ. Trong dịp phái đoàn có mặt trên đất Pháp, Hội truyền giáo ngoại-quốc và những phái-viên bí mật của điện Vatican đã ngấm ngầm vận động với các nhà cầm quyền bên bờ sông Seine tẩy chay mọi cuộc giao hảo với Huế bởi thế bọn ông Tôn-Thất-Thường đã thất bại trên sứ-mạng.

Điều chắc chắn là phái đoàn ngoại-giao này sau khi trở về đã tâu bầy rõ ràng tình hình tiến bộ một cách kỳ diệu của các dân tộc bên kia Đại-Tây-Dương, thái độ kiêu hùng và chủ trương đế quốc của các nước da trắng. Người lưu ý đến vấn đề phú cường của Tây-phương nhiều nhất ngay từ thuở đó có lẽ là Phan-Thanh-Giản nên ông đã có sự theo rõi cáo hoạt-động của Tây-phương cho tới khi bọn Rigault de Genouilly mang chiến thuyền vào pháo-kích lần đầu tiên các hải đồn Đà-Nẵng mãnh liệt như trời long đất lở vào mùa thu năm Đinh-Vị (1847).

Từ đó bọn Phan nảy ra ý chủ hòa và đây là một sự-kiện dĩ-nhiên khi người ta không tìm ra một lối thoát hay một phương tiện nào đủ khả-năng chống quân xâm lược quá mạnh.

Đến đời Tự-Đức chánh sách thực dân bắt đầu mở màn bạo liệt hơn bao giờ hết và xin kể dưới đây những sự lúng túng của Huế trước khi Việt-Nam bắt đầu viết những trang vong quốc sử bi-đát của mình.

Những hoạt cảnh bi-đát:

Tháng 4 năm 1857 vua Na-Pô-Lê-Ông đệ tam đã thiết lập một ủy ban nghiên cứu các vấn đề nước Nam (Commission de la Cochinchine) rồi ngày 18-5-1857 ủy ban này đệ trình lên nhà vua quyết định mở cuộc viễn chinh qua Việt-Nam. Ngày 15-7-1857, Hải-quân Trung-Tướng Rigault de Genouilly được lệnh đem 15 chiếc chiến-hạm, 1500 tên lính Âu-châu cùng 850 tên lính Phi-luật-Tân, thuộc dân của nước Tây-Ban-Nha đánh vào cửa Đà-Nẵng. Vua Tự-Đức cho hạ ban 2000 lính, cử Trần-Hoàng, Tổng-Đốc Nam-Ngãi, Tham-Tán Đào-Trí đốc thúc cuộc chống Pháp rất gay gắt. Sau đó lại cử thêm nhiều danh tướng tham gia việc ngan giặc kể cả Nguyễn-tri-Phương là tướng kỳ-kiệt nhất của triều-đình bấy giờ. Kết quả rất là bi thảm vì quân ta thua khap nơi, đồn ải bị thất thủ mặc dầu tinh thần kháng địch của Việt-Nam rất hăng hái luôn hai tháng ròng.

Hai thành An-Hải và Điện-Hải bị hãm rồi đồn Nại-hiện, Hóa-quê cũng bị tấn công, tướng tá chết cả đống tuy được vua Tự-Đức tăng viện rất nhiều. Qua năm Kỷ-Mùi (1859) quân Pháp lại đánh đồn Hải-Châu. Tướng giữ hai nơi này là Tống-Phước-Minh và Nguyễn-Duy cũng thua.

— Sau do khí-hậu xấu, quân Pháp bị dịch tả nạng nề nên ý định tiến lên Huế của họ bị bãi bỏ, điều này cũng còn bởi họ không có chiến thuyền nhỏ để xông vào thủ-đô nhà Nguyễn. Ngoài ra giặc lại được tin có mười ngàn quân Việt đang tăng cường từ Huế tiến vào Đà-Nẵng nên Rigault de Genouilly liền cho tàu nhỏ neo trực chỉ Nam-Kỳ với ý định chiếm đánh xứ này làm nền tảng cho đế-quốc vị lai. Y để Đại-Tá Toyon và một số bộ đội ở lại Đà-Nẵng. Thế là 5 tháng sau chiến dịch đánh phá cửa bể chính yếu của Trung-Kỳ bấy giờ, quân Pháp xuất hiện ở cửa bể Cân-giờ rồi tiến vào sông Sài-gòn tấn công thành Gia-Định.

Từ mồng 9-2 đến 17-2-1859 hai quân giáp chiến, hỏa lực của địch rất mạnh nên quân Việt-Nam thua tơi bời rồi bị chạy

tứ tán đi các tỉnh lân cận. Đề-đốc Võ-duy-Ninh, Án-Sát Lê-Từ tuẫn tiết, Trương-văn-Uyển Tổng-Đốc Long-Tường (Vĩnh-Long Định-Tường) đem quân ứng viện tới cứu Gia-Định thấy thành này đã mất phải vội rút lui.

Sau khi thanh toán được vị trí này Rigault de Genouilly giao thành cho Trung-tá hải-quân Jauréguibéry rồi lại trở ra Đà-Nẵng. Họ lại công hãm các đồn dễ dàng như mấy lần trước và họ đi đến đâu Nguyễn-tri-Phương phải rút quân đến đó.

Lúc này việc giao thiệp giữa Pháp với Trung-quốc có nhiều sự lôi thôi nên Rigault de Genouilly đưa ra vài đề nghị giảng hòa là: xin tự do truyền giáo, tự do thương mại và đặt một cơ-sở để thi hành Hòa-ước.

Triều-đình Tự-Đức họp các quan để giải quyết vấn đề gồm ba điểm: Hòa, thủ, chiến.

Phan-thanh-Giản, Trương-đăng-Quế đứng đầu phe chủ Hòa lấy cớ cơ-giới của địch quá mạnh, ta chống không nổi, tuy nhiên hãy cố thủ đã rồi mới nghị hòa để giảm bớt tham vọng của đối-phương.

Một số đông người khác còn nêu ra vụ Triều-Thanh cũng phải chịu thua « *Bạch-Quỷ* » ở các thương cảng, nay ta còn kém Trung-quốc mà đo tài thử sức với họ chưa chắc đã làm hơn được, nên lấy cách chủ đãi khách mà đối phó là tốt hơn cả, nghĩa là thi hành kế trì cửu rồi tùy cơ ứng biến sau.

Còn nhiều người khác trái lại nêu vấn đề Công hơn Hòa hay Thủ. Đứng đầu có Tô-Linh, Phạm-Hữu-Nghị, Hồ-Sĩ-Thuần v.v...

Nguyễn-tri-Phương được vua cử qua mở cuộc thương-nghị với Pháp, trách Pháp đưa ra quá nhiều yêu-sách. Cuộc bàn cãi kéo dài và không mang lại một kết quả nào.

Vua Tự-Đức trước sự bối rối của các đình-thần, kẻ chẳng người chuộc, hạ chiếu trưng cầu ý kiến toàn quốc, quan từ trí-

huyện trở lên, đại chúng thì đủ mặt sĩ dân, rồi cũng chẳng ai nghĩ được phương-lược giá trị nào cho tới khi Gia-Định, Biên-Hòa, Định-Tường đổi chủ một cách thê thảm.

Cuối cùng Hòa-ước nhường ba tỉnh miền Đông dù muốn hay không đã thành hình vào mồng 5-6-1862. Và khi tin Hòa-ước đã ký xong sĩ-dân toàn quốc đều nổi lòng công phẫn (2). Phản ứng đầu tiên là của đồng bào Nam-kỳ, được biểu hiện trên lá cờ của Bình-Tây Nguyên-Soái Trương-Định bằng câu thóa mạ hai đại diện của triều-đình và thống trách vua quan đời Tự-Đức :

*Phan, Lâm bán nước, triều đình khi dân.*

Để dẹp phong trào căm phẫn của những người dân yêu nước vua Tự-Đức cách lưu Phan-Thanh-Giản giáng chức Đoàn-Thọ, Trần-tiễn-Thành và truy đoạt tước hàm của Lâm-duy-Hiệp vì ông này chết sau khi ký Hòa ước ở Nam-kỳ trở về.

Cũng nên nhắc rằng ngày 14-6 năm ấy Phan, Lâm ở Sàigòn lại kinh đã bị vua Tự-Đức quở như sau : *Ôi con dân mấy triệu, tội gì mà khổ thế? Thật là đau lòng. hai ngươi không những chỉ là tội nhân của triều-đình mà còn là tội nhân muôn đời của hậu thế!*

Ngày nay người ta trách Phan, Lâm rằng trong khi hai ông vào thương thuyết với Bonard về ba tỉnh miền Đông, dân chúng Nam-kỳ đang tích-cực, chống thực dân Pháp khiến trong việc này chúng phải thay đổi các tướng lãnh chỉ huy luôn luôn ; địch

---

*(2) Năm 1859 sĩ dân toàn quốc từ Bắc chí Nam gửi sớ vào triều đòi đánh giặc, có người tự động thành lập các bộ đội chí nguyện quân kéo vào Nam chống Pháp đã bị triều đình giữ lại ở Huế hay đuổi về Bắc. Thì Phan-Thanh Giản tâu : « Người ta có thể tưởng tượng ra nhiều cách phòng ngự, nhưng sự thực là chúng ta không thể chống nổi những cuộc tấn công của Tây-phương... »*

*Tinh thần chủ hòa và chủ bại của họ Phan ngay ở câu này đã đủ rõ (Lời tâu của Phan trích ở* Bulletin des Amis du Vieux Huế *1928 - 1929).*

còn phải rút lui về các trị-trấn, bởi ta đã lấy lại được ảnh hưởng ở gần hết các vùng thôn quê. Ngoài ra Pháp còn đang mắc kẹt ở trong nhiều cuộc chiến bại tại Mexico như vậy mà đại diện Việt-Nam lại chịu vừa mất đất, vừa nhận bồi thường chiến tranh quá nặng nề! (Riêng về điểm chót này có thể tha thứ cho Phan, Lâm vì đến cả triều đình Huế của vua Tự Đức bấy giờ cũng mù tịt về các biến cố bên ngoài thế giới...)

Dù sao trong việc cắt đất cầu hòa thuận nộp bồi khoản chiến phí cho Pháp rất nhiều là lỗi của hai ông Phan, Lâm bởi cho tới giờ phút đó triều-đình Huế vẫn còn tinh thần chống giặc, căn cứ vào lời căn dặn của vua Tự-Đức khi ban Ngự Tửu tiễn đưa sứ-giả vô Nam rằng: *đừng khinh suất trong việc nhường đất đai và chấp thuận cho Thiên-chúa giáo công nhiên quảng bá.* Vào việc, buồn thay Phan, Lâm đã mang lại cho quốc gia Việt Nam một Hòa ước hết sức thảm hại nếu không muốn nói là nhục nhã:

a) Nhượng đứt ba tỉnh Gia-Định, Biên-Hòa và Định-Tường.

b) Nộp 14.000.000 đồng bạc làm bồi khoản chiến phí cho Pháp thanh toán trong 10 năm (nghĩa mỗi năm Huế phải trả cho Suý-phủ Sài-gòn 400.000 đồng bạc. Số tiền 14.000.000 đồng bạc ngang với 4.000.000 dollars vì ta không có dollar nên tính ra tiền của ta là 14 triệu nguyên theo giá mỗi dollar là 72% của lượng tức (Taël).

Dưới đây là vài mẩu giai thoại chung quanh Hòa ước Nhâm-Tuất (5 6 1862).

Sau khi ký Hòa-ước đầy tội lỗi trên đây Phan, Lâm di nhiên đã viện mọi lý do xác đáng để bào chữa cho mình khi đã bị vua Tự-Đức thống trách, các bạn đồng liêu dè-bỉu, nhất là Nguyễn-tri Phương, lãnh-tụ của phe chủ chiến và bài Pháp đã khét tiếng tới Suý-phủ Sài-gòn.

Nguyễn tâu vua:

« *Các bạn đồng liêu của Hạ-thần* (*Phan-thanh-Giản và Lâm-duy-Hiệp*) *cứ khăng khăng nói rằng:* « *Trong tình thế nghiêm trọng*

*này, bệ hạ cứ quyết định để mọi người tuân theo Hòa ước Nhưng kẻ hạ thần nghĩ nhân dân Nam-kỳ khó mà chịu nổi ách đô hộ của người Pháp. Họ đã nhiều lần tích-cực chống lại mệnh lệnh của triều đình (trường hợp Trương-Công-Định, Thiên hộ Dương, Thủ-khoa Huân v... v...) bề khác hạ thần không thể chấp nhận ý kiến của Phan-Thanh-Giản và Lâm duy Hiệp là* sau khi ký Hòa-ước với Pháp, nước ta sẽ phú cường, thịnh-vượng. *Trái lại, theo thiển ý, Hòa-ước ký rồi nước ta sẽ nghèo khổ và tổn hại cả về nguyên-lực lẫn tài nguyên (Lịch-sử 80 năm chống Pháp của T-H L).*

Sau khi không thể chối cãi rằng ký nhận các điều kiện do Pháp ấn định trong Hòa-ước Nhâm-Tuất là làm một việc tai hại kinh khủng cho xứ sở, Phan đã tuyên bố: « Tôi đã cân nhắc kỹ lưỡng hành động của tôi, tình hình lúc đó (là lúc đang họp bàn với Bonard) gay go quá, nếu không chấp nhận điều kiện của họ thì cuộc thương thuyết chỉ có tan vỡ mà thôi... » (!)

Đáng buồn cho ta là khi mở cuộc thương thuyết với một kẻ địch xảo quyệt như Pháp, các nhà đương cục Việt-Nam không hiểu tâm trạng của đối phương và cả tình trạng lúc đó của nước họ. Ta không biết lòng người vào trong lòng địch để biết gan ruột địch. Thực ra, như trên đã nói lúc này Mexico (Mễ tây-Cơ) đang lôi cuốn Pháp vào một cuộc chiến tranh tai hại mà Pháp gần như sa lầy ở đó, họ đang chịu nhiều sự thất bại ngoài ra họ còn đang bị nhiều khó khăn về nội trị và tài chánh thì có thể không đòi hỏi qhá đáng. Nhưng thấy thái độ quá ngớ-ngẩn và khiếp-nhược của đại diện Huế, bọn Bonard liền bày trò khủng bố, hậm họe, doạ nạt nên hai họ Phan, Lâm đã nhắm mắt ký Hòa ước, đã thế trong tinh thần của Phan đã có sẵn ý chủ bại thì bọn Bonard chỉ có đi tới và thắng lợi dễ dàng là lẽ dĩ nhiên.

Sau này đi chuộc lại ba tỉnh miền Đông, Tự-Đức cũng lại cử Phan làm sứ-giả phen nữa kèm theo hai vị đại-thần Nguỵ-khắc-Đản và Phạm-phú-Thứ. Phan qua Ba-Lê đóng vai trò Thân Bao Tự khóc như mưa như gió trước sân Tần, Phan cũng

chan hòa nước mắt (1) trước Pháp-Hoàng Napoléon III và Hoàng-Hậu Eugénie « *Xin nhà cầm quyền Pháp thương hại nước Việt-Nam..* » Bộ điệu thiều não của ông già trên 70 tuổi này với những tiếng nức nở đã làm động lòng bà Hoàng-hậu nhưng đã khiến cho những tên trùm thực dân như Chasseloup - Laubat, De la Grandière và nhiều tướng lãnh của quân đội viễn xâm lúc này có mặt đông đủ giữa triều đình hơn một lần nữa nhận thấy thái độ của sứ giả là tất cả những cái gì khuyến khích họ cứ tiếp tục đánh mạnh đánh mau để hoàn thành cuộc thôn tính nước nhà. Bằng cớ là sau khi sứ giả Việt-Nam xuống tàu đi Tây-ban-Nha rồi về xứ, phe chủ chiến mà hầu tước Chasseboup - Laubat cầm đầu đã thành công trong việc thúc đẩy cuộc khói lửa tiếp diễn trên bán đảo chữ S. Lời hứa hẹn của Napoléon III và cuộc hành-trình của Aubaret qua Việt-Nam để bàn lại vấn đề ba tỉnh miền Đông tưởng đem đến Việt-Nam một niềm vui, rút cục đưa lại một cái mừng hụt rồi kết-liễu bằng một sự rút lui lặng lẽ của Aubaret vào Sài-gòn sau một bức điện-văn hủy bỏ cuộc thương thuyết để nhường chỗ cho bọn quân nhân Bộ thuộc địa tha hồ hoành hành cho tới khi một tấc đất của nước Việt-Nam cũng không còn.

Dầu hỏng việc lần thứ hai, Tự-Đức vẫn cử Phsn trở lại Nam-Kỳ để tiếp tục vận động chuộc lại miền Đông và trọng trấn miền Tây-Nam xứ Đồng-Nai.

Đã đáng ngạc nhiên chưa?

Thật ra, nếu nghĩ kỹ và công bằng, ta không nên quên rằng trong giai đoạn khó khăn này của chánh-tình nước ta, Phan đã nhiều lần viện lẽ già yếu và bất lực xin cáo quan về nghỉ; có lẽ Phan đã thấy mình không đương nổi thời cuộc, nhưng bị vua Tự-Đức cố tình giữ lại thì ông cũng theo chánh-kiến của ông bởi ông cho chánh kiến của ông là đúng, nhất

---

*(1) Chúng tôi rất dè dặt về sự kiện này (Tòa soạn ghi chú).*

là nhà vua và các đồng-liêu của ông cũng không đưa ra được một kế-hoạch nào tốt đẹp hơn từ lâu.

Ở đây ta phải trách Tự-Đức và các đình thần của ngài nhiều hơn. Tinh thần chủ hòa, tự-ti của Phan từ ngày ra gánh vác việc nước ở quốc nội, lại sau này đi công-cán Âu-Châu trở về càng ngày càng rõ rồi hơn thế nữa Phan mỗi ngày một nẩy nở thêm nhiều thiện-cảm với Tây-phương, ai mà không thấy? Tóm lại Phan thất bại ngoại giao hết vụ này qua vụ khác, vậy sao triều đình cứ tiếp tục giao phó công việc ngoại vận cho Phan nếu trên chủ trương và chánh sách căn bản triều đình cùng Phan chẳng có sự đồng tình?

Với sự-kiện trên đây người ta có quyền nghĩ rằng triều đình Huế bấy giờ chẳng có đường lối gì hết nếu nói đến việc chống Pháp. Khi bị áp lực của dân chúng thì day tay mấm miệng hô nhau đánh đấm « *Bạch quỷ* » đến tuyệt giống, nhưng khi « *Bạch quỷ* » thắng một vài trận thì lại vội vã bảo nhau đầu hàng và la hét quân kháng Pháp của các ông Trương-công-Định, Võ-duy Dương, Thủ Khoa Huân. Nếu triều đình quả thật không nặng óc chủ bại hay khiếp nhược, người ta đã lựa từ lâu một vị đại thần khác cứng dắn hơn Phan và lập trường chánh trị ngược hẳn với Phan. Trái lại triều đình luôn luôn đặc dụng Phan để đi đôi với Pháp từ Hòa-ước 1862 cho tới khi mất hết xứ Nam kỳ, là năm 1867 và cả vào các việc khi thì phủ dụ, chiêu an, khi thì đàn áp cách mạng Nam-kỳ, đến nỗi khi Pháp trở mặt chiếm nốt ba tỉnh miền Tây, triều đình Huế đã mất hết cả hậu thuẫn của kháng chiến lẫn sự ủng hộ của đồng bào xứ Đồng Nai. Thật vậy, trước những hành động luôn luôn mâu thuẫn, những cử chỉ nay đánh mai ngừng, binh đội yếu hèn và ít ỏi vô tổ chức từ 1862 đến 1867 dân chúng còn làm sao tin tưởng được đám vua quan bên sông Hương núi Ngự! Kể từ giai đoạn này cho tới hết thế-kỷ thứ 19 qua đầu thế-kỷ 20 đồng bào Nam-kỳ bị buông trôi theo số phận của của mình và đành ngừng lại một thời gian để tham gia các

phong trào phản Đế của *Duy Tân Hội*, *Việt Nam Quang-phục Hội* sau này cho tới 1945, toàn dân trục xuất xong mọi mầm mống thực dân Pháp, những kẻ đã giành ngai vàng cho Gia-Long hôm qua lại cũng chính những kẻ đó đã cướp sống địa vị của con cháu nhà Nguyễn hôm nay và trở nên những kẻ thù bất cộng đới thiên của dân tộc ta luôn tám chục năm ròng.

Còn ngày nay bàn về công tội của Phan-Thanh-Giản hay con người chánh trị cùng đạo đức của ông, dù sao ta cũng thấy vấn đề hết sức phức-tạp. Trên nguyên tắc, ta không thể không đặt Phan trong điều-kiện và hoàn-cảnh lịch sử của ông để có sự nhận xét tinh tế và công bằng. Các điều-kiện nào đã tạo thành những yếu-tố chi-phối đời sống cá-nhân và xã-hội của ông? Có nắm vững các yếu-tố đó ta mới có thể quy-định trách nhiệm vào ai trước sự bại vong của quốc gia Việt-Nam vào hậu-bán thế-kỷ 19.

Lịch sử cần phải có sự công bằng không thiên vị cũng như không khe khắt với riêng ai và cũng không thể tha thứ cho những kẻ có trách nhiệm coi thường vận mệnh và tương lai của xứ sở hôm qua cũng như hôm nay.

Vụ án thất thủ lục-tỉnh Nam Kỳ vì vậy không thể không được xét đến vì cho đến nay người ta vẫn chưa đem nó ra bàn. Trong thời thực-dân, sự im lặng có ý nghĩa là người ta muốn không ai nhắc nhở đến những việc có lợi cho chính-sách cướp nước của Pháp nếu có mục đích quy trách nhiệm cho những người thân Pháp hoặc vô tình hay hữu ý đã hoạt động cho quyền lợi của Pháp (3). Giờ phút này ai bịt được miệng của chúng ta?

---

*(3) Phan không những đã nhận mệnh lệnh của Tự-Đức, còn nghe cả Pháp dỉ ch êu dụ bãi binh. Đã bốn lần Phan chuyển thư của Pháp cho Trương-Định, ba lần đích thân tới gặp Trương để khuyên lơn, vó lần suýt chém đầu Trần xuân-Võ do Trương phái đến xin giúp lương. Phan còn sở tấu về triều xin trị tội Trịnh-quang-Nghị là người đã tổ chức dám võ sĩ chuyên đánh úp quân Pháp (Bô-Thành hiếu cổ — Bulletin des Amis du Vieux Huế 1928-1929).*

Có người nói rằng việc ký Hòa ước 1862 cũng như việc nhượng ba tỉnh miền Tây hoàn toàn do Phan-Thanh-Giản, như vậy ông phải gánh hết trách nhiệm. Theo nghĩa-quân đời bấy giờ qua câu « *Phan, Lâm bán nước triều đình khí dân* » thì họ đã gắn liền trách nhiệm của Phan-Thanh-Giản với Triều-Đình Huế.

Một luận thuyết khác còn buộc tội rộng rãi hơn: đó là trách nhiệm chung của toàn-bộ tập-đoàn phong kiến nhà Nguyễn.

Đâu là lẽ phải?

Những người buộc tội riêng cho Phan-Thanh-Giản đã căn cứ vào chỗ Phan là đại thần của triều Nguyễn một đời trải ba triều vua, tuy có phen hoạn-lộ trầy trật nhưng trước sau được trọng dụng và về phần ông, ông cũng rất trung-thành với Nguyễn triều. Sau này nước nhà đa sự, đa nạn ông cũng vẫn được đặt vào địa vị then chốt bậc nhất để giải quyết các vấn đề khó khăn giữa ta và Pháp (Phan là thượng thư bộ lại sung Cơ-mật-viện đại-thần, sau lại được cử làm Phó sứ Kinh-lược Nam-kỳ kiêm tuần-phủ Gia-Định, tiếp tới nữa làm Chánh sứ toàn quyền đại thần để thương thuyết với Pháp-đình). Điều này đủ nói lên cái tín-nhiệm của triều đình đối với ông, tín nhiệm về tài năng cũng như lòng ái quốc.

Ngoài ra, về việc đường lối thương thuyết với Pháp, Tự-Đức có cho ông tùy nghi chấp hành, nhưng về khoản cắt đất giao cho giặc, nhà vua dụ Phan-Thanh Giản và Lâm-duy-Hiệp tùy nghi mà chuộc lại với số tiền 1.300 vạn, còn nếu họ đòi giao toàn bộ 3 tỉnh thì nhất định không nghe. Nhưng vào cuộc, Phan đã hạ bút ký nhường 3 tỉnh miền Đông cho giặc lại kèm thêm cả khoản bồi thường chiến phí nặng nề, do đó mà khi trở về Huế, Phan Lâm, đã bị quở trách kịch liệt. Xét ra Phan đã quá phóng tay trong vụ thương thuyết với quân xâm lược và bước mau hơn cả vua Tự-Đức trên con đường thỏa hiệp với thực dân Pháp.

Tiếp theo, Phan được cử chức Tổng Đốc Vĩnh-Long để liệu

bề chuộc lại miền Đông, Phan đã không lập được công quả gì, trái lại trong khi đồng bào Nam-kỳ nồi lòng phẫn uất sát cánh bên lá cờ của Bình Tây Nguyên soái Trương-Định, Phan lại kêu gọi nhân dân giải giáp, hăm dọa nghĩa-quân và tuyên truyền cho chánh sách giảng hòa bịp bợm của Pháp (4). Cuối cùng đến năm 1867, Pháp chiếm nốt ba tỉnh miền Tây, Phan đã không kháng cự, bó tay, dâng thành mà còn viết thư cho các quan quân hai tỉnh An, Hà giải giáp để « *tránh sự đổ máu vô ích cho dân* ».

Như vậy trên đường lối chánh trị của ông, ông có là kẻ thụ động không? Và động-cơ thúc đẩy Phan ký Hòa-ước không ngoài những căn nguyên chúng tôi đã viện dẫn là Phan đã bị chóa mắt trước sự văn-minh phú cường của Tây-phương, Phan bị khiếp nhược trước sức mạnh của binh đội Tây-phương mà Phan đã được mục kích hơn một lần qua các vụ đánh phá của địch từ Đà-Nẵng vào Gia-Định.

Sau này căn cứ vào những chỗ bất tuân thượng lệnh, Tự-Đức và triều-đình Huế đã thi hành kỷ luật đối với ông khi

---

(1) Sau này để tỏ lòng tri ơn Phan-Thanh-Giản đã có chủ trương ôn hòa và thỏa hiệp nên Pháp-quân không tốn một viên đạn trong vụ thôn tính miền Tây, Thủy-Sư Đô-Đốc De la Grandière gởi thư cho con cháu của Phan với lời lẽ như sau:

... « *Cái kỷ niệm rất đáng kính phục mến yêu quan lớn Phan thì người Pháp hằng ghi vào lòng, dầu cho sự ghen ghét của kẻ nghịch cũng không làm phai được. Đối với triều đình thì trừ ra một mình quan lớn Phan là thấy rõ đâu là ích lợi nước nhà, vì chẳng muốn sai cái chủ nghĩa (?) và ngồi xem cái kết quả nguy vong cho nước Nam nên quan lớn Phan mới đành lòng tự-tử. Bức thư này tỏ lòng thương tiếc và tôn kính của bản chức, xin hãy tin chắc rằng người Pháp hằng bền một lòng trân trọng đối với quan lớn Phan và gia quyến của ngài... Bản chức hứa hết lòng bao bọc cho con cháu quan lớn Phan, ai muốn tước lộc chi bản chức sẽ xin cho vừa ý...* »

bản án của Nguyễn-tri-Phương gồm 32 chữ ký đã được đệ lên để duyệt phê như ta đã thấy...

Để cởi mở phần nào cái tội lỗi của họ Phan nhiều người khác đã từng khen ngợi Phan có một tấm lòng ưu ái sâu sắc đối với dân với nước.

Điều này có đúng, và nhận rằng Phan thương dân thương nước có là mâu thuẫn với sự thật không? Quả vậy Phan chủ hòa và bó tay để thành cho giặc chiếm cũng là để hòng tránh cho dân cái họa chết chóc vô ích bởi Phan nghĩ chống Pháp hay không chống thì đại cuộc đã lỡ rồi bởi nước ta thuở ấy hèn yếu quá.

Tâm sự này đã từng được biểu-lộ trong những lời thơ dưới đây!

*Lo nỗi nước kia con phiến biến.*

*Thương bề dân nọ cuộc giao hòa.*

Và sau khi không chuộc được đất ông đã than thở:

*Làm trả ơn vua đền nợ nước.*

*Đành cam gánh nặng ruổi đường xa.*

*Lên ghềnh xuống thác thương con trẻ.*

*Vượt biển trèo non cám phận già.*

. . . . . : . . . . .

*Những tưởng một lời an bốn cõi.*

*Nào hay ba tỉnh lại chầu ba.*

Như vậy cái tư đức của Phan (lòng yêu nước) ta phải công nhận và do đó ta có thể giảm đẳng cho sự lỗi lầm của Phan phần nào. Tuy nhiên cái tư đức ấy nếu để bên cạnh cái công đức là sự hy sinh mình để đáp ứng nguyện vọng của nhân dân, quyền lợi của đại chúng thì có đáng kể là bao nhiêu? Nói cách khác, trong khi các tầng lớp nhân dân, sĩ phu hăng hái chống giặc, ngay cả vua Tự-Đức mới chỉ đang đi tới chỗ lưng

chừng, Phan đã vội thỏa-hiệp với giặc, chống kháng chiến (5) thì cũng khó cho ta đánh một giá quá cao tấm lòng yêu nước của Phan. Tựu trung ta có thể rộng xét cho Phan là đã có chủ trương sai lầm, mù mịt về thời cuộc tuy rằng ngày nay trách nhiệm của ông trước lịch sử không phải là nhỏ. Ta còn có thể lượng cho ông thêm nữa ở chỗ triều đình và nhà vua bấy giờ cũng không có đường lối nhất định và sự khiếp nhược của đa số cũng gây thêm yếu-tố thoái bại trong tinh thần của ông. Còn nói rằng trách nhiệm làm mất nước Việt-Nam vào hậu-bán thế-kỷ 19 thuộc về toàn bộ phong kiến đời bấy giờ thì quá đáng bởi khi quân xâm lăng bước vào Nam-kỳ sau đó tràn ra Bắc-kỳ thiếu gì phần tử phong-kiến đã nổi lên chống giặc rất tận tụy và anh dũng như ta đã thấy.

Để kết luận, về việc ,mất Nam kỳ vào tay Pháp, Phan-thanh-Giản là tội nhân số một trước lịch sử và việc này có hậu-quả tai hại vô lường cho kháng chiến Trung-Bắc lưỡng kỳ sau này. Tại sao? Tại nhờ nắm được Nam kỳ làm bàn đạp. Thực dân Pháp mới có nơi nương tựa để Bắc-tiến. Có điều đáng cho ta suy nghĩ là nếu trí thức Việt-Nam thuở ấy nhận thấy rằng chống giặc bằng vũ lực-chiến là điều bấp bênh thì những cuộc vận động ngoại giao với liệt cường có thể giúp ta gỡ được nước cờ bí. Nhật-bản, Tiêm-la và Trung quốc đã giải quyết sự khó khăn của họ với Tây-phương chẳng do cách trên đó sao?

*PHẠM VĂN-SƠN*

(5) Đã có lần Phan dâng sớ về triều để nghị cách chức của Trương-Định và thẳng tay đàn áp nghĩa quân.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Những câu thơ trích ra đây lấy ở *Văn Thơ Yêu Nước Nam-Bộ cuối thế kỷ 19*, của Bảo-định-Giang và Ca-văn-Thỉnh *Un patriote annamite admirateur de la France* của Châtel.

*Lịch sử 80 năm chống Pháp* của T-H-L trang 32, *Nam-kỳ chống Pháp* của T-V-G trang 160.

**CHÚ-THÍCH**: Trong *Việt-Sử Tân-Biên* quyển V tức *Việt-Nam Pháp thuộc Sử* tập thượng chúng tôi đã dành cho cụ Phan-Thanh-Giản rất nhiều mỹ cảm nhưng ngày nay đã kiếm ra được nhiều tài liệu có giá trị và đáng tin cậy, chúng tôi phải có một thái-độ cần trọng trước chủ trương chánh trị của cụ. Với những người vì lầm lạc mà làm hại nước, lịch-sử cũng cần phải có lời phê phán nghiêm chỉnh. Với những kẻ buôn dân hại nước, phản cách mạng, lịch sử vàng không thể không hạ những nhát búa rìu đích đáng, nếu không làm được nhiệm vụ này lịch sử chỉ là một mớ chuyện cổ tích, vu vơ, vô ích.

**CÔNG-TY THỦY-TINH VIỆT-NAM**

Công-Ty nặc danh vốn 100 000.000 $ VN

*CHUYÊN SẢN XUẤT VE, LỌ DỦ LOẠI VỚI KỸ THUẬT VÀ MÁY MÓC TỐI TÂN NHẤT VIỆT-NAM.*

TỐT VÀ RẺ HƠN SẢN PHẨM NGOẠI QUỐC.

*— Trụ-Sở Chánh : 46, Bến Chương-Dương — SAIGON*

*— Trụ-Sở Thương-Mãi : 159, Nguyễn Công Trứ — SAIGON*

Điện-thoại : 22.172

*— Nhà Máy : 76, Tôn-Thất-Thuyết — KHÁNH-HỘI*

*(Saigon)*

Điện-thoại : 93.149

CUỘC ĐỜI

# PHAN THANH GIẢN

## (1796 — 1867)

TRẦN QUỐC GIÁM

### HUYẾT THỐNG VÀ MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI

Phan Thanh Giản tự là Tịnh Bá 靖伯 và Đạm Như 淡如, hiệu là Lương Khê 梁谿, biệt hiệu là Mai Xuyên 梅川.

Ông sinh giờ Tuất (19-21g) ngày 12 tháng 10 năm Bính Thìn (11 tháng 11 năm 1796) (1) tại làng Tân Thạnh, huyện Vĩnh Bình, phủ Định Viễn, Trấn Vĩnh Thanh. về sau các địa danh này đã thay đổi nhiều lần, năm 1832, đổi ra thành làng Bảo Thạnh, tổng Bảo trị, huyện Bảo An, phủ Hoằng Trị, tỉnh Vĩnh Long (2). Thời Pháp thuộc là làng Bảo Thạnh, quận Ba Tri, tỉnh Bến Tre (ngày nay là tỉnh Kiến Hoà).

GIÒNG DÕI BÊN NỘI.

Phan Thanh Giản giòng dõi bình dân. Tổ tiên là người Trung Hoa đã di cư sang Việt Nam vào cuối đời nhà Minh trước khi bị nhà Thanh dứt vào năm 1659 (3).

Theo gia phả họ Phan (4) thì Ông Tổ 6 đời của Phan Thanh Giản là Phan Văn Chơn. Phan văn Chơn sinh ra Phan văn Biện (Cao Tổ). Ông Biện và bà Trí (không rõ họ) sinh ra Phan văn Huỳnh (Tằng Tổ), ngoài ra Ông Biện và bà Quán (em bạn dì với bà Trí) sinh ra người tên là Lên.

Ông Huỳnh và bà Phan thị Kiều sinh ra ông Phan Thanh Sử và Phan Thanh Tập. Ông Huỳnh còn có một người con với người thứ thiếp nữa tên là Quảng. Khi Tây Sơn khởi nghĩa, Ông Huỳnh và Quảng phiêu bạt rồi chết ở đâu không rõ. Riêng Ông Sử và Ông Tập đưa gia đình chạy vào Nam Kỳ.

Ông Phan Thanh Tập (5) chính là nội Tổ của Phan Thanh Giản. Ông tự là Đạo An, hiệu là Ngẫu Cừ, thọ 60 tuổi (1730-1790), khi mất an táng ở làng Bảo Thạnh.

Ông Tập lấy bà Huỳnh thị Học quê ở Bình Định — trước khi chạy vào Nam kỳ — sinh được 6 người con:

1) Ông Dương tự là Văn Quyền, sinh năm 1753, không rõ năm mất, có 1 trai, 1 gái.

2) Ông Dịch, sinh năm 1756, có 2 trai, 1 gái.

3) Ông Xán hay Ngạn (Tổ phụ của Phan Thanh Giản), thọ 74 tuổi (1768-1842).

4) Cô Dao, lớn tuổi hơn Ông Dịch và Xán. Có lẽ là con người vợ trước.

5) Cô Diệp

6) Cô Hoà.

Phan Xán hay Phan Thanh Ngạn 6) hiệu là Mai Dã (7), được gọi là Ông Thầy ở Gành Mù U (bãi Ngao thuộc làng Bảo Thạnh). Đầu tiên Ông làm thư lại ở đồn Vĩnh Trấn tỉnh Vĩnh Long vào khoảng năm 1793 (8), Năm Mậu Ngọ (1798) theo tàu Hồng Nhật vận tải lương tiền, thuốc đạn từ Nam kỳ ra Bình Định để tiếp tế cho đoàn quân viễn chinh đang chống giữ với quân Tây Sơn ngoài đó, nhưng khi vừa tới cửa Thị Nại thì gặp bão nên thuyền lương trôi dạt tới đảo Hải Nam, Phan Thanh Ngạn sống sót về được quê quán. Nhờ công lao đó được thăng làm Thủ Hạp tại tỉnh Vĩnh-Long (tham Tòng Bát Phẩm) (9), coi việc phòng công (10).

Phan Thanh Ngạn lấy một người vợ đầu tiên rồi bỏ. Sau đó tục huyền với bà Lâm thị Búp (1776-1802). Bà gốc người Trung Hoa, tổ tiên di cư sang Việt Nam khi nhà Minh bị nhà Thanh dứt và ngụ cư tại Quảng Ngãi rồi «chạy loạn Tây Sơn» vào định cư tại làng Phú Ngãi, tổng Bảo Thuận, huyện Bảo An (sau là Ba Tri), tỉnh Bến Tre (Kiến Hòa). Bà Búp sinh được 2 trai và 1 gái (Phan Thanh Giản là con trưởng).

Một năm sau khi bà Lâm thị Búp từ trần (1803), ông Xán tục huyền với bà Trần thị Dương (tên tục là Nguyên) người làng Long Hồ, sinh được 2 trai và 3 gái Nhưng ông Xán còn một thứ thiếp nữa cũng tên là Nguyên, người làng Bảo Thạnh, sinh được 1 trai.

Trong gia phả họ Phan không thấy ghi nguồn gốc Trung Hoa của Phan Thanh Giản nhưng trong đó có đối chiếu niên biểu Việt Nam và Trung Hoa (11).

## GIÒNG DÕI BÊN NGOẠI.

Tuy nhiên trong phần phụ lục về gia đình họ Lâm — họ mẹ của Phan Thanh Giản — trong đó, Phan Thanh Giản xác định mẹ mình có nguồn gốc Trung Hoa (12).

Cũng như họ Phan, giòng họ bên ngoại Phan Thanh Giản là giòng dõi bình dân.

Ông tổ 6 đời họ ngoại của Phan Thanh giản là Lâm Tư Hoa, ông tổ 5 đời là Lâm Tư Mỹ, gốc ở làng Đô Thành, huyện Hải Trừng, phủ Chương Châu tỉnh Phúc Kiến,

Đến ông Tổ 4 đời là Lâm Thiệu Khánh, sau khi vượt bể tới Việt Nam, đã ngụ cư ở làng Phù Đang Đáp, còn gọi là Kho Thẩm Xứ, tổng Nghĩa Hạ, huyện Chương Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông Tổ 3 đời là Lâm văn Thẩm làm chức Lâm Trưởng (hay Trưởng Phân) ông Tổ 2 đời là Lâm văn Điệu (ông ngoại Phan Thanh Giản) chạy vào Nam Kỳ khi Tây Sơn khởi nghĩa, tới

đất Bát Tân Cảng thuộc tỉnh Định Tường (sau là huyện Kiến Đăng, nay là Cai Lậy).

Ông Điệu lấy một bà không rõ tên và mất sớm. Bà này sinh ra mẹ Phan Thanh Giản. Ông Điệu tục huyền với bà họ Phan, người gốc Bình Định rồi dời nhà xuống Bến Đạm Tân (sau là Bến Ông Du), trước thuộc làng Phú Long Đông, sau thuộc làng Phú Ngãi, tổng Bảo Thuận, huyện Ba Tri, tỉnh Kiến Hoà.

Chính tại đây, Phan Thanh Giản đã sống một thời gian sau khi mẹ chết và đã chịu ảnh hưởng rất nhiều của bên ngoại (13)

## QUÊ QUÁN.

Ở trên chúng ta đã biết Phan Thanh Giản sinh tại làng Bảo Thạnh, quận Ba Tri, tỉnh Kiến Hoà, nhưng chúng ta không rõ giòng họ Phan gốc ở tỉnh nào bên Trung Hoa. Ngày nay, căn cứ vào một số tài liệu của gia đình Phan Thanh Giản (14), chúng ta chỉ xác định được nơi cư ngụ của giòng họ Phan khi từ Trung Hoa di cư sang Trung Phần

Theo đó, Tổ Tiên Phan Thanh Giản gốc người ấp Hội Trung, phường Hội Hoà, làng Ô Liêm, tổng Trung An, huyện Bồng Sơn, phủ Quy Nhơn (15), nay là tỉnh Bình Định.

Vào lúc viết gia phả (16), ấp Hội Trung đã thành một miền của làng Hội Trung, thuộc tổng Trung An, huyện Bồng Sơn, phủ Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

Làng Hội Trung thường được gọi là Đông Phong (thư của ông Xán viết là Đồng Vung hay là Bàu Sen) (17). Miền này nằm gần chân núi, đường đi từ Bồng Sơn vào Hội Trung quanh co trùng điệp rất khó đi, nhất là đất đai ở đây nhiều sỏi cát và rất cằn cỗi, không tiện cho việc trồng lúa, nên đời sống ở đây rất khổ cực.

Năm Canh Dần (1770) (18), ông Sử và Tập đưa gia đình chạy vào Nam Lúc đầu ngụ cư ở Tha g Trông (19), ngày nay

chợ Thang Trông nằm ở làng Phú Kiệt, bên cạnh Bến Tranh (Định Tường). Về sau, họ Phan lại dời về Bân Thít (gần Vũng Liêm), trong một ấp thuộc làng Mỹ Thạnh Trung, thuộc trấn Vĩnh Thanh (nay là Vĩnh Long).

Dần dần, giòng họ Phan mới dời xuống lập nghiệp ở Gành Mù U (bãi Ngao) tức là thôn Tân Thạnh, tổng Tân An, sau này là làng Bảo Thạnh, nơi Phan Thanh Giản đã sinh ra đời.

Năm 1790, thôn dân Nguyễn văn Lễ đã quy tụ được một số công nhân đem tới định cư tại bãi Ngao. Từ đó thôn Tân Thạnh được thành lập.

Làng Bảo Thạnh có cảnh trí khá đẹp, phía đông là bờ bể, phía Tây là đồng lầy có nhiều bụi rậm xanh ngắt, bãi Ngao nằm ở miền này. Đây là miền nước mặn và đất cát không thích hợp cho việc trồng lúa nên có rất ít ruộng, những ruộng này nằm dọc theo bờ bể. Đất các ở đây chỉ thích hợp cho việc trồng dâu (20).

Vì đất đai ở đây xấu như thế, nên dân làng không sống bằng nghề nông được. Hầu hết phải theo nghề trồng dâu nuôi tằm, làm muối và làm rượu (21), ngoài những nghề phụ như đánh cá, mò ngọc trai (22)...

Cũng bởi sinh hoạt của dân làng Bảo Thạnh rất cơ cực khó khăn nên chính Phan Thanh Giản đã từng than thở rằng : « Chính trong xứ nam kỳ nhiều thọc lúa đó, đời sống chúng tôi luôn luôn thiếu thốn ». (23).

Gia tộc họ Phan trước ở Bình Định cũng ở trong 1 làng đất đai cằn cỗi, nhiều sỏi cát, khi di cư vào nam lại chọn một nơi cũng cằn cỗi, khó sinh sống như trước. Nhưng chính thiên nhiên khắc khổ và sinh hoạt khổ cực ở quê hương đã làm cho Phan Thanh Giản có chí phấn đấu và tinh thần kiên nhẫn, chịu đựng dẻo dai.

Phan Thanh Giản cũng đã nghĩ tới điều đó khi than thở : « Vì tính chất đất đai có nhiều sỏi và cằn cỗi, đời sống khó nhọc và có nhiều điểm tương đồng như chỗ cư làu đời của chúng tôi

tại Bảo Thạnh Tiền nhân đã định cư trên những miếng đất kém phì nhiêu làm tôi tưởng niệm rằng tổ tiên tôi, như thế đã để lại những gương lớn cho con cháu, tôi có thể nói rằng tổ tiên tôi coi đó là một hảo ý đặc biệt » (24)

## HOÀN CẢNH XÃ HỘI.

Phan Thanh Giản (1796-1867) sinh ra đời trong lúc việt nam lâm vào cảnh nội chiến khốc liệt giữa nhà Tây Sơn và Nguyễn Vương Phúc Ánh (25). Chính cha ông (Phan Xán) cũng vì chiến tranh mà phải di cư vào Nam.

Rời Phan Thanh Giản lớn lên sống trong khung cảnh hòa bình giả tạo của triều đại Gia Long (1802-1820) Sau đó, loạn lạc và thiên tai liên miên, cộng thêm những bế tắc về kinh tế và nền hành chánh hủ bại, tham nhũng .. đã biến Việt Nam thành một con bệnh trầm trọng. Vào cuối đời Tự Đức, con bệnh đó đã hấp hối...

Trong những năm trị vì của các vua đầu triều Nguyễn, xã hội Việt Nam là một xã Hội bất công và bất bình đẳng : Nông dân chiếm đại đa số nhưng không có ruộng đất để trồng cấy, họ phải làm công cho các điền chủ Cuộc đời họ mang nặng các bất công như sưu cao, thuế nặng, dịch vụ nhiều, nhất là sự bóc lột của các quan lại địa phương, phầndông là bọn sâu dân mọt nước.

Ngoài ra, an ninh của dân chúng cũng không được bảo đảm. Họ bị đe dọa thường xuyên vì pháp luật thời đó bất lực và giặc cướp quá nhiều. Có thể nói rằng, chưa thời kỳ nào nhiều giặc cướp như trong thời kỳ trị vì của các vua Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức (26).

Trong tiền bán thế kỷ 19. cuộc sống của người dân Việt Nam càng cơ cực hơn khi gặp nhiều thiên tai, bệnh dịch, côn trùng phá hại mùa màng.

Miền châu thổ sông Hồng thường xuyên bị nạn thủy tai vì

vỡ đê : Nhiều miền bị bỏ hoang vì bị nước bao phủ. Chẳng hạn, miền Khoái Châu, Hưng Yên bị bỏ hoang 18 năm liền, không có người ở vì nước ngập mông mênh (27).

Năm 1848 miền Trung bị hạn hán, mùa màng bị thiệt hại lớn :

Năm 1854, Sơn Tây và Bắc Ninh bị châu chấu cắn phá mùa màng, mỗi đàn hàng ngàn con bay rợp trời (vào lúc Lê Duy Cự khởi nghĩa).

Đặc biệt là miền Trung và Nam thường xuyên bị bệnh dịch hoành hành.

Vào tháng 7 (âm lịch) năm Gia long thứ 19 (1820) ở các tỉnh phía Bắc và phía Nam Huế có bệnh dịch (28), dân chúng chết nhiều, ảnh hưởng cả đến việc thi cử : số thí sinh giảm hẳn (29).

Đến tháng 7 (âm lịch) năm Minh Mạng thứ 7 (1826), bệnh dịch ở Gia Định làm dân chúng chết tới 18.000 người, chưa kể miền từ Bình Thuận tới Quảng Bình (30).

Năm 1849 tại Ba Tri có dịch tả, dân chết tới 4/10 (31).

Năm 1850, miền Trung và Nam lại mắc bệnh dịch và mất mùa, số người mắc bệnh lên tới trên 589 460 người (32).

Hậu quả của những sự kiện trên là nền kinh tế Việt Nam bị suy sụp, nhất là chính sách bế quan tỏa cảng làm cho nền ngoại thương (33), nội thương (34), công nghiệp cũng như nông nghiệp chịu ảnh hưởng phải đình trệ và sút kém đi.

Phan Thanh Giản đã sống trong bầu không khí đó. Ông đã chứng kiến nhiều biến cố, nhiều bất công của xã hội, nhiều đau khổ của quần chúng. Những thứ đó đã gây cho ông những ấn tượng không quên được và đã ảnh hưởng tới tâm tình, hành động của ông.

# CHÚ THÍCH

*(1) và (4) Theo gia phả họ Phan hiện để ở Từ Đường Phan Thanh Giản ở Bảo Thạnh. Tài liệu này đã được Ông P. Daudin và ông Lê văn Phúc dịch ra Pháp Văn, Xem P. Daudin, sđd tr 15-22.*

*(2) Năm Gia Long nguyên niên (1802), Gia Long cải Nam Kỳ thành Gia Định Trấn gồm có 5 trấn: Phan An, Biên Hòa, Vĩnh Thanh, Vĩnh Tường, Hà Tiên. Năm 1808 Gia Định Trấn được đổi làm Gia Định Thành và năm 1832, vua Minh Mạng chia 5 trấn của Gia Định Thành ra là 6 tỉnh: Biên Hòa, Gia Định (Phan An), Định Tường (Vĩnh Tường) Vĩnh Long (Vĩnh Thanh), An Giang (Vĩnh Thanh) và Hà Tiên.*

*(3) Điều này được xác định trong các sử sách Việt Nam. Xin xem thư tịch.*

*(5) Theo Nam Xuân Thọ, sđd tr 9. Có sách còn chép Ông Tập tên là Chỉnh.*

*(6) Tôi căn cứ vào tác giả Thái Hữu Võ (sđd, tr 3) và Nam Xuân Thọ (sđd, tr 12) để viết tên thân phụ Phan Thanh Giản là Phan Thạnh Ngạn. Riêng Ông Thọ Xuân, trong Tri Tân số 4, tr 7 lại ghi ông Xán có tên hiệu là Văn Ngạn.*

*(7) Nam Xuân Thọ, sđd, tr 12 ghi là Mai Thự chắc là lầm vì trong gia phả ghi là Mai Dã.*

*(8) Thái Hữu Võ, sđd, tr 4 có ghi: «Ông nội ngài chết mang tang phục rồi, thì cha ngài đến tỉnh Vĩnh Long làm chức thơ lại.» Theo gia phả, ông nội Phan Thanh Giản mất năm 1790, nên tôi đoán chừng Ông Xán làm thơ lại ở Vĩnh Long vào khoảng năm 1793.*

*(9) Phạm Văn Sơn, sđd tr 234 và Thọ Xuân, trong Tri Tân số 4, tr 7 có ghi là ông Xán được thang làm Thủ Hạp làm việc tại nhà Tơ Vĩnh Long. Nhưng ông Phạm Văn Sơn lại ghi niên biểu 1793, có lẽ Ông Sơn lầm vì năm 1798 Ông Xán mới theo thuyền lương ra Bình Định và khi về mới được thăng làm Thủ Hạp.*

*(10) Thái Hữu Võ, sđd, tr 4. Không rõ nhiệm vụ «phòng công» là gì?*

*(11) P. Daudin, sđd, tr 27.*

(12) *Như thế, chúng ta phân vân không rõ Phan Thanh Giản chỉ mang giòng máu Trung Hoa ở người mẹ hay còn ở người cha nữa? Riêng các tác giả Việt Nam đều xác định Ông gốc người Trung Hoa di cư sang Việt Nam. Có lẽ người trước lầm lẫn chăng?*

(13) *Chính Phan Thanh Giản đã thổ lộ tâm tình trong bài văn phụ lục về gia đình họ mẹ (xem chú thích 11) như sau: « Chúng tôi (Phan Thanh Giản và 1 em gái, 1 em trai) được nuôi nấng ở nhà bà ngoại. Ông bà ngoại rất thương mấy đứa trẻ côi cút chúng tôi và ông bà ngoại săn sóc chúng tôi rất nhiều.*

*... Khi nghĩ tới nguồn gốc của tôi, tôi thường thương cảm mẹ tôi, bà đã khó nhọc vì tôi bao nhiêu! Nếu tôi không được ông bà ngoại mở rộng ân đức để săn sóc, dậy dỗ tôi với tình thương mến, thì làm sao tôi có thể sống được tới ngày nay?»*

(14) *Gia phả và lá thư chữ nôm thứ 3 của Phan Xán gửi Phan Thanh Giản (trong số 10 lá thư còn giữ được) và một bài văn chữ Hán của Phan Thanh Giản nói về quê Tổ. Xem P. Daudin, sđd, tr 15 và 52.*

(15) *Tháng 5 âm lịch năm 1799, Nguyễn Vương Phúc Ánh lấy được thành Quy Nhơn và đổi tên là Bình Định.*

(16) *Người viết gia phả là ông Động (1793-1844) có mấy bản văn phụ lục của gia phả viết vào năm 1842 và 1845. Vậy gia phả phải viết vào lúc trước đó hoặc trước nữa, nghĩa là vào cuối đời Minh Mạng và đầu đời Thiệu Trị*

(17) *Xem P. Daudin, sđd, tr 22-25.*

(18) *Gia phả Họ Phan ghi là 1770, nhưng trong bài văn viết về quê Tổ của mình, Phan Thanh Giản xác định là gia đình vào Nam đã trên 60 năm rồi, nghĩa là vào khoảng 1780. Xem P. Daudin, sđd, tr 15-22.*

(19) *Gọi là Thang Trông vì trong thời chiến tranh giữa Tây Sơn và Nguyễn Vương, lính Nguyễn Vương dựng một vọng lầu rất cao, có thang dài tại nơi đó để trèo lên canh chừng quân Tây Sơn tiến tới.*

(20) *Và (23) xem P. Daudin, sđd. tr 22 25*

(21) *Những chi tiết này, Ông Lê Thọ Xuân cho biết trong một lần tiếp xúc tại nhà riêng của ông.*

(22) *Xem monographi de le Province de Bến Tre, sdd.*

(24) *Xem chú thích (20)*

(25) *Vào năm 1796, Nguyễn Vương đã nắm vững được Nam phần và đang phát động chiến dịch gió mùa: Cứ mùa gió Tay Nam thổi đem quân ra Trung để đánh nhà Tây Sơn và khi mùa gió Đông Bắc thổi tới thì rút quân về.*

(26) *Phạm Văn Sơn, sdd, tr 145-146, ghi lại lời chép của Đại Nam Thực Lục Chính Biên (?) cho biết đại cương: đời Minh Mạng có gần 200 cuộc nội loạn; đời Thiệu Trị có hơn 50 cuộc nổi loạn; đời Tự Đức có trên 100 cuộc nổi loạn, trên 100 vụ cướp Thanh và gần 60 vụ giặc biển. Đáng kể nhất là các vụ nổi loạn của: Phan Bá Vành (1826-1827), Lê Duy Lương (1833), Lê Văn Khôi (1833-1835), Nông Văn Vân (1833-1835), giặc Tam Đường (1851-1854), giặc Châu Chấu (1854), Tạ văn Phụng Và Nguyên Văn Thịnh (1861-1865).*

*Trong Nam Kỳ, thời đó không phải hoàn toàn yên tĩnh Ngoài vụ nổi loạn của Lê văn Khôi, còn có những vụ động binh với Xiêm La và Cao Miên trong thời Minh Mạng: năm 828, Việt Nam đánh nhau với Xiêm La vì dựa A Nô về Cao Miên. Năm 1833-1834, đánh tan quân Xiêm La cứu viện Lê Văn Khôi; năm 1834-1835 Việt Nam đô hộ Cao Miên nên phải chống lại nghĩa quân Cao Miên và quân Xiêm La sang can thiệp.*

(27) *Phạm Văn Sơn, sdd, tr 34.*

(28) *QTCBTY, sdd, tr 113 ghi; « Các trấn phía nam và phía bắc (của kinh đô) có bệnh dịch Ngài (Gia Long) xuống chiếu cầu lời nói trực, quan Thiêm Sự bộ Lễ là Nguyễn đăng Tuân tâu 6 điều... »*

(29) *QTCBTY, sdd, tr 117 ghi (việc của tháng 5 năm Tân Tỵ (1821)) « ... Quan trấn lại tư về Bộ rằng: Bệnh dịch mới rồi, nhiều người có trọng tang, phép trường không được đi thi nên số học trò thi không được mấy, xin bộ tâu lên. » .*

(30) *QTCBTY. sdd, tr 123 ghi (việc của tháng 7 âm lịch năm 1826): « Gia Định lại có bệnh dịch, binh và dân chết đến 18 000 người. Từ Bình Thuận đến Quảng Bình báo tai. Ngài (Minh Mạng) khiến lập đàn tế cầu tại Kinh, các trấn đều lập đàn tế cả, lại tha thuế năm ấy cho Gia Định.*

(31) *Monographie de la Province de Bến Tre, sđd.*

(32) *Q T C B T Y, sđd tr 296 ghi (việc tháng giêng năm Canh Tuất 1850): « Tả hữu trực kỳ và Nam Kỳ lục tỉnh lâu nay dân nhiễm bệnh dịch hơi nặng (Bộ Hộ tính cả Nam Bắc các hạt bị bệnh hơn 589.460 người), lại mất mùa, ngài (Tự Đức) thương lắm.»*

(33) *Vì không buôn bán với người Tây Phương nên các sở thuế quan phải bỏ đi nhiều. Vào tháng 11 năm Nhâm Tý (1852), vua Tự Đức hỏi công việc các cửa ải, bến tầu trong nước và bộ Hộ tâu: « Nguyên trước có 60 (thuế quan), gần đây giảm bớt, chỉ để 21 sở ...» (QTCBTY, sđd, tr 303).*

(34) *Nền nội thương bị sút kém phần lớn là do người dân Việt không đầu óc thương mại, sản xuất chỉ bán ở vùng lân cận, chính quyền kiểm soát quá gắt gao và thuế nhiều quá (xem Phạm Văn Sơn, sđd, tr 33).*


**NGÂN HÀNG VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

**Số Vốn 200.000 000$**

*Trụ-sở Chánh: 17, Bến Chương-Dương — SAIGON*

**ĐIỆN THOẠI SỐ 90.491 — 90 495**

**Chi Nhánh**
- CHOLON 75-77-79, Tổng-Đốc-Phương Đ.T. 37.345
- GA SAIGON Công-Trường Diên-Hồng Đ.T. 25.072
- CẦNTHƠ Số 1, Lê-văn-Duyệt
- BAXUYÊN 44, Góc Gia-Long/Nguyễn-Huỳnh-Đức
- LONGXUYÊN 1, Đại-lộ Đồng-Khánh
- PHANTHIẾT 1, Nguyễn-văn-Thành
- NHATRANG 29, Yersin
- ĐÀNẴNG 52, đường Độc-Lập
- RẠCH GIÁ 1, Công-Trường Thủ-Tướng Thinh

— MỞ TRƯƠNG MỤC TIẾT KIỆM TẠI TRỤ SỞ VÀ CÁC CHI-NHÁNH

— ĐẢM-NHIỆM TẤT CẢ CÁC NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG

— CÓ ĐẠI DIỆN KHẮP HOÀN CẦU.

# CUỘC ĐỜI TƯ CỦA PHAN THANH GIẢN

## VIỆC ĐÀO TẠO TRÍ THỨC.

Phan Thanh Giản là một nhà nho, nghĩa là sự đào tạo trí thức cũng giống như những nhà nho khác, nếu có sự khác biệt thì đó là do tinh thần khai phóng cá nhân của Phan Thanh Giản. Các nhà nho xưa đều « lấy luân thường, đạo nghĩa làm trọng ; nhưng phần nhiều chỉ biết chuộng văn chương, giữ nền nếp cổ, chứ ít người có con mắt trông rộng tom xa, có trí phát minh sáng kiến » (1)

Cho tới nhà Nguyễn, nho giáo càng được trọng đãi, nhưng trong việc đào tạo trí lớp sĩ phu, nho giáo đã có những kết quả tồi tệ, mặc dù có nhiều ưu điểm.

Các sĩ phu xưa vì chỉ vụ cái học cử nghiệp nên chuộng từ chương và mất dần sáng kiến cá nhân. Đa số đã trở thành những kẻ hủ nho gàn dở và thủ cựu. Chính vua Minh Mạng vào năm 1823 cũng đã chỉ trích lối học cử nghiệp ở Việt Nam thời đó như sau : « Đã lâu nay văn cử nghiệp làm cho người ta lầm như thế, ta nghĩ rằng văn chương vốn không nhất định, nay văn cử nghiệp chỉ câu nệ lối hủ lậu mà khoe với nhau, mỗi nhà lập riêng mỗi cách học, nhơn phẩm cao hay thấp, khoa trường lấy hay bỏ đều theo nền nếp ấy. Lối học như thế nên nhơn tài ngày kém lần đi, nhưng thói quen đã lâu, đổi ngay cũng khó, vài năm sau sẽ lần lần mà đổi đi » (2).

Phan Thanh Giản cũng được đào tạo trí thức trong môi trường đó.

Sau khi mẹ chết, lúc đó Phan Thanh Giản lên 7 tuổi, được cha gửi sang nhà ông ngoại ở làng Phú Ngãi. Tại đây ông thụ huấn nhà sư Nguyễn văn Noa (3), trụ trì tại làng. Có lẽ đây là thầy giáo khai tâm của Phan Thanh Giản.

Tới năm 1816, Phan Thanh Giản theo học trường tỉnh Vĩnh Long với một vị Đốc Học họ Võ (không phải là Võ Trường

Toản (4). Chúng ta chỉ biết Phan Thanh Giản thụ huấn 2 vị đó, ngoài ra không biết gì hơn vì thiếu tài liệu.

Nhưng dựa vào bài thơ « biệt gia » làm sau khi đỗ cử nhân (1825) và sửa soạn lên đường ra kinh thi hội, ta đoán rằng sau đó Phan Thanh Giản tự học trong nhiều năm vì ông bộc lộ tâm tình:

. . . . . .
« Ta sinh vốn nhà nghèo,
Lòng mến ưa cổ đạo.
Đèn sách công 10 năm,
Không chí ở cơm áo.
Tú mú học một mình,
Hiểu biết chỉ nhỏ màng ».
. . . . . .

(Biệt gia, Lương khê Thi Thảo, quyển 2)
(TRÚC KHÊ dịch)

Năm Ất Dậu (1825), Phan Thanh Giản đậu cử nhân tại trường thi Gia Định (5) và năm sau (1826) thi Hội và thi Đình tại Huế, ông đã đậu « Đệ Tam Giáp Tiến Sĩ Xuất Thân ». Đó là vị Tiến Sĩ đầu tiên của Nam Kỳ trong lịch sử khoa cử xưa tại Việt Nam.

Khoa thi Hội năm đó có khoảng 200 cống sỹ, nhưng kết quả công bố chỉ có 10 người đậu (5%), gồm 7 người Bắc, 2 người Trung và 1 người Nam. « Quốc Triều Đăng Khoa Lục » của Cao Xuân Dục có chép đủ tên 10 vị Tiến Sĩ và Phan Thanh Giản đứng hàng thứ Ba (6). Cụ Huỳnh Thúc Kháng (7) cũng quyết rằng Phan Thanh Giản đậu Tiến Sĩ hạng Ba.

Một số tài liệu khác (8) lại chép rằng khoa thi Hội Bính Tuất (1826) đó có 11 người trúng cách Tiến sĩ, gồm 10 người Bắc và 1 người Nam (là Phan Thanh Giản). Nhưng điều này thực sự đã sai lầm (9).

Ông Lê Thọ Xuân lại cho biết rằng khoa thi Đình năm đó chỉ có 9 vị Tiến Sĩ, Phan Thanh Giản đỗ vớt nên thành 10 người,

Khoa đó các giám khảo lấy toàn đậu hứ cả khi đệ quyển lên vua Minh Mạng, nhà vua thấy từ Thừa Thiên trở vào Nam không có ai đỗ nên không vui mới dạy lấy thêm một vài người để cổ lệ sĩ phong, nhờ thế Phan Thanh Giản mới trở thành vị Tiến Sĩ đầu tiên của Nam Kỳ (10).

Ông Thọ Xuân không biết căn cứ vào đâu để nói vậy nhưng nếu đó là sự thực thì quả Phan Thanh Giản đã gặp nhiều may mắn và chứng tỏ rằng về lối văn cử nghiệp, Phan Thanh Giản có yếu kém hơn các sĩ tử Bắc, Trung.

Xét kỹ thì điều đó không có gì là lạ cả.

Vào thời Phan Thanh Giản, nho giáo ở Nam Kỳ còn phôi thai, chưa được truyền bá sâu rộng nên mặc dù Nam Kỳ có nhiều danh nho, nhưng « hiển nho » lại không có ai Cũng vì thế nên việc học không được chuyên chú và không có nhiều học trò (11), kết quả là ở Nam Kỳ thiếu hẳn không khí đua tranh, « quyết khoa » như ở Bắc, Trung ; nhất là tính cách từ chương bị giảm sút, nghĩa là về phương diện trí thức, sĩ tử Nam Kỳ khoáng đạt hơn, song về phương diện cử nghiệp lại bất lợi. Trong các nhân vật điển hình, phải kể Phan Thanh Giản.

Phan Thanh Giản đã tỏ ra là một người có tinh thần khai phóng, học rộng biết nhiều, chính vua Tự Đức cũng phải khen phục văn chương ông là « cổ nhã » (12) và đã tuyển ông làm giảng quan ở tòa Kinh Diên (13) rồi Tổng Tài Quốc Sử Quán (14).

Phan Thanh Giản có được tinh thần đó, một phần nhờ những cố gắng cá nhân, một phần lớn do sự kinh lịch suốt từ Nam chí Bắc trong thời làm quan và những lần đi sứ (15) Những lần dời chỗ để ra ngoài đã giúp cho Phan Thanh Giản có thêm kinh nghiệm mới, sự hiểu biết nhờ đó phong phú thêm và tầm mắt nhìn cũng thế : tầm mắt Phan Thanh Giản vốn đã không chật hẹp lại được dịp mở rộng thêm ra.

Phan Thanh Giản là một trong những sĩ phu phản tỉnh đầu

tiên khi chứng kiến nền văn minh tân tiến của Tây phương. Trong số đó là phải kể Cao Bá Quát (16), Lý Văn Phức, Đào Trí Phú, Phạm Phú Thứ, và Phan Thanh Giản.

Phan Thanh Giản sau khi đi sứ Pháp và Y Pha Nho về đã phải tỏ lời ca ngợi sự tiến bộ vượt bực của Tây phương:

« Bá ban xảo trá tề thiên địa,
Duy hữu tử sanh tạo hoá quyền ! » (17)

Niềm tâm sự của Phan Thanh Giản còn chua sót hơn:

« Từ ngày đi sứ đến Tây kinh,
Thấy việc Âu châu bỗng giật mình.
Kêu gọi đồng bang mau tỉnh giấc,
Hết lời năn nỉ chẳng ai tin » (18)

Phan Thanh Giản « năn nỉ chẳng ai tin » vì nhà nho xưa quá bảo thủ và lạc hậu. Các cụ không thể tưởng tượng được rằng có những phát minh tân kỳ như đèn điện, tầu hoả v...v..

## GIA ĐÌNH PHAN THANH GIẢN.

Không rõ Phan Thanh Giản lập gia đình năm nào vì không có tài liệu, nhưng người vợ đầu tiên của ông là Bà Nguyễn thị Mỹ tự Can. Bà Mỹ người làng Mỹ An (sau là Mỹ Lộc), huyện Phước Lộc, tỉnh Gia Định. Bà Mỹ mất sớm, chúng ta không rõ năm bà mất cũng như năm Bà về làm dâu họ Phan. Bà có sinh được một người con gái, nhưng bị chết yểu và chưa kịp đặt tên.

Phan Thanh Giản tục huyền với bà Lê, người làng Long Hồ vào năm 1825 (Minh Mạng thứ 6) (19). Bà Lê không có con và bị xuất.

Năm đó, Phan Thanh Giản phải ra kinh thi Hội nên làm bài thơ « Biệt gia » để nói lên tâm sự của mình, trong đó có câu:

. . . . . .

« Vợ mới cưới bảy ngày, (20)
Sớm chiều lo bếp nước.
Nay ta lên đường xa,
Việc nhà phải gánh vác.

. . . . . .

(Biệt Gia, Lương Khê Thi Thảo, quyển 2)
(TRÚC KHÊ dịch)

Đến năm 1828, lúc đó Phan Thanh Giản đã 32 tuổi và đang làm Tham Hiệp Quảng Bình, ông cưới bà Trần thị Hoạch 1797-1862 làm *chính* thất (21). Bà Hoạch có tên tự là Cúc, là con Án Sát Trần Công Án, quê làng Đơn Duệ, huyện Địa Linh, tỉnh Quảng Trị.

Lúc lấy Phan Thanh Giản, bà Hoạch đã 31 tuổi. Bà nổi tiếng là hiền thục và hiếu thảo nhưng cũng rất kén chồng nên đã 30 tuổi mà chưa lấy ai. Phan Thanh Giản nghe tiếng bà qua lời ca tụng của Huấn Đạo Quảng Bình là Nguyễn văn Đức (22) nên xin cầu thân.

Sau khi cưới nhau được ít lâu, bà Hoạch vâng theo ý muốn của chồng (23) trở vào Nam để phụng dưỡng cha chồng. Từ đó, bà sống luôn ở Bảo Thạnh và thỉnh thoảng mới ra nhiệm sở thăm Phan Thanh Giản, chứ không sống thường xuyên cạnh Phan Thanh Giản.

Bà Hoạch sinh 6 lần, nhưng chỉ còn lại 3 người là Phan Hương; Phan Tòng (Liêm) và Phan Tuyển (Tôn) (24).

Khi bà Hoạch mất, Phan Hương đang theo cha ở kinh đô, chỉ có Liêm và Tôn ở quê nhà lo việc tang ma cho mẹ Bà được an táng ở khu phần mộ của gia đình họ Phan ở Bảo Thạnh.

Sau khi Phan Thanh Giản chết, Phan Hương — là con trưởng — tiếp tục sống cuộc đời tầm thường. Tuy ông có ra Huế sau khi 2 em khởi nghĩa chống Pháp, nhưng không lưu lại Huế lâu mà về sống ở Bình Thuận (25) bằng nghề nông và làm nước mắm (26)

Phan Hương chỉ có một người con duy nhất là Phan Hậu,

sống đời tiểu điền chủ ở Bảo Thạnh. Vào năm 1900, Phan Hậu còn sống (27).

Phan Liêm và Phan Tôn ngay sau khi cha chết đã khởi nghĩa chống Pháp tại Vĩnh Long (28) nhưng thất bại (1867). Hai ông chạy ra Bình Thuận rồi ra Huế, nhưng được đối xử ghẻ lạnh. Khi Nguyễn Tri Phương ra Bắc, hai ông có đi theo để giúp sức.

Về sau các ông được tham chính, theo liệt truyện thì Phan Liêm làm tới Thượng Thư (29) và Phan Tôn làm tới Hồng Lô Tự Thiếu Khanh.

Phan Liêm có 2 người con trai là Phan Đôn Khải và Phan Đôn Khắc. Ông Khắc tham chánh và giữ chức Viên Ngoại Lang ở Cơ Mật Viện.

Phan Tôn có 2 người con trai là Phan Đôn Đễ và Phan Đôn Tuấn, sống ở Huế và không ra làm quan (30).

Hiện nay con cháu Phan Thanh Giản thành danh có Luật sư Phan Thanh Hy.

## SINH HOẠT VẬT CHẤT.

Phan Thanh Giản sống lại Bảo Thạnh với gia đình cho tới năm 7 tuổi (1803) (31) rồi được gửi sang ở nhà ông bà ngoại tại làng Phú Ngãi vì lúc đó ông Xán lâm vào cảnh gà trống nuôi con.

Tại Phú Ngãi, Phan Thanh Giản được theo học nhà sư Nguyễn Văn Noa. Hàng tháng, mẹ ghẻ gửi cho 30 tô gạo và 30 con mắm (32). Khi ông Xán được biết hàng tháng vợ mình chỉ gửi cho Phan Thanh Giản ngần ấy đồ ăn, đã muốn gửi thêm mỗi tháng cho Phan Thanh Giản 30 con mắm nữa (33).

Thời kỳ này, ông Xán làm Thủ Hạp tại Vĩnh Long. Ông để gia đình ở Bảo Thạnh (34) vì lương bổng của ông quá ít ỏi không đủ cho gia đình sống tại thị trấn Vĩnh Long.

Từ 1803 cho tới 1815, ta không rõ Phan Thanh Giản và

gia đình sinh sống như thế nào? Nhưng năm 1815, một biến cố lớn đã xảy tới cho gia đình ông, làm thay đổi hẳn cuộc sống của gia đình, vốn đã thiếu thốn bây giờ lại càng cùng quẫn hơn.

Số là ông Xán, cha Phan Thanh Giản, bị một năm tù ở (1815) nên số lương bổng nhỏ nhoi của ông không còn để đóng góp một phần quan trọng trong sinh hoạt gia đình của ông như trước nữa.

Ông Xán bị một năm tù vì không được lòng quan trên và bị lôi thôi về chuyện thuế má: Ông Xán vì cương trực nên không a dua với quan trên làm những điều nhũng tệ nên bị các quan lại sở tại vu cáo là ăn hối lộ của dân nên để cho dân thiếu thuế. Việc thụ lý kéo dài tới 3 năm, kết quả là bản án trên (35).

Khi đó, Phan Thanh Giản mới 19 tuổi. Ông thân hành lên yết kiến Hiệp Trấn Lương (36) để xin ở tù thế cho cha (37). Đồng thời, hàng ngày ông vào khám thăm non và làm những dịch vụ thay cha, có khi ở luôn trong khám để chăm lo thuốc thang cho ông Xán khi ông không có bệnh (38).

Hành động hiếu thảo đó lan truyền khắp tỉnh Vĩnh Long lọt đến tai một sương phụ giầu lòng từ thiện là Bà Nguyễn thị Ân (39) và Hiệp Trấn Lương Hai người này đã chú ý và giúp đỡ Phan Thanh Giản (40).

Cảm động vì lòng hiếu thảo và có lẽ vì mến tài Phan Thanh Giản nữa (41) nên sau khi Ông Xán mãn hạn tù, Hiệp Trấn Lương khuyên Ông Xán để Phan Thanh Giản ở lại Vĩnh Long để theo học tại trường tỉnh và ông cấp cho sách vở.

Khi Phan Thanh Giản trọ học ở Vĩnh Long (20 tuổi) thì được Bà Nguyễn thị Ân hết sức giúp đỡ về vật chất như lương thực, quần áo và sách vở, giấy bút. Khi đi thi Hương, Phan Thanh Giản được Bà Nguyễn thị Ân tặng một cái áo lương, một cái quần lụa và một cái khăn đen. Phan Thanh Giản giữ gìn một cách kính cẩn bộ y phục đó cho tới khi chết (42).

Không rõ Phan Thanh Giản học ở Vĩnh Long mấy năm, nhưng lý do ông thôi học hiển nhiên là vì vấn đề sinh kế (43).

Cuộc đời nghèo khổ của Phan Thanh Giản kéo dài cho tới khi ông thi đỗ Tiến Sĩ và ra làm quan (1826) Từ năm này, cuộc sinh hoạt vật chất của ông đã khác trước và không còn là vấn đề quan trọng nhất của gia đình nữa (44).

Tuy thế, Phan Thanh Giản vẫn giữ một nếp sống thanh đạm và ham đọc sách, chuộng đạo lý như xưa. Có lẽ ông quen với cuộc sống nghèo khổ từ trước nên dễ khắc kỷ trước cái cám dỗ vật chất

Trái hẳn với các quan lại khác, Phan Thanh Giản thường sống lặng lẽ tại nhiệm sở với một người hầu thân tín là ông Trùm cả Bùi Tấn Đức (45). Ông Đức người làng Bảo Thạnh đi theo hầu Phan Thanh Giản từ lúc ông ra làm quan cho tới khi Phan Thanh Giản chết Vào thời kỳ mới xuất chính (1826-1829), đi theo Phan Thanh Giản còn có người em trai ông tên là Nghị nữa (46) Mãi về sau, khi các con đã khá lớn, ông mới cho một hai người con đi theo, thường thường Phan Hương — là con trưởng — được đi theo cha, còn đại gia đình ông vẫn để ở Bảo Thạnh.

Thú giải trí ưa thích nhất của Phan Thanh Giản là đọc sách. Vì ưa đọc sách nên hay sưu tầm sách lạ, do đó khi bọn lái buôn đưa biếu « viết mực hay sách sử » lạ là ông nhận ngay, nhưng biếu đồ quý khác ông không nhận (47).

Phan Thanh Giản là người không ưa sắc dục. Mặc dù sống xa vợ nhưng ông không có hầu thiếp. Nguyên vào lúc Phan Thanh Giản đã trở thành trọng thần tại kinh đô Huế, bà Hoạch sợ ông ở xa cô độc nên đã sai Phan Hương dẫn ra cho ông một người thiếp — tên là thị Thịnh — do bà chọn để hầu hạ ông. Khi ra tới Huế, cô Thịnh bị ông buộc phải về quê để lấy chồng khác. Nhưng

cô Thịnh cảm nghĩa ấy cũng không chịu đi lấy chồng mà vui lòng chung sống với bà Hoạch ở Bảo Thạnh (48).

Ông Thái Hữu Võ là người sống gần thời Phan Thanh Giản hơn cả, đã mô tả cuộc đời thanh đạm của Phan Thanh Giản trong lúc làm quan như sau:

« Từ khi ngài thi đậu ra làm quan, thì cũng cứ việc học thêm hoài và những sách lạ, truyện hay ngài đều có đọc, cho nên ngài thật là người bác lãm quần thơ. Mỗi khi ngài dùng cơm rồi, thì ngài đi đôi ba vòng, rồi ngài mới nghỉ; mỗi bữa sớm mai, ngài thường đi chung quanh thành một vòng, đặng xem xét quân lính và các dinh trại trong thành, buổi chiều cũng vậy. Tánh ngài ưa trồng bông quì trước nhà công đường và nơi tư dinh của ngài ở. Khi ấy có quan Tổng Đốc Vĩnh Long là ông Trương văn Huyền (49), dinh ông nầy ở gần một bên dinh ngài, tánh ông ưa dùng hầu thiếp nhiều lắm. Ngày kia ông đến thăm ngài, thấy ngài ở có một mình thì mới hỏi: « Sao quan lớn không dụng hầu thiếp? » Ngài trả lời rằng « Tôi không đủ ngày giờ mà lo việc quốc gia, có ngày giờ đâu mà lo việc hầu thiếp, tôi có trồng bông quì chung quanh dinh nhiều lắm, khi nào tôi buồn ra xem nó chơi cũng đủ vui, vả lại cái sắc nó tốt hơn sắc người, mà cái mùi nó hưởi chơi cũng thơm tho hơn cái mùi của đờn bà con gái, như vậy cũng đủ vui, lựa là phải dùng hầu thiếp chi cho cực lòng rộn trí. » (50)

Đời sống tư của Phan Thanh Giản có lẽ không có gì đặc biệt vì ông sống giản dị và mực thước, nhất là hình như ông dành hết thì giờ cho công vụ.

Cũng vì thế, trong suốt 41 năm làm quan, trừ lần về nhà cư tang cha (1843), Phan Thanh Giản rất ít khi về thăm gia đình tại Bảo Thạnh. Có lẽ một phần cũng vì quá xa xôi và việc nghỉ phép khó khăn nên Phan Thanh Giản ít khi được về thăm quê hương, ngược lại, bà Hoạch cũng thỉnh thoảng mới ra thăm chồng tạ nhiệm sở. Đối với cha ông, từ lúc ông xuất chính cho tới khi cha ông

chết (1826-1843), Phan Thanh Giản chỉ gặp cha có một lần khi ông làm Kinh Lược Sứ Trấn Tây (1835) nhằm lúc ghé qua tỉnh Vĩnh Long (51).

Tuy xa cách gia đình, họ hàng, nhưng không phải vì thế mà Phan Thanh Giản quên anh em, bạn bè

Lúc trước khi ra làm quan, tình anh em của ông rất đậm đà:

Anh họ có hai người,
Sum vầy vẫn yêu dấu!
« Em đi có các anh,
Săn sóc chú cùng cậu. »
. . . . . .

(bài Biệt gia, Trúc Khê dịch).

Và khi làm quan, Phan Thanh Giản thường lấy bổng lộc của mình để chu cấp họ hàng và các bạn nghèo nên không đủ dùng, vua Tự Đức biết thế nên thường cho thêm (52). Chẳng hạn, năm (1850), Tự Đức thưởng Phan Thanh Giản 20 nén bạc vì công lao khi làm Kinh Lược Sứ Tả Kỳ cũng nhằm việc đó.

## CHÚ THÍCH

*(1) Dương quảng Hàm, Việt Nam Văn Học sử yếu, Bộ Giáo Dục xb, lần 8e, tr 326, Saigon, 1961.*

*(2) QTCBTY, sđd, tr. 126.*

*(3) Các tăng ni đều có pháp hiệu để xưng hô, nhưng người trước lại ghi tên tục của nhà sư trụ trì tại Phú Ngãi này Hay ở đây có chỗ lầm lẫn chăng?*

*(4) Xem Nam Xuân Thọ, Võ Thường Toản, Tân Việt xb, Saigon, 1957.*

*(5) Không rõ đây là lần thi Hương đầu tiên hai thứ mấy của Phan Thanh Giản?*

*(6) Cao Xuân Dục, sđd, tr. 30 40 chép danh sách 10 vị Tiến Sĩ khoa thi Hội năm Bính Tuất (1826) như sau:*

1) Hoàng Tế Mỹ, người Sơn Tây, Đệ Nhị Giáp Tiến Sĩ xuất thân.

2) Nguyễn Huy Hựu, người Hải Dương, Đệ Tam Giáp Tiến Sĩ xuất thân.

3) Phan Thanh Giản, người Vĩnh Thanh, nt

4) Chu Văn Nghị, người Bắc Ninh, nt

5) Vũ Tôn Phan người Bắc Thành, nt

6) Tô Trân, người Bắc Ninh. nt

7) Ngụy Khắc Tuần, người Nghệ An, nt

8) Đặng văn Khải, người Bắc Ninh, nt

9) Vũ thời Mẫn người Nghệ An, nt

10) Nguyễn văn Thắng, người Bắc Thành, nt

(7) Huỳnh Thúc Kháng, « vài đoạn thuật sai trong bài Phan Thanh giản của Đỗ Trầm đăng trên báo Nghệ Thuật Việt Nam », báo Đông Dương, số 52, ngày 5-4-1941.

(8) Thái Hữu Võ sđd, tr 5.

(9) Chính Phan Thanh Giản đã viết là 11 người Trong bài biểu tạ ân vua Minh Mạng khi làm Tham Hiệp Quảng Bình (tháng 11 năm 1826), Phan Thanh Giản viết : « ... Thất niên Bính Tuất Hội thi khoa, bạt thần tứ nhị bách nhân chi trung. trí thần tứ thập nhất nhân chi liệt. Điện thí hựu mông tứ thần dự đệ tam giáp... » nghĩa là : « năm thứ 7, Bính Tuất, có khoa thi Hội thần được cất nhắc trong đám 200 người, thần được xếp vào bảng 11 người Trong kỳ điện thí lại rộng ban ơn cho dự hàng đệ tam giáp... » Phan Thanh Giản viết « thập nhất nhân » nhưng chắc chắn chỉ có 10 người như ta đã thấy.— Vậy câu « thập nhất nhân » đã in lầm, có lẽ đó là « nhất thập nhân » để đối chọi với vế trên là « nhị bách nhân » (xem Thọ Xuân, bài đăng trong Tri Tân số 4 đã dẫn).

(10) Lê Thọ Xuân, bài đăng trong Tri Tân, số 4, tr 8 còn dẫn chứng một câu đối của sĩ tử xứ Thanh Hóa năm đó (không đậu ai) để mỉa mai câu chuyện « đậu vớt » ấy :

Gia Định thành là xứ hưng vương, dở cho lắm cũng còn đậu một !

Thanh Hóa tỉnh là nơi khải thánh, giỏi mà chi rớt cả vừa hai »

Trong câu văn trích trong bài biểu tạ ân dẫn ở trên có câu « mông tứ dự đệ tam... » có lẽ Phan Thanh Giản nhận thực việc này chăng ? Nhưng chúng ta cũng có thể cho rằng đó chỉ là

*lời văn kiểu thức của một thần tử đối với đấng chí tôn.*

*(11) Ngày xưa quần chúng V. N chỉ nghĩ rằng cho con em đi học « kiếm dăm ba chữ » đủ viết được một cái văn tự hay đọc được một lá thư chứ không mấy ai nghĩ tới việc cho con em theo học đến nơi đến chốn vì họ cần người sản xuất hơn. Việc « học cao thì đậu làm quan » đối với quần chúng là một giấc mộng đẹp.*

*(12) Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện, truyện Phan Thanh Giản chép :...« Ông còn là người học vấn rất bác lãm và uẩn xúc. Mỗi khi vô sự, vua Tự Đức thường bàn luận văn chương, cùng đình thần và nhà vua từng khen văn chương ông là « Cổ nhã ». Các danh thần Nam Kỳ đời sau không ai có thể bằng ông được. »*

*Chứng tích của tài văn chương của Phan Thanh Giản là bộ Lương Khê Thi Thảo (18 quyển) và Lương Khê văn thảo (3 quyển). Ngoài ra còn có một quyển thi thảo bổ di và 1 quyển văn thảo bổ di. Bộ sách này do con trai của Phan Thanh Giản khảo hiệu và Tùng Thiện Vương đề tựa năm Đinh Mão (1867), ấn hành năm Bính Tý (1876).*

*(13) Tòa Kinh Diên là nơi giảng sách và bàn luận thi văn của vua Tự Đức.*

*(14) Phan Thanh Giản làm chánh Tổng Tài Quốc Sử Quán năm 1856 và soạn được bộ « Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục » (1856-1859). Được in năm 1884.*

*(15) Phan Thanh Giản đi sứ Hạ Châu (Tân Gia Ba) và sứ Tàu năm 1832. Về sau đi sứ Pháp, Y Pha Nho (1863-1864), ông có đi qua nhiều nước.*

*(16) Năm 1843, Cao Bá Quát theo Đào Tri Phú sang sứ Tân Gia Ba, tại đó ông được thấy tận mắt nền văn minh của người Anh, khi về ông than thở :*

*« Nhai văn, nhai chữ buồn ta,*
*Con dun còn biết đâu là cao sâu.*
*Tân Gia từ vượt con tàu,*
*Mới hay vũ trụ một bầu bao la.*
*Giật mình khi ở xó nhà,*
*Văn chương chữ nghĩa khéo là trò chơi.*
*Không đi khắp bốn phương trời,*
*Vùi đầu án sách uổng đời làm trai ! »*

*(bản dịch của Trúc Khê)*

(17) *Nghĩa là: « trăm ngành đều khéo bằng trời đất, chỉ có việc sống chết còn thuộc quyền tạo hóa. »*

(17) *và (18) Thái Hữu Võ, sđd, tr 32.*

(19) *Theo ông Lê Thọ Xuân trong một bài đăng ở Tri Tân (số 97, tr 7). Nhưng bài báo đó, ông Thọ Xuân viết lầm là bà Nguyên ở Long Hồ. Thực tế, là Nguyên là Mẹ ghẻ của Phan Thanh Giản. Xem gia phả họ Phan, chú thích (1) của phần trên.*

(20) *Cũng theo ông Thọ Xuân (Tri Tân số 97, tr 6 7) bài « Ký nội thi » của Phan Thanh Giản dưới đây được viết cho vợ mới cưới là bà Lê khi ông đi thi:*

*Từ thuở vương xe mối chỉ hồng,*
*Lòng này ghi tạc có non sông*
*Làng mây cười tớ ham rong ruổi,*
*Trướng liễu thương ai chịu lạnh lùng.*
*Ơn nước nợ trai đành nỗi bận,*
*Cha già nhà khó cậy nhau cùng.*
*Mấy lời dặn bảo khi lâm biệt,*
*Rằng nhớ rằng quên lòng hỡi lòng!*

(21) *Bà Hoạch tức là người vợ thứ ba của Phan Thanh Giản. Sở dĩ bà Hoạch được gọi là chính thất vì bà vợ đầu tiên của Phan Thanh Giản đã mất và bà thứ hai đã bị xuất.*

(22) *Thái Hữu Võ, sđd tr 6 ghi lầm là Nguyễn Công Xuân.*

(23) *Thái Hữu Võ, sđd, tr 6.*

(24) *Trong Chính Biên Liệt Truyện, truyện Phan Thanh Giản, chỉ ghi tên Phan Liêm và Phan Tôn chứ không thấy ghi tên Phan Hương. Trong bài « Tiên mẫu hành trạng thuật » của Phan Hương viết xưng tụng mẹ mình lại ghi tên 3 người: Hương, Tòng, Tuyền (xem P. Daudin, sđd, tr 26). Nhưng theo gia phả. Phan Liêm tức là Phan Tòng. Schreiner (sđd, tr 292) cũng cho biết Phan Thanh Giản có 4 người con là Hương, Liêm, Tôn và 1 người con gái không biết rõ tên. Vậy Phan Liêm tức là Phan Tòng và Phan Tôn tức là Phan Tuyền.*

(25) *Lúc đó, Phan Hương không trở về quê mà sống ở Bình Thuận vì Nam Kỳ đã thuộc Pháp, từ Bình Thuận trở ra mới là giang sơn của vua Nguyễn.*

(26) và (27). Schreiner, sđd, tr 292.

(28) Nam Xuân Thọ, sđd, tr 89.

(29) QTCBTY, sđd, tr 433, ghi: « Năm Đồng Khánh nguyên niên (1886), Phan Liêm được cử làm Khâm Sai Đại Thần, Phạm Phú Lâm làm Phó Khâm sai, cầm cờ tiết mao đi từ Quảng Nam trở vào, khắp trong các tỉnh hiểu dụ thân hào phải nên về đầu thú. Lại cho hai ông Khâm Sai nghĩ một tờ cáo thị dáng ngài ngự bút sửa lại. Rồi truyền sử quán in ra 100 tờ dụ và 100 tờ cáo thị giao cho hai ông Khâm Sai tới đâu yết đó. »

(30) Xem chú thích (28) và (27).

(31) Mẹ Phan Thanh Giản là Bà Lâm Thị Búp (1776-1802). Khi mẹ chết, Phan Thanh Giản mới có 6 tuổi.

(32) Thái Hữu Võ, sđd, tr 4 và Phạm Văn Sơn, sđd, tr 234.

Sự kiện này chứng tỏ gia đình Phan Thanh Giản và bên ngoại quá nghèo Vì với một cậu bé 7 tuổi đi trọ học ở nhà ông ngoại mà còn phải gửi thêm lương thực, đã thế lại quá ít ỏi, rẻ tiền, không thích hợp cho một cậu bé 7 tuổi, hơn nữa, ngần ấy không đủ nuôi sống Phan Thanh Giản Gia đình ông ngoại Phan Thanh Giản đã nhận số lương thực đó chứng tỏ rằng cũng rất nghèo. Chính sự kiện này làm Phan Thanh Giản thâm cảm (xem P. Daudin, sđd, tr 22-25..

(33) Thái Hữu Võ, sđd, tr 4.

(34) Thái Hữu Võ sđd, tr 4 có ghi câu hỏi Phan Thanh Giản của ông Xán: « Vậy chớ mẹ con ở nhà có cấp dưỡng cho con ăn học đủ không? » Chữ « ở nhà » cho ta biết rằng bà Xán không theo chồng lên Vĩnh Long.

(35) Trong 3 tài liệu nhắc tới việc này mà tôi hiện có đều có nội dung gần giống nhau.

Thái Hữu Võ, sđd, tr 4 ghi: « Cha ngài (Phan Thanh Giản) tánh cang cường và ngay thẳng, lòng không tham lam của dân, lại chẳng hay chiều lụy mấy kẻ ô lại tham quan làm đều sái phép hại dân, vì vậy quan trên cùng kẻ thanh tra không bằng lòng mới kiếm chuyện thêu dệt, nói ông để dân thiếu thuế mà không thâu, là lòng riêng tham ăn hối lộ của dân, có bao nhiêu đó mà bắt giam cầm,

đòi khai báo, nhưng nhẫng đến 3 năm, rồi làm án cách chức ông và phạt tù 1 năm».

Phạm Văn Sơn, sđd, tr 234 ghi: Cha Giản vì ngay thẳng nên không được lòng thượng cấp. Họ kiếm chuyện rằng Cha Giản để dân thiếu thuế bắt giam, ba năm sau bắt giải chức và ở tù thêm 1 năm.

Nam Xuân Thọ, sđd, tr 12 ghi: «Ất Hợi (1815) Thanh Ngạn bị vu hãm can án vì các quan lại ghét Ngạn cang trực. Ngạn bị khép tội phải phạt 1 năm tù.»

Với 3 tài liệu trên, ta thấy Thái Hữu Võ đáng tin cậy hơn cả vì ông sống rất gần thời đại Phan Thanh Giản và khi viết sách, ông đã thu lượm được những tài liệu sống, nhất là của gia đình Phan Thanh Giản.

(36) Lương là tên chứ không phải là họ. Xem Thái Hữu Võ, sđd, tr 4.

(37) Nam Xuân Thọ, sđd, tr 12.

(38) Thái Hữu Võ, sđd, tr 4.

(39) Các tài liệu đều không ghi họ của bà Ân. Nhưng cuốn Phan Thanh Giản của Thái Hữu Võ, ở trang 5 có ghi Bà họ Nguyễn: Nguyễn thị Ân. Tôi tạm thời theo đó, nhưng không dám chắc đúng.

(40) Thái Hữu Võ, sđd, tr 4 và Nam Xuân Thọ, sđd, tr 12.

(41) Chúng ta từng biết rằng các vị văn quan ngày trước là những nhà nho xuất thân nên thường có lòng liên đới đối với những học trò nghèo, hiếu để, có chí và nhất là luôn luôn giữ được tiết tháo nhà nho. Việc giúp đỡ thường được quyết định sau khi đã thử văn tài và khẩu khí của người học trò đó. Chúng ta có thể tin rằng Hiệp Trấn Lương giúp đỡ Phan Thanh Giản cũng ở trong trường hợp ấy. Điều này có thể tin được vì sau khi làm quan, vua Tự Đức từng khen ngợi văn chương ông là «Cổ Nhã» (Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện, Truyện Phan Thanh Giản) và vì hay chữ nên được bổ làm giảng quan tòa Kinh Diên và sung Chánh Tổng Tài Quốc Sử Quán.

(42) Thái Hữu Võ, sđd, tr 5.

(43) Thời xưa các nhà nho nghèo không đủ tiền để theo học tới nơi tới chốn, đều tìm một làng nào đó để «thiết trường bảo học». Tuy lương bổng ít, chỉ tạm để nuôi gia đình, nhưng được

*an thân để dùi mài kinh sử chờ ngày « quyết khoa ». Vậy Phan Thanh Giản nếu phải rời trường tỉnh Vĩnh Long thì cũng là để đi vào con đường này.*

*(44) Tài liệu về cuộc sinh hoạt vật chất của Phan Thanh Giản ngày nay coi như không có là bao, nên sự hiểu biết của chúng ta rất thiếu sót. Hiện nay chỉ có cuốn Phan Thanh Giản của Thái Hữu Võ là cho biết ít điều về vấn đề trên. Riêng tôi cũng căn cứ vào cuốn đó.*

*(45) Thái Hữu Võ, sđd, tr 1 (bài tựa).*

*(46) Thư của Phan Xán gửi cho Phan Thanh Giản. Xem P. Daudin, sđd, tr 51-54.*

*(47) Thái Hữu Võ, sđd, tr 24.*

*(48) Thái Hữu Võ, sđd, tr 29-30.*

*(49) Đúng ra là Tương văn Uyển.*

*(50) Thái Hữu Võ, sđd, tr 37.*

*(51) Phan Thanh Giản đi kinh lược qua Vĩnh Long nên mời chú lên chơi để gặp mặt, chứ không về quê.*

*(52) Thái Hữu Võ, sđd tr 28.*


CÔNG-TY GIẤY VÀ HÓA-PHẨM ĐỒNG-NAI

(Société de Papeterie et de Produits Chimiques du Donnai)

COGIDO

CÔNG-TY NẶC-DANH VỐN 213.180 000$00

Trụ sở *17, Bến Chương-Dương, SAIGON*

Nhà máy *An-Hảo — BIÊN-HÒA*

Văn-phòng Thương-Mại *3, Võ Di Nguy, SAIGON*

**Điện-thoại : 25.659**

▽

CHUYÊN SẢN XUẤT CÁC LOẠI

Giấy in — Giấy viết

Giấy bìa — Giấy gói

Giấy Duplicateur — Giấy Bristol

Carton DUPLEX — Carton gris

Carton paille

NGANG HÀNG VỚI SẢN-PHẨM NGOẠI-QUỐC

# CUỘC ĐỜI HOẠT ĐỘNG CỦA PHAN THANH GIẢN

## PHAN THANH GIẢN, NHÀ HÀNH CHÁNH LẬN ĐẬN (1).

Sau khi đậu Tiến Sĩ, Phan Thanh Giản vào quan trường (1826), lần lượt giữ nhiều chức vụ trong những lãnh vực khác nhau, trải qua 3 triều đại: Minh Mạng (1820-1840), Thiệu Trị (1840 1847), và Tự Đức (1848-1883).

Trong giai đoạn 1826-1859, Phan Thanh Giản rất lận đận trên hoạn lộ với nhiều lần bị cách giáng, nhưng bằng khả năng, lòng nhiệt thành với quốc dân, ông đã tạo được thế đứng quan trọng trong triều Nguyễn.

Vào tháng 8 năm Minh Mạng thứ 7 (1826) Phan Thanh Giản được triệu vào kinh để giữ chức Biên Tu ở Hàn Lâm Viện. Rồi Phan Thanh Giản được thăng chức rất mau: Lang Trung bộ Hình (tháng 11 năm đó) rồi Tham Hiệp Quảng Bình, quyền Hiệp Trấn Nghệ An (1828) và cũng năm đó Hiệp Trấn Quảng Bình.

Năm sau (1829), Phan Thanh Giản rời chức vụ địa phương để về triều lĩnh chức Phủ Doãn Thừa Thiên Ông được vua Minh Mạng chú ý vì có nhãn quan chính trị sắc bén và già dặn (2) nên ít lâu sau thăng làm Thị Lang bộ Lễ làm việc tại Nội Các, sau đó lại tái nhậm Hiệp Trấn Quảng Bình.

Năm 1831, Phan Thanh Giản đang từ Hiệp Trấn Quảng Nam bị giáng làm Tiền quân hiệu lực và được đái công chuộc tội vì ông — mặc dù là văn quan — đem quân ra dẹp giặc mọi ở Chiên Đàn nhưng bị thua. Đây là lần giáng thứ nhất của Phan Thanh Giản khi ông được 35 tuổi.

Tới đây, Phan Thanh Giản lại từ những chức vụ nhỏ leo dần lên: Từ một thuộc viên của sứ bộ sang Hạ Châu (Tân Gia Ba) (1832), rồi Hàn Lâm Kiểm Thảo sung Nội Các Hạnh Tẩu; năm 1833, được thăng Viên Ngoại Lang bộ Hộ, quyền ấn Phủ Thừa

Thừa Thiên, rồi Hồng Lô Tự Khanh. Cuối năm này, Phan Thanh Giản được cử làm Phó Sứ sang Tầu. Khi về được thăng Đại Lý Tự Khanh coi việc bộ Hình và sung Cơ Mật Viện Đại Thần (1834)

Năm 1835, Phan Thanh Giản được cử làm Kinh Lược Trấn Tây (3), khi về được cử làm Bố Chánh Quảng Nam (4), quyền ấn Tuần Phủ Quan Phòng.

Vào tháng 5 năm Minh Mạng thứ 7 (1836), Phan Thanh Giảng bị giáng lần thứ hai xuống hàng quan lục phẩm, đặt dưới quyền sử dụng của tỉnh Quảng Nam!

Nguyên do như sau: ·

Vì Minh Mạng muốn ngự du Ngũ Hành Sơn ở Quảng Nam, Phan Thanh Giản dâng sớ can ngăn đại lược: « Nhà vua đi tuần hạnh, dân trong hạt nghe nói chẳng ai là chẳng vui mừng. Nhưng nay vào khoảng tháng 4, tháng 5 mùa hạ, mùa lúa không được tốt, lại đang gặp lúc thời tiết cầy cấy trồng trọt. Nếu lại phải một phen cung ứng thì dân lo được việc nầy sẽ mất việc kia. Vậy xin tạm đình, để dân dốc sức vào việc ruộng nương ». (5)

Lá sớ của Phan Thanh Giản đã làm Minh Mạng tức giận và nghi ngờ các quan lại ở Quảng Nam « bê bối » nên cử ngự sử Vũ Duy Tân vào tra xét tình hình. Vũ Duy Tân khi về dâng sớ tâu đại lược: « Thần dân ai cũng ngóng trông nhà vua. Trong tỉnh thì các quan lại làm nhiều điều nhũng tệ.. »

Vì lời tâu đó, Phan Thanh Giản bị giáng chức và Minh Mạng cũng bãi bỏ cuộc ngự du Quảng Nam.

Nhưng qua cơn nóng giận, Minh Mạng cho Phan Thanh Giản phục chức khá mau: Sau vụ đó 2 tháng, thăng Thừa Chỉ ở Nội Các, rồi Thị Lang bộ Hộ sung Cơ Mật Viện Đại Thần.

Năm 1838, Phan Thanh Giản bị giáng lần thứ ba từ Thị Lang xuống Lang Trung bộ Hộ vì gặp phiên trực ở Nội Các, ông đã sơ ý để thuộc viên quên không đóng quốc bửu (ấn của vua) vào tờ sớ tâu đã được châu phê mà không kiểm soát loại.

Sau đó ít lâu. Phan Thanh Giản bị đổi tới Chiên Đàn (Quảng Nam) để khai mỏ vàng rồi tới Tống Tinh (Thái Nguyên) và Nhân Sơn. Năm sau (1839) Minh Mạng bãi việc khai mỏ để giao cho Khoáng Trưởng (người Trung Hoa) lãnh trưng (6) nên Phan Thanh Giản được về triều lĩnh chức Phó Sứ Thông Chính Ty. Cùng năm đó được thăng Thị Lang bộ Hộ như cũ.

Liền đó, Tổng Đốc Bình Định là Vương Hữu Quang — quê ở Gia Định — dâng sớ xin vua hủy tuồng « Lôi Phong Tháp », lấy cớ là tuồng đó ngụ ý phỉ báng trời đất, thần linh nên tỉnh Bình Định bị hạn hán, do đó các quan ở Cơ Mật Viện và lục bộ đều lần lượt dâng sớ hặc tội Vương Hữu Quang. Phan Thanh Giản không chịu ký vào sớ tâu nên vua Minh Mạng bất bình cho rằng hoặc ông bè đảng hoặc ông mưu hại Vương Hữu Quang (7).

Mặc dù Phan Thanh Giản biện bạch khéo léo (8) làm Vương Hữu Quang khỏi tội, nhưng ông vẫn bị khép vào tội « bè đảng » và bị giáng làm Phó Sứ Thông Chánh Ty lần nữa và Hộ Lý Công Việc Thương Trường (1839). Đây là lần bị giáng thứ tư.

Năm sau (1840) vẫn chức cũ nhưng ông được sung làm Phó Chủ Khảo trường Thừa Thiên và bị giáng một cấp vì chấm bài sơ sót. Lý do là khi chấm bài phú của Cống sĩ Mai Trúc Tùng ông không nhận ra bài phú đó có vận trùng nhau, mà lỗi này bị Thượng Thư bộ Lễ phát giác ra khi duyệt chấm. Đây là lần bị giáng thứ năm.

Cũng năm đó (1840), Thiệu Trị nối ngôi cho thăng Phan Thanh Giản lên chức Thị Lang bộ Binh rồi Tham Tri bộ Binh sung Cơ Mật Viện Đại Thần (1841).

Năm Thiệu Trị thứ ba (1843), có một làn « bạch khí » vắt ngang trời, Thiệu Trị xuống chiếu cầu lời trực ngôn. Nhân dịp này, Phan Thanh Giản dâng một bài sớ chỉ trích khéo léo vua Thiệu Trị và tố cáo sự thối nát của nền hành chánh địa phương, đồng thời ông còn đề nghị các biện pháp cải thiện. Chẳng hạn, bài sớ có đoạn:

... « *Hoặc giả nước đã trị an rồi mà lòng kính cẩn lo toan của vua so trước kia có phần sao nhãng đôi chút. Con đường can gián dẫu mở rộng đó mà chỗ ẩn tình của dân hoặc khó để đạt lên trên; chẳng cấp tuy đã hậu đấy, mà vẫn chưa khắp đến dưới đó chăng? Đại thần trình bày hoặc còn sao nhãng những nỗi sâu xa, mà các địa phương cũng chẳng lưu ý đến chỗ đời sống của dân, mà nó gây nên tai nạn thế chăng?*

*Và:*

... « *Lại còn một số quan lại không tốt, nhân lúc quốc gia hữu sự cho là dịp may. Những vụ giấy tờ bẩm báo càng là bắt lính đòi xâu, chẳng một việc gì chúng không tạ từ sách nhiễu, hoặc làm khó dễ v.v.. Cái thói xấu này ở xứ Nam Kỳ là thậm tệ nhất, vì dân xứ ấy sợ quan như cọp, nha lại mặc sức thay trắng đổi đen...* »

(Dụ lịch trần sớ, Lương Khê Văn Thảo, bản dịch của Tô Nam)

Cuối cùng Phan Thanh Giản đề nghị các biện pháp cải thiện, đại lược như sau:

« Vậy xin, sau khi muôn việc thong thả, tuyên triệu năm ba người kỳ thạc trong nước hỏi về việc trong nước, mưu ngoài biên, cùng nhau bàn bạc, việc đều xác đáng. Lại thân dụ các quan trong ngoài: Phàm những điều khổ sở của dân gian, đều cho nói hết. Sau rồi chọn điều phải mà thi hành, thì lại tệ được sạch đi, việc binh đều thực dụng, việc phòng người ở ngoài biên được mạnh mẽ lên mà thế nước mỗi ngày được tôn lên » (9)

Vua Thiệu Trị khen Phanh Thanh Giản nói phải.

Cũng năm đó, Phan Thanh Giản về cư tang cha tại Bảo Thạnh.

Năm 1844, Phan Thanh Giản về kinh để lĩnh chức Tả Đô Ngự Sử sung Cơ Mật Viện Đại Thần.

Năm 1847, nhân kỳ « Đại Kế » (10), vua Thiệu Trị ban dụ

rằng: « Thanh Giản làm những việc cơ yếu, bàn tính việc ngoại biên, giúp đỡ chốn cấm viên, công việc được thanh thỏa nên thăng làm Hình Bộ Thượng Thư Kiêm Cơ Mật Viện Đại Thần. Như thế sau 21 năm ở quan trường, Phan Thanh Giản đã leo lên đến 1 địa vị cao quý trong triều đình xưa

Năm sau (1848), Tự Đức lên ngôi đổi Phan Thanh Giản sang làm Thượng Thư bộ Lại. Vì năm đó có đại hạn ở kinh kỳ và các tỉnh nên Phan Thanh Giản và các đại thần trong Cơ Mật Viện dâng sớ xin thú tội.

Năm Tự Đức thứ 2 (1849), Phan Thanh Giản được cử làm làm Giảng Quan ở tòa Kinh Diên mới thiết lập.

Trong năm 1850, từ Thanh Hóa vào nam bị mất mùa và nhiều người chết vì bệnh dịch nên Phan Thanh Giản và Nguyễn Tri Phương điều trần 5 việc (11). Vì vậy Tự Đức cử nhiều đại thần làm Kinh Lược Đại Sứ tới các địa phương với mục đích « bày điều lợi, trừ điều tệ, cẩm trấp quan lại, chiêu an nhân dân » (12), riêng Phan Thanh Giản được lĩnh Kinh Lược Đại Sứ Tả Kỳ (gồm Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa) lĩnh Tổng Đốc Bình Phú (Bình Định, Phú Yên) kiêm Thuận Khánh (Bình Thuận, Khánh Hòa). Những biện pháp cải thiện và cứu trợ của ông thành công nên Tự Đức rất khen ngợi và thưởng 20 nén bạc.

Năm sau (1851), Nguyễn Tri Phương được cử làm Nam Kỳ Kinh Lược Chánh Sứ và Phan Thanh Giản làm Phó Sứ lĩnh Tuần Phủ Gia Định kiêm chức Lãnh Đốc (13) các đạo Long Tường (Vĩnh Long, Định Tường), Biên Hòa, An Giang, Hà Tiên.

Tháng 8 năm đó, 2 ông Kinh Lược Chánh, Phó Sứ dâng sớ điều trần 8 việc (14):

1) Xin Thánh Thể nên thận trọng

2) Xin bãi hát xướng

3) Xin ức chế kẻ hầu cận

4) Xin chuộng điều tiết kiệm, bớt lãng phí xa hoa, thương xót con dân, giữ gìn của nước

5) Xin giảm bớt cận thần và phong thưởng thái quá.

6) Xin chăm việc tuyển sửa

7) Xin khoan việc làm xâu cho quân lính

8) Xin thêm bổng hướng cho các quan

Vua Tự Đức xuống dụ khen ngợi, có câu: « Các ngươi đã tỏ lòng trung ái, sẵn có cơ mưu gì hay, nên thường thường vào tâu » (15). Nhân dịp này, hai ông xin từ chức, nhưng Tự Đức không thuận và dụ rằng : « Các ngươi phải gắng ở đó, nghĩ việc sắp đặt về sau, khi nào thành hiệu ta sẽ đòi về cùng không muộn chi » (16). Riêng Phan Thanh Giản được Thưởng tấm kim khánh có khắc 4 chữ: « Liêm Bình Cần Cán ».

Năm 1853, Phan Thanh Giản được gọi về triều và được phong hàm Hiệp Biện Đại Học sĩ lĩnh thượng thư bộ Binh, sung chức ở tòa kinh Diên và Cơ Mật Viện như trước (17).

Nhân dịp tân nhậm, Phan Thanh Giản dâng sớ trần tấu 6 biện pháp để cải thiện xứ Nam Kỳ như đề nghị chính sách vỗ về Cao Miên, sửa đổi các tệ tục, thi ân rộng rãi, đề cao đức hạnh của nhà nho, chế xe trâu, sửa sang phần mộ của các công thần và cho người trông nôm phần mộ. Các biện pháp này đã được Tự Đức cho thi hành.

Tới tháng chạp năm Tự Đức thứ 9 (1856), Phan Thanh Giản được cử làm Chánh Tổng Tài Quốc Sử Quán để soạn bộ Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục (18). Cùng năm đó, nhân kỳ « đại kế » Phan Thanh Giản được Tự Đức khen là liêm trực và cẩn thận nên được ban thưởng một tấm « b i » bằng lương ngọc.

Năm 1859, khi quân Pháp đánh Đà Nẵng và Nam Kỳ, các quan đều bày tỏ lập trường về việc chiến thủ, Phan Thanh Giản cũng dâng sớ bàn đại lược:

« Thiên hạ rất rộng, công việc rất nhiều ; ở chỗ việc nhiều, cai trị chỗ rất rộng, cốt làm cho yên mà thôi. Theo sức người mà dạy, không khó nhọc mà thành công, noi phép mà cai trị, quan lại quen mà dân yên, cho nên lợi mà không gấp trăm thì không đổi phép, công mà không gấp mười thì không đổi đồ dùng. Làm cái kế ngày nay cốt nhất nuôi dân chăm cấy cấy, nuôi lính đủ ăn : lưu ý như thế thì sức dân được thư thả mà quân có chỗ dạy, sức đất không bỏ phí, mà lương có chỗ ra, quân giỏi lương đủ, như nước chảy cuồn cuộn không hết, thì hoặc đánh hoặc giữ, không việc gì là không nên, đối với việc dân yên nước thịnh, may ra bổ ích đôi chút » (19).

Vua Tự Đức khen rằng : « Lời nói đều có cốt yếu, bọn tân tiến không thể ví nổi, chỉ nên thực lòng cố sức để giúp trẫm, đời sau chắc có tiếng khen. »

Khi Quân Pháp gây hấn (1859), Phan Thanh Giản và Trương Đăng Quế đều chủ trương nên hòa với Pháp (20). Rồi Phan Thanh Giản được Nguyễn Tri Phương để bạt vào Quảng Nam để đối phó với Pháp sau này (1859). (21)

## PHAN THANH GIẢN, NHÀ NGOẠI GIAO THẤT BẠI.

*Phan Thanh Giản ký kết hoà ước 1862.*

Vào năm 1858, quân Pháp liên minh với quân Y Pha Nho tới Việt Nam để thị uy nhằm bảo vệ sự tự do truyền bá Thiên Chúa Giáo (22), nhưng họ thu được thắng lợi lớn là chiếm được Gia Định, Định Tường, Biên Hoà (1861), Bà Rịa và Vĩnh Long (1862) (23).

Tuy thế người Pháp .úng túng vì nghĩa quân của ta đánh phá nên vào tháng 5-1861, Tướng Bonard chỉ huy quân Pháp ở Nam Kỳ đưa thư cho vua Tự Đức bày tỏ lòng muốn hòa bình để dân chúng đỡ khổ (24) Đồng thời họ đòi triều đình trao 100 000 quan tiền để làm tin cho cuộc hòa giải (25). Điều kiện này được triều đình Huế chấp nhận sau 1 cuộc bàn cãi (26).

Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp đều xin vào Nam để

thương thuyết với Pháp (27). Tự Đức bèn hạ chiếu phong Phan Thanh Giản làm Chánh Sứ Toàn Quyền Đại Thần và Lâm Duy Hiệp làm Phó Sứ (28).

Trước khi các sứ giả vào Nam điều đình, Tự Đức cho triều thần bàn định từng điểm đề nghị của Pháp trước đây để lập 1 tiêu chuẩn điều đình (29). Đại Cương, đình thần « định hướng » cho các sứ giả như sau : « Khi thương thuyết xin hãy dò lường tình lý, tùy nghi biện bác, sao cho họ bình tâm nghĩ lại, giảm được phần nào thì tốt phần ấy, nếu không được thì mới từ ít đến nhiều... Nếu họ nghe theo thì thôi, bằng không nên kiếm cớ đình cuộc thương thuyết để báo về trù biện cho hợp sự thể » (30). Rồi Tự Đức cũng bày tỏ lập trường rằng : « Khoản đạo Gia Tô công hành, quyết không cho được, nếu bất đắc dĩ thì bất giáo sĩ đó phải trình ở các chỗ, như ở Nam Kỳ thì cho ở Gia Định Bắc Kỳ thì cho ở Nam Định hoặc Hải Dương Hai khoản nói « người Tây được qua lại trong toàn quốc » ; « đặt quan ở Kinh » cũng quyết không cho được. Ở các hạt Gia Định, Định Tường, Biên Hòa, chỉ cho họ ở một đôi chỗ để buôn bán, nếu không thuận thì chỉ chuộc lại mà thôi. Khoản người Y Pha Nho xin ở và đánh thuế, nên bác » (31).

Khi các sứ giả vào bái biệt, vua Tự Đức ban ngự tửu và dặn dò ân cần : « Nước đương lâm vào hồi nguy cấp, phải nhờ những nhà lão luyện, đem hết tài năng, giữ cho được biên cương : công ấy cao hơn Lạn Tương Như đã đem ngọc Biên Hòa về cho nước Triệu » (32).

Ngày 16-5-1862, sứ giả Việt Nam xuống tầu Hải Bằng, trương quốc kỳ mầu vàng, từ Huế ra cửa Hàn (Đà Nẵng) rồi theo tầu Biển Đoan Loan nhờ tầu Forbin kéo vào Gia Định. Tới nơi ngày 26-5-1862 (33).

Tại Gia Định, sứ giả Việt Nam thương thuyết với Tướng Bonard (Pháp) và Palanca (Y Pha Nho), Aubaret làm thông ngôn.

Ngày 9-5 Nhâm-Tuất (5 tháng 6 năm 1862), sau mấy ngày bàn

cải, Hòa ước gồm 12 khoản, được ký kết trên soái hạm Dupersé đậu ở sông Saigon giữa đại diện 3 nước (34).

Đại Cương, Pháp hưởng mọi quyền lợi, Y Pha Nho chỉ hưởng quyền truyện giáo, thương mại hạn chế và 1 phần tiền bồi thường chiến phí Nội dung hòa ước hoàn toàn trái ngược với chủ trương của vua Tự Đức và triều đình, nhất là Việt Nam tỏ ra quá « lép vế » ở khoản 3 và 11. Nét chính của một vài điều khoản quan trọng như (35):

*Khoản 2.*— Người Pháp và Y Pha Nho được tự do giảng đạo Gia-Tô.

*Khoản 3.*— Nhường cho Pháp Biên Hòa, Định Tường và Gia Định, đảo Côn Lôn Người Pháp được tự do đi lại trên sông ngòi Nam Kỳ

*Khoản 5.*— Người Pháp và Y Pha Nho được buôn bán ở Đà Nẵng, Ba Lạt, Quảng Yên.

*Khoản 8.*— Đại Nam phải trả 4 triệu đồng chiến phí trong hạn 10 năm.

Hai hôm sau, sứ bộ Việt Nam rời Saigon về Huế, tới nơi ngày 14-5 Nhâm Tuất.

Khi sứ giả tâu bầy kết quả lên vua Tự Đức, nhà vua than rằng. « Ôi, con dân mấy triệu! tội gì đến thế! Đau lòng thay! Hai ngươi không những chỉ là tội nhân của bản triều mà còn là tội nhân của muôn đời nữa (36).

Sau đó vì đình thần chủ trương: « Việc nhường đất, bồi tiền như thế không hợp, nhưng điều ước mới định mà cải nghị ngay, vị tất họ chịu, vậy xin cho 2 sứ thần đến ở gần, từ từ thương chước để chuộc lỗi trước, rồi sẽ sai sứ thông văn, tùy cơ chước nghị » (37) nên Tự Đức bèn cho Phan Thanh Giản làm Tổng Đốc Vĩnh Long, Lâm Duy Hiệp làm Tuần Vũ Thuận Khánh để tiện việc giao thiệp với Pháp (38).

Tháng 11-1862, Lâm Duy Hiệp và Phan Thanh Giản yêu cầu Pháp trả lại Vĩnh Long (39), nhưng Pháp cho hay chỉ trả lại khi nào « Quản Định » thôi đánh phá (40) Trong khi đó, Bonard đòi hỗ giao hòa ước vào tháng 11 Nhâm Tuất (41). Vua Tự Đức bất bình muốn trì hoãn sự phê chuẩn này, nhưng Bonard không chịu và đòi làm lễ ngày 16-4-1863 tại Huế.

Ngày 10-4-1863, Bonard và Palanca tới Huế và lễ hỗ giao Hòa ước được tổ chức ngày 14-4-1863 tại điện Thái Hòa. Trong số các đại thần được cử ra đón tiếp sứ Tây có Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp.

Ngày 19-4-1863, sứ Tây rời Huế. Nhân dịp này, Phan Thanh Giản vào Nam để tiếp thu Vĩnh Long.

*Phan Thanh Giản sang sứ Pháp và Y Pha Nho.*

Sau ngày Hòa ước Nhâm Tuất được ký kết, vua Tự Đức vẫn ngày đêm lo lắng tìm cách chuộc lại đất đã mất càng sớm càng hay. Một trong những động cơ thúc đẩy nhà vua phải sớm giải quyết vấn đề là Gia Định là quê hương của Từ Dũ · Thái Hậu (con gái của Phạm Đăng Hưng) và Nam Kỳ là đất khai cơ của nhà Nguyễn.

Vì điều đình với súy phủ Pháp ở Saigon thất bại, nên triều đình Huế quyết định gửi sứ bộ sang tận Pháp và Y Pha Nho để điều đình. Cơ hội thực hiện là dịp De La Grandière sang thay Bonard (1-5-1863).

Để người Pháp giúp phương tiện cho sứ bộ sang Pháp và Y Pha Nho, triều đình Huế lấy cớ là để đáp lễ Pháp Hoàng đã phái người tới chúc mừng Tự Đức nhân dịp ký hòa ước 1862. Người Pháp bằng lòng cho mượn tầu Européen và cử Aubaret, Rieunier đi theo hướng dẫn, nhưng Việt Nam phải trả mọi phí tổn.

Triều thần công cử Phan Thanh Giản làm Chính Sứ để lãnh đạo sứ bộ, Phó Sứ là Phạm Phú Thứ, Bồi Sứ là Ngụy Khắc Đản. Sứ bộ có 63 người và 10 người dân Saigon đi theo sứ bộ

(42). Thông ngôn có Trương Vĩnh Ký, Linh Mục Hoàng. Sứ bộ đem theo nhiều vật quý và vàng bạc.

Ngày 21-6-1863, trước khi sứ bộ ra đi, vua Tự Đức đối thoại với Phan Thanh Giản như sau (43):

— Ta nhất sơ thông sứ để mưu chuộc đất, ý quan Pháp thế nào?

— Ý họ thế nào tôi chưa biết rõ, nhưng gấp quá e chưa tất được.

— Vậy thì sai sứ đi có ích chi? Phan Thanh Giản còn không biết rõ huống hồ người khác. Các ngươi đi chuyến nầy liệu nói thế nào cho được, nếu không nghe, nên lưu lại cố nói, sao cho động lòng họ, chứ đi không về rồi hoặc bỏ mạng không về thì có ích gì cho nước.?

Vua hỏi thêm:

— Trước kia ngươi bỏ Nam Kỳ chắc là đã có cân nhắc, vậy ngươi còn có ý gì nữa không?

— Xem kỹ thời thế, không thể không được. Tôi nay phụng mệnh đi sứ, xong việc hay không còn tùy được ở 2 nước. Tôi chỉ biết hết lòng, hết sức mà thôi

Vua rơi lụy bảo các quan:

— Đất đai ấy, nhân dân ấy của tiền triều mở mang, nhóm họp để lại, nay các ngươi phải đồng tâm lo liệu sao cho ta khỏi hổ thẹn, khỏi lo lắng.

Rồi vua dặn dò sứ thần:

— Quốc thư phải đưa cho đến nơi, đừng để các quan đương sự ngăn đón, đừng chuyên tin lời người thông ngôn v.v... Sứ thần là người thay mặt vua, đừng lạy mà nhục quốc thể.

Khi tiễn chân ra cửa điện, vua còn hỏi thêm Phan Thanh Giản (44):

— Nếu người ta không cho chuộc thì ngươi có cách gì đối phó không?

Phan Thanh Giản tâu:

— Tôi xin nhận chân sứ mạng, dầu cuộc đàm phán bị bế tắc thì lũ tôi có thể duy trì mối tình thân thiện, để nuôi hy vọng về tương lai; nếu có thể « đem ngói đổi vàng » (45) thì lúc nào ũ tôi cũng sẵn sàng, ngoài ra lũ tôi không có cách gì khác.

Vua Tự Đức vỗ vai Phan Thanh Giản và nói:

— Ngươi đã chịu hy sinh trước sứ mạng, thì ta cũng chắc được khỏi tội với đời sau; đất 3 tỉnh là xương máu của dân, chuộc lại là chuộc tội cho ta; để cho dân thỏa lòng nguyện vọng.

Sứ bộ vào Saigon bằng tầu Echo, rồi tới Alexandri- bằng tầu Européen, tới Toulon bằng tầu Labrador ngày 9-9-1863 và cập bến Marseille ngày 12-9-1863. Chiều ngày 13-9-1863, sứ bộ tới Paris bằng xe lửa. Tại Toulon, Marseille và Paris, sứ bộ được đón tiếp long trọng và đúng theo nghi cách (46). Trong lúc đó, Pháp Hoàng Napoléon 3è đang lưu trú ở Biarritz nên hoạt động của sứ bộ là đi thăm viếng các thắng cảnh, quan sát các cơ sở kỹ nghệ và dự tiệc tân, viếng thăm xã giao nhiều sứ thần ngoại quốc tại Paris (47).

Suốt trong thời gian lưu trú tại Paris, sứ bộ tiếp xúc với bộ ngoại giao Pháp nhiều nhất: ngày 18-9-1863 tiếp tân tại bộ ngoại giao, 3 ngày sau, ông Drouyn de Lhuys — Tổng Trưởng Ngoại giao — tới khách sạn để đáp lễ và ngày 21-10-1863 cũng dự tiệc tại bộ ngoại giao (48). Đặc biệt ngày 26-9-1863, sứ bộ tới nhà riêng của ông D. de Lhuys để thảo luận (49).

Ngày 7-11-1863, sứ bộ Việt Nam được vào bệ kiến Napoléon 3è tại điện Tuileries theo nghi lễ ngoại giao trọng thể.

Sau những nghi thức thông thường, Phan Thanh Giản đệ trình quốc thư lên Napoléon 3è, rồi trình bày mục đích của sứ bộ là xin chuộc 3 tỉnh miền đông Nam Kỳ (50). Nhưng cuộc gặp gỡ này không đi đến một kết quả cụ thể nào.

Ít hôm sau, bộ ngoại giao Pháp mời sứ bộ tới và hứa « sẽ nghiên cứu rồi sửa lại hiệp ước 1862, sau đó sẽ ký kết với các ngài một hiệp ước khác » (51). Phan Thanh Giản cũng tuyên bố đại lược rằng: « Sứ bộ Việt Nam xin chuộc 3 tỉnh miền đông và Việt Nam sẽ trả mỗi năm 2 hay 3 triệu vô hạn định hoặc sẽ trả 40 triệu trong 1 lần. Người Pháp có quyền cư trú tại 3 hải cảng của Việt Nam và tự do thương mại, đồng thời Việt Nam sẽ nhượng cho Pháp hải cảng Saigon » (52).

Chính phủ Pháp chấp thuận việc sửa đổi hòa ước 1862 nên soạn ra một bản dự thảo hòa ước mới. Bản văn này được trao cho sứ bộ Việt Nam trước khi lên đường sang Y Pha Nho.

Lý do chính phủ Pháp chấp nhận việc sửa đổi này là vấn đề ngân sách. Lúc đó ngân sách nước Pháp thâm thủng 972 triệu nên cả Pháp Hoàng lẫn Tổng Trưởng Tài Chánh Achille Fould đều chủ trương giải pháp trao trả đất cho Việt Nam để lấy tiền bồi thường.

Như vậy, trên nguyên tắc, sứ mệnh của Phan Thanh Giản đã thành công.

Ngày 10-11-1863, sứ bộ lên đường sang Madrid để bệ kiến nữ hoàng Isabelle của Y Pha Nho. Tại đây, sứ bộ cũng được đón tiếp long trọng như ở Pháp.

Sau khi xong việc, sứ bộ về Việt Nam, dọc đường gặp bão, nên mãi tháng hai năm Giáp Tý (1864) mới về tới Huế.

Ngày 21-3-1864, Phan Thanh Giản tường trình kết quả lên vua Tự Đức. Vua Tự Đức và triều thần đều vui mừng và tán thưởng công lao của sứ bộ. Vua Tự Đức bèn phong Phan Thanh Giản (68t) làm Thượng Thư bộ Lại như cũ.

●

Nhưng thực tế, triều đình Huế đã mừng hụt, vì phe thực dân đã vận động để chống lại việc cho chuộc đất. Đứng đầu phe này là các nhân vật thuộc bộ Hải quân và thuộc địa như Ch. Laubat, Bonard, De La Grandière ..

Vào năm 1864, khi phe thực dân chưa thắng thế thì quyển «Vấn đề Nam Kỳ xét theo quyền lợi của Pháp» của Rieunier — ký dưới bút hiệu H. Abel — được tung ra làm cho dư luận ủng hộ lập trường của phe thực dân.

Song song với sự biến chuyển dư luận đó ở Pháp, Aubaret tới Huế để đại diện Pháp ký kết với Phan Thanh Giản (54) một hòa ước mới ngày 15 tháng 7 năm 1864. trong đó Pháp sẽ trả 3 tỉnh đã chiếm cho Việt Nam (55).

Nhưng luận cứ của phe thực dân đã làm Pháp Hoàng xiêu lòng nên ngày 18-7 1864, Napoléon 3è, ra lịnh cho Aubaret ngừng thương thuyết. Lịnh này tới Huế ngày 21-7-1864, thì hòa ước đã ký được 6 ngày rồi!

Thế là tại Pháp mọi sự phản đối nhằm vào hòa ước Aubaret. Tháng 11-1864, Ch. Laubat dệ lên Napoléon 3è một bản phúc trình thứ hai, dựa theo quan điểm của De La Grandière về các khía cạnh chính trị và tài chánh, đã xác định giá trị của sự thịnh vượng của thuộc địa Nam Kỳ và chỉ trích kịch liệt ý kiến chiếm đóng thu hẹp ở Nam Kỳ và đề nghị giữ nguyên hòa ước 1862 (56).

Bản phúc trình này làm Napoléon 3è quyết định không cho chuộc đất ở Nam Kỳ Tháng 2 1865. Aubaret tới Huế cho hay không có hòa ước mới và yêu cầu vua Tự Đức cho trả tiền chiến phí cùng cấm dân chung chống Pháp (57).

Như thế việc chuộc đất hoàn toàn thất bại. Kết quả đó làm Tự Đức tức giận, cách lưu Phan Thanh Giản. (Đây là lần giáng chức thứ 6)

Số phận và tương lai Việt Nam đã được định đoạt.

## PHÁP CHIẾM BA TỈNH MIỀN TÂY VÀ CÁI CHẾT CỦA PHAN THANH GIẢN.

Sao khi bãi bỏ hòa ước Aubaret, đã tâm thực dân của Pháp

ngày càng rõ rệt tại Việt Nam, nhất là trong khi đó tại Nam Kỳ, nghĩa quân của ta xuất phát từ 3 tỉnh miền Tây đánh phá khắp nơi buộc người Pháp phải tính đến việc chiếm nốt những tỉnh đó để hoàn toàn cuộc bình định Trước tình thế đó, Tổng Đốc Vĩnh Long là Trương văn Uyển bèn mật tâu tình hình 3 tỉnh miền Tây về triều (1865).

Tự Đức muốn cử một người được Pháp tin phục vào Nam để đối phó với Pháp nên Đoàn Thọ và Trần Tiễu Thành đề cử Phan Thanh Giản. Tự Đức bèn tha tội cách lưu và phong cho ông hàm Hiệp Biện Đại Học Sĩ Hộ Bộ Thượng Thư, sung Kinh Lược Sứ 3 tỉnh Vĩnh Long, An Giang Hà Tiên. Nhưng Phan Thanh Giản dâng sớ xin từ khước sự khai phục (58)

Trước khi ra đi, Phan Thanh Giản tâu rằng chính sách của ông là tuân đúng theo hòa ước Tự Đức cũng ngỏ ý « muốn hòa bình, cho dân tộc được yên ổn, nhưng không nên vì lẽ ấy mà khuất phục tình hình một cách thụ động » (59).

Trong khi ở Vĩnh Long, ngoài việc nhiều lần phải xoa dịu cảm hờn của Pháp về sự đánh phá của nghĩa quân và thương thuyết với họ về yêu sách đòi nốt 3 tỉnh miền Tây, Phan Thanh Giản vẫn thụ động không lo tăng cường việc phòng thủ để lo đối phó với Pháp, mặc dù ông vẫn biết rõ dã tâm của Pháp.

Rồi trước những khó khăn ở Nam Kỳ, năm 1866, Phan Thanh Giản lại xin hưu trí viện lẽ tuổi già sức yếu, không đương được việc lớn. Nhưng không được chấp thuận.

Về phía Pháp, vì được sự ưng thuận của Tân Tổng Trưởng Hải Quân và thuộc địa R de Genouilly nên De La Grandière đã thảo kế hoạch hành quân chiếm 3 tỉnh miền Tây rất chu đáo cả về khía cạnh quân sự lẫn chính trị (1867). De La Grandière quyết định dùng đường thủy để tấn công vào mùa mưa.

Ngày 15-6-1867, De La Grandière rời Saigon xuống Vĩnh Long với 17 chiến hạm Nửa đêm 19 6-1867 hạm đội tới Vĩnh

Long. Sáng hôm sau, De La Grandière nhờ Cố Dương vào thành đưa thư mời Phan Thanh Giản xuống soái hạm và cho biết lý do phải động binh.

Phan Thanh Giản và Án Sát Võ Doãn Thanh cố gắng biện thuyết, nhưng De La Grandière không nghe, buộc phải nộp thành trong vòng 2 tiếng đồng hồ (60). Trước tình thế đó, Phan Thanh Giản bằng lòng nộp thành cho Pháp và yêu cầu đừng nhiễu hại dân và tiền lúa trong kho vẫn do Việt Nam nắm giữ (61). De La Grandière ưng thuận.

Phan Thanh Giản trở về thành thì thành đã bị chiếm rồi! Sau đó, lần lượt đến An Giang (21-6-1867) và Hà Tiên (24-6-1867).

Sau đó, Phan Thanh Giản lấy tiền lúa nộp một phần cho Pháp để thanh toán tiền bồi thường năm đó, rồi ông ra sống tại một ngôi nhà tranh ở ngoại ô thành Vĩnh Long. Chính tại đây, Phan Thanh Giản đã quyết định chấm dứt cuộc đời mình. Có lẽ đó là lối thoát duy nhất của Phan Thanh Giản sau khi đã đơn phương nộp thành trì cho Pháp mà không có sự ưng thuận của triều đình, nhất là trước đó Tự Đức đã đặt mọi hy vọng bảo vệ được thành trì vào tay Phan Thanh Giản.

Ngày 20 tháng 6 Đinh Mão (8 7-1867), Phan Thanh Giản viết một lá sớ gửi lên vua Tự Đức, nội dung như sau:

*Nay gặp thời gian bĩ, việc dữ khởi ở trong cõi, khí xấu xuất hiện ở biên thùy; việc cõi Nam Kỳ, một chốc đến thế này, không thể ngăn cản nổi, nghĩa tôi đáng chết, không dám sống cầu thả để cái nhục lại cho Quân Phụ. Đức Hoàng Thượng rộng xét xưa nay, biết rõ trị loạn: người thân kẻ hiền trong nước cùng lòng giúp đỡ, kính cẩn phép trời, thương người cùng khổ, lo trước tính sau, đổi dây thay bánh, thế lực còn có thể làm được. Tôi tới lúc tắt nghỉ, nghẹn ngào không biết nói sao, chỉ gạt nước mắt tỏ lòng quyến luyến, trông mong khôn xiết (62).*

Rồi ông xếp triều phục, ấn triện, 23 đạo bằng sắc được cấp

thưởng từ khi làm quan, kèm với lá sớ trao cho một người đem ra Huế.

Phan Thanh Giản còn gửi cho quan dân 3 tỉnh 1 bức thông điệp (63) và cho De La Grandière một bức thư dài (64).

Lúc đó con cháu đã được gọi tới đông đủ, Phan Thanh Giản bắt đầu tuyệt thực ngày 19-7-1867. Phan Thanh Giản vẫn bình tĩnh và sáng suốt khuyên con cái nên lo học hành, không được làm việc cho Pháp (65) và bảo con cháu lo liệu tang ma cho ông thật giản dị. Phan Thanh Giản di bút lại câu: «*Minh tỉnh thỉnh tỉnh, nhược vô ứng thư. Đại Nam Hải Nhai Lão Thư Sanh Tánh Phan Chi Cữu, diệc dĩ thử chi mộ*», nghĩa là: «tấm mich tinh (tấm triệu) xin bỏ đi, nếu không thì để: Cái cữu của người học trò già họ Phan ở góc bể nước Đại Nam, mộ chí cũng để như thế» (66). Đồng thời, ông còn làm mấy bài thơ tuyệt mệnh:

I

Thời trời, lợi đất, lại người hòa,
Há dễ ngồi coi phải nói ra.
Làm trả ơn vua đền nợ nước,
Đành cam gánh nặng ruổi đường xa.
Lên ghềnh xuống thác thương con trẻ,
Vượt biển trèo non cám phận già.
Cũng tưởng một lời an bốn cõi,
Nào hay Ba tỉnh lại chầu ba!

II

(Bang Duật Tương Trì Ngư Ông Đắc Lợi)
Tạo vật nguyên lai lưỡng bất can,
Chỉ nhân ẩm trác khởi đa đoan.
Vân cẩm tráng chí hà tu nhượng,

Thủy cáp hùng tâm bất khẳng khoan.
Khai khẩu bất như giam khẩu ổn,
Nhập đầu phương giác xuất đầu nan.
Tảo tri đắc lợi quy ngư phủ,
Vân thủy phi tiềm, các tự an!

Bài dịch:

Trời đất sinh ra vốn khác lò,
Chỉ vì « tham miếng » phải giằng co.
Cò khua dài mỏ chi nhường nhịn,
Trai cậy dầy mu chả nói cho.
Mở miệng không bằng im hóa ổn,
Vương đầu mới biết gỡ thêm lo ..
Sớm hay no dạ ông câu cá,
Bay tít mù xanh, lặn nước mò...

(Vũ Trang dịch)

Rồi sau 15 ngày tuyệt thực mà không chết, Phan Thanh Giản quyết định uống dầm hạnh hòa với thuốc phiện để chấm dứt cuộc đời, trước sự chứng kiến của gia đình, vào ngày 3 tháng 7 Đinh Mão (2-8-1867) sau khi đã hướng về phương Bắc lễ 5 lậy.

Nhưng Bác sĩ Hải Quân Le Conlat đã cố cứu chữa ông và kéo dài cơn hấp hối thêm 2 ngày nữa (67), Phan Thanh Giản từ trần vào nửa đêm ngày 5 tháng 7 năm Đinh Mão (4 8-1867), thọ 71 tuổi.

Phan Thanh Giản được con cháu đưa về an táng tại Bảo Thạnh theo như ý ông muốn.

## CHÚ THÍCH

*(1) Phần này dựa theo Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện, truyện Phan Thanh Giản.*

*(2) Vì Trấn Ninh có loạn nên Minh Mạng hỏi ý kiến Phan Thanh Giản, ông tâu: « Trấn Ninh là 1 mối lo bên ngoài, nếu không nhân lúc chưa hiện hình ra mà trị ngay đi, để ngày sau thế đã thành thì tốn công mà còn khó ». Minh Mạng phán rằng: « Trị ngay lúc chưa hiện hình thì sức ít mà dễ thành công lo việc lúc đã phát triển rồi thì dùng sức gấp đôi mà thành công lại khó. Lời khanh rất hợp ý trẫm ». (Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện, Truyện Phan Thanh Giản, bản dịch của Ưng Hòe, Tri Tân số 97).*

*(3) Trấn Tây là đất Cao Miên bị Việt Nam thôn tính năm 1835.*

*(4) Tức là sau 4 năm, Phan Thanh Giản lại trở về chức vụ cũ năm 1831.*

*(5) Nguyên văn: Đại giá tuần hạnh, hạt dân văn giả mạc bất hân nhiên. Đản kim hạ hòa cáo khiêm tứ ngũ nguyệt gian, hựu đương canh thực thời hậu Nhất phiên cùng ứng cố thử thất bỉ. Thỉnh thả tạm đình, tỷ dân đắc chuyên lực điền lý. »*

*(6) QTCBTY, sdd, tr. 229 ghi: « Bấy giờ ngài (Minh Mạng) sai Giản đem thị vệ tới nơi (Tống Tinh và Nhàn Sơn) thuê thợ đào lấy (vàng). Rồi bởi công việc khó nhọc, lấy không được mấy lại bãi đi mà giao cho Khoáng Trưởng lãnh trưng. »*

*(7) Thái Hữu Võ, sđd. tr. 13.*

*(8) Thái Hữu Võ, sdd, tr. 13 14 có dịch bài sớ biện bạch của Phan Thanh Giản. Nguyên văn trong Đại Nam Liệt Truyện, truyện Phan Thanh Giản và Lương Khê Văn Thảo.*

*(9) Bản dịch của Ưng Hòe, Tri Tân số 98. Đây là phần tóm lược của Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện*

*(10) Tức là kỳ kiểm thảo quan lại, cứ 3 năm 1 lần.*

*(11) Không rõ 5 việc này là gì?*

*(12) QTCBTY, sđd, tr. 297.*

*(13) Còn gọi là Kiêm Tri, là một chức quan võ cao cấp, chỉ huy quân đội nhiều tỉnh.*

(14) QTCBTY, sđd, tr. 303 và Thái Hữu Võ, sđd, tr. 22.

(15) và (16) QTCBTY, sđd, tr. 303.

(17) Đây là lần vào Cơ Mật Viện thứ 5 của Phan Thanh Giản.

(18) Mãi tới 1859 mới soạn xong và tới 1884 mới được xuất bản.

(19) Bản dịch của Ưng Hòe, Tri Tân số 99 (Nguyên văn của Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện, truyện Phan Thanh Giản).

(20) QTCBTY, sđd, tr. 321.

(21) QTCBTY, sđd, tr. 321.

(22) và (23), xem các bộ sử đã dẫn trong thư tịch.

(24) P. Daudin, sđd, tr. 61-62.

(25) Cultru sđd, tr. 79.

(26) Phạm Văn Sơn, sđd, tr. 164.

(27) Tôi theo Cao Xuân Dục (QTCBTY, sđd, tr. 332) và Phan Khoang (sđd, tr. 143) là những tác giả đáng tin cậy hơn vì 2 ông đã xử dụng sử liệu của triều đình để viết. Trong khi đó, Phạm Văn Sơn (sđd, tr. 164) và Ưng Trình (sđd, chú thích số 2, tr 58) lại cho là triều đình công cử 2 sứ giả.

(28) Phan Thanh Giản được cử làm Chánh Sứ vì ông lớn tuổi (66t.), Chức quan cao và ông là người Nam Kỳ nên thông thường ông phải hết sức điều đình đến thắng lợi để khỏi lọt 3 tỉnh miền đông vào tay Pháp.

(29) Xem Phan Khoang, sđd, tr. 144-145 và Phạm Văn Sơn, sđd, tr. 164-165.

(30) Phan Khoang, sđd, tr. 145.

(31) Phang Khoang, sđd, tr. 145-146. Ta thấy lập trường của Tự Đức quá chủ quan và tỏ ra không am hiểu tình thế. Cũng vì Tự Đức đòi hỏi những điều quá đáng đó nên sứ mạng của Phan Thanh Giản có thể nói là không thực hiện được. Điều này rất hiển nhiên với kết quả là Hòa ước Nhâm Tuất.

(32) Ưng Trình, sđd, tr. 58.

(33) Ngày đi và tới của sứ bộ V N tôi ghi theo Phạm Văn Sơn (sđd, tr. 167). Trong khi đó G. Taboulet, sđd, tr, 472-473 lại ghi ngày đi là 28-5-1862 và ngày tới là 3-6-1862.

(34) *Nội dung cuộc thảo luận và ký kết hòa ước Nhâm Tuất chúng ta không biết vì thiếu tài liệu. Nhưng sự thắc mắc và ngạc nhiên của mọi người là tại sao sứ giả Việt Nam lại ký hòa ước Nhâm Tuất một cách vội vàng trái hẳn với chỉ thị của triều đình như vậy? Về vấn đề này, có mấy giả thuyết được nêu ra:*

*(1) Giả thuyết sứ bộ bị cưỡng bách của Nguyễn Bảo Hóa: «Quân Pháp đã dùng quân sự cưỡng bách, buộc sứ bộ V.N phải ký hòa ước» (Nam Bộ Chiến Sử, sđd, tr. 106).*

*(2) Giả thuyết Phan Thanh Giản thức thời:*

> *Của Ưng Trình: «Hai vị lão thần nhận thấy Đông Nam tỉnh như vật đã ở trong tay người, nếu mình chẳng xin đình chiến ngay bây giờ, thì chỉ làm cho nhơn dân lưu huyết nữa Bèn cùng nhau lau nước mắt, áp ký vào bản hòa ước...» (Việt Nam Ngoại Giao Sử, sđd, tr. 58) của Phạm Văn Sơn: «..chẳng qua họ Phan biết rằng cưỡng lại thời thế vẫn đi đến chỗ thất bại mà tổn hại sinh linh thì ký cho xong, nhất là đã tâm của thực dân đã rõ» (Việt Sử Tân Biên, t. V thượng, sđd, tr. 169).*

*Tựu chung, lý lẽ của kẻ mạnh bao giờ cũng thắng thế.*

*(35) Tôi chỉ lược tóm ý chính của vài điều khoản. Xin xem nguyên văn hòa ước trong các sách sử đã dẫn trong thư tịch.*

*(36) và (37) Phan Khoang, sđd. tr. 149.*

*(38) Vua Tự Đức và triều đình phải chấp thuận hòa ước vì ngoài sức mạnh của Pháp, tại Bắc Kỳ đang rối loạn (giặc Tạ Văn Phụng, Nguyễn Văn Thịnh, bọn cướp bể .) ngay tại miền Nam, Cao Mên do sự xúi dục của Pháp cũng tỏ thái độ chống đối Việt Nam.*

*(39) Khoản 11 của Hòa ước 1862 quy định khi Pháp bình định xong 3 tỉnh miền Đông, Pháp sẽ trả tỉnh Vĩnh Long lại cho Việt Nam.*

*(40) Chữ dùng của Cultru (sđd, tr. 83).*

*(41) Phan Khoang, sđd, tr. 149.*

*(42) Delvaux, sđd, tr. 70.*

*(43) Đoạn đối thoại dưới đây trích lại của Phan Khoang, sđd, tr. 152-153.*

(44) *Đoạn đối thoại này trích của Ưng Trình, sđd, tr. 68-69*

(45) *Dịch chữ « dĩ ngoã dịch kim », chữ dùng trong thư của Võ Tánh gửi khuyên Nguyễn Vương bỏ thành Quy Nhơn ra lấy Phú Xuân, có ý so sánh hành động đó như đem ngói đổi lấy vàng.*

(46) *Nguyễn đình Hoè và Ngô Đình Diệm BAVII, No 1-2, 1919.*

(47) *Xem số (46)*

(48) *Nguyễn đình Hòe và Ngô Đình Diệm, BAVII, No 1-2, 1919, tr. 157 et 261*

(49) *Nguyễn đình Hòe và Ngô Đình Diệm, BAVH. No 1-2, 1919, p 165.*

(50) *Phạm Văn Sơn, sđd, tr. 184 có mô tả Phan Thanh Giản « về mặt ủ dột, nước mắt dòng dòng » khiến Hoàng Hậu Eugénie mủi lòng sa lụy. Không rõ tài liệu này xuất xứ ở đâu?*

(5I *Phạm Văn Sơn, sđd, tr. 185.*

(52) *Cultru, sđd, tr. 90.*

(53) *Nguyên tác: La question de Cochinchine au point de vue des intérêts français Xem thư tịch.*

(54) *Phan Thanh Giản lúc đó là Toàn Quyền Chánh Sứ cùng với Phan Huy Vịnh, Trần Tiễu Thành đại diện V.N. thương thuyết với Aubaret.*

(55) *Xem Phạm Văn Sơn, sđd, tr. 186 187 về hòa ước mới.*

(56) *Cultru, sđd, tr. 98*

(57) *QTCBTY, sđd, tr. 345.*

(58) *Vào lúc này (1865) có lẽ Phan Thanh Giản đã chán nản và mệt mỏi lắm rồi. Vì trước đó ít lâu, ông đang sớ xin về hưu (69t.). Xem Tri Tân, số 98, bài của Ưng Hoè.*

(59) *Phan Khoang, sđd, tr. 159-1(0.*

(60) *Nguyễn Bảo Hóa, sđd, tr. 167.*

(61) *QTCBTY, sđd, tr. 361.*

(62) *Bản dịch của Ưng Hòe, Tri Tân số 99. Cũng như đa số*

*bản dịch Hán văn về Phan Thanh Giản trích trong Phan Thanh Giản ở Liệt Truyện, tôi đều trích của Ưng Hòe.*

*(63) G. Taboulet, sdd, tr. 518-519 in bản dịch tiếng Pháp của thông điệp này.*

*(64) P. Vial, Les premières années de la Cochinchine, pp. 145-149, Paris, 1874.*

*(65) Nam Xuân Thọ, sdd, tr. 84.*

*(66) Tờ di bút này của Phan Thanh Giản được ông Lê Thọ Xuân tìm ra và công bố trong cuốn « Phan Thanh Giản et sa famille d'après quelques documents annamites », sdd.*

*(67) G. Taboulet, sdd, tr. 509-512 và Schreiner, sdd, tr. 288. Nhưng Thái Hữu Võ, sdd, tr. 43 lại cho biết Phan Thanh Giản nhịn đói 17 ngày không chết nên mới phải uống thuốc độc chết. Tôi theo 2 tác giả Pháp*


**MARUKA MACHINERY CO. LTD.**

*Đại diện*

Vỏ và ruột xe máy,
Đồ phụ tùng xe may,
Đồ phụ tùng xe hơi
Bạc đạn đủ loại

Các loại máy móc
Kỹ nghệ, ổ Bi và
bạc đạn, vật dụng
và đồ sắt

Tủ lạnh « Hi-tachi »
Máy điều hòa không
khí « Hi ta chi »
đồ điện «Hi-tachi»
máy móc kỹ nghệ

**HÀNG NGUYÊN XỨ**

**NHẬT — MỸ — ĐẠI HÀN — ĐÀI LOAN**

**Saigon Office :**
*13, Trần Hưng Đạo*
P. O. Box No. 121. Sài gòn
Cable address : « Maruka »
*Tel : No 23A8988*

**Head Office:**
*No 41 Bungo-Wachi*
Higashi — Ku
Saka — Japan
P. O Box No Higashi : 350
Osaka
Cable Add : «Maruka Osaka»
*Tel : No 940271 — 9*

# THƯ TỊCH

1) ĐÀO VĂN-HỘI, *Danh nhân nước nhà*, Lý Công Quan xb, Saigon, 1951.

2) NAM XUÂN-THỌ, *Phan Thanh Giản*, Tân Việt, Saigon, lần 2, 1957.

3) THÁI HỮU-VÕ, *Phan Thanh Giản*, nhà in Xưa Nay Nguyễn Háo Vĩnh, Saigon, 1927.

4) HỒ ĐẮC-HÀM và THÁI VĂN-KIỂM, *Việt Nam nhân vật chí vựng biên*, tập thượng, nha Văn Hóa xb, Saigon, 1962.

5) PHAN-KHOANG, *Việt Pháp Bang giao sử lược*, Huế, lần đầu, 1950.

6) PHẠM VĂN-SƠN, *Việt Sử Tân Biên*, quyển V, tập thượng, lần đầu, Saigon, 1959.

— , *Khen chê Lương Khê Tiên Sinh hết nào cho phải?* báo *Xuân Tia Sáng*, Saigon, 1965.

— , *Chung quanh cái chết của Phan Thanh Giản*, tạp chí *Bút Hoa*, số 16, 17, 18, Saigon, 1965.

7) HUỲNH KHẮC-DỤNG, *Sử liệu Việt Nam*, nha Văn Hóa xb, Saigon 1959

8) ỨNG HÒE NGUYỄN VĂN-TỐ, (phê bình) *quyển Thi Văn Bình Chú*, VI *Phan Thanh Giản*, *Tri Tân* tạp chí, số 97, 98, 99, Hà nội 1943.

9) LÊ THỌ-XUÂN, *Trả cho Đồ Chiểu*, tạp chí *Tri Tân*, số 96, Hànội 1943.

— , *Lại bài thơ «Từ thuở vương xe...»*, tạp chí *Tri Tân*, số 97, Hà nội, 1943.

— , *Đôi chuyện về Phan Thanh Giản*, tạp chí *Tri Tân*, số 4, Hà nội, 1941.

— , *Cụ Phan Thanh Giản*, báo *Đồng Nai*, số 23-24, Saigon, 1933.

10) TRỰC-THẦN, *Nhơn đọc «Thi Văn Bình Chú» của Ngô Tất Tố*, tạp chí *Tri Tân*, số 89, Hà nội, 1943

11) VŨ-TRANG, *Một vị đại nhân vật ở Nam Kỳ về hồi hai nước Pháp Việt mới giao tiếp: Cụ Phan Thanh Giản*, *An Nam Tạp Chí*, số 22, 1931.

12) NGUYỄN BẢO-HÓA *Nam Bộ Chiến Sử*, Lửa Sống, Saigon, 1949.

13) LƯƠNG ĐỨC-THIỆP, *Xã Hội Việt Nam*, Liên Hiệp, lần hai, Saigon, 1950.

14) CAO XUÂN-DỤC, *Quốc Triều Chính Biên Toát Yếu*, Học bộ in năm 1925, bản in Ronéo, Viện Khảo Cổ, Saigon, 1960.

— , *Quốc Triều Đăng Khoa Lục*, (Bản dịch của Lê Mạnh Liêu), bộ Giáo Dục xb, lần đầu, Saigon, 1962.

15) ƯNG-TRÌNH, *Việt Nam ngoại giao sử*, Trí Đức Thư Xã, Hà nội, lần đầu, 1950

16) ĐÀO DUY-ANH, *Việt Nam Văn Hóa Sử Cương*, Bốn Phương xb, Saigon, 1951

17) DƯƠNG QUẢNG-HÀM, *Việt Nam Văn Học Sử Yếu*, bộ Giáo Dục xb, lần 8, Saigon, 1961.

18) TRẦN TRỌNG-KIM, *Việt Nam Sử Lược*, Tân Việt, Saigon, lần 6, 1958.

19) NGÔ ĐÌNH-DIỆM et NGUYỄN ĐÌNH-HÒE, *L'Ambassade de Phan Thanh Giản (1863-1864)*, Traduction du *Như Tây sứ Trình Nhật Ký*, *BAVH*, N 1-2, Avril-Juin, 1919.

20) TRẦN XUÂN-SOẠN, *L'Ambassade de Phan Thanh Giản (1863-1864)*, *BAVH*, 1921

21) ĐÀO THÁI-HANH, *Phan Thanh Giản, Ministre de l'Annam, BAVH,* 1915.

22) P. DAUDIN et LÊ VĂN-PHÚC, *Phan Thanh Giản (1796-1867), et sa famille d'après quelques documents annamites, BSEI,* Nlle série, t. XVI, No 2, Saigon, 1941.

23) DELVAUX, *L'Ambassade de Phan Thanh Giản en 1863 d'après les documents français, BAVH,* No 1, Janv.— Mars, Saigon, 1926.

24) SCHREINER. *Abrégé de l'Histoire d'Annam,* 2è édition, Saigon, 1906.

25) LURO, *Le pays d'Annam,* Ernest Leroux éditeur, Paris, 2è édition, 1897.

26) P. CULTRU, *Histoire de la Cochinchine française des origines à 1883.* Paris, 1910.

27) G. TABOULET, *La geste française en Indochine,* t, II, édition Adrien maisonneuve, Paris, 1955.

28) P. BOUDET, *Chasseloup Laubat et la politique coloniale du second Empire. Le traité de 1864 entre la France et l'Annam, BSEI,* t. XXII, 1947.

29) RIEUNIER (H. ABEL), *La question de Cochinchine au point de vue des intérêts français,* Paris, Challamel Aîné, éditeur, 1864. Documents de la *BSEI,* Nlle série, t. III, No2, Saigon, 1928.

30) *MONOGRAPHIE DE LA PROVINCE DE BẾN TRE,* Saigon, 1902.

31) *NAM KỲ TUẦN BÁO,* số 46 *(Kỷ Niệm Phan Thanh Giản),* 5 Août 1943, Saigon.

Chữ viết tắt:

*QTCBTY:* *Quốc Triều Chính Biên Toát Yếu.*

*BAVH* : *Bulletin des Amis du Vieux Huế.*

*BSEI* : *Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises.*

**sđd** : **sách đã dẫn.**

# *Nhơn cuộc du-xuân*

## MAY GẶP KHO-TÀNG QUÍ-GIÁ VỀ CỤ

# PHAN THANH GIẢN

LÊ VĂN-NGÔN

Sau khi ở Pháp về «định-cư» tại Cần-thơ, hễ mỗi lần mai vàng rộ nở là mỗi lần lòng tôi nao-nao hồi-tưởng thời niên-thiếu. Tôi cố về Hương-điểm đúng vào bữa 29-30 tháng Chạp để lo «đỏ đen năm ba ngày Tết» như thuở Ba Má tôi còn sanh-tiền: anh em tôi chờ tôi về để cùng nhau dán liễn, rước Ông Bà, khuya lại đốt pháo nghinh Xuân, sáng ra đi mừng tuổi Ông Bà, chú, cô, dì, cậu...

Và, năm ấy, như bao năm đã qua, ngày Mùng-Một thì chúng tôi mừng tuổi bên Nội, ngày Mùng-Hai thì anh tôi, tôi và em Trứ tôi đi mừng tuổi bên Ngoại ở làng Mỹ-chánh, gần nhà thầy Bảy Chiêm, con cụ Nguyễn-Đình-Chiểu, cách Hương-điểm trên 20 cây-số.

Khi đã lo tròn phận-sự Chúc Mừng Năm Mới ở đây, chúng tôi còn rộng thời-giờ, bèn tổ-chức một cuộc du-xuân ở Gãnh (1).

Cậu chúng tôi, với «một bụng chữ nho» dở lịch ra coi rồi mới chịu «đầu năm xuất-hành» theo chúng tôi.

Thế là chúng tôi vượt Tân-trang, Tân-xuân, theo đường Ba-tri, qua Phú-lễ, Phú-ngãi để đến Gãnh Mù-u, tại cõi Ngao-châu của Cụ Phan-Thanh-Giản.

(1) Gãnh là Gành.— Bãi Ngao (tức Ngao-châu) có hai gãnh: *Gãnh Mù-u* và *Gãnh Bà-Hiền*.

Trải qua lộ đá xanh, lộ đá đỏ, hết lộ đất sét, lộ đất cát quanh-quanh co-co, cùng đường. Xe ngừng.

•

Chúng tôi vào nhà anh Phan-Thanh-Hoài, người giữ việc thờ-cúng Cụ Phan. Đây cũng là nhà thờ cụ Phan: ba gian mái lá, tứ phía phên tre... thuộc làng Bảo-thạnh.

Chỉ có Bà bác, thân-mẫu anh Năm Hoài, ở nhà. Nhưng anh tôi đã có nhiều phen tới đây nên không phải là chỗ xa lạ. Chúng tôi đặt lên khay vài gói trà và mấy phong bánh vừa mới mua ở quán bên đường, trình bà bác trước cúng trong ngày Xuân, sau dùng «lấy thảo». Bà bác hối trẻ chạy tìm anh Hoài, đương đi mừng tuổi bà-con lối-xóm.

Trong lúc chờ đợi anh Hoài về, chúng tôi đi viếng mộ Cụ Phan, rồi lần thăm mộ Cụ Võ-Trường-Toản, cũng gần-gần bên đó.

Chúng tôi đi trên nồng cát trắng vừa cao vừa dài vừa rộng như bờ đê: trên nắng, dưới nóng, da rát-rạt, tóc khô-nen, tưởng chừng là đã đến miền «tiểu-sa-mạc»...

Anh Hoài đã về, chạy ra «hú» chúng tôi.

Vì chúng tôi có thưa trước với bà bác là đã ăn cơm sáng rồi, nên bây giờ xin phép lai-rai với khô cá kèo, tôm thẻ và... rượu đế. Có ít lắm thì mỗi người cũng phải vài ly nhỏ mới làm vui lòng chủ nhà: anh Năm Hoài cũng như bà bác.

Đến hồi vi-túy anh tôi «tâm sự» với anh Hoài: «Anh Năm nè, anh là cháu chánh-tông, chắc anh có nhiều văn-thơ và tài-liệu của Cụ Kinh-Lược?»

Anh Hoài đáp: «Về văn về thơ thì có *Lương Khê thi-văn-tập*, nhưng ở ngoài Huế mới có đủ.»

Anh tôi tiếp: «Phải! Mà bộ đó thì ngoài Huế có gởi vào

cho tôi mượn và tôi đã sao-chép đủ cả. Đó là sách đã khắc bản, đã in ra, nhiều người có. Tôi muốn hỏi anh có văn-thơ hay tài-liệu chi chưa in ra cả.»

Không cần giấu-giếm, anh Hoài bước vào phía trong, bưng ra một cái trắp cây nhỏ cũ-xì cũ-xịt và nói: «Có nhiều giấy-tờ trong nầy, ít ai biết, ít cho ai coi.»

Cậu tôi, anh tôi vừa nhai khô, vừa nhâm-nhi, vừa soạn-sành cả trắp. Tôi và em Trứ tôi đành ngồi ngó: toàn là giấy-tờ chữ Hán viết chân, viết thảo, giấy quá cũ, có tờ bèo nhèo, có tờ bị mối ăn mất nhiều chữ...

Đưa cao một tờ giấy, cậu tôi phát ngâm thơ. Mà thơ thật: một bài trường-thiên của Cụ Phạm-Phú Thứ thuật về tình-thế nước nhà và tình-cảnh Cụ Phan từ khi Đà Nẵng bị quân Pháp tấn-công đến lúc Cụ Phan lìa trần, vì dân vì nước!...

Kế anh tôi bỗng thốt to: «Ồ, *đây là những bức thơ của thân-sanh Cụ Phan gởi cho Cụ; đây là... ối chà! đây là thủ-bút của Cụ Phan viết trong hồi sắp từ-giã cõi trần, nét chữ run-run, dặn lại cháu con, thân-hữu về tấm triệu mà Cụ Nguyễn-Đình-Chiểu đã nêu ở câu:*

## MINH-SANH CHÍN CHỮ LÒNG SON TẠC...

Mỗi lúc, chúng tôi đồng trầm-trồ: «Quý quá! Quý-hóa quá!»

Quả thật là một «kho tài-liệu» quý-báu về Cụ Phan mà ít ai thấy được, chưa sách báo nào đề-cập đến.

Không chút ngần-ngại, anh tôi thủ-thỉ với anh Hoài: «*Anh Năm, nhiều quá đọc sao kỹ được, đọc sao cho hết bây giờ! Nếu anh Năm «thương» tôi thì anh làm ơn cho tôi mượn cả rương nầy trong một tháng để về sao-chép và học-hỏi. Tôi cam-kết là vì*

*lịch-sử nước-nhà, vì Cụ Phan, tôi sẽ giữ-gìn cẩn-thận và sẽ trả đủ cho anh. Vả lại, tài-liệu về Cụ Phan thì để tại nhà thờ Cụ Phan mới có đầy-đủ giá-trị.»*

Anh Hoài ngó bà bác, như hỏi ý-kiến. Bà bác gặc đầu, vừa xỉa thuốc vừa nói: «Được mà, Năm! Chắc không mất-mát đâu.»

●

Trời đã về chiều.

Cậu tôi và anh tôi mải «mê-mệt» về ba chữ nho. Tôi và em tôi, vì dở Hán-văn, ngồi nói cà-kê với anh Hoài.

Đột-nhiên, anh Hoài đứng dậy, vừa bước trái vào trong, vừa nói mà không cần quay nhìn chúng tôi: «Nghe nói Bác-sĩ và chú em đây đã ở bên Tây nhiều năm, tôi đố hai anh em ở bển mà có thấy vật gia-bảo nầy của tôi không?»

Ngạc-nhiên và khoái-trá, anh em tôi nóng chờ.

Anh Hoài cầm ra một gói nhỏ, mở mấy lần giấy bao quá cũ, chẫm-rãi và kính-cẩn tỏ: «Khi Ông tôi đi sứ qua Tây, triều-đình Pháp có tặng Ông tôi vật nầy mà chúng tôi cất làm của quý, ít ai biết.»

Hai chúng tôi trố mắt nhìn mười ngón tay của anh... Gì thế? — Gì mà trịnh-trọng thế? — À, một cái ống điếu gỗ có chạm-trổ như muôn ngàn cái ống điếu khác...

Anh Hoài cao giọng hỏi: «Bác-sĩ và chú em thấy cái hột chai nhỏ phía dưới cái ống điếu nầy không???

Anh em tôi ngó nhau, như cùng nghĩ thầm: Tưởng gì? Có lẽ «cái ông Hoài» nầy chỉ sống ở Gãnh Mù-u nên không biết thứ «Ống điếu nhận hột chai» có bán hằng-hà sa-số ở bên Tây và ngay cả Sài-gòn nữa. Không lẽ triều-đình Pháp lại tặng Cụ Phan một mỹ-nhân hay một cô ả lõa-thể; nếu không phải

hình nhà-thờ Notre-Dame thì chắc-chắn là hình cái tháp Eiffel, chớ gì?

Và với giọng nhà chỉ-huy, Anh Hoài truyền lịnh: «Nhìn đi! Nhìn thử đi!»

Thì, nhìn thì nhìn...

Nhắm kín một mắt, dòm trong hột chai với mắt kia, tôi bất-giác hô lớn: «Thật là quý vô-giá!»

Rồi tôi chuyền cho em tôi. Nhìn xong, em tôi mới đưa cho anh tôi và nói: «Anh nhìn đi! Thật là quý! Thật là quý!»

Cậu tôi muốn giận, may là được nhìn kịp thời để nhận thấy hình mà không rõ tại sao cả ba chúng tôi lại cho là... vô-giá chi bửu.

Nó là, thưa bạn đọc, một vật đặc-biệt thật! Trong hột chai nhỏ đó có hình cả sứ-bộ Việt-nam qua Pháp thời Hoàng-đế Nã-phá-luân Đệ-tam, năm 1863 — khi Nam-kỳ vừa mất ba tỉnh miền Đông — gồm Chánh-sứ Phan-Thanh-Giản, Phó-sứ, Phạm-Phú-Thứ, Bồi-sứ Nguy-Khắc-Đản và đoàn tùy-tùng.

●

Anh Phan-Thanh-Hoài cười tự-đắc.

Chúng tôi muốn quên về, vô-cùng thích-thú với một cuộc du-xuân... lịch-sử.

*Bác-sĩ LÊ-VĂN-NGÔN*
(Bịnh-Viện Hồng-Bàng)

# THÁI-ĐỘ CỦA TRIỀU-ĐÌNH HUẾ

# đối với PHAN THANH-GIẢN

## từ vua TỰ-ĐỨC đến vua ĐỒNG-KHÁNH

* *I. Q. G*

## VIỆC KẾT ÁN CỦA TRIỀU TỰ ĐỨC.

Khi được tin 3 tỉnh miền Tây thất thủ và Phan Thanh Giản uống thuốc độc tự tử, triều đình Huế có một thái độ hết sức nghiêm khắc với Phan Thanh Giản.

Vua Tự Đức là người đầu tiên tỏ thái độ bất bình với Phan Thanh Giản. Phan Thanh Giản đã làm mất Nam Kỳ trái hẳn với lòng kỳ vọng của nhà vua. Cũng vì vậy, ngày 24 tháng 9 năm Đinh Mão (21-10-1867), vua Tự Đức xuống dã xuống chiếu trách mắng, kể tội Phan Thanh Giản Lâm Duy Hiệp và Nguyễn Tri Phương v.v... và ra lệnh cho Tôn Nhân Phủ cùng đình thần nghị xét công tội của họ trong việc để mất Nam Kỳ vào tay người Pháp.

Dưới đây là bản dịch tờ chiếu (1):

«Ngày 24 tháng 9 năm Tự Đức thứ 20 (21-10-1867), làm việc trong nội các, Thần là Phan Đình Bình và Trần Văn Hệ vâng thượng dụ về việc khốn đốn của 6 tỉnh Nam Kỳ: Vẫn biết trẫm lo việc nơi xa không được sáng suốt và dùng không đúng người, tự mình rất hận trách và thương tiếc, ăn năn không dứt; nhưng

(1) Nguyên văn chữ Hán trong P. DAUDIN, sđd, tr. 91.

làm người bề tôi, lấy việc ngăn ngừa, bảo vệ (đất nước) làm nghĩa vụ cũng khó mà từ chối trách nhiệm được. Xem rõ các nguyên-ủy thì bọn Nguyễn Tri Phương, Tôn Thất Cáp, Phạm Thế Hiển, Nguyễn Bá Nghi tuần phòng bất lực nên để mất lúc đầu. Phan Thanh Giản, Lâm Duy Hiệp nghị hòa khinh rẻ làm hỏng lúc giữa. Tiếp theo Phan Thanh Giản, Phạm Phú Thứ, Ngụy Khắc Đản vâng lệnh đi sứ chẳng có công trạng gì, bỏ phế lúc sau. Lại đến bọn Phan Thanh Giản, Trương Văn Uyển, Nguyễn Hữu Cơ, Trần Hoán nhân tuần chểnh mảng làm mất lúc cuối, để trẫm đắc tội với tôn miếu xã tắc, sĩ dân phải rời bỏ gia hương phần mộ, nói đến thật chẳng khỏi đau lòng, nhức đầu. Trẫm là người còn ít tuổi, biết nương tựa vào đâu? Muôn họ biết trông mong vào đâu? Tựu trung Nguyễn Tri Phương, Nguyễn Bá Nghi còn có chỗ dùng về sau, nếu đàn bặc ra cũng che không được lỗi trước, chỗ ấy còn có thể khoan thứ được. Đến như Phan Thanh Giản thì thủy chung đều quanh quất, lời nói không theo được việc làm, đem học vấn danh vọng một đời trút sạch ra bể đông, thực là tán tận lương tâm, quá đỗi phụ ơn. Mặc dù đã lấy cái chết tự phạt nhưng cũng chưa đủ đền bù cho trách nhiệm! Than ôi! quyền trị nước chỉ còn có thưởng cùng phạt! Nếu chẳng thưởng lấy gì mà khuyến khích? Nếu chẳng phạt lấy gì mà răn? Bây giờ chỉ biết đem việc của bọn đó đưa ra để bàn bạc. Trẫm cũng biết đấy chẳng phải là công đạo, hơn nữa, sứ mệnh còn nhiều trong tương lai làm sao mà khuyến khích được mọi người? Nên (trẫm) đem giao cả cho Tôn Nhân Phủ và đình thần xét xem công tội (của bọn họ) tức là phân biệt công và tội để bàn định việc xử trí. Khi làm xong thì tâu lên sau rồi lấy đó để nghiêm phép tắc bình thường. Khâm thử.»

Cung kính xem lại: Thần, Phan Đình Bình ký

Thần, Trần Văn Hệ ký.

# CHIÊU CHỈ CỦA VUA TỰ-ĐỨC

*năm thứ 20 tháng 9 ngày 24*

**(21-10-1867 d. l.)**

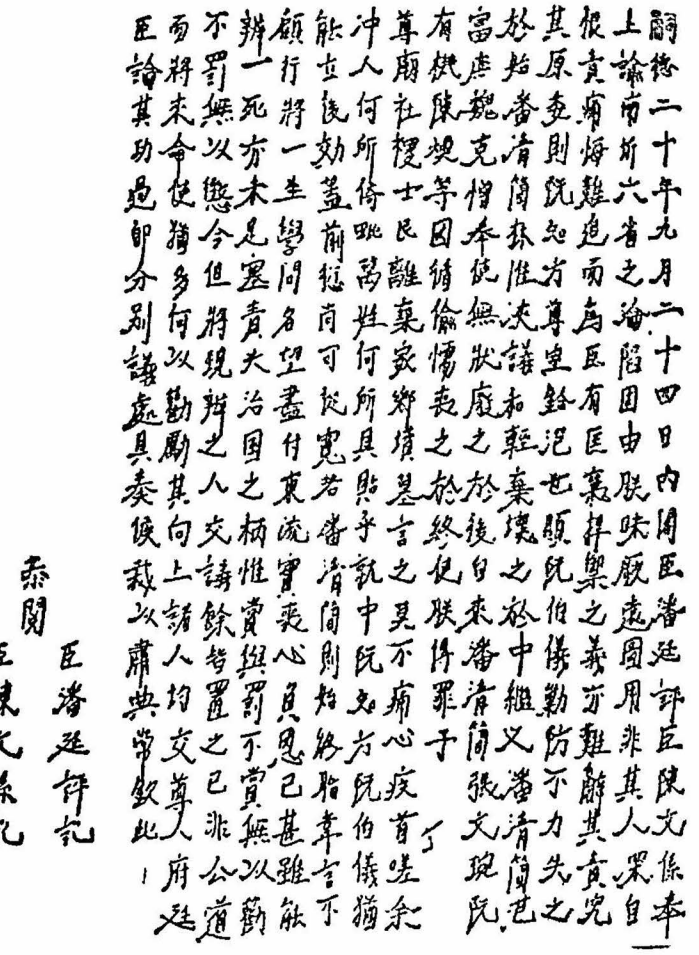

(*MAI-CHUỞNG-ĐỨC sao trích tr. 91 quyển « PHAN-THANH GIẢN 1796 1867 et sa famille d'après quelques documents anamites của Pierre DAUDIN »*)

**Phiên âm:**

*Tự Đức nhị thập niên, cửu nguyệt, nhị thập tứ nhật. Nội các thần Phan Đình Bình, thần Trần Văn Hệ phụng thượng dụ: Nam Kỳ lục tỉnh chi luân hãm, cố do trẩm muội quyết viễn ải, dụng phi kỳ nhân. thâm tự hận trách, thống hối nan truy. Nhi vi thần hữu khuông tương hãn ngự chi nghĩa, diệc nan từ kỳ trách. Cứu kỳ nguyên ủy tắc Nguyễn Tri Phương, Tôn Thất Cáp, Phạm Thế Hiển, Nguyễn Bá Nghi tiễu phòng bất lực, thất chư ư thủy Phan Thanh Giản, Lâm Duy Hiệp nghị hòa khinh khí, hoại chư ư trung. Kế hựu, Phan Thanh Giản Phạm Phú Thứ, Nguỵ Khắc Đản phụng sứ vô trạng, phế chi ư hậu Tự lai Phan Thanh Giản, Trương Văn Uyển, Nguyễn Hữu Cơ, Trần Hoán đẳng nhân tuần du nọa, táng chi ư chung, sử trẩm đắc tội vu tôn miếu, xã tắc, sĩ dân ly khí gia hương phần mộ, ngôn chi, mạc bất thống tâm, tật thủ. Tả dư xưng nhân hà sở ỷ tì? Vạn tính hà sở cụ chiêm hỗ? Tựu trung Nguyễn Tri Phương, Nguyễn Bá Nghi do năng lập hậu, hặc cái tiền khiên, thượng khả tòng khoan. Nhược Phan Thanh Giản tắc thủy chung chi vi, ngôn bất nguyện hành, tương nhất sinh học vấn danh vọng tận phó đông lưu, thực táng tâm, phụ ân dĩ thậm. Tuy năng biện nhất tử, diệc vị túc tắc trách! Phù trị quốc chi bính, duy thưởng dữ phạt! Bất thưởng vô dĩ khuyến, bất phạt vô dĩ trừng? Kim đản tương hiệp biện chi nhân giao nghị Dư giai ký chi dĩ phi công đạo, nhi tương lai mệnh sử do đa, hà dĩ khuyến lệ kỳ hướng thượng chư nhân? Quận giao tôn nhân phủ, đình thần luận kỳ công quá, tức phân biệt nghị xử. Cụ tấu hậu tài dĩ tức điển thường. Khâm Thử!*

*Cung duyệt: Thần Phan Đình Bình ký*

*Thần, Trần Văn Hệ ký*

Sau đó, vào tháng 2 năm Tự Đức thứ 21 (1868) vua Tự Đức lại thúc dục đình thần xét rõ cái « án Phan Thanh Giản » và trị tội các quan lại tại Nam Kỳ thuộc quyền Phan Thanh Giản (1).

Vào ngày 25 tháng 3 năm Tự Đức thứ 21 (1868) (2), đình thần và Tôn Nhân Phủ đã đệ trình lên vua Tự Đức bản án các quan lại có trách nhiệm trong việc để mất Nam Kỳ. Bản án này khép Phan Thanh Giản vào tội chém, có chữ ký của 32 người, đứng đầu là Nguyễn Tri Phương, Thượng Thư Bộ Binh, là người trong phe chủ chiến, nhưng đối với Phan Thanh Giản rất thân tình (3).

Nguyên văn bài sớ này bằng Hán văn rất dài (4), sau đây là bản trích dịch một đoạn :

---

(1) *QTCBTY*, sđd, tr. 364 ghi ; *Ngài nghĩ nguyên Khâm Mạng Toàn Quyền Đại Thần Phan Thanh Giản công tội thế nào lâu nay chưa định rõ, bèn dạy định tội Phan Thanh Giản, còn các quan Đốc Phủ, Bố, An, Lãnh Binh nguyên lỵ 4 tỉnh Vĩnh Long, Định Tường, An Giang, Hà Tiên, người nào chưa cách chức thời cách ngay, nhưng tuân theo chỉ trước nghiêm nghị.*

(2) Tức là ngày 17-1-1868.

(3) Chứng cớ là tháng giêng năm 1866, Phan Thanh Giản khi vào Nam nhậm chức Kinh Lược Sứ 3 tỉnh miền Tây được Nguyễn Tri Phương tiễn đưa bằng bài thơ :

*Ven ngàn góc biển dặm chơi vơi,*
*Vai tẻ phân nhau một bước dời.*
*Cá lại Long Giang hai ngả nước,*
*Nhạn về Du Hợp một phương trời*
*Nửa hồ cố cựu trông mai láng,*
*Cạn chén tơ lòng gió lộng khơi.*
*Chẳng kiếp Trường An mau trở lại,*
*Thăm người viếng cảnh, hỡi người ôi!*

(NAM XUÂN-THỌ sđd, tr 66)

(4) Xem P. DAUDIN et LÊ VĂN-PHÚC, sđd, tr. 91-96 và bản dịch của TÔ-NAM đăng trong số *Sử-Địa* này.

« Triều thần chúng tôi đã bội nghị để xét kỹ việc này. Vì 3 tỉnh Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên giáp giới miền bị Pháp chiếm đóng, ai nấy đều lo ngại nguy cơ và đề phòng, các quan có bổn phận là không lúc nào được lơ là:

Năm Tự Đức thứ 19, thủy sư Đô Đốc Pháp đòi lòng tham đòi ta phải nhường 3 tỉnh ấy. Nhiều lần bộ ngoại thương đòi kháng nghị, đòi tôn trọng triệt để hiệp ước trên (tức hòa ước 1862). Viên Đô Đốc tạ sự đã có những cuộc trưng binh nên vu cáo, và bằng lòng duy trì hiện trạng. Ngày 1 tháng 1 năm ngoái, chúng tôi là quan ở bộ ngoại thương có gửi cho viên Đô Đốc lá thư mới, mãi hơn bốn tháng không được phúc đáp. Ý định của viên Đô Đốc xâm chiếm 3 tỉnh không phải mới nẩy ra hôm qua. Phan Thanh Giản và Trương Văn Uyển là Kinh Lược và Kiêm Trì nên có trách nhiệm. Còn các quan Tổng Đốc, Tuần Phủ, Bố Chánh, Án Sát 3 tỉnh ấy thì họ có nhiệm vụ bảo vệ bờ cõi; đáng lẽ họ phải điều tra đích xác về tình hình để tâu triều đình và đợi triều đình xử trí. Nhưng họ không biết dự phòng và hành động theo hoàn cảnh; họ để lỡ tất cả các cơ hội đến nỗi ngoại nhân nhân chỗ họ sơ hở mà xâm lăng lãnh thổ của ta và cướp hết kho tàng cùng văn thư khố trong 3 tỉnh của ta

Theo luật thì họ can tội khiếm khoáng chức vụ... Nhưng vì Phan Thanh Giản đã quyên sinh, nên chúng tôi miễn cho tội chém... » (1).

Kết quả là vào tháng 11 năm Tự Đức thứ 21 (1868), vua Tự Đức chính thức xuống chiếu kết tội Phan Thanh Giản: Phan Thanh Giản bị án trảm hậu, truy đoạt chức hàm và bị đục tên ở bia Tiến Sĩ

Dưới đây là nguyên văn bản dịch tờ chiếu đó (2):

---

(1) PHẠM VĂN-SƠN, *khen chê lương khê thế nào cho vừa?*, *Xuân Tia Sáng*, Saigon, 1965.

(2) P. DAUDIN, sđd, tr. 109.

« Tháng 11 năm nay vâng thượng dụ, trong đó có một khoản (do đám đình thần tâu lên về công tội của bọn Nguyễn Tri Phương: một tập bàn xin xử tội, một tập bàn xin phong thưởng. Hoàng Đế nghĩ bàn chưa rõ bèn cho bàn định thêm vào và xuống dụ cho gồm cả lại) nói rằng: Nguyên Hiệp Biện Đại Học Sĩ là Phan Thanh Giản, lĩnh Kinh Lược Sứ, trước cùng Lâm Duy Hiệp lơ là trong việc nghị hòa, đã đem 3 tỉnh Gia Định, Biên Hòa, Định Tường cho người khác một cách dễ dàng; vâng mệnh đi sứ không có công trạng, sau lại sung chức Kinh Lược Sứ rồi để thất cơ đến nỗi mất cả 3 tỉnh Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên. Hai tội cùng nặng, tuy sau này làm được cái chết, nhưng chưa đủ che tội. Vậy Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp đã chết, đều bị truy đoạt chức tước, phẩm hàm và đục bỏ bia Tiến Sĩ, để lại muôn đời cái án trảm hậu. Giết người đã chết để răn người còn sống... Lại có khoản nói rằng: Than ôi, một thước đất có một người dân, cái gì là chẳng phải là vật cũ của nhà vua? Để cho con hổ, con hủy (con tê giác cái) xổng ra khỏi cũi, để cho mai rùa, viên ngọc bị nát ở trong hòm, như thế thì lỗi về ai? Trẫm đức bạc lo việc nơi xa không được sáng suốt, dùng không đúng người, tự mình rất thẹn và ăn năn. Các ngươi đều biết thế, há chẳng đau lòng ư? Đã mất ở góc đông, đưa đến mối nguy mất còn trong sớm tối. Trẫm đang ngày đêm mong mỏi ở đám bề tôi ta, chịu ơn như thế nào, thì báo đền nói thế nào? Các ngươi nên nghĩ kỹ đừng nên đem lời nói suông mà làm cho qua truyện vậy. »

**Phiên âm:**

*Thị niên, thập nhất nguyệt, phụng thượng dụ: nội nhất khoản (do nhân đình thần tấu thượng Nguyễn Tri Phương đẳng công tội: nghị xử nghị phong nhị tập. Đế dĩ nghị vị minh chính nãi tài định chi, giáng dụ tính tự cập). Vân nguyên Hiệp Biện Đại Học Sĩ lĩnh Kinh Lược Sứ Phan Thanh Giản tiền kỷ dữ Lâm Duy Hiệp suất định nghị hòa, tương Định, Biên, Tường tam tỉnh khinh dĩ hứa nhân; phụng sứ phục vô trạng, hậu sung Kinh Lược, hựu tọa thất cơ, nghi chí Long, Giang, Hà tam tỉnh câu thất. Nhị tội quán trọng, tuy sự hậu*

## Bản chiếu-chỉ của VUA TỰ-ĐỨC (1868)

*truy đoạt chức hàm của PHAN-THANH-GIẢN và LÂM-duy-Hiệp.*

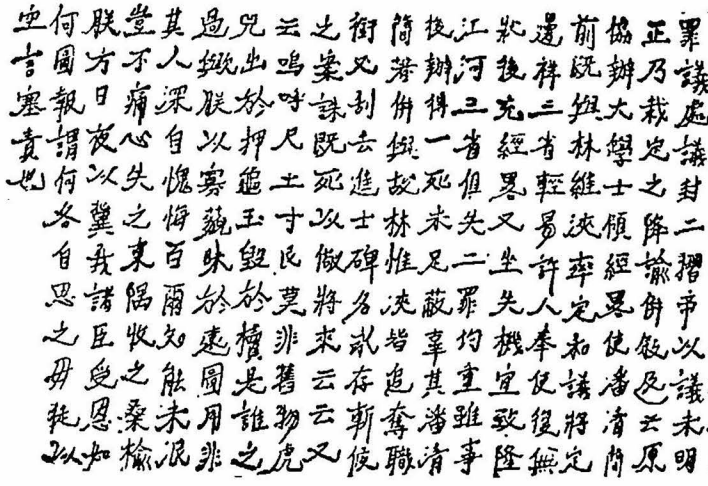

*(MAI-CHƯỞNG ĐỨC sao trích tr. 109 quyển «PHAN-THANH-GIAN 1796-1867 et sa famille d'après quelques dacuments annamites của Pierre DAUDIN»).*

*biện đắc nhất tử, vị túc tế cô Kỳ Phan Thanh Giản trước tính dĩ cô Lâm Duy Hiệp giai truy đoạt chức hàm, hựu quát khứ tiến sĩ bi danh, vĩnh tồn trảm hậu chi án Tru ký tử dĩ cảnh tương lai vân vân. Hựu vân: Ô Hô xích thổ thốn dân, mạc phi cựu vật? Hồ, hủy xuất ư áp, quy ngọc hủy ư độc, thì thùy chi quá dư? Trẫm dĩ quả diễu miệu ư viễn đồ, dụng phi kỳ nhân, thâm tự quý hối. Bách nhĩ tri năng vị dẫn khởi, bất thống tâm Thất chi đông ngưng, thu chi tang dư Trẫm phương nhật dạ dĩ ký ngã chư thần, thụ ân như hà, đồ báo vị hà? Các tự tư chi, vô đồ dĩ không ngôn tắc trách dã*

Với bản án trên, danh dự của Phan Thanh Giản và gia đình hoàn toàn bị tiêu tan. Bản án đã làm hài lòng những người ái quốc, từ xưa vẫn chỉ trích sự hèn yếu của triều đình Huế và thái độ

chủ hòa của Phan Thanh Giản. Nhưng bản án còn là một lời cảnh cáo cho những người thân Pháp, chủ hòa và mặc nhiên xác nhận ý chí tự lập, tự cường của triều đình Huế. Nhờ đó, tinh thần bất khuất và chiến đấu của quân dân được nuôi dưỡng và nâng cao.

## ĐỒNG KHÁNH CHO PHAN THANH GIẢN ĐƯỢC KHAI PHỤC TƯỚC HÀM.

Dưới triều đại Đồng Khánh (1886 - 1888), số phận Việt Nam nằm trong bàn tay bảo hộ của Pháp — trừ Nam Kỳ là đất thuộc địa — Lúc đó, chính trị không còn là việc quan trọng nữa nên việc cũ dưới triều đại Tự Đức được nhắc nhở tới với một thái độ khác hẳn trước.

Các đình thần triều Nguyễn dưới triều Đồng Khánh đã dâng sớ xin cho khai phục các chức hàm cho bọn các ông Phan Thanh Giản và Nguyễn Tri Phương v...v..., mặc nhiên có sự biểu đồng tình của người Pháp.

Kết quả là vào năm đầu đời Đồng Khánh, các ông Nguyễn Tri Phương, Phan Thanh Giản, Lâm Duy Hiệp, Tôn Thất Cáp đều được khai phục các chức hàm và được hưởng các ân huệ như khắc lại tên trên bia Tiến Sĩ như cũ, được tế tự ở miếu công thần, con cháu được tập ấm. Riêng Phan Thanh Giản, ngoài các ân huệ như để bia Tiến Sĩ, con cháu được ấm phong, ông chỉ được khai phục hàm Hiệp Biện Đại Học Sĩ.

Sau đây là các văn kiện liên quan đến việc khai phục nguyên hàm của Phan Thanh Giản.

Trước hết là bản dịch sớ tâu xin khai phục cho Phan Thanh Giản của Thượng Thư Bộ Lại Nguyễn Hữu Độ và các ông Trần Sán, Hoàng Hữu Xứng v...v... (1):

« Ngày 10 tháng 5 năm đầu Đồng Khánh (1886),

(1) Nguyễn văn trong P. DAUDIN, sđd, tr. 111-114.

Theo việc Bộ Lại tâu lên ngày 2 tháng 2 năm nay, thần là Nguyễn Hữu Độ xin kể từng việc: Cố thần Nguyễn Tri Phương năm trước mắc tội về vụ thành Hà nội, mong ơn giáng xuống hàm Tham Tri, cùng với án bọn cố thần Phan Thanh Giản, Lâm Duy Hiệp mắc tội nghị hòa không xứng ý vua ; cố thần Tôn Thất Cáp mắc tội về vụ Định Tường, tất cả đều mong ơn cách giáng. Nhưng các viên cố thần ấy đều là quan kỳ lão của tiền triều, đã từng có tiếng ở trong ngoài nước, vả lại đều có công lao khó nhọc, năm trước phạm lỗi, xét về công tội xin gia ân cho mọi người được khai phục nguyên hàm ngõ hầu nới rộng đặc cách để an ủi cái thiêng liêng sâu kín của họ. Nhưng do bộ thần tra xét thì các viên quan ấy nên cho khai phục tước hàm cũ nào? Riêng vâng xem xét đầy đủ các lẽ, từng khoản một, kính vâng châu điểm sau mỗi khoản cùng châu phê: « Chuẩn cho việc tế tự theo lệ cũ được phối hợp ở miếu Công Thần ngõ hầu được thấm nhuần ơn vua; việc phải lo cho chu đáo Khâm Thử. »

Bộ thần vâng mệnh tra xét thì Nguyễn Tri Phương năm Tự Đức thứ 20 (1867) được thăng Vũ Hiển Điện Đại Học Sĩ, lĩnh chức Thượng Thư Bộ Binh (và được phong là) Trí Dũng Tướng, Tráng Liệt Bá; ngày 6 tháng 6 năm thứ 24 mong ơn giáng xuống làm Hiệp Tá Đại Học Sĩ, lĩnh chức Thượng Thư bộ thần (đang giữ); ngày 7 tháng 7 năm thứ 25 vâng mệnh sung chức Bắc Kỳ Tuyên Dụ Đồng Sát Đại Thần; ngày 10 tháng 10 năm thứ 26, Hà; Thành có việc, ông không ăn mà chết, mang ơn được cách chức. ngày 6 tháng 6 năm thứ 27, mong ơn được khai phục chức Binh Bộ Tả Tham Tri và được phục tước Bá.

Phan Giản, nguyên Hiệp Tá Đại Học Sĩ, lĩnh chức Thượng Thư bộ Hộ, sung chức Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên Kinh Lược sứ. ngày 6 tháng 6 năm Tự Đức thứ 20 vì 3 tỉnh không giữ nổi, nên uống thuốc độc chết; ngày 11 tháng 11 năm thứ 20 bị truy đoạt chức hàm

Lâm Duy Hiệp, nguyên Hiệp Tá Đại Học Sĩ, sung Cơ Mật

Viện Đại Thần, năm Tự Đức thứ 7, với hàm cũ được lĩnh Hà Ninh Tổng Đốc; năm thứ 10 vì ở Hà Nội có giặc nổi dậy, điều khiển không thích đáng nên mong ơn bị giáng, trở về chức Tả Tham Tri Bộ Binh; năm thứ 13 thăng chức Thượng Thư bộ đó, sung Cơ Mật Viện Đại Thần; năm thứ 15 giữ hàm cũ lĩnh chức Tuần Phủ Thuận Khánh; năm thứ 16 vì nghị hòa không xứng ý vua nên mong ơn bị cách lưu.

Tôn Thất Cáp nguyên là Thượng Thư bộ Hộ, sung Tổng Thống Quân Vụ Đại Thần ở Gia Định; năm thứ 14 vì mắc tội về vụ Định Tường nên bị giáng làm Viên Ngoại Lang, sung chức Tán Tương; cùng năm ấy được khai phục chức Hữu Tham Tri bộ Binh, phụ giúp việc quân; năm thứ 15 bị bệnh chết.

Vả 4 người bề tôi vừa kể đã chết đó, đều mắc tội do việc công cả, nghĩ tình thuộc hạ có thể tha thứ được, nay vâng theo ý vua cho khai phục nguyên hàm cũ.

Về cố thần Nguyễn Tri Phương xin cho khai phục làm Vũ Hiển Điện Đại Học Sĩ và giữ nguyên tước Bá. Về Phan Giản, Lâm Duy Hiệp đều xin cho khai phục hàm Hiệp Tá Đại Học Sĩ. Tôn Thất Cáp xin cho khai phục Hộ Bộ Thượng Thư. Còn con cháu các viên quan ấy xin cho được hưởng ấm phong và tập tước như lệ cũ, đến như khoản tế tự (ở miếu Công Thần) xin do các bề tôi ở bộ Lễ vâng nghiên cứu tâu lên sau để cho thi hành.

Bèn dám nói ra, xin chờ ý của nhà vua.

Thần là Trần Sán vâng thảo khảo.

Thần là Nguyễn Hữu Độ vâng xem lại.

Thần là Hoàng Hữu Xứng vâng xem lại.

Thần là Hồ Đệ vâng xem lại.

Thần là Hồ Trình vâng xem lại.

Vâng xem xét: Nội Các, thần là Nguyễn Văn Trung ký.

Vâng xem xét: Chưởng đạo, thần là Phạm Bỉnh ký.

Vâng xem xét: Khoa đạo, thần là Trần gia Tĩnh ký.

**Phiên âm:**

*Đồng Khánh nguyên niên, ngũ sơ thập nhật, Lại bộ tấu bản niên nhị nguyệt nhật, thần Nguyễn Hữu Độ phiến tự: Cố Thần Nguyễn Tri Phương uiên tiền sở can Hà Nội chi khoản, mông giang vi Tham Tri hàm, dữ cố thần Phan Giản, Lâm Duy Hiệp sở can hòa nghị bất xứng chi chi án, cố thần Tôn Thất Cáp sở can Định Tường chi khoản, các mông cách giáng. Y, cố thần chi viên quân hệ tiên triều ký thạc, lịch dương trung ngoại, phả hữu huân lao, niên tiền đắc cữu, cứu hệ công tội, thỉnh các gia ân khai phục nguyên hàm dĩ hoàng đặc cách nhi ủy tiềm hình. Nhưng do thần bộ tra cứu, y chư viên nguyên đắc hà tước hàm? Lánh phụng cụ phúc các lý, phiến diện, khâm phụng châu điểm phiến hậu, hựu phụng châu phê: «Tịnh chuẩn tự sự y lệ hợp phối thứ sử chiêm an ký chu chí giả. Khâm Thử».*

*Khâm tuân thần bộ phụng cứu: Nguyễn Tri Phương ư Tự Đức thập niên thăng thụ Vũ Hiển Điện Đại Học Sĩ, lĩnh Binh Bộ Thượng Thư, Trí Dũng Tướng, Tráng Liệt Bá; nhị thập tư niên lục nguyệt nhật mông giáng vi Hiệp Tá Đại Học Sĩ, lĩnh thần bộ Thượng Thư; nhị thập ngũ niên thất nguyệt nhật, khâm mệnh sung Bắc Kỳ Tuyên Dụ Đồng Sát Đại Thần; nhị thập lục niên, thập nguyệt nhật, Hà Thành hữu sự, bất thực nhi tử, mông đắc cách chức; nhị thập thất niên, lục nguyệt nhật mông khai phục Binh Bộ Tả Tham Trí, nhưng phục Bá tước.*

*Phan Giản nguyên Hiệp Tá Đại Học Sĩ, lĩnh Hộ Bộ Thượng Thư, sung Vĩnh Long, An Hà Kinh Lược Sứ; Tự Đức nhị thập niên lục nguyệt nhật, dĩ tam tỉnh bất thủ, ngưỡng dược vi tử; nhị thập niên thập nhất nguyệt nhật, truy đoạt chức hàm.*

*Lâm Duy Hiệp nguyên Hiệp Tá Đại Học Sĩ, sung Cơ Mật Viện Đại Thần, Tự Đức thất niên, dĩ nguyên hàm lĩnh Hà Ninh Tổng*

*Đốc; thập niên dĩ Hà Nội phi đẳng tứ hàng, điều khiển thất nghi, mông đắc giáng, hồi Binh Bộ Tả Tham Tri, thập tam niên, thăng thụ y bộ Thượng Thư, Cơ Mật Viện Đại Thần; thập ngũ niên dĩ nguyên hàm lĩnh Thuận Khánh Tuần Phủ; thập lục niên dĩ hòa nghị bất xứng chi, mông đắc cách chức.*

*Tôn Thất Cáp, nguyên Hộ Bộ Thượng Thư, sung Gia Định Tổng Thống Quân Vụ Đại Thần; thập tứ niên dĩ can Định Tường thất thủ chi khoản, giáng vi Viên Ngoại Lang, sung Tán Tương; thị niên khai phục Binh Bộ Hữu Thị Lang, phụ tế quân vụ; thập ngũ niên bệnh cố.*

*Thả y tứ cố viên tiết thứ, sở can quân hệ nhân công, tình thuộc khả lượng, tư kinh phụng phiến chuẩn khai phục nguyên hàm.*

*Kỳ cố thần Nguyễn Tri Phương thỉnh ưng khai phục Vũ Hiển Điện Đại Học Sĩ, nhưng cựu bá tước. Phan Giản, Lâm Duy Hiệp quân thỉnh ưng khai phục Hiệp Tá Đại Học Sĩ hàm. Tôn Thất Cáp thỉnh ưng khai phục Hộ Bộ Thượng Thư. Kỳ y đẳng cố viên tử tôn ưng đắc ấm thụ tập tước, lánh chiếu lệ biện, chỉ nhi tự sự chi khoản, thỉnh do Lễ bộ thần lánh phụng cứu phụng triếp cảm thanh phúc hậu chỉ lục biện.*

*Thần, Trần Sán phụng thảo khảo*

*Thần, Nguyễn Hữu Độ phụng duyệt*

*Thần, Hoàng Hữu Xứng phụng duyệt*

*Thần, Hồ Đệ phụng duyệt*

*Thần, Hồ Trinh phụng duyệt*

*Phụng đối chiếu: Nội Các thần, Nguyễn Văn Trung ký*

*Chưởng Đạo thần, Phạm Bình ký*

*Khoa Đạo thần, Trần Gia Tĩnh ký*

Dưới đây là bài sớ tâu lên vua Đồng Khánh về việc soạn bài Cáo Văn để khai phục cho Phan Thanh Giản và các quan khác.

Bản dịch (1):

«Ngày 16 tháng 12 năm đầu Đồng Khánh (30-1-1886).

Lại Bộ xin tâu lên Hoàng Thượng, vâng theo tờ chiếu ngày 9 tháng 9 năm Tự Đức thứ 16, trong sắc có một khoản nói rằng: «Từ nay trở đi vì soạn văn thức là việc quan trọng, nên nha nào phải do các đường quan (2) nha đó xem xét rồi trình lên. Khâm Thử.»

Vâng theo lời dậy đó, lũ thần làm việc ở Nội Các vâng soạn ra các văn thức có 14 đạo, lũ thần tuân theo hội đồng xem xét. Việc đó xong, nếu của quan viên nào mong ơn nhận được cáo văn thức sẽ kể ra để trình lên rồi đợi ý vua về sau sẽ kê khai.

Vậy truyền nghĩ bài khai phục cho Hiệp Tá Đại Học Sĩ cố Phan Thanh Giản. Báo cho xa gần nghe biết».

**Phiên âm:**

*Đồng Khánh nguyên niên, thập nhị nguyệt, nhị thập lục nhật, lại bộ tấu phụng chiếu Tự Đức thập lục niên, Cửu nguyệt nhật, khâm phụng sắc nội nhất khoản: «Tự phàm nghĩ soạn văn thức sự quan, hà nha thức do y nha Đường Quan nhuận duyệt tiến trình. Khâm Thử.*

*Khâm tuân tư tiếp, nội các thần phụng soạn văn thức thập tứ đạo, thần đẳng tuân phụng hội đồng nhuận duyệt. Sự hoàn sở hữu hà viên mông đắc cáo văn thức kê liệt tiến trình, hậu chỉ tuân biện kê khai.*

*Nhất phụng nghĩ khai phục Hiệp Tá Đại Học Sĩ cố Phan Thanh Giản. Cáo văn thức.*

Cuối cùng là bài chế của vua Đồng Khánh cho Phan Thanh Giản khai phục chức hàm. Dưới đây là bản phiên âm:

*Phụng thiên thừa vận.*

*Hoàng đế chế viết.*

---

(1) Nguyên văn trong P. DAUDIN, sđd, tr. 115.

(2) Đường quan là các quan hàng tam phẩm trở lên. Trong một bộ, Đường quan có 5 người là Thượng Thư, Tả và Hữu Tham Tri, Tả và Hữu Thị Lang.

*Trẫm duy.*

*Thế sự đảo nan bình, quân tử mỗi phủ kim nhi tư tích.*

*Thần tâm như khả bạch, thánh nhân tằng chương ẩn nhi xiểu u.*

*Nhất tự côn ba.*

*Số hàng chi bột*

*Tư nhĩ nguyên Hiệp Tá Đại Học Sĩ lĩnh Hộ Bộ Thượng Thư, sung Vĩnh Long, An Hà Kinh Lược Sứ can cách cố Phan Thanh Giản*

*Lương khê diệu tuyển*

*Quỳnh Uyển danh lưu.*

*Kiều Nhạc Thái Sơn, phẩm vọng tam triều chi thạc*

*Hành vân lưu thủy, văn chương nhất đại chi tôn.*

*Công Tây Xích thúc đời thù tân, bang giao trang trọng*

*Triệu Duyệt Đạo huề cầm trị quận Hoạn hoống đồng thanh.*

*Phương bách lý chi mạnh long.*

*Thúc tam biên chi cục ngộ.*

*Tuy trọng vi phù lại nghị*

*Do khúc lượng ư thánh minh.*

*Cán phê cố sơ, dĩ truyền cựu nghiệp.*

*Bi lưu bước hậu, tương đãi tha niên*

*Trẫm phi thừa hồng đồ.*

*Hữu hoài vãng sự*

*Vị cục trung cam khổ, tuy liệu phù bàng quan.*

*Nhi tử hậu thị phi, hạp trung vu thiêm luận.*

*Trước khai phục Hiệp Tá Đại Học Sĩ nguyên hàm, tích chi cao mệnh.*

*Ô Hô!*

*Duyệt thanh biên chi tàng hán, du nhiên tưởng kỳ vi nhàn.*

*Truy hoàng các chi thanh phong, hận bất dữ chi đồng thế.*

*Hình tiềm thức ủy.*

*Vĩnh thế hữu từ.*

*Khâm tai!*»

**Bài dịch xuôi (1):**

«Vâng trời nối vận, Hoàng Đế xuống chế rằng:

Ta nghĩ việc đời đến lúc khó mà yên ổn được, người quân tử mỗi khi vỗ về việc nay nghĩ đến việc xưa.

Lòng người bề tôi trong sạch có thể bày tỏ được; bậc thánh nhân từng làm sáng tỏ cái che dấu cũng như phơi bày cái sâu kín của người bề tôi.

Một chữ như hoa thêu trên áo lễ của vua.

Mấy hàng như là cỏ chi.

Than ôi!

Phan Thanh Giản, nghĩ ngươi, nguyên là Hiệp Tá Đại Học Sĩ, lĩnh Hộ Bộ Thượng Thư, sung Kinh Lược Sứ Long An Hà đã phải cách chức.

Tuyển tập Lương Khê thật là tuyệt diệu.

Danh tiếng ngươi còn truyền tụng ở Quỳnh Uyển (văn giới).

Phẩm vọng ngươi cao như núi Thái Sơn, rộng lớn khắp 3 triều.

Văn chương ngươi như mây bay nước chảy, được xưng tụng cao nhất một đời.

Ngươi như Công Tây Xích thắt lại đai áo để tiếp khách, làm cho việc bang giao thêm trang trọng.

Cảnh làm quan của ngươi cũng giống Triệu Duyệt Đạo vừa ôm đàn vừa cai trị quận.

---

(1) Nguyên văn trong P DAUDIN, sđd, tr. 117.

Người vừa nhận lệnh quan trọng của vua ra coi ngoài trăm dặm vụt ba tỉnh ngoài biên gặp lúc lầm lẫn.

Tuy rằng ý ngươi có trái lời bàn của các quan.

Nhưng còn có thể được lượng thứ nhờ sự sáng suốt của nhà vua.

Người biết sữa lỗi ban đầu nên còn truyền được nghiệp cũ

Bia được dựng lại sau khi bị đạp đổ cũng phải chờ đến nhiều năm khác.

Trẫm nối nghiệp lớn.

Nhớ đến chuyện cũ.

Thường bảo rằng công việc vẫn có cam khổ tuy rằng mờ mịt đối với kẻ bàng quan.

Nhưng muốn phán đoán sự phải trái của người sau khi đã chết, sao chẳng chiết trung với lời bàn bạc chung ?

Nay cho ngươi khai phục hàm cũ là Hiệp Tá Đại Học Sĩ

Cho hay cáo mệnh này.

Than ôi !

Xem bản văn cất ở chỗ Thanh Biên, bùi ngùi nhớ lại phong cách ngươi khi xưa.

Theo dõi cuộc đời thanh bạch của ngươi khi làm việc tại Hoàng Các, hận rằng chẳng được sống đồng thời !

Cầu khôn thiêng ngươi được an ủi !

Cầu cho ngươi đời đời còn tiếng thơm !

Khâm tai ! »

Về sau, Phan Thanh Giản được tùng tự tại Tụy Văn Lâu nằm trong khu đất của Khổng Miếu tại tỉnh Vĩnh Long.

Riêng lang Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long đối với Phan Thanh

Giản có biệt nhãn hơn. Năm Bảo Đại thứ 8 (1933), hương chức làng này đã nhờ chủ tỉnh Vĩnh Long là Adrien Petit (!) chuyển tới triều đình Việt Nam tờ sớ tâu xin phong sắc cho Phan Thanh Giản (1).

Lời thỉnh cầu của họ được thỏa mãn. Nguyên âm tờ sắc phong của Bảo Đại như sau:

*Sắc Vĩnh Long tỉnh, đệ nhứt quận, Bình Long tổng, Long Hồ thôn phụng sự: Hiệp Tá Đại Học Sĩ, lãnh Nam Kỳ Kinh Lược Chánh Sứ, Toàn quyền Đại Thần, Phan Công chi thần. Năm trứ linh ứng, tứ kim phi thừa cảnh mạng, truy niệm thần hựu. Trứ phong vi: « Đoan Túc Dực Bảo Trung Hưng Tôn Thần ». Chuẩn kỳ phụng sự, thứ cơ thần kỳ tường hựu, bảo ngã lê dân. Khâm tai!*

*Bảo Đại bát niên, thất nguyệt, nhị thập nhất nhật.*

Bản dịch:

« Sắc cho thôn Long Hồ, tổng Bình Long, quận Đệ Nhứt, tỉnh Vĩnh Long phải phụng thờ làm thần: Phan Công, Hiệp Tá Đại Học Sĩ, lãnh Nam Kỳ Kinh Lược Chánh Sứ, Toàn Quyền Đại Thần. Vì thường tỏ ra linh ứng nên nay trẫm nối mệnh lớn ban ơn cho để truy niệm công ơn người bề tôi. Trứ phong làm: « Đoan Túc Dực Bảo Trung Hưng Tôn Thần ». Chuẩn cho thôn Long Hồ phụng thờ làm thần, ngõ hầu giúp đỡ, che chở cho dân của trẫm. Khâm tai!

Ngày 11 tháng 7 năm Bảo Đại thứ 8 ».

---

(1) Xem *Nam Kỳ Tuần Báo*, số 47, năm 1943.

Sớ chuyển đi từ tháng 8-1933 đến tháng 11-1933 đã về tới. Không biết việc thỉnh cầu này là do tự ý của dân làng hay có bàn tay của Adrien Petit nhúng vào không?

*(tập tấu của Viện Cơ-Mật)*

# BẢN ÁN CỦA CÁC ĐẠI THẦN NGHỊ XỬ VIỆC ĐỂ THẤT-THỦ 3 TỈNH:

# ■ VĨNH - LONG
# ■ AN-GIANG
# ■ HÀ - TIÊN

★ *TÔ-NAM dịch*

*(Hoàng triều Châu bổn số 1629 Tự Đức thứ 21, nguyên bản chữ Hán đăng trong « Phan Thanh Giản et sa famille d'après quelques documents annamites, P Daudin và Lê Văn Phúc », tr. 94-96).*

Đình thần chúng tôi kính cẩn tâu về tình trạng thất thủ 3 tỉnh thành Vĩnh-Long, An, Hà, kính tuân lời dụ nghị xử và làm sáng tỏ các nguyên do, rồi xếp thành tập đầy đủ tâu lên để đợi lời thượng dụ:

« 3 tỉnh Vĩnh-Long An, Hà là nơi xa xôi cách trở, cho nên « những chức Đốc-phủ, Bố, Án, Đô-đốc, Lãnh-binh đã phải chọn « người mẫn cán; lại còn đặt viên Tổng-đốc để kiêm-tri, viên Kinh- « lược để thống nhiếp, chức vụ long trọng biết là chừng nào? lẽ ra « đương sự phải nên dò thám động tĩnh, tâu trước về triều để chờ « phương pháp đối phó tự lúc chưa xảy ra việc, mới là không phụ « với sự giao phó. Huống chi triều đình đã từng lo tính kỹ lưỡng, « và đã chỉ thị rõ ràng. Thế mà tháng giêng năm nay, sau khi nha « Thương-bạc có thư trả lời, mà bọn Tây dương cố ý không chịu « phúc đáp, để rồi tính toán kế gian, mà các đại thần 3 tỉnh hầu « như không nghe biết chi cả, đến nỗi một buổi sớm kia, chúng kéo

(*) Hoàng triều Châu bổn số 1629, tàng trữ tại Quốc sử quán Huế, bản văn chữ Hán đã được đăng ở cuốn *Phan Thanh Giản et sa famille d'après quelques documents annamites, Pierre Daudin, tr. 94 96.*

« ập vào 3 tỉnh, súng đạn bị chúng hiếp đáp đem đi! Thế mà viên
« kinh lược cũ là Phan Thanh-Giản khi việc xảy ra rồi, tự thấy
« nghĩa vụ không thể sống được, đành tìm lấy một cái chết, còn
« tôi ngoài ra chỉ thấy muối mặt với cái sống thừa, đợi dịp trở về
« lấy làm hân hạnh! Đối với trách nhiệm gìn giữ đất đai mà lại ươn
« hèn đến thế, sẽ phải phân biệt xử trị, để răn khí tiết bề tôi, và
« để nhàn tâm có bề phấn chấn mới phải.

« Vậy nay trừ các phủ huyện những viên quan suất trở xuống
« đều phải theo sự chỉ huy của cấp trên mà không đến nỗi vong bổn,
« thì đều gia ân cho được miễn nghị. Còn ngoài ra như viên kinh
« lược cũ là Phan-thanh-Giản, Lãnh-đốc là Trương-văn Uyển; Tổng-
« đốc Nguyễn hữu-Cơ; Thự phủ Trần-Hoán; Phiên-ty Nguyễn xuân-
« Ý, Nguyễn văn-Học; và viên đã quá cố là Nguyễn văn-Nhã; Viết-
« ty Võ doãn-Thanh; Poạm hữu-Chính; Nguyễn duy-Quang; Đề-đốc
« Võ Thưởng; Chánh phó Lãnh-binh Hoàng-Chiêu, Hoàng Uy, Nguyễn
« Hương, Nguyễn Tập, Đỗ-Huy, Nguyễn-Bút v.v... cả thảy 17 viên
« ấy, nghĩ giao cho đình thần lập tức xét rõ tình trạng, phân biệt
« trị tội để cho mạnh lệnh được oai nghiêm, khâm thử.

Kính tuân mệnh lệnh, Thần Lễ-bộ xin đem 1 tập của Lãnh-đốc cũ Trương-văn-Uyển tâu trình về việc quân nước Lang-Sa đã cướp các văn thư sổ sách v.v... Nay Thần Lễ-bộ xét rằng: lần ấy các tỉnh thần đã có tờ tâu về tình hình và đã có chỉ dụ giao cho thần thần đẳng cứu xét tình trạng rồi nghị xử.

Nay các sổ sách văn án bị quân Lang-Sa cướp đoạt cũng ở trong khoản lúc tỉnh thành ấy thất thủ; tưởng nên giao cả cho bộ thần chiếu luật xử trị bằng cách gia trọng v.v... Điều này vâng lời châu phê Tiết thứ đã có mật tư mật lục cứu xét về các sổ sách, chẳng biết xử trí ra sao? Và có trở ngại gì chăng? Súng đạn có thể lấy lại được không? Bọn chúng quả thật vô dụng! Vậy đình thần phải đem tội trạng 3 tỉnh đồng thời xét xử. Khâm thử.

Thần đẳng kính vâng lời dạy, hiện đã xét hỏi thương nghị như sau:

Ngày tháng giêng năm nay Lại-bộ thần đã đem tờ sớ của viên Án-sát Khánh-Hòa là Nguyễn-Thông trình bầy rằng: Phan Thanh-Giản xưa là người tiết liệt nay xin ban cho tên thụy v.v...

Thần Lại-bộ xét thấy vào ngày tháng 8 năm ngoái trong đạo dụ văn có khoản: 3 tỉnh Vĩnh long An, Hà bị chúng cướp mất là do các tỉnh thần không biết xử trí ngay lúc ban đầu; Vậy giao đình thần xét rõ tình trạng để chia phân tưng hạng mà trị tội đặng giữ oai nghiêm Khâm thử.

Vả lại, Phan Thanh-Giản kia có công hay có tội, Hoàng-thượng đều thấu rõ, thế mà viên Án-sát thần dám đem ý riêng lội xin ân huệ thực không hợp lý. Duy có một điều: việc ấy quan hệ đến phần danh tiết, vậy thì tập ấy xin giao cả cho thần đẳng xét nghĩ một thể v.v...

Ngày tháng 2, vâng tiếp đạo dụ trong có 1 khoản: Viên cố Khâm mạng Toàn quyền đại thần Phan Thanh-Giản kia có công hay có tội, từ trước đến giờ, chưa có nhất định; thế mà những kẻ bênh vực còn dám nhiều lời, như vậy không thể không làm cho nó sáng tỏ? Còn phần tư cách của Phan Thanh-Giản, là người học rộng nết tốt, đáng làm mô phạm cho đời; tấm lòng trung thành cần mẫn trong sạch, chăm chú làm hết phận sự, thì trẫm đã biết từ lâu và rất chú trọng. Riêng nói về tài thì hơi kém, không đủ thao lược ứng biến, lại còn phạm lỗi cố chấp, không thể trao cho công việc trọng đại, cho nên đại sự đến nỗi vấp ngã. Thế mà những kẻ bênh vực còn dám xin cho tên thụy, không biết chúng đã căn cứ vào những điểm nào?

Ôi! ban tước là để thưởng kẻ có công, ban thụy là để biểu dương nết tốt, triều đình đối với danh tước rất công bằng và rất thận trọng, ví thử một phen lạm phát, ai cũng bắt chước xin bừa, thì đại sự của quốc gia còn làm chi được? Vì thế phải nên chính lại điển hình, không để dây dưa tạm bợ. Vậy thì đối với các viên chức kia cùng các Đốc phủ, bố, án, lãnh-binh của 3 tỉnh Vĩnh-

*(Xem tiếp trang 239)*

# LƯƠNG KHÊ THI THẢO*

# 梁溪詩艸

## Tập thể văn của PHAN THANH GIẢN

L. T. S. : *Bộ* Lương Khê Thi Thảo *là bộ sưu tập hầu hết các thơ văn bằng chữ Hán của Phan Thanh Giản. Chính Phan Thanh Giản đã cho sưu tập và đề tựa tập thơ văn của mình năm Tự Đức thứ 19 (1866).*

*Số báo này, ngoài phần giới thiệu, phân tích mục lục bộ* Lương Khê Thi Thảo, *còn có phần trích dịch một số bài văn, thơ Bộ* Lương Khê Thi Thảo, *hiện nay rất khó kiếm, rất may cụ Long Giang Đỗ Phong Thuần, còn cất giữ. Chúng tôi thành thật cảm ơn Đỗ Tiên sinh đã cho khai thác bộ thơ, văn này.*

## Thủ bút của PHAN THANH GIẢN

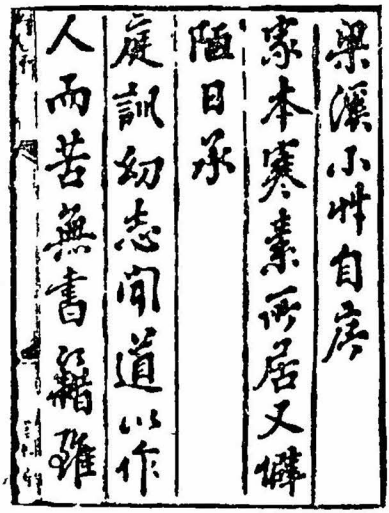

梁溪小艸自序
家本寒素而居又僻
陋日承
庭訓幼志向道以作
人而苦無書籍雖

*Phan Lương Khê tiểu thảo tự tự*

*(Anh chụp một trong những trang thủ bút trong bộ «Lương Khê Thi Thảo»)*

* Tựa sách đề *Lương Khê Thi Thảo* nhưng có cả phần văn, nên gọi *Lương Khê thi văn thảo*, mới đúng

* Dịch nghĩa

## BÀI TỰA VĂN TẮT CỦA LƯƠNG-KHÊ

* *TÔ-NAM dịch*

Cảnh nhà vốn bần bạch, chốn ở lại hẻo lánh quê mùa; hàng ngày nhờ lời dạy bảo của cha, tự lúc thơ ấu chỉ có nghe biết đạo lý để làm người, mà khổ một nỗi không có sách vở; Dẫu nhờ ở sự phẫn khích mà có mở mang ra được đôi chút, không dè khi lớn dần lên thì lại gặp lúc vận nhà chẳng được may mắn khiến cho công phu đèn sách trở nên hoang phế; Rồi một khi ra làm lại (nha lại), trèo non vượt bể, chạy khắp đông tây, chẳng được lúc nào ngơi nghỉ, cho mãi tới lúc tuổi già, thì những văn tự của mình còn sót đó, gặp lúc thư nhàn, đem ra duyệt lại, chẳng có câu nào đáng để mắt đến, thì đã toan đem tất cả gửi vào đống lửa cho rồi.

Nhưng mà nghĩ lại: mình đây sinh trưởng trong lúc bôn tẩu, nay đó mai đây, đâu phải là lúc sáng tác văn chương để lại cho đời, chẳng qua chỉ để ghi chép việc làm trong thời gian đó mà thôi. Nay đã già rồi, ví không lưu lại ít chút, thì mảnh tâm sự trong lúc sinh bình, con cháu về sau tự đâu mà biết rõ được. Vẫn biết cái mớ văn đây chẳng đủ để lại cho đời, nhưng lẽ nào nó lại chả đủ để cho con cháu hay sao?

Bởi nghĩ như thế nên mới thu thập trao cho lũ con, bảo chúng biên lục soạn ra thứ tự trước sau, theo từng năm, chia từng hạng, cộng được mấy thiên, rồi ghi mấy lời ở trên đầu tập để cho cháu chắt sau này biết rằng ông ấy đã sống trong một cuộc đời long đong như vậy!!!

*Tự Đức, năm thứ 19, 3 ngày trước trung thu Bính dần Lương Khê Phan Tịnh Bá*

* Âm

## LƯƠNG KHÊ TIỂU THẢO TỰ TỰ

Gia bản hàn tố, sở cư hựu tịch lậu. Nhật thừa đình huấn, ấu chi vấn đạo dĩ tác nhân nhi khổ vô thư tịch; tuy phát phẫn phỉ nhi hoặc hữu khải phát; vô nhân tiệm trưởng hựu tao gia bất tạo, đăng hỏa chuyển hoang, nhất lành? (thì?) tác lại, đăng sơn thiệp hải, đông tây xu mệnh vô hữu chỉ kỳ, dĩ chí ư lão, sở tồn văn tự nhàn thần (thời?) tự duyệt. độ bất túc quan, nhất luật tương dĩ tùng hỏa. Duy sinh trưởng ư bôn

tầu chi gian, thử phi dữ thế tác văn chương, bất quá tuyệt hành (thi?) nhi. Kim lão hĩ! nhược bất thiếu lưu, tắc bình sinh tâm tích, tử tôn hà nhân tri chi? Thành bất túc dĩ thị nhân, bất túc dĩ thị tử tôn hồ. Viên tham xuất phó nhi bối, biên toản y kỳ tiên hậu, tùy niên phân tự, đắc nhược can thiên, nhưng thư sổ ngôn hĩ kỳ thủ, tỷ ngã hậu chi nhân tri nã ông sinh lai thiệp lý hữu như thử dã.

Tự-Đức thập cửu niên tuế Bính-dần trung thu tiền tam nhật.

*Lương Khê Phan Tịnh Bá Thảo*

## PHAN LƯƠNG KHÊ TIỂU THẢO TỰ TỰ

*(Sao lục Lương Khê Thi Thảo quyển thủ)*

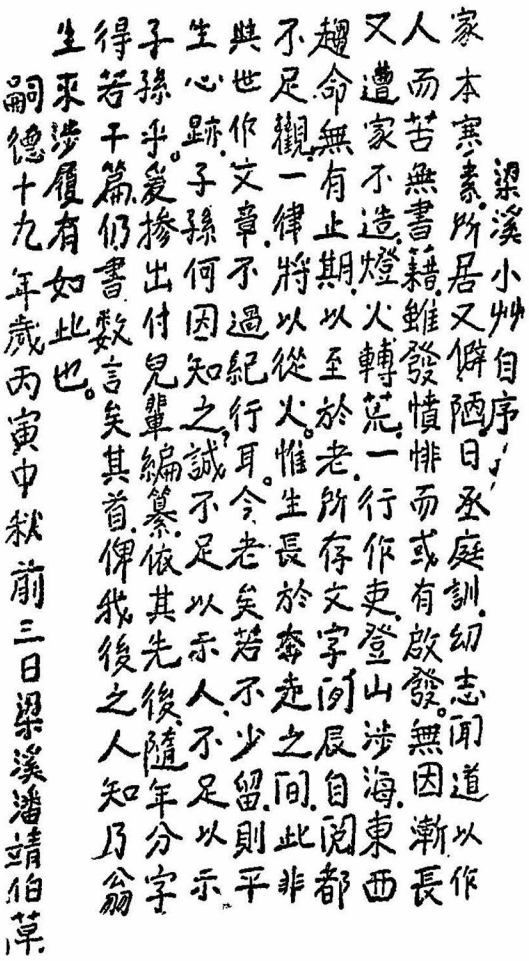
梁溪小艸自序

家本寒素所居又僻陋日承庭訓幼志聞道以作人而苦無書籍雖發憤啙而或有啟發無因漸長又遭家不造燈火轉荒一行作吏登山涉海東西趨命無有止期以至於老所存文字間晨自閱都不足觀一律將以從火惟生長於斯走之間此非與世作文章不過紀行耳今老矣若不少留則平生心跡子孫何因知之誠不足以示人不足以示子孫乎爰掇出付兒輩編纂依其先後隨年分字得若干篇仍書數言矣其首俾我後之人知乃翁生來涉履有如此也。

嗣德十九年歲丙寅中秋前三日梁溪潘靖伯草

# LƯƠNG - KHÊ THI THẢO

# 梁 溪 詩 艸

MAI CHƯỞNG ĐỨC

*Lương-Khê thi thảo.*— tập thi văn chữ Hán của Phan-thanh-Giản, theo thể văn xưa, toàn tập không điểm một dấu chấm phết.

Bản sách in theo chữ khắc gỗ lớn khoản một phân vuông; trên giấy quyến, khổ sách 24,5 × 15,5 dầy ngót 450 trang.

*Bộ Lương Khê thi thảo được khắc bản năm Tự Đức Bính tí (1876), bắt đầu là quyển thủ gồm 1 bức vẽ Phan Lương Khê bài Lương Khê tiểu thảo tự tự, thủ bút của Phan Thanh Giản, đề năm Tự Đức thứ 19 (1866); kế là bài tự của Miên Thẩm Tùng Thiện Vương đề năm Tự Đức thứ 20, Đinh Mão (1867). Tiếp là phần tổng mục rồi tới thơ văn được phân chia như sau:*

*— Phần I: Thi thảo: làm theo thể đường luật, ngũ ngôn, từ, vịnh; gồm khoảng 456 bài, trong 18 quyển; quyển ít nhất chỉ 1 bài, dầy nhất 131 bài.*

(1) Theo nhan đề bộ sưu tập ghi; *Lương-Khê thi thảo*, nội-dung bộ sách chia thành 2 phần: Thơ và Văn; phần thơ chiếm phần chính; trong bày nhận xét này, có lúc nói «Tập thi văn Lương Khê», không ngoài ý chỉ rõ-ràng hơn!

— *Phần II: Văn thảo, gồm các bài biểu sớ, ký, tự, thuyết, lụy, thư, luận, biện, phú, châm, tụng, hành trạng, hành thuật, bi minh; cả thảy 39 bài, trong 3 quyển.*

— *Phần phụ: «Thi thảo bổ di» gồm 20 bài vịnh*

*«Văn thảo bổ di» gồm 4 bài*

## XUẤT XỨ TẬP «THƠ LƯƠNG-KHÊ».

Tập thi văn Lương-Khê — một di sản tinh thần đáng quí, mang giá-trị đặc-biệt với những áng thi văn Hán bộc bạch chân thành, cảm nghĩ của một nhân-chứng lịch-sử.

Phan Lương-Khê người của thế-hệ 1830-1862 (1), qua những lần đi sứ chu-du các nước tân tiến Tây-phương. Ông giác ngộ trước những thành-công rực-rỡ của nền kỹ-nghệ, khoa-học ngoại-bang. Gieo trong lòng họ Phan một tâm trạng sót sa cho Chúa, tôi, lê-dân nước nhà. Như Nguyễn-trường-Tộ, họ Phan đã bao lần dâng sớ triều đình với những kế-hoạch duy-tân, hầu đuổi kịp theo đà tiến mới. Mang lại cho quê hương những điểm son rạng-rỡ, cứu dân thoát cảnh ầm than cương-tỏa

Đứng trước triều đình Tự-Đức vẫn theo thói cũ xưa nay, ngày ngày chỉ biết trau chuốt những vần thơ, câu vịnh, tìm thú vui cây cảnh, tiêu-dao cùng tuế nguyệt với những pho sách kinh nho. Trong khi ấy thì bọn người cướp nước đang lăm-le dòm ngó với ý-định mở rộng vòng kiểm-soát sang các nước phương Đông. Phan-thanh-Giản giữa hai thế lực: một là triều đình không sáng suốt trong việc cải cách xứ sở với chiều hướng khoa học; hai là liên-tiếp chịu những áp-lực của thực dân Pháp mạnh-mẽ. Những phát súng thần-công «chào mừng» triều đình Việt Nam tại hải cảng Đà-nẵng đã làm cho cả một vườn Ngự-uyển của Tự-Đức phải xao-xuyến lung-linh dưới làn khói súng mờ mịt. Những thất bại cứ theo đà thời gian chuyển tiếp.

---

(1) Theo lối chia của L M Thanh Lãng trong quyển *Bảng lược đồ lịch-sử văn học Việt Nam.*

Qua bài thơ *Tự Thán* sau đây, nói lên tâm-trạng não-nề mà ông phải cưu-mang:

*Từ ngày đi sứ tới Tây kinh*
*Thấy việc Âu-châu phải giật mình*
*Kêu rủ đồng bang mau thức dậy*
*Hết lời năn-nỉ chẳng ai tin.*

Con người nho-nhã xuất thân từ cửa Khổng sân Trình như một Phan-thanh-Giản, bị phường cường khấu ngoại-lai coi thường.

Vua thì nghi-ngờ hành động ông với những thất bại liên-tiếp. Nhân-dân ta thán, vây bè kết đảng chống đối lại triều-đình hủ-nát. Những tâm sự chua sót của họ Phan; không còn được mấy người dân nghe biết đến!

Bao nhiêu tâm sự cay đắng ấy, được ông gói ghém, phản ảnh chân thành trong tập «*Thi văn Lương Khê*».

## CON NGƯỜI PHAN-THANH-GIẢN QUA THI VĂN

Ta phải nhìn nhận suốt gần 500 bài thơ của họ Phan, với cái giọng nhủn-nhẳn, rỉ-rả.. ấy, triền-miên nối tiếp tạo nên những âm-giai nhẹ-nhàng, thoang-thoảng như làn gió xuân trong khuôn sáo thơ cổ nhà nho, mượn hình ảnh: mưa, gió, hoa, lá, núi, sông... tô-điểm nên cảnh sơn thủy diễm-lệ, lồng nỗi-niềm của mình một cách tế-nhị.

Ta không tìm thấy loại thơ hùng-hồn, vũ dũng, bão táp, biển động sóng cồn.

Qua bài thơ *Giả vợ đi làm quan*, ông mang tâm-sự đau-đớn khi chia-ly, đành chịu lãnh chức quan cho tròn chữ Trung với vua. Xét qua tiếng nói trong thơ, không thấy phản ảnh khí-tiết khẳng-khái, quyết liệt. Với cái thái-độ bịn-rịn, tạm gọi *vui ra đi gượng kẻo mà...*, ta hãy đọc lại giọng văn dưới đây: (1)

---

(1) Năm 1826, Phan-thanh-Giản thi đỗ Tấn-sĩ, sau khi vinh qui bái tổ; ông ra nhận chức nên có làm bài thơ này để tiễn biệt bà vợ Trần-thị-Hoạch.

Bài thơ này trích trang 17 quyển *Phan-Thanh-Giản* (1796-1867) của Nam-Xuân-Thọ, Tân Việt xuất bản in lần thứ II, 1957.

*Từ thuở vương xe mối chỉ hồng*
*Lòng này ghi tạc có non sông.*
*Đường mây cười tớ ham dong ruổi,*
*Trướng liễu thương ai chịu lạnh-lùng.*
*Ân nước, nợ trai, đành nỗi bận,*
*Cha già, nhà khó, cậy nhau cùng.*
*Mấy lời dặn bảo, cơn lâm biệt,*
*Rằng nhớ, rằng quên, lòng hỡi lòng!*

Chỉ tạm xa cách vợ đi nhậm chức quan, mà dặn-dò than-thở não-nuột như thế; có khác nào bị lưu đày vĩnh-biệt chốn non lam chướng khí chăng nhỉ?

Sang đến năm Minh-Mạng thứ XIX (1838) phụng mang đi Hà-tĩnh, Nghệ-an, Thanh-hoa duyệt binh trở về chuyên việc bộ hộ Vì không kiểm việc đóng ấn vua trên sớ tâu được châu phê, nên ông bị giáng-chức, nhiệm-bậc lang-trung tòng sự tại bộ hộ. Sau đổi lên Thái nguyên tròng việc khai mỏ bạc (*), ông có làm bài thơ:

*Tạm dịch*

| | |
|---|---|
| Thái-nguyên tỉnh thành tảo phát (2) | Sáng sớm ra khỏi thành Thái-nguyên |
| 太 原 省 城 早 發 | |
| Thái-nguyên thành bắc thượng | Thái-nguyên lên miền bắc |
| 太 原 城 北 上 | |
| Giai thị đại sơn lâm | Rừng núi khắp đó đây |
| 皆 是 大 山 林 | |
| Tùng hoàng u thả trở | Um-tùm mà rậm-rạp |
| 叢 篁 幽 且 阻 | |

(2) Bài thơ ngũ ngôn cổ thể *Thái nguyên tỉnh thành tảo phát* trích trong tập *Tống tinh thảo*. Quyển XV, Lương Khê thi thảo.

(*) *Sử-liệu Việt-Nam* tr. 149 do Tuần Lý Huỳnh-Khắc-Dụng biên soạn.

Nhai hác đa độc dâm
崖 壑 多 毒 淫

Thụ thạch đa kỳ quái
樹 石 多 奇 怪

Khí tượng hà âm sâm
氣 象 何 陰 森

Ẩn ước tinh bái quá
隱 約 旌 旆 過

Thảng dương quan cái lâm
倘 佯 軮 蓋 臨

Tuần khê hoàn cửu chiết
循 谿 還 九 折

Đăng tụ mỗi thiên tầm
登 岫 每 千 尋

Đồng vụ xung hành mạc
瀼 霧 衝 行 幙

Phi hoa dục thượng trâm
飛 花 欲 上 簪

Hỷ vi sơn khúc tế
喜 徼 山 曲 際

Thời kiến đạo mạch thâm
時 見 稻 麥 深

Tiễn bỉ sào cư tử
羨 彼 巢 居 子

Y nhiên thái cổ tâm
依 然 太 古 心

Tức cơ dữ vật cận
息 机 與 物 近

Vô cánh đồng tượng âm
無 競 同 象 音

Hang hóc hơi độc đầy
Cây đá nhiều quái lạ
Khí tượng âm thầm thay
Cờ quạt thấp thoáng hiện
Mũ áo phất-phơ bay
Chín khúc quanh khe nọ
Nghìn dặm vượt núi này
Khói tỏa che màn kiệu
Hoa rơi vướng trâm cài
Vui lúc qua sườn núi
Thấy nương lúa phây phây
Khen cho bọn ở tổ
Lòng thái-cổ không thay
Yên lặng cùng tạo vật
Không tranh cạnh cùng bầy

Bình sinh hỷ du lịch　　Sinh bình thích du lịch
平　生　喜　遊　歷

Cao hoài khước tự câm　　Cao thượng rõ bằng này
高　懷　却　似　今

Lẽ ra bài thơ này, ông nên bộc lộ tâm sự uất hận với giọng thơ đanh thép đối với một triều đình hủ nát bè phái. Một người học cao hiểu rộng như họ Phan giờ đây phải lê gót bài lên chốn rừng núi cheo-leo. Tấm thân đày-đọa với những ngày làm bạn với chướng khí độc-địa, với bọn người ăn lông ở lỗ. Thật đau đớn biết bao!

Nhìn qua những áu thơ của Phan-thanh-Giản, những hành động dịu hòa lúc sinh thời với cái thất-bại đối bọn mọi Cao-Bồng. Họ Phan thương dân đến cái độ sợ dân đổ máu, biến thành những nấm mồ hoang vô chủ; để rồi cái kiếp nô-lệ dễ-dàng chồng chất lên nhân dân suốt 80 năm!

Nhận rằng Phan-thanh-Giản đương thời có khác nào một vị Vua thứ hai của đất Nam-Kỳ, đối phó những nỗi khó-khăn khắp nơi nơi.

Nhưng tiếc thay! ông vốn là một con người chịu ảnh hưởng về đạo học nho thâm trên trường văn trận bút. Ông không có thái độ cương quyết, mưu chước quỷ-quyệt của một nhà tướng cầm quân. Mà là với bản-tánh ngay thẳng, hiền lành, liêm-khiết; chỉ thích hợp với địa vị một ông quan hành-chánh; cốt làm sao cho công việc trôi chảy vẹn chữ Trung quân tròn lời Thánh dạy.

## THƠ LƯƠNG-KHÊ TRÊN VĂN ĐÀN

*Lương-Khê thi thảo* đứng về mặt văn chương mang giá-trị đặc-biệt qua các thể thơ Đường, ngụ ngôn, vịnh, từ, với sở trường về nghệ-thuật tả cảnh, tả tình.

Cảnh, phần nhiều cảnh quê hương, cảnh gia-đình dân-tộc.

Tình, thành tín với gia-đình, với bè bạn, một niềm chung thủy vun theo sách xưa dạy.

Qua nhiều bài thơ chỉ độ đôi ba câu mà hàm-súc gợi-tình, gợi-cảm với hồn thơ lai-láng mang tâm sự dồi-dào cảm thông gửi trong ngàn cây nội cỏ. Ông cũng như bao nhà thơ cổ khác, khi tả cảnh thường mượn núi sông, hoa lá, mưa gió; nói lên hình ảnh sống thực mà ai cũng nhận thấy dễ-dàng. Do đó mà lời-lẽ trong thơ dễ gây sự cảm thông bàng-bạc. Qua bài thơ dưới đây, ông nói lên hòa khí thiên-nhiên của trời đất mà cũng để gửi tiếng lòng êm nhẹ của riêng mình.

| | *Tạm dịch* |
|---|---|
| Thụ dạ độc khởi (3)<br>秋 夜 獨 起 | Đêm thu dậy một mình |
| Bát nguyệt thượng viêm nhiệt<br>八 月 尚 炎 熱 | Tháng tám còn nồng-nực |
| Nam mẫu khát dư ba<br>南 畝 渴 餘 波 | Đồng ruộng khô ráo hoài |
| Tiết hậu tùy niên dị<br>節 候 隨 年 異 | Khí tiết hằng năm khác |
| Tinh thần vận khí hòa<br>星 辰 運 氣 和 | Trăng sao mở vận vui |
| Trung dạ chính độc khởi<br>中 夜 正 獨 起 | Nửa đêm một mình dậy |
| Kiểu thủ vọng minh hà<br>翹 首 望 明 河 | Ngửa cổ trông lên trời |
| Vi vân động thiên tế<br>微 雲 動 天 際 | Mây đen thường lởn vởn |
| Hoàn khủng phong vũ đa<br>還 恐 風 雨 多 | Mưa gió e chưa thôi |

(3) Bài thơ ngũ luật *Thu dạ độc khởi* trích trong tập *Hải âm thảo*, quyển XIII *Lương Khê thi thảo*

Qua hai câu kết, ta thấy họ Phan tỏ nỗi ái-ngại trước những màu mây đen tối, che phủ non sông; nước nhà còn phải trải qua những cơn lận đận.

Bộ sưu tập *Lương Khê thi văn thảo* chẳng những có giá trị về nghệ thuật văn chương mà còn về mặt lịch sử nữa; nhiều bài trong thơ văn ông hướng về thời-thế. Tiếc thay! tiếng nấc của họ Phan rơi vào không giac đơn-độc, không được họa lại một cách tương xứng!

Phải nhìn nhận rằng ông có cái công đem những điều tai nghe mắt thấy, gửi vào những áng thi văn để cảm thông hòa điệu với lòng người dân của một nước nhược-tiểu đương thời.

Phan-thanh-Giản là một thi sĩ rất giàu tình cảm với một thi tài rất vững chắc Thực không hổ danh với câu thiên hạ tặng « Danh nhân miền Nam ».

Có một điều rất đáng tiếc, triều đình đương-thời không đặt để con người ông đúng môi-trường hoạt động!

Khi sắp lìa cõi thế ông đã làm bài *thơ di bút* (4), và dặn con ghi khắc trên bia mộ 9 chữ *Hải-nhai thư sinh Phan-lương-Khê chi cữu* 海涯書生潘良溪之柩.

*Non nước tan tành hệ bởi đâu*
*Một vùng mây bạc chốn ngao châu*
*Ba triều công cán đôi hàng sớ*
*Sáu tỉnh cương thường một gánh thâu*
*Ải Bắc ngày trông tin nhạn vắng*
*Thành nam đêm quạnh tiếng quyên sầu*
*Minh-tinh chín chữ lòng con tạc*
*Trời đất từ đây bặt gió thu.*

---

(4) Bài *thơ di bút* của Phan-thanh-Giản trích *Nam-Phong tạp-chí*, tr. 399, số 110, tháng 10 năm 1926, với đề tài chung *Văn-Uyển* do Hà-Tiên Lâm tấn-Phác sao lục.

Sau đây phân-tích bản mục-lục về thơ văn viết bằng chữ Hán trong bộ sưu tập *Lương-Khê thi thảo*:

★ *Quyển I.— Thái hương thảo* 采香艸 *gồm 30 bài.*

Quá cửu hiểm hậu ngộ vũ — Trường cảnh hải loan — Thạch bia sơn — Giao hành (gồm 3 bài) — Quá xuân thủy kiều (gồm 2 bài) — Thất mạch tác (gồm 2 bài) — Thu nhựt thư hoài — Mạch liễu — Khê thiệp — Vãn độ ngâm — Sơn hành — Dã độ — Sơn hiểu — Đăng sơn — Sơn đồ khẩu-hiệu (gồm 4 bài) — Dạ vũ — Thái — Thiên cư — Thanh minh — Phỏng Nguyễn luận — Qui đồ — Phú gia sơn điểm hiệt — Túc-thuận lâm điểm.

★ *Quyển II.— Vu kinh thảo* 于京艸 *gồm 25 bài* (1)

Gia biệt — Mỹ-An dạ phát — Ngưu tân vãn phát — Thuận-biên trạm vãn thiếu — Thuận-Dung trạm — Thuận Phan — Kinh Thuận động (gồm 4 bài) — Thuận hảo đạo trung — Bình-hòa đạo trung — Hòa-mã sơn — Thoại phú hòa sơn trạm — Phú-An đồ trung tạp vịnh — Địa thi vãn độ — Độ quan — Đồng sào điểu ca — Nam phố triều yên — Trường cảnh hải loan trúc chi từ (gồm 5 bài) — Long hồ biệt Nguyễn Nguyên.

★ *Quyển III.— Vu kinh hậu thảo* 于京後艸 *gồm 9 bài.*

Khách cảm — Mỹ-An thư cảm — Phát phúc an — Thuận lâm khê điểm ngộ vũ — Đắc nhân cửu nhật đồng Lê-Nga Sơn Nguyễn-bảo-Cương đăng cao — Túc câu đê điểm — Phú gia-khê kiều kiến thủy liễu — Thận-Khánh Am đồng Vũ-vĩnh Xuyên Phan Quán-Chi dạ thoại — Nguyễn-bảo-Cương trì tống chí Thuận-Lai trạm ký biệt tác.

★ *Quyển IV.— La giang thảo* 羅江艸 *gồm 30 bài:*

Quảng-trị đạo trung — Ký Đinh-hương-Thiệu hàn lâm điển bạ — Ký gia thư — Đăng Quảng-bình thành lâu — Trừ tịch — Vọng

(1) *Vu kinh thảo:* làm vào năm Minh-Mạng thứ VII (1826), khi đi thi hội.

Thần-đinh sơn — Đề phong lộc cựu lý tiểu ốc — Văn thiếu — Ký Vũ-vĩnh-Xuyên — Ký Phan-quán-Chi — Tức sự — Văn hứng — Huân phong — Hữu dĩ Đào Hà kiến dĩ — Thu tư từ — Giang hứng — Tiểu thuyền — Du Thần-đinh sơn tự — Thi hứng ức Phan-quán-Chi — Độc bộ — Thực mộc-lan — Tài ba tiêu — Mạn hứng — Úy ngư-lan — Duẫn — Ức Đào Hà — Hiểu khởi — Đăng Vũ-thắng quan — Trúc — Lưu biệt thuộc phủ tân tả.

* *Quyển V.— Thu tào thảo* 秋曹艸 *gồm 10 bài.*

Nguyệt dạ hữu hoài Vũ-văn-Hoằng Vĩnh-Xuyên — Nam-giao đại lễ phụng sung chấp sự cung kỷ — Nam phố mộ xuân — Sơ hạ tòng — Giá hạnh Thuận-An hải khẩu hạnh đăng trấn hải đài cung kỷ — Trú trực — Tống Trương-lượng-Trai — Phụng xung Thừa-thiên thí trường giám khảo trường liên đồng Vũ-lang-Trung tác — Thu hiểu.

* *Quyển VI.— La giang hậu thảo* 羅江後艸 *gồm 5 bài.*

Chuyên kinh — Du Cừ-hà tự cung chiêm — Hiếu-Vũ hoàng-đế ngự liên — Minh nguyệt hoa triêu dĩ tứ canh độc khởi bộ nguyệt hữu hoài — Độ Hoành lĩnh.

* *Quyển VII.— Toái cầm thảo* 碎琴艸 *gồm 14 bài* (1)

Toái cầm thi khóc Lê-bích-Ngô — Khóc văn — Phụ-lục Lê-bích-Ngô nguyên ký Dương-Liễu-Chi từ (gồm 10 bài) — Hựu thức — Dĩ Toái cầm thi đệ trình Hà-phương-Trạch Ngô-dương-Đình thỉnh chính tinh cẩn.

* *Quyển VIII.— Hoàng châu thảo* 莫州艸 *gồm 22 bài.*

Xuất kinh — Quá Cẩm-la độ — Văn đăng Dục-Thúy sơn — Tái đăng Dục-Thúy sơn — Độc lộc — Thu dạ — Du tiền từ — Vịnh Lan — Quế — Thúy điểu — Thu hoài (gồm 10 bài) - Ký Vũ-Hoằng Nam-xương huyện thừa — Nghệ-an đạo trung.

---

(1) *Toái cầm thảo* làm năm Minh-Mạng thứ VIII (1827) khi người bạn cụ Phan là Lê-bích-Ngô mất; tập này có thơ người bạn quá vãng.

★ *Quyển IX.— Thuật chinh thảo* 述征艸 *gồm 2 bài.*

Thuật chinh — Tòng quân.

★ *Quyển X.—* ● *Ba lăng thảo* 巴陵艸 *gồm 55 bài.*

Độ quan — Du Tam-thai tự thứ (gồm 2 bài) — Ngẫu hứng — Xuất dương — Đáp Hà-Hải ông nhị thập lục vận — Đại-chiêm dữ thư sự — Phụng cải phái tòng vãng giang lưu ba — Vị-ni ức xá đệ — Nguyên tịch — Vị-Ni khai chu — Chu ly Vị-ni (tam nhựt vị kiến Côn-lôn dữ) — Ngẫu hứng — Tướng quân dữ — Tân-gia-ba trúc chi từ — Tân-gia-ba khai thuyền tòng hạ Liêu cảng thủ Bồn-tố vãng giang lưu ba — Dạ tứ canh tương nhập Bồn-tố cảng hốt bạo phong đại chí — Ngẫu thành — Bồn-tố trứ thiển — Dạ tọa — Tạp cảm — Xuân tư — Man hứng — Phụng-sơn quán vịnh mỹ nhân tiêu — Yết Minh-Thành thư viện — Giao hành — Văn địch — Sơ hạ — Ly ba — Tích phong — Cung trị vạn thọ đại tiết — Hỷ thuận — Ngẫu thành — Hỷ phong — Hữu cảm — Hồi dẽ Tân-gia-ba — Phỏng sơn tuyền — Tân vũ — Lương — Hiểu khởi — Dạ bạc — Gia-ba khai thuyền — Hải thượng ngâm — Quá Côn-lôn — Chu vọng Nam trung chư sơn (nhị thiên) — Kỷ mộng — Trường cảnh dạ bạc — Văn thiếh — Trở phong — Độ quan.

● *Kỷ* 紀

Địa bàu đông tây trúc — Hạ Liêu Bồn-tố.

● *Truyện* 傳

A xa Suy an-Tôn truyện

● *Bạt* 跋 Hà Hải ông dương mộng thi tập bạt.

★ *Quyển XI.— Cận quang thảo* 近光艸 *gồm 21 bài* (1)

Trú trực — Khóc Nguyễn-hậu-Tấn — Dạ tọa — Hỷ vũ — Đăng Bảo định đồn — Đối vũ — Văn vọng — Văn ý — Nhựt mộ — Trung

(1) *Cận quang thảo*, theo bản mục-lục ghi 21 bài; nhưng chỉ có 13 bài.

thu đối nguyệt tiểu chước đồng Hà-Hải ông Doãn xương phái — Trà-mi — Cửu nhựt Quảng-điền kham liên chu hành ngộ Nam trung cựu thức — Đối cúc hòa Hà-Hải ông Doãn Xương phái Ngô-dương-Đình cửu tuyệt.

* *Quyển XII.— Kim đài thảo* 金台艸 *gồm 126 bài* (1)

Lâm biệt dữ đồng bối — Thanh-nghệ đạo trung — Am-la — Bắc tỉnh tảo phát — Bắc cần — Quá quan — Túc Mạc phủ — Thụ giáng thành văn bộ — Dạ bạc Tiết ô đường — Chu hành ngẫu đắc — Thái-bình phủ — Ngẫu thành (gồm 3 bài) — Tiêu thôn dạ vũ — Quá vạn than — Giang hành văn thiếu — Hỏa-yên đường dạ bạc — Hoành-châu giang đồ — Hoành-châu tiểu vũ — Ngũ hiểm than vịnh hoài Mã-phục-Ba tướng công — Vũ — Độc lập — Nam-bình phỏng cổ — Đằng huyện giang đồ — Thương Ngô vọng Cửu-Nghi sơn — Dạ bạc văn địch — Đối nguyệt nạp lương — Bạc-hoàng-Long đường — Tiểu phố - Phóng Lô-từ hí vịnh — Vũ liêu đại chí chu bạc đại loan đường hành — Dương sóc giang đồ — Đại-Khư-thủy đường tảo phát — Quế-lâm dạ bạc — Hoán thuyền — Đề mỹ nhân lý tranh đồ — Quá đẩu — Quá hứng an phân thủy — Dương gia đường văn thiếu — Phát-toàn châu — Vãn hứng — Lão-phụ đường văn bộ — Hành-châu hạ nhật — Tương thượng ngũ nguyệt điếu tam lư — Phát lộc khẩu đường — Tương-đàm dạ bạc — Trường-sa giang hiểu — Tặng trường tống Quảng-tây hữu giang binh bị Đạo-giác La-mạc-nhi-canh A — Tặng trường tống Quảng-tây nghĩa ninh điệu Tân-thái-hiệp trấn thiện thành — Hành-châu đoàn tống Hồ-nam Hành Vĩnh-lâm Quế binh bị đạo — Trường-sa cảm hoài giả cổ thái phó - Quá loan hà khẩu đại liệu — Tương âm dạ khải — Bạc-thổ-thành cảng nhàn bộ — Hiểu độ Động đình hồ — Nhạc-dương dạ bạc — Tam-hiệp khẩu hoài cổ — Thực Vũ-xương ngư hốt nhiên cảm tác — Đăng Hoàng-hạc lâu — Hồ-bắc cải hạn tự nhiếp khẩu vãn trú song miếu công quán — Hiểu cảm đồ trung — Độ vũ thắng quan — Lý-gia-Trại sơn hành — Sơn thôn — Quá Hà-đại-Phục cố lý cảm-hoài toại cập Lý bắc địa — Phụ lương —

(4) *Kim đài thảo*, làm khi đi sứ sang Tàu năm Minh-mệnh *thứ 15 (1834)*; theo bản mục-lục ghi 126 bài; nhưng đếm 131 bài.

Hà-nam đạo trung vịnh cổ (gồm 5 bài) — Yểu thành Thiệu-lăng quí chỉ — Yểu thành quá Nhạc miếu — Lâm-Dĩnh vịnh Khảo Thúc trừ canh sự — Hứa-châu vịnh Thanh-Mai chữ tửu sự — Tân Trịnh quá Trăn-Vỹ vịnh thừa dự tế nhân sự — Vệ huy đồ trung — Quá Kỳ-thủy — Độ Chương-hà — Từ-châu đồ trung — Du Hàm-đan cổ quán — Triệu-Đạo vịnh cổ — Độ Hồ-đà — Chiêm Đế Nghiêu miếu — Quá Quách-Ngụy cố lý — Quá Kinh-Kha cố lý — Quá Hán-trương-Hoàn hầu cố lý — Hoa-dương lâu — Đại hoàng-đế vạn-thọ tiết tuần lệ hiến thi — Trung thu — Thụy khởi tức sự — Xuất kinh — Phát An-tiêu tiểu thoại Từ-hàng tự — Vọng đô đồ trung vãn thiếu — Sa hà hiểu độ — Triệu-châu đồ trung vãn hứng — Bách hương đồ trung vãn vọng Thái-hành sơn hữu tác — Quá Hà-sa — Cửu nhựt Hàm-Đan đạo trung kiến dã cúc mạo vũ thịnh khai hu tác — Dạ tấn Từ-châu ngộ vũ tức sự — Trùng-dương hậu nhứt nhựt Từ-châu đạo trung tác — Thang âm vãn thiếu — Trùng quá Kỳ-thủy quan — Hạnh trang bảo vãn hứng — Nguyên-thôn dịch tảo phát — Độ Hoàng-hà — Trịnh-châu đạo trung tức cảnh — Lâm-Dĩnh dạ trú học viện Sơn-trường-điền-vân-Bình bệnh bất đắc kiến — Độ Hoài — Lưu-hương-Đình sở du tập đề từ — Hán dương dạ di chu hoài cổ — Nhạc-dương dạ khởi tức sự — Tố-tương hỷ tình — Tố-tương ngẫu hứng — Tố-tương tình hiểu — Quá hà gia đồ — Đọc cổ thư — Hứng an đồ hành ngẫu hứng — Lập xuân nhựt tảo khởi — Dương sóc giang đồ — Thương Ngô đối tình — Đằng giang dạ bạc — Giang hiểu — Ngẫu thành — Hiểu khởi — Bắt ny — Đà-hiệp đường dạ bạc — Thái-bình giang đồ — Châu-sơn đường dạ bạc — Nhập quan.

* *Quyển XIII.— Hài âm thảo* 諧音艸 *gồm 34 bài.*

Nhựt tịch vọng Vân sơn — Văn Nam Kỳ bạ thành vị hạ — Nghĩ quá Nhưỡng-đông cảm hoài Đỗ-thiếu-Lăng — Phú đắc cách phố ngư qui liễu hệ thuyền — Phú đắc nguyệt hoa tịnh đáo cúc chi biên — Châu lan — Hà-phương-Trạch dĩ tập tịnh thi kiến thị nhân thứ — Quảng-nghĩa thư cảm — Lạc nhật — Lương — Hiểu vọng — Giản Ngô-dương-Đình khất cúc tài — Tái ước Ngô-dương-Đình di cúc — Tống Ngô-dương-Đình phụng vãng giam-khảo

Hà nội trường — Vũ tề — Dạ khởi — Ngẫu nhiên tác — Phụng sứ trấn Tây thành đỗ quá tỉnh thành cố hữu Lê-ngô-Đình cố trạch — Vọng vũ — Thu dạ độc khởi — Tống lại bộ Thị-lang Hoàng-Kiện-Trai yên chi nhiệm Gia-định bố chính — Thanh-Tỉnh dữ Nguyễn-bảo-Phong, Nguyễn-Lê-Quang — Ngô-thái quân thất thập thọ Dương-Đình ký thư sách hạ — Hạ lễ bộ hữu-thị-lang Phan công lục thập thọ — Binh bộ Tả-tham-tri sung biện các vụ Hà công đắc thỉnh qui phụng thái phu nhân thất thập thọ hạ thi — Tống lễ bộ Thượng-thư phụng sung hoàng-tử sư bảo Nguyễn công đắc thỉnh qui lý — Tống Nguyễn-cư-Sĩ chi nhiệm Kim-sơn — Bạch-Thạch điếm vọng Thúy-hoa sơn — Vũ — Bình-định đăng Thành-đông lâu — Vi vũ — Du Linh-phong tự — Vị mỗ công hạ lễ bộ Hữu-thị-Lang Phan công thọ — Tống Cao-hữu-Dực chi nhiệm trấn Tây-thị-lang.

★ *Quyển XIV.— Đàn nguyên thảo* 檀源艸 *gồm 2 bài.*

Sơn trung tác — Sơn trung ngẫu ngâm.

★ *Quyển XV.— Tống tinh thảo* 送星艸 (1) *gồm 31 bài.*

Thái-nguyên tỉnh thành tảo phát — Túc dã thị phú — Thủy thung — Thu tiền sơn trung hữu hoài hoạn trai viên cúc — Lập thu — Sơn tề — Thất tịch vịnh ngưu nữ — Sơn trung hà sở hữu (gồm 10 bài) — Ký Ninh-bình Trần-hy-Vĩnh — Di xá Á đề Trương công từ — Xá thành xuyên trì dẫn tuyền súc ngư kiêm thời sơn hoa số bản — Đăng Hồng-sa tuyệt đỉnh — Tài mộc Phù-dung — Thu phân — Tự tống tinh vãng nhân sơn đỗ gian ngẫu vịnh — Mộng trung độc cổ thi vịnh đào — Sơn thôn đối vũ — Cửu nhựt ức viên cúc — Sơn Tuynh — Hòa lan đậu — Ngẫu thành — Xuất sơn — Cáo văn — Cáo tống Tinh sơn thần văn.

★ *Quyển XVI.— Tồn lạc thảo* 存樂艸 *gồm 9 bài.*

Ai quân nhi — Sơ hạ bệnh khởi trình nhứt nhị tri kỷ — Kháng sơn — Điếu phiến — Huệ — Bính-ngọ nguyên-đán thí bút — Tuế

(1) *Tống tinh thảo* theo bản mục lục ghi 31 bài, nhưng đếm 33 bài.

đán — Đinh-mùi điển thí tấn trường hậu nhứt nhựt tức ư viện sở thực tạp thái — Tàm từ.

★ *Quyển XVII.— Nam hành thảo* 南行艸 *gồm một bài.*

Hà-tiên hoài cổ toại cập vãng niên sát thoái Xiêm lỗ sự.

★ *Quyển XVIII.— Ứng chế thảo* 應制艸 *gồm 31 bài.*

Phụng ngự đề đế kinh thiên — Cung hòa ngự chế xuân sưu sát hổ — Cung hòa ngự chế nhâm-tuất nguyên nhật khánh hạ gia thọ cung cung kỷ — Cung hòa ngự chế ngự Thái hòa điện thụ giá — Cung hòa ngự chế Cần chính điện thụ giá — Cung hòa ngự chế thực lệ chi ca — Phụng hòa ngự đề phòng hà thi — Kinh diên tấn giảng — Cung hòa ngự chế đọc thánh hiền quần phụ lục — Cung hòa ngự chế canh tạ thi nguyên vận — Cung hòa ngự chế hỷ vũ nguyên vận

*Ngự chế Thuận-An tấn thập vịnh.*

御製順安汛十詠.

Thuận-An tấn — Trấn hải thành — Quan hải lâu — Hành cung — Lương-Kiêm lâu — Cáp châu — Thai-Dương thị — Ngư trang — Da-Lâm — Sa-cương —.

*Ngự-đề Hàn-xương-Lê cầm tháo thập thủ phóng vân.*

御題韓昌黎琴操十首放韻.

Tương qui tháo — Ỷ lan tháo — Qui sơn tháo — Việt thường tháo — Câu u tháo — Chi sơn tháo — Lý sương tháo — Trỉ triều phi tháo — Biệt hộc tháo — Tàn hình tháo,

★ *Quyển I.*— **VĂN THẢO** 文艸

◉ *Biểu* 表 *gồm 8 đề.*

Thụ Quảng-bình tham hiệp tạ biểu — Thụ Hồng-lô tự khanh sung như thanh giáp phó sứ tạ biểu — Thụ đại-lý tự khanh sung cơ-mật viện đại-thần tạ biểu — Thụ hộ bộ lang-trung biện-lý bộ vụ tạ biểu — Thụ hộ bộ hữu thị lang tạ biểu — Thụ thông chính

sử ty thông chính phó sứ biện lý bộ bộ sự vụ tạ biểu — Bổ thụ binh bộ hữu Tham-tri tạ biểu — Thụ hình bộ Thượng thư tạ biểu.

● *Sớ* 疏 *gồm 3 đề.*

Quãng-nam thỉnh an sớ — Minh bạch hồi tấu khinh — Tuần Dụ lịch trần sớ.

(諭 瀝).

* *Quyển II.*— ◍ *Ký* 記 *gồm 2 đề.*

Thạch nhủ chung ‹ổ ký — Thạch giải ký.

● *Tự* 序 *gồm 5 đề.*

Đặng-thuận-Xuyên thi tập tự — Trương-diên-Phương học văn dư tập tự — Thường-chính-Lê tiên sinh hành dư tập tự — Hạ Vũ-thái-An nhân bát thập thọ tự — Vị Bùi tham-tri tự thuyết kiêm tống vãng Bắc sứ.

◍ *Thuyết* 說 *gồm 1 đề.*

Dương-Đình Ngô-thế-Vinh tự thuyết.

◍ *Lụy* 誄 *gồm 1 đề.*

Lụy Ngô-sư Mạnh chương cáo.

● *Thư* 書 *gồm 6 đề.*

Dữ Ninh-bình bộ phủ Trần-hy-Vĩnh thư — Dữ đường đệ Nguyễn-đức-Dụ thư — Dữ hữu nhân thư — Tại Ninh-bình dữ Nguyễn-Hữu-Khuê thư — Văn Vũ-duy-Thành ư Tân-long lỵ thứ cáo khuyết dĩ thư úy Duy-Ninh — Đáp Ngô-thế-Vinh ký vĩnh thọ trướng thư.

◍ *LUẬN* 論 *gồm 2 đề.*

Tính trung vô hiếu đề luận — Hiếu đễ vi nhân bản luận.

* *Quyển III.*— ● *LUẬN* 論 *gồm 4 đề.*

Ngự đề triệu hòa luận — Ngự đề thái bá tam nhượng thiên hạ luận — Ngự đề hiếu danh luận — Ngự đề văn thần bất ái tiền luận.

◍ *BIỆN* 辯 *gồm 1 đề.*

Ngự đề Vũ đinh-mộng lại lương bất biện

● *PHÚ* 賦 *gồm 1 đề.*

Ngự đề xạ hổ phú.

● *CHÂM* 箴 *gồm 1 đề.*

Tứ châm.

● *TỤNG* 頌 *gồm 1 đề.*

Thị học tụng.

● *HÀNH TRẠNG* 行 狀 *gồm 1 đề*

Trần dã lão hành trạng.

● *HÀNH THUẬT* 行 述 *gồm 1 đề*

Hộ bộ Thượng thư Hồn công Thiện phũ hành thuật.

● *BI MINH* 碑 銘 *gồm 1 đề*

Thái-bảo cần chính điện đại học sĩ đức quốc công Phạm-trung-Nhã công mộ bi minh.

● *THI THẢO BỔ DI* 詩 艸 補 遺 *gồm 20 bài vịnh.*

● *MAI-LÂM NHỊ THẬP VỊNH* 梅 林 二 十 詠

Hải thượng cổ ốc — Cổ mai lâm cư — Cổ mông viên — Cổ sa tỉnh — Cổ Dung trì — Cổ tùng từ — Hy liêm thấp — Lương khê — Bờ-đào kinh — Tương tư tụ — Hoành kiều — Tứ sa — Thất sa — Quản điểu thương — Phô quê thương — Biên phắc thương — Lộ ty thương — Đàm tâm thương — Sài sa — Ba-lai hải tấn — Tây súy phô na vi ấn tiểu chiếu bất thành thi dĩ tự trào — Vô đề.

● *VĂN THẢO BỔ DI* 文 艸 補 遺 *gồm 4 bài.*

— Gia định xử sĩ Sùng-đức-Vũ tiên sinh bi minh.

— Thiên y thần nữ ký.

— Phụng bản tỉnh đốc Phan niết tam vị thỉnh vi tiên phụ lủy thư tinh thuật trạng.

— Di sớ.

*MAI CHƯỞNG-ĐỨC biên dịch*

# DỤ LỊCH TRẦN SỚ

## *(lời dụ về sớ trình bày)*

*Lương Khê văn thảo*, 91, tờ 22b — 30a

TÔ-NAM *dịch*

Kính tuân lời dụ điều trần về tình hình, cúi mong thánh thượng soi xét :

Nguyên tháng trước đây, kính vâng chỉ dụ dạy rằng : Cứ lời tấu báo của hai tỉnh Chiêm Ngãi (Bình Định, Quảng Ngãi), thì trong hạt đó bỗng phát ra chứng dịch-lệ, nhân dân bị chết cũng nhiều. Gần đây đã lại lan đến các tỉnh Quảng-Nam, Phú-An, Quảng-Trị, Quảng Bình, mà cả Thừa-Thiên cũng thấy loáng thoáng, lúc giảm lúc tăng, có cơ biến thành dịch-lệ.

(Tờ 22 b)

---

Trẫm coi lời tấu cảm thấy thương tâm sa lệ, đau xót vô cùng ! nên đã xuống dụ trích của trong kho, tìm đủ phương pháp, cấp phát thuốc thang điều trị ; và sức các quan địa phương, không kể gái trai già trẻ, đều phải gia tăng cứu giúp, chi phí của công sá kể hàng ngàn hàng vạn, chỉ mong cho dân sớm được bình an mà thôi.

Lại như đêm trước trẫm coi thiên-văn, thấy ở phương tây, địa phận sao Khuê sao Sâm, xuất hiện một luồng bạch khí (vệt trắng) ; hỏi viên Thái-sử cũng không phân biện nó là điềm gì ?

Nhưng lòng Trẫm đây, cảm thấy run sợ. Ôi! làm vua trị nước, phải gánh nhiệm vụ vô về. Chỉ vì trẫm đây đức mỏng. nên không đem lại được khí thái hòa, để cho các địa phương kia mắc phải lệ-khí. Hay là trời xanh xuất hiện điềm đó, cốt để cảnh tỉnh các vua đương thời, nên trẫm lấy làm lo nghĩ, mình tự trách mình, đâu dám coi thường việc đó.

Nhân thế trẫm lại nghĩ rằng : từ ngày kế vị đến nay, đêm ngày nơm nớp lo sợ, chẳng dám an nhàn.

(Tờ 23 a)

---

thường lấy tâm pháp của hoàng khảo (vua cha) làm tâm pháp mình. trị pháp của vua cha làm trị pháp mình, kính cẩn oai trời, theo đòi phép tổ, nuôi nấng triệu dân. vô về bốn cõi, thời cơ chính sự, chẳng dám nghỉ ngơi, triều đình còn nhiều các bậc tể phụ kỳ lão, mỗi khi có việc bỏi đến đều khuyên nên theo phép cũ, chớ đừng thay thế, nhìn sao dực-thất vẫn còn xán lạn trong khoảng 3 năm, phi tần trong cung, vẫn còn như lúc ở nơi tiềm-để (nhà riêng của thái tử), các thứ ăn mặc nhật dụng chẳng dám xa hoa, tổn phí một cách vô ích, và cũng chưa từng đặt ra cấp bậc trong cung ; Bên ngoài thì xe kiệu võng lọng, nghi vệ chẳng chút tăng gia ; Đến ngay biệt-quán li-cung, cũng phải tùy thời giảm bớt, chưa hề xây dựng lâu đài để cho hao tài tốn của. Gần đây gặp tiết hoa-triêu : (ngày sinh-nhật của hoa. tức ngày 15 tháng 2), trong cung có lệ mở tiệc, cũng bãi bỏ ngay,

(Tờ 23 b)

---

hàng ngày giữ mực thận trọng, thiết tưởng thần dân trong ngoài đều đã mắt thấy tai nghe, đâu phải là sự che đậy. Thế mà ngày nay, nhân dân gặp cơn tai biến ; Trẫm e về phần chính sự, hoặc giả thiếu sót điều chi ? hoặc giả về phần tu tỉnh trẫm cũng chưa đủ ? Thế thì ngay tự hôm nay, trẫm sẽ ngự triều ở điện một bên, để triệu đình thần vào đó thương nghị, ở trong nội-

cung các thứ dùng để thưởng ngoạn như châu báu v.v.; các đồ trang sức ở nơi ngự sở, như là gấm vóc hoa mĩ, đều dẹp đi hết, đồng thời trẫm lại bớt một bữa ăn, triệt bỏ âm nhạc, phóng sinh chim muông trong vườn ngự, đình chỉ những công tác chưa cần; Trong kinh thì sức cho các nha thuộc bộ hình, ở ngoài thì các quan lại địa phương, phải đem xử ngay tại chỗ: tội nhẹ thì chiếu theo tình lý, tha bổng cho về; Tội nặng cũng nên lấy lượng khoan hồng tra tấn, đừng làm liên lụy đến kẻ vô-cô (vô tội). Tóm lại, về việc hình án nên xử đoán mau, đừng để chậm trễ

Ngoài ra lại còn cho phép đình thần và các ngôn-quan (như ngự-sử và gián-quan); các viên Đốc, Phủ, Bố, Án ở các địa

(Tờ 24 a)

---

phương; hoặc giả tai nghe mắt thấy, chính sự lúc này sơ suất điều chi? nhân dân có sự oan ức khôn kêu đâu được? hì cho cứ thực trình bầy, uốn nắn lại chỗ sai lầm, đặng giúp những điều trẫm không nghĩ tới; mến sao ơn huệ thấm đến bá dân, mới mong kéo lại lòng trời, tai họa đổi ra điềm lành, dân nước yên vui, cùng hưởng hạnh phúc thăng bình mới được

Khâm thử

(Trên là lời dụ của Thiệu Trị)

Hạ thần nghe lời vàng ngọc, tha thiết bội phần. Hạ thần nghe nói: trong khoảng người đối với trời, rất là đáng sợ: chỗ thánh nhân ở gọi là ngôi trời, dân của thánh nhân trị, gọi là dân trời, đạo của thánh nhân gọi là đạo trời, đạo trời chẳng có chi khác, tức là tấm lòng của thánh nhân đó thôi; Tấm lòng ấy một khi động tác việc gì, nó đều thông cảm với trời, cho nên phải thận trọng với những cái không nhìn thấy, sợ hãi những điều không nghe thấy, tự chỗ kín đáo đến chỗ rõ rệt, tự bản thân mình mà thi thố với dân,

(Tờ 24 b)

---

chẳng một thời gian và một sự việc nào mà chẳng hợp với thiên lý. Có được như vậy, thì muôn dân mới được trông cậy vào đức sinh thành, rồi trời mới ban cho phước cả vậy.

Nhớ lại đức Thánh-tổ nhân-hoàng-đế ta, trong khoảng 21 năm trị vì, một lòng kính cẩn vỗ về muôn dân, đức lớn trời hiệp, ý nghĩ trời theo, mỗi khi một địa phương nào có sẩy ra tai hạn lụt, thì ngài bí mật khẩn cầu, nóng lòng sốt ruột, chẳng chút thảnh thơi, lập tức tai họa đổi ra điềm lành, năm ấy sẽ được bội thu, mà dân sung túc vui vẻ.

(Tờ 25 a)

---

Lại như mỗi khi có lễ trọng thể ở nhà thái-miếu, dẫu gặp vào tiết hàn vũ (mưa rét), mà khi đến giờ hành lễ, thì cũng tạnh ráo qua một thời gian. Coi đó đủ thấy tấm lòng thánh nhân thờ trời, với lòng con hiếu phụng thờ cha mẹ cũng như một vậy; Nghĩa là sẵn lòng kính cẩn lo sợ, mong sao cha mẹ đều được bả dạ vui vẻ mới thôi Cho nên bất cứ việc gì cũng lấy biểu quyết ở trời, như thể cầm vững một tờ khoán ước vậy.

Nay đức hoàng-thượng ta, thoạt mới nối ngôi, đã lo sợ đến việc trọng đại gian nan của tiền vương để lại, và chú tâm đến việc biểu dương công nghiệp của các bậc tiền thánh, một lòng kính sợ, rất mực hiếu thanh. Nên chi đương tiết mưa dầm ẩm thấp, mà ngày làm lễ đăng quang (lên ngôi), thì mây hồng sáng sủa, vừng đông hé mở điềm lành, muôn họ hoan hô, khen là thịnh hội.

(Tờ 25 b)

---

Quả thực, thiên tử xứng ngôi, trăm quan giữ phép, bờ cõi hưởng phúc, đất nước đội ơn, Gián-quan thì có tấm lụa ban khen, giảng thư cũng có tiền bạc khuyến khích, dân tình u uất đều được

thấu lên, năm thì được mùa, sông chẳng bị lụt, dân gian yên ổn, trộm cướp im hơi; Đó là nhờ đức hoàng thượng ta có tấm lòng thành đầy dãy, hiệp với vận trời, niềm cung kính mạnh mẽ, ngày mỗi mới thêm, để cho thượng-đế hài lòng, rồi điềm lành mới ban xuống đó.

Ngày nay, lệ-khí truyền nhiễm, phát xuất trong hạt Chiêm Ngãi; mà hiện tượng cảnh tỉnh thấy ở vị thứ sao Khuê sao Sâm, làm phiền cho hoàng thượng phải nhọc lòng lo nghĩ, mình tự trách mình, chẳng dám coi là sự việc ngẫu nhiên; Rồi giảm bữa ăn, bỏ âm nhạc, thanh toán nơi ngục thất, đình chỉ những công tác, tìm hỏi dân tình, trông mong sự uốn nắn của bá quan nội ngoại v.v...

(Tờ 26 a)

---

Coi đó đủ thấy tấm lòng kính trời yêu dân của hoàng thượng, chẳng một điều gì là không chu chí. So với vua Đường-Nghiêu (bên Tàu 2357 trước d.l.) ngày xưa khi gặp nạn lụt, bảo rằng: Trời cảnh cáo ta, thì cũng đồng một tâm pháp. Vậy theo ngu kiến của hạ thần thì sở dĩ xoay lại lòng trời để yên dân nước, cùng hưởng cảnh tượng thăng bình, thì chẳng cần tìm ở đâu xa, mà ngay ở điểm ấy cũng có thể được vậy.

(Dưới đây là phương pháp từ tai của Phan-Công)

Ngu thần trộm nghĩ: Lệ-khí phát sinh, thực bởi tấm lòng nhân ái của thượng đế, thần dẫu ngu muội, không hiểu được đại thể; Nhưng được sung chức luôn ở bên cạnh, nhận thấy hoàng thượng lo phiền, thì cũng chẳng dám cẩu an, ngày đêm suy nghĩ để tìm duyên cớ, thấy rằng: hoàng-thượng từ lúc kế vị đến nay, vẫn lấy tâm pháp trị pháp của Thánh-Tổ làm tâm pháp trị pháp cho mình. Như thế là cuộc trị bình đã nắm vững được then chốt rồi vậy.

(Tờ 26 b)

---

Trong triều thì các bậc đại thần kỳ lão kế tiếp điều trần, tưởng cũng đắc nhân rồi đó; ơn trạch ban ra tưởng cũng thấm nhuần khắp nước rồi đó. Thế mà ngày nay còn có lệ khí phát sinh, thì thực khó hiểu???

Hoặc giả trong nước đã trị an rồi, mà lòng kính cẩn lo toan của vua so với trước kia có phần sao nhãng đôi chút; Con đường can gián dẫu mở rộng đó, mà chỗ ẩn tình của dân hoặc khó để đạt lên trên; Chẩn cấp tuy đã hậu đấy, mà vẫn chưa khắp đến dưới đó chăng; Đại thần trình bày hoặc còn sao nhãng những nỗi sâu xa, mà các địa phương cũng chẳng lưu ý đến chỗ đời sống của dân, mà nó gây nên tai nạn thế chăng??? Chẳng thế thì sao tật dịch phát ở Nam-Kỳ vào khoảng tháng 4 tháng 5 năm ngoái, Bình-Định, Nam-Ngãi cũng bị truyền nhiễm vào khoảng tháng 10-11; Thế mà các

(Tờ 27 a)

---

tỉnh ấy hoặc tháng vừa rồi mới báo cáo lên; Có tỉnh đến nay cũng chưa thấy báo? Đối với việc ấy đâu phải nhỏ mọn mà dám coi thường như vậy, thì dẫu tấm lòng ưu-dân của vua chẳng lúc nào ngơi, mà nỗi tật khổ của dân thì làm thế nào để biết hết được. Việc gì cũng thế, lâu thành thói quen, há chẳng là điều rất đáng lo ngại.

Hạ thần nghĩ rằng: thượng đế rất mực nhân ái, đã gieo tai họa như thế mà người lại cứ dửng dưng, nên bất đắc dĩ lại phải hiện tượng (luồng khí trắng trong khoảng sao Khuê sao Sâm ở trên) rõ ràng để mà cảnh tỉnh đó sao?

Vả lại, những năm gần đây, vì có miền tây biển động, bờ cõi chẳng được an ninh, nhộn nhịp hưng binh, nhân dân ít được thoải mái; Gia dĩ có người thừa hành không tốt, đương lúc bình yên vô sự, gieo mối phẫn khích gây nên biến động; Có kẻ tham

những quấy nhiễu nhân dân; Lại cũng có kẻ không thương binh sĩ, để cho đến nỗi chết chóc cũng nhiều.

Hiện nay, từ tỉnh Bắc trực (phía bắc kinh đô) trở vào nam, số quân sĩ cũ chẳng còn bao nhiêu, mà số mới bổ sung..

(Tờ 27 .b)

---

phần đông là hạng trẻ tuổi, trận mạc chưa quen, khác gì chẳng huấn luyện dân mà bắt đi đánh dẹp vậy.

Lại còn một số quan lại không tốt, nhân lúc quốc gia hữu sự cho là dịp may. Những vụ giấy tờ bẩm báo, cùng là bắt lính đòi xâu, chẳng một việc gì chúng không tạ sự sách nhiễu hoặc làm khó dễ v. v... Cái thói xấu này ở xứ Nam-Kỳ là thậm tệ nhất; Vì dân xứ ấy sợ quan như cọp, nha lại mặc sức thay trắng đổ đen; Đôi khi có vụ kiện cáo, chỉ đến kêu ở huyện nha là nơi cùng tột, cũng như tỉnh khác đưa nhau đến Tam-pháp-ty. Hoặc giả khi có công vụ mà phải đến trước thượng ty dò xét tình hình sách nhiễu của bọn lại-tư (nha lại), thì các thượng-ty cũng chỉ hàm hồ che đậy, chẳng dám khai ra sự thực, cho nên nha lại mỗi ngày càng thêm giảo quyệt. nhân dân ngày thêm khốn cùng, lưu tán đi tha phương, rồi mà chúng vẫn trương lên bằng con số ma hết thiệt. Dẫu rằng trước đây, các quan Kinh-lược Tham-tán, kể đã mấy phen giãng bốn điều trần, nhưng cứ như chỗ hạ thần được biết, thì nó cũng chưa tả hết được 3-4 phần 10. Hạ thần e rằng phương pháp cứu chữa không mau, thì căn bệnh ấy càng lan ra mãi, mà cuộc phòng bị biên cương cũng không lấy gì để củng cố vậy.

(Tờ 28 b)

---

Nay lại có chứng dịch lệ, mà điềm bạch-khí thì ở Nam-Kỳ trông thấy trước tiên, và thấy được minh bạch, ngu-thần sợ rằng đó là phần lớn ứng vào địa hạt Nam Kỳ. Vậy đối với dân các

hạt cần phải gia tăng cấp cứu, mà mối lo của miền nam càng không thể sao nhãng được.

Thần lại nghe nói binh pháp có câu « Binh văn chuyết tốc, vị văn xảo cửu : Việc binh chỉ có vụng về trong mau lẹ chứ chưa nghe nói khôn khéo ở trong chầm chương » ; Nghĩa là mỗi ngày chi phí, dùng một cái đã hết ngàn vàng, tổn của hại người, chẳng còn việc chi hơn được. Thế mà liền năm chinh chiến, mệt mỏi lao đao, số chết phải bù, bù rồi lại chết ; biết đến bao giờ cục diện mới yên ? tai nạn của địa phương ấy chưa thể kết liễu trong thời gian một năm một tháng ; Vậy thì phương pháp đối phó, cũng sẽ kéo dài được mãi thế chăng ? Đó chính là cái ngày mà hoàng-thượng phải khoan ăn vội mặc, và các đại thần phải có mưu cao đem hiến, chứ không trì hoãn được nữa.

Bởi vì các đấng vương giả, hễ làm việc chi cũng phải đến

**(Tờ 28 b)**

---

chỗ vạn toàn, triều đình phải có phương pháp lập thành, đại thần phải có mưu mô hoàn bị, rồi sau gặp cơ hội tốt sẽ hành động ngay, thì chẳng việc gì là không thành tựu.

Mong rằng hoàng-thượng trong giờ phút nào rỗi rãi, cho triệu 53 vị đại thần kỳ lão, hỏi về quốc kế biên phòng, để các vị ấy bàn định xác đáng, công việc đến chỗ tận thiện, rồi sau hoàng-thượng tùy tâm quyết định, sẽ cho thi hành.

Hai là xin xuống một đạo dụ nói rõ là : Bên trong thì các đại thần ngôn quan ; địa phương bên ngoài thì các viên chức lớn phải nên đem hết trí nghĩ và mối chân tình trung quân ái quốc, đối với các điều lợi hại về đời sống của dân, không kể lớn nhỏ, không cần kiêng nể, đều phải bầy tỏ, không nên dấu giếm. Đạo dụ trên đây có mục đích để cho kẻ có tấm lòng chân thực và có chước lạ

**(Tờ 29 a)**

---

mưu cao, sẽ được cơ hội đạo đạt lên trên, thì bao nhiêu vụ hư thực ở chốn dân gian, và các quan lại ai hay ai dở đều soi thấu hết. Chừng ấy hoàng-thượng sẽ chọn điều tốt đem ra thi hành, còn bao điều dở thì sẽ bỏ đi, miễn sao cho những tình tệ của quan lại, phải được tảo thanh, quân sĩ phải có thực số, xóm làng ấm no yên ổn, biên phòng sẽ được vững chắc, rồi sau thế nước sẽ được tôn trọng lâu dài. Mong rằng hoàng-thượng tăng gia tấm lòng thành kính, đối với thượng đế chẳng phút nào sai, quan niệm an dân, trước sau như một, để mà hàn gắn cơ trời, đem lại trị bình xán lạn, thiết tưởng cũng không khó vậy.

Trên đây là do ý kiến nông cạn của kẻ ngu thần, không biết

(Tờ 29 b)

---

là phải hay quấy? Nhưng vì ý nghĩa hai chữ « vô ẩn » (thờ vua không nên giấu giếm điều gì), nên phải đem tấm lòng thành dâng lên để đức thánh minh soi xét.

Còn như hạ thần là kẻ bất tài, lạm dự vào hàng phụ tá, tự thấy không bổ ích gì. Thế mà khi trở về nam, đi qua các tỉnh, thấy rõ tình hình dịch lệ của dân, trong khi được triệu vào cung ban hỏi, lại không trình bầy rõ rệt, tội ấy thực không tránh được. Ngày nay trong khi viết sớ cảm thấy lo sợ vô cùng.

Nay cẩn tấu

(Tờ 30 A)

---

奏
遵諭擬陳事
奏為遵
諭擬情陳
奏仰祈
聖鑒本月前欽奉
上諭節據占義二省奏報轄下偶遭沴氣人民多有
病故等據南富治平等省又因之而傳染承天
府間有一二處寺亦發亦減驗是幾處疫氣既

(tr. 22 b)

奏朕覽見傷心落淚惻惻之至經已降諭交部多
方逐給藥餌療治再著地方官不論男女老幼
均優加給卹何當日因都中京萬金千惟冀吾民平
獲安好耳昨夜仰觀乾象于西方奎參之次見
有白氣一條詢之太史所奏這白氣未辨是何
氛於朕心更覺煉慄且夫君臨天下甦壬寵綏
臣于德涼致未能輒召
天和于茲有此地方偶遭癘氣況又
上蒼垂象儆省寺君惶汗焦勞引躬自責豈敢視為
適然乎因思子臨御來茲夙夜祇懼不敢荒寧

(tr. 23 a)

旦以前
皇考心法為心治法為治克謹
天戒克綏
祖武子育兆民撫綏方夏寺幾康政靡敢或違在廷
尚多碩輔耆臣凡事詢同每以率由
舊章慎守勿替即黑寔五年楚楚如也內而宮庭服御
尚如習府之寺服飾日用不得奢靡務節損費
無華未曾設置宮階外而鑾輿衛儀仗無所增加
猶至別館離宮隨寺省減何曾營建動費工料
之煩近日如考朝佳節即宮中例有賞賚鄭沐郎停

(tr. 23 b)

罷慎一日兢業自持諒中外臣庶在所聽聞
弟有從自文飾也今乃似此災癘彌興憂懼寺
政闕失之或多條省特躬之或藏茲著從今日
為始於御倒殿召對臣工商辦庶務凡宮中裝
飾玩及進御錦繡文綺均行停止織廢
樂放上苑之獸禽罷不急之工作再著在京衙
刑之衙門在外諸地方官吏各照所在刑獄
者平情準理照案發落重者姑且量寬輕
得波及無辜株連重叉別各行清理刑獄毋稍
滯淹并延臣並有宮地方之督撫布政凡有所

(tr. 24 a)

見聞式寺政之有關夫民隱從以上聞者準援
寔直陳縷悉以計謀以匡不逮務要惠及下民庶 (tr 24b)
得仰回
天力而轉災為祥國泰民康共享昇平之來既是可
欽此臣拜聆
玉諭告切惡恍臣聞天人相與之際甚可畏也聖人
所居之位則日天位所莅之民則日天民所行
之道則日天道天道非他在聖人之心而已是
心也凡有動作者與天通故戒慎乎其所不覩
恐懼乎其所不聞自微而至於著自身而加諸

民無一寺一事而不與天合斯則萬民仰其生
成而在天降以純嘏者也欽惟我
聖祖仁皇帝在御二十一年之間兢業一心撫育萬
姓德與
天協神動
天隨維寺地方一有水旱偏災即
聖躬為之宵旰
聖懷為之焦急不少自寧還見轉災為祥歲
則大有熟而民則富樂矣又每遇
(郊 (tr 25a)

廟大祀雖寒雨寺候到
行禮寺亦即暫寺停息仰見
聖人事
天之心與孝子事親一般夔夔齋栗期於底豫而後
已故能事事皆取必於天如執左契也恭惟我
皇上方初嗣統凛遺大投艱之懼殷殷
光揚烈之思實畏一心
孝誠懇至寺經句苦雨丐於
登光之日塲霞爽彩韶旭開祥萬姓歡呼稱傳盛
會維寺 (tr 25b)

聖德當陽肇宮承式昭挺崇
福宙合戴
功至於寺宮有東阜之芝封事有絲絲之旌幽隱之
清無不上達年豐河順益弼民安是皆仰賴我
皇上體豐豐之誠與
天同運乾乾之敬惟日又新用能克當
天心而嘉禎寺至也乃茲沴氣傳染出於占義之間
玄象垂警見於奎婁之次動煩
宸慮焦勞引躬自責而不敢視為適然戚勝撤樂
清獄停工求閼隱於臣工望斜匡於牧伯臣於
(tr 25a)

此有以仰見我
皇上敬
天愛民之心無所不用其至撫之水旱饑寒子民以自
責者同一心法臣愚以為所以回
天安民而共享升平之景貺者不待他求而即此可
得之矣臣竊思災沴之作實惟
天心仁愛臣愚不達大體日克陪侍覲見
聖懷勞瘁不敢自安寤寐思惟仰承其故奉自
臨御來茲亘以
聖祖心法為心治法為治與平致理得其要矣在廷 (tr.26b)

商確碩輔耆臣先後疏附有其人矣
鴻恩覃於普率
閭澤遍於寰海纖矣而今猶有似此災沴者以臣愚之
未解所以或者已治已安
聖心低攬偵或稍懈於旦晝寺言路開矣而諸或難上達
蠲赦厚矣而
澤或未下究大臣啟沃或忘長慮卻顧之恩而在外
地方亦不以民生利病為意而然歟何乃疾疫
之作軍圻則始於去年四五月間平定軍義亦
於十月十一月傳染而各省或於月前始行報 (tr.27a)

到或經今尚未報到此豈細事而均以尋常視
之雖奉
皇上憂民之心無時或忘慎而民間疾苦何以盡知事
事如此積以為常豈不深可慮乎竊意
上蒼仁愛之至以為災沴如此熊人以聞不得已復
以昭顯象
示之爺詔旨書省而已近年因以西陲有事邊圉未寧
師旅數興民生窘蹙加以奉行無狀擾事繁興
者有之賦役煩民者有之且又不能為發美且士卒
以致死亡者多現茲北徙以寧疆兵無幾新指真 (tr.27b)

者率多卯小行陣未諳此不教民戰也又有不
肖吏胥專以有事為幸凡文書寅未報催兵撤兇
無不藉事索勒留難此等弊風軍圻為甚軍圻
之民最畏官吏百般索詐惟吏所為間有詞訟
控到縣衙已為極等譬則別省尊為控三法無異
其或有公事前赴上司察問吏役擾害情形他
郎含糊遮蔽不敢出口以故吏日以驕民日以
窮流散者徒張虛數前日經略參贊諸大臣節
以所陳以臣所聞猶未盡十之三四也深恐謂
覈不悉則疲病愈滋而邊鄙之防無以固也茲 (tr.28a)

復有此災沴而此次班師先自南圻見之且惟
南圻見得明白臣愚恐此或多應在南圻今上
日令各轄之民正當厚加撫恤而南顧之慮尤
未可釋然忘懷也夫兵間拙速未聞巧久一日
之費動致千金傷財害人莫斯為甚而連年征
勦徵發疲勞死者復埋埋者復死事無定局將 (tr. 28b)
何已乎若此方之患未可以歲月了則應之之
道亦可長如此乎此正
皇上宵衣旰食之秋而諸大臣所當遠猷長告之不
可緩也夫王者之事動在萬全要
廟堂有成算而帷幄有完謀然後因利以動則事無
不立矣惟願
皇上於萬幾之暇寺
宣入三五碩輔老宿臣 令兵相與講畫一一商確務在盡
善然後裁自
聖心斷而行之再請
申諭內而廷臣言官外而地方大吏嗣當盡思竭智
率以忠愛至情凡民生利病事無大小不拘忌
諱皆得盡言無隱俾有忱悃者得達有良猷者 (tr. 29a)

或合與聞之背偽知無不過而百官之賢否盡在
於
洞燭之下矣
皇上擇其可者而行之其不可者置之務期安民靖
清兵習宜用閭閻恬養寬邊防壯國而 (tr. 29b)
國勢於永永尊安光願我
皇上加不已之誠務緝熙之敬 敬
天之心無寺或弛安民之念終始如一於以彌綸大
化光昭郅治惟在
皇上一心行之想非難也臣粗淺之見未知是否有
當深惟無隱之義率以芹曝愚誠冒昧縷陳仰
懇
聖慈洞鑒至如臣以樂能濫陪班列既屬無所裨補
乃南因之日途經各省知有民人疾度情形以
得奏
召對曾不以事
奏明寔屬無所逃罪臣臨疏不勝戰慄之至謹
奏 (tr. 30a)

# GIA-ĐỊNH XỬ SĨ SÙNG ĐỨC

# VÕ TIÊN SINH BI MINH

(*Lương Khê Thi Thảo*, phần Văn Thảo bổ di, tờ 1a - 3a)

TÔ-NAM *dịch*

Than ôi! Đạo học của ngàn vị thánh nhân dẫu đồng nhau, nhưng vì sự hiểu biết của mắt thấy tai nghe có khác nhau, cho nên đi đến chỗ thành công thực khó vậy.

Huống chi người nay bẩm sinh không được như thánh nhân, không gặp bực hiền nhân, chỉ sở đắc ở khoảng lơ mơ xa thẳm, mà xây dựng cái gì rộng lớn như mặt trời mặt trăng và sông biển, thì nỗi khó chẳng những gấp 10 gấp 100 hay là ngàn vạn lần. Hỏi có khác chi là đo bóng núi để trầm tư, trông lèn sao đẩu ở trời nam mà theo dõi; đối với xử-sĩ Gia-định Võ Tiên-sinh cũng bởi thế mà ta phải luôn luôn nhắc nhở đến vậy

Tiên-sinh họ Võ, tên húy là Trường-Toản, tiên tổ xưa, có người bảo rằng quê ở huyện Thanh-Kệ, quận Quảng-Đức; Có người lại bảo ở huyện Bình-Dương tỉnh Gia-Định; Như vậy thì nguồn gốc tự đâu cũng chưa được rõ.

Tiên-sinh là người, hành vi trịnh trọng, học nghiệp hiểu thấu sâu xa; Khi gặp cuộc loạn Tây-Sơn, thì ông ẩn cư để dạy học, học trò lúc nào cũng có đến mấy trăm người, mà Ngô Tòng-Chu là hạng học trò giỏi nhất, thứ nữa thì các danh sĩ như Trịnh hoài-

(Tờ 1 a)

(1) *Tứ-Tử-Thư* là 4 bộ sách của các học phái đời Xuân-Thu Chiến-quốc soạn ra. Trong có Binh pháp Lịch-pháp, Thiên-văn, Ngũ-Hành v.v...

Đức, Phạm Ngọc-Uẩn, Lê quang-Định, Lê bá-Phẩm, Ngô công-Tĩnh v.v..., và Chiêu-Túc Dật-nhân; Còn ngoài ra thì khôn xiết kể. Các vị danh sĩ ấy cảm vì gió mây gặp hội ra làm hiền tá cho đời trung-hưng (đời Gia-Long); hoặc có ông thì tự giết mình để thành điều nhân; hoặc quên mình để tròn chữ tiết, ông nào cũng công trạng chói lọi ở đời.

Trong thời vua Thế-tổ Cao-hoàng-đế ta (Gia Long), còn ngự trị ở thành Gia-Định thường được triệu vào trong cung để hỏi việc nước. Lại nghe nói Tiên-sinh là người học suốt các kinh sách, lại sở trường riêng bộ *Tứ-Tử-Thư*.

Dật-Nhân này chỉ theo học ở nơi Tiên-sinh, biết được cái nghĩa « Tri-ngôn dưỡng-khí » ở trong sách Mạnh-Tử, từng được thấy sách của Tiên-sinh còn sót lại như tập *Đại-Học* gồm có 1700 chữ, chia tan nó ra thì có vô số sự vật, thế mà thâu gọn lại chỉ 200 chữ; thâu lại lần nữa, thì một chữ cũng chẳng còn???

Ôi! Cái học của Tiên-sinh thực đã tới chỗ rộng lớn mà lại thêm phần tinh tế lắm thay; Dẫu chỉ do đó mà bàn luận đến ngàn vạn kinh sách cũng vẫn được vậy.

Tiên-sinh không ra làm quan, nên không thấy rõ sự nghiệp-Nhưng từ khi Tiên-sinh...

(Tờ 1 b)

---

đem nghĩa lý làm môn dạy học, thì không những lúc ấy hun đúc được lắm nhân tài, mà phần nghệ thuật được trau giồi, cho tới ngày nay, nhân dân Lục-tỉnh, cảm phát tấm lòng trung nghĩa, phấn khởi quên mình. Vẫn biết điều đó là do ngày nay triều đình đã đem ân trạch sâu rộng để cố kết nhân tâm. Nhưng mà biết đâu nó lại chẳng phải nhờ sự giảng dụ từ trước để lại, cho nên mới được như thế vậy.

Rồi ngày mồng 9 tháng 6, năm nhâm-tý trước tiên sinh đau nặng, thay rải (đệm) giường (1) xong thì sao bỉn mạnh bị chìm (mất), hoàng thượng vô cùng thương tiếc, ban cho danh hiệu « Gia-Định Xử-Sĩ Sùng-Đức Võ Tiên-Sinh», khắc bia dựng trước mộ. Rồi sau thời đại-định (vua Gia-Long nhất thống), thì các vị đều ở rải rác mọi nơi, không ai biểu dương lên được. Mãi đến thời Tự-Đức năm thứ 5 mới có chiếu chỉ cho được lập phường để biểu dương ở địa phận thôn Hòa-Hưng, huyện Bình-Dương, mọi người mới xây đền và đặt tự điền để cung ứng vào việc tế tự hàng năm. Gần đây trải qua mấy cuộc binh hỏa, đền miếu biến thành gò đống hoang vu, phần mộ để lâu sợ khó tồn tại, bèn cùng với quan Đốc-học Vĩnh-Long tức người đồng quận tên là Nguyễn-Thông, hiệp với thân sĩ

(Tờ 2 a)

---

bàn việc thiên đi nơi khác; rồi thông tri cho quan Hiến-sứ (Án-sát) tỉnh An-Giang là Phạm-hữu-Chính họp với thân sĩ Hà-Tiên, ủy cho viên Tú-tài là Võ Gia-Hội hiệp cùng chức dịch thôn Hòa-Hưng, cùng khai huyệt lên, bỏ đồ liệm cũ, thay quan quách mới, rồi mọi người đồng thanh cử quan Học-chánh Nguyễn-Thông đứng làm chủ tang, áo mũ tang theo đúng lễ đám ma thầy học, sắm sửa xong các thứ, rồi ấn định vào ngày 28 tháng 3 năm nay, thì rước linh cữu về an táng tại cái gò đất ở thôn Bảo-Thạnh, huyện Bảo-An; Lại đem di hài Đức-phối Thục-Thận Nhụ-nhân (vợ) hợp táng và di hài con gái nhỏ cũng được tùng táng tại đó. Mộ này đầu đặt hướng dần (đông) trông về hướng chữ thân (tây), gồm cả chữ giáp canh (theo trong địa-bàn phân kim của nhà địa-lý) lưng thì tựa vào đống cao mà trông ra rừng cây thưa thớt, xa thẳm mà âm u, có một cảnh

---

(1) *Dịch-trích*: đổi cái đệm. *Lễ-Ký* chép: Thầy Tăng-Tử lúc đau nặng, bảo người nhà thay cái đệm đương nằm, vì cái đệm ấy của quan Đại-phu mới được dùng. mà thầy không làm quan, nên bắt phải bỏ ra, xong thì thầy tắt thở, về sau hay dùng điển này để nói khi thầy-học chết.

trí đặc biệt; Trước mộ độ 10 trượng (40 ms) có đền thờ, trước đền 7 trượng có dựng phường (cổng làng).

Công việc trên đây, ở tỉnh thì các thân bằng, các hạt phủ huyện thì các viên giáo-thụ huấn-đạo, sĩ tử, cùng với thân sĩ 2 tỉnh An-Giang Hà-Tiên và nhân sĩ 3 tỉnh Gia-định cư ngụ tại đó cũng tới dự Công việc cát-táng (hốt mã) xong, bèn giâng biểu xin được biểu dương như trước, và xin cho 5 người phu coi mộ cùng 1 phu-

(Tờ 2 b)

---

trưởng để trông nom quét tước. Vì sợ thời thế đổi dời, người ở đời sau không còn nơi để chiêm ngưỡng (trông lên), vậy xin kính thuật lại công việc và làm bài minh như sau.

## Minh rằng:

*Tốt thay Tiên-sanh, thâm thúy học hành.*
*Kín đáo giữ gìn, Tư chất anh minh.*
*Chuông lớn tùy gõ, Vang dội âm thanh.*
*Vạch sẵn đường lối, dòng đất hậu học,*
*Dùi mài tới lúc, tuổi cả càng đúc,*
*Dàn sót Hà Phần, (2) Dấu xưa Động-Lộc (3)*
*Sùng-Đức tiếng thơm, Giữ bền thiên tước*

(Tờ 3 a)

---

(2) *Hà Phần:* Đời nhà Tùy bên Tàu có Vương-Thông không ra làm quan, mở trường ở khoảng sông Hà-Phần, có mấy ngàn người theo học, đều thành tài làm đến chức tể phụ. Thời ấy gọi là Hà-phần môn hạ Xem *Từ-Hải* bộ Vương mục Vương-Thông.

(3) *Lộc-động tức hang Bạch-Lộc*, Lý Bột đời nhà Đường ẩn cư tại đó, thường nuôi hươu nai trắng để làm vui, nên gọi tên ấy. Xem *Từ-Hải* bộ Bạch, mục Bạch-lộc động sẽ rõ,

## Phiên âm:

### Gia-định xử-sĩ Sùng-đức Võ tiên sinh bi minh

Phù thiên thánh chi đạo tuy đồng; kiến văn chi tri hữu dị, thành công sở dĩ nan dã. Huống hồ: Sinh bất cập thánh, thân bất cập hiền, đắc chi yên vi u viễn chi gian, nhi kiến chi nhật nguyệt giang hà chi đại, tắc kỳ nan cố bất thập bách nhi thiên vạn dã tai Ảnh nhạc biểu dĩ ngưng tư, vọng đẩu nam nhi hà xí ư Gia-định Võ tiên-sinh cái hữu quyền quyền yên.

Tiên-sinh tánh Võ, húy Trường-Toản, tiên thế hoặc vân Quảng-đức chi Thanh-Kê nhân; Hoặc văn Gia-định chi Bình-Dương nhân, kỳ uyên nguyên sở tự mĩ đắc nhi tường. Tiên-sinh tiễn lý đốc hạnh, thuật nghiệp thâm thông; Trị Tây-Sơn chi loạn ẩn cư thụ đồ thường số bách nhân, Ngô-công Tòng-Chu kỳ cao đệ dã, Kỳ thứ tắc Trịnh-Công Hoài-Đức, Phạm-công Ngọc Uẩn; Lê-công Quang-Định; Lê-công

(Tờ 1 b)

---

Bá-Phẩm; Ngô-Công Tĩnh đẳng danh sĩ, tắc Chiêu túc dật-nhân dư bất năng cánh số. Chư công cảm hội phong vân, xuất vi trung-hưng hiền tá; Hoặc sát thân dĩ thành nhân; hoặc phỉ cung dĩ hiệu tiết, giai hữu công nghiệp biểu hiện ư thế, Phụng thế-Tổ Cao-hoàng đế (Gia-Long) ngự Gia-định thời, lũ mông triệu đối; Hựu văn tiên sinh bác quán quần kinh, vưu trường Tứ-tư thư nhất bộ Dật-Nhân (Chiêu Túc) học duy tòng Tiên-sinh thụ tri-ngôn dưỡng-khí chi nghĩa, tằng kiến tiên-sinh di thư Đại-Học thiên thất bách tự, tán chi vô số sự vật, thâu chi chỉ nhị bách tự; hựu thâu chi tắc nhất tự tính vô. Y! Tiên-sinh chi học trí kỳ đại nhi tinh chi giả dã; Tuy dĩ chi thuyết thiên vạn kinh khả dã. Tiên sinh bất sĩ kỳ sự nghiệp bất đắc khái kiến, tự tiên...

(Tờ 2 a)

---

sinh dĩ nghĩa lý chi học vi giáo, phi duy đương thời đào dục đắc hứa đa nhân tài, nhi nghệ thuật giảng ma chi kim lục-tỉnh chi dân trung nghĩa cảm phát, phẫn bất cố thân; Tuy dĩ thâm nhân hậu trạch, cố kết nhân tâm, dung phê khai dụ hữu sở tự lại nhi năng như thị hồ.

Tiền nhâm tí niên lục nguyệt sơ cửu nhật dịch trích (1), đại tinh cáo vấn thần tâm chấn điệu, khâm mông tứ hiệu « Gia-định xử-sĩ Sùng-đức Võ tiên sinh », Chí ư mộ; Đại định chi hậu, chư công tẩm dĩ linh tán, vô dĩ biểu dương; Tự-Đức ngũ niên, khâm phụng chỉ chuẩn; tức vu Bình-Dương huyện, Hòa-Hưng thôn phận, kiến phường tinh biểu, đồng nhân vị kiến từ trí điển dĩ cung thời tiết tự sự. Cận nhân bình tiền cúc vi hoang khư, Cố phần cửu lưu diệc lự bất tiện, tiện dữ lãnh Vĩnh-Long đốc-học đồng quận Nguyễn-Thông hội thân sĩ mưu thiên chi,

(Tờ 2 b)

---

thông tri An-Giang hiến-sứ Phạm hữu-Chính; cập Hà-Tiên tỉnh giai hội; Nhưng ủy tú-tài Võ Gia-Hội đẳng, đồng Hòa-Hưng thôn-mục đẳng cẩn hành khai phần, cố liễm canh dĩ tân quan. Đồng nhân nghị dĩ Học-sứ Nguyễn-Thông chủ tang sự; Kỳ phục chế phỏng cổ táng sư lễ, tang cụ ký bi, dĩ kim niên quyên ư tam nguyệt nhị thập bát nhật an thổ vu Bảo-An huyện, Bảo-Thịnh thôn chi khư; dĩ đức phối thục thận chi nhũ nhân hợp táng, Âu-nữ tòng táng, thử địa tọa dần hướng thân kiêm giáp canh, ỷ Sùng-cương nhi diểu Sơ-việt, đối diện huyền viễn nhi u tú, thù hữu giai trĩ, mộ tiền thập trượng kiến từ, từ tiền thất trượng kiến phương. Thị cử dã, tại tỉnh thân bằng, hạt bạ phủ huyện giáo huấn sĩ tử; dữ An-Hà nhị tỉnh thân sĩ, Gia-Định tam tỉnh nhân sĩ chi lưu ngụ giả hàm dự yên. Cát táng sự thoan, nhiếp thỉnh nhưng

(Tờ 3 a)

---

cựu tinh biểu; hựu thỉnh mộ dân ngũ danh, phu trưởng nhất danh bị thủ hộ tảo trừ yên Khủng thế viễn thời di, hậu chi nhân vô sở chiêm thức; Cẩn thuật kỳ sự nhi vi chi minh.

## Minh viết

*Ô hưu tiên sinh,* *Thúy học đốc hành.* *Thao quang ẩn diệu,*
*Vặc đĩnh tiềm anh.* *Cự chung tùy khấu,* *Hốt phát đại minh.*
*Thị ngã chu hàng,* *Xỉ bỉ hậu giác.* *Toàn ngưỡng chung thân,*
*Lão nhi di xác,* *Hà phần di thứ,* *Lộc-Động khổ trác.*
*Sùng-đức di vinh,* *Tuân bảo thiên tước.*

# TÂN - GIA - BA
# TRÚC CHI TỪ

*Lương Khê Thi Thảo*, 9-10, tờ 2a - 2b.

(*Nguyên Đờ-Bà địa, Kim vi Hồng-mao sở cứ*)

(原 閘 閥 地 今 爲 紅 毛 所 據)

Gia-ba tự thượng phô tằng tằng
嘉 波 嶼 上 舖 層 層
Gia ba tự hạ thủy trùng trùng
嘉 波 嶼 下 水 澄 澄
Mặc kiểm tống lai tiểu cù liệp
墨 臉 送 來 小 蚪 鼤
Câu Chân chân đáo Cập Phì Tăng
俱 眞 眞 到 及 肥 僧

*Thuyền đáo cảng phát pháo tấn thượng bả thủy tức sai tiểu*
船 到 港 發 礮 汎 上 把 水 即 差 小
*chu vãng thuyền vấn minh lai lịch Dương nhân hô bản quốc vi câu*
舟 往 船 問 明 來 歷 洋 人 呼 本 國 爲 俱
*Chân chân hô thuyền trưởng vi Cập Phì tăng hô tiểu chu vi Cù*
眞 眞 呼 船 長 爲 及 肥 僧 呼 小 舟 爲 蚪
*liệp Cập Phì tăng Thanh nhân thư vi giáp tất sách* (1).
鼤 及 肥 僧 清 人 書 爲 甲 必 册

(*) Tác giả sáng tác vào dịp đi sứ Tân gia Ba, dùng nhiều «từ ngữ phiên âm» rất khó hiểu.

(1) Chữ đan 丹 mới đúng.

Phì-tăng lai hóa cánh như hà
肥僧來貨更如何

Nhược hoàn yêu văng giang lưu ba
若還要往江流波

Lưu ba sa đường tối khinh tiện
流波沙糖最輕賤

Thử xứ sạ đường đa Tiêm la
此處沙糖多暹羅

Tiêm-la thanh khách mãn tiền than
暹羅清客滿前灘

Hắc điệt hồng hôi cù liệp bàn
黑蛭紅灰蚪鼜搬

Hội sứ cù liệp Đồ-bà tử
會使蚪鼜闍婆子

Trương phàm tiếu ngạo khinh ba lan
張帆笑傲輕波瀾

●

Ba-lan tùng lý sáp sào khỏa
波瀾叢裡插巢窠

Hải nhật khê đầu bái nhật hoa
每日溪頭拜日華

Đồ ba tù-trưởng yêu vi khoát
闍陁酋長腰圍濶

Tọa dữ Hồng mao Tân-gia-ba
坐與紅毛新嘉波

●

Chu xa bạch mã mãn nhai cù
珠車白馬滿街衢

Lục hộ ngân tường xứ xứ lâu
綠戶銀墻處處樓

Thanh-tình diệm tỳ phong lưu thậm
青睛剡鼻風流甚

Thân ủng kim mâu dạ xuất du
親擁金眸夜出遊

Dịch

## BÀI TỪ VỀ TÂN-GIA-BA THEO THỂ TRÚC-CHI

*(Nguyên là đất Đờ Bà, nay bị nước Hồng Mao (1) chiếm cứ.)*

Gia Ba trên đảo phố trùng trùng
Gia Ba dưới đảo nước linh lung
Mặt đen dẫn đến tên Cù Lạp
Cùng tên Chân Chân với Phì Tăng

*(Thuyền đến bến có bắn đại bác, trên đồn người trấn thủ lập tức phái chiếc thuyền nhỏ xuống hỏi rõ lai lịch. Người Tây gọi nước họ là Câu Chân Chân, gọi thuyền trưởng là Cập phì Tăng (2), thuyền nhỏ là Cù liệp Cập phì Tăng. Người Tàu viết là giáp tất đan (3))*

Phì Tăng đem đến thứ chi mà
Lại toan tới đảo Tân gia-ba
Đường cát giang ba rẻ như bùn
Sản xuất nhiều hơn cả Tiêm La

Tiêm la tiệm khách đầy trên bến
« Điả đen than đỏ » rầu sồm khuân
Sai khiến bọn râu sồm Đờ-ba.
Dương buồm ngạo nghễ với phong ba.

Phong ba giữa quảng cấm căn nhà,
Khẩn vái mặt trời lúc ló ra
Tổng Đốc Đờ bà phệ bụng thúng!
Cai trị Hồng Mao Tân Gia Ba

Đầy đường ngựa trắng xe châu
Cửa sơn tường bạc nhà lầu khắp nơi.
Phong lưu mặt mũi xanh tươi.
Đêm đêm dòng dắt dạo chơi vui vầy.

---

(1) Nước Anh
(2) Captain: thuyền trưởng
(3) Thuyền trưởng.

# XUẤT DƯƠNG

*Lương Khê Thi Thảo*, 9-10, tờ 2a ■

Kinh Đồng Hà-Hải ông bạc tấn Hiệp thủ
經 同 何 海 翁 泊 汎 協 守

Trần Đình Tiến quan xá trấn Bắc thành nhân
陳 廷 進 官 舍 陳 北 城 人

Hồng đào phách ngạn lai
洪 濤 拍 岸 來

Thế nhược khuynh hằng họa
勢 若 傾 亘 鑿

Thừa phong nhất giải lãm
乘 風 一 解 纜

Trực tự tả hạp hạ
直 似 瀉 峽 下

Đảo khan sa thượng thụ
倒 看 沙 上 樹

Tịch dương thiên chi á
夕 陽 千 枝 亞

Nhất mạt tẩu sa đôi
一 抹 走 沙 堆

Kỷ điểm lạc mao xá
幾 點 落 茅 舍

Thương minh hà hống đỗng
滄 溟 何 烘 洞

Kích lãng hốt như phá
激 浪 忽 如 破

Trung lưu hoảng hồi vọng
中 流 怳 回 望

Quần sơn hướng thủy ngọa
羣 山 向 水 臥

Tuy phi cố lý lư
雖 非 故 里 閭

Nhất nguyệt bàng tang giá
一 月 傍 桑 蔗

Giao tình vô cựu thâm
交 情 無 舊 深

Tương đắc khởi thân trá
相 得 豈 親 奓

Biệt hậu không cảnh cảnh
別 後 空 耿 耿

Tinh nguyệt mãn trung dạ
星 月 滿 中 夜

*Thì Minh-Mệnh thập tam niên, chính*
寺 明 命 十 三 年 正

*Nguyệt, sơ tứ nhật xuất dương*
月 初 四 日 出 洋

## Dịch

(Đi cùng chuyến thuyền với ông Hà Hải đến công đường quan Hiệp Thủ Trần Đình Tiến, người ở Bắc Thành).

Sóng cả vỗ tràn bờ,
Thế mạnh nghiêng non Họa,

Bắt gió thoạt cởi neo
Chạy như trời giáng hạ!
Nhìn lại cây trên bải
Bóng chiều cây trắng xóa.
Một con bơn chạy dải
Lác đác dăm nhà lá,
Cuồn cuộn lại mông lung
Sóng còn như đánh phá.
Dãy núi thoáng nhìn về
Như ngủ trong biển cả.
Dẫu khác làng xóm xưa
Dẫu gai ngày bận bã
Bạn bè ai cố cựu
Được cùng ai hể hả
Sau khi từ biệt đây
Trông sao lòng nhắc nhở.

*Xuất dương vào thời Minh Mạng 13 tháng 1 ngày 4.*

*HÃNG BÔNG*

**COBOVINA**

**BẠCH TUYẾT**

SẢN XUẤT BÔNG, BĂNG, GẠC

*148/1 Nguyễn Minh Chiếu* *Tân Sơn Nhứt*

# QUÁ CÔN-LÔN

(*Lương Khê Thi Thảo, quyển 10 tờ 13a*)

Cửu thuyết Côn-lôn đảo
久 說 崑 崙 島
Cô chu kim thủy hoàn
孤 舟 今 始 還
Nhãn cùng thương hải khoát
眼 窮 滄 海 濶
Tâm đáo bích sơn gian
心 到 碧 山 間
Kê khuyển thâm lâm lý
鷄 犬 深 林 裡
Yên ba cách thế gian
烟 波 隔 世 間
Du du hồ hải khách
悠 悠 湖 海 客
Vãng phủ hữu tương quan
曾 否 有 相 關

**Dịch :** Qua đảo Côn Lôn
Côn Lôn nghe nói tự lâu.
Con thuyền cô độc buổi đầu lướt qua.
Trông vời biển rộng bao la.
Non xanh gửi tấm lòng ta những ngày.
Muông gà trong khoảng rừng cây,
Thế gian ngăn cách, khói mây chập trùng.
Hỏi người hồ hải mông lung,
Có tương quan với non sông thế nào?

# DI SƠ

*Lương Khê Thi Thảo*, văn thảo bổ di

TÔ-NAM *dịch*

Tâu về việc: Cúi bầy mối tình ngu muội, trông lên lượng thánh xét soi

Ngày nay thời gặp vận bĩ, tai quái nổi trong đô thành Khí độc tràn khắp bờ cõi, tình thế Nam-Kỳ đến đây có cơ đổ vỡ lần lần mà không cản nổi! Bổn phận của thần là phải nên chết, chẳng dám mong sống một cách tạm bợ để cho *vua* phải chịu hổ thẹn vì mình. May nhờ Hoàng thượng là bậc thông suốt đường lối xưa nay, xét cùng nguồn gốc trị loạn; các bậc thân hiền, bên trong bên ngoài, đồng lòng giúp đỡ, kính cẩn đối với oai trời, vỗ về dân chúng, tính sau lo trước, thay lối đổi đường, xét ra thế lực vẫn còn có thể làm được. Riêng thần trước khi tắt hết hơi thở cuối cùng, nghẹn ngào chẳng biết nói chi, mà chỉ nuốt lệ để tỏ tình quyến luyến trông mong thôi vậy.

Cẩn tấu.

**Âm:**

## DI SỚ

(*Lương Khê thi thảo*, Văn thảo bổ di)

Tấu vì phủ lịch ngu tình, ngưỡng kỳ duệ giám sự: Tư thì tao dan bĩ, hung xũ khí ư giao điện, phần tẩm bạo ư biên ngữ, Nam Kỳ cương sự nhất chí ư thử, xâm xâm hồ hữu bất khả ắt chi thế. Thần nghĩa đương tử bất cảm cẩn hoạt dĩ di quân phụ chi tu Hạnh lại ngã Hoàng thượng, bác đạt cổ kim, thâm cứu trị loạn, trung ngoại thân hiền, đồng tâm hiệp tán, khắc ẩn thiên cảnh, phủ tuất nhân cùng, lự thủy đồ chung, canh huyền dịch, triệt thế lực do hữu khả vi, Thần lâm tuyệt ngạnh tắc bất tri sở vân; Sản tuyết thế chiêm luyến bất thăng nguyện vọng nhi dĩ

Cẩn tấu.

# LỜI CÂY LIỄU

## MỘT ÁNG THƠ ĐƯỢC PHAN THANH-GIẢN TRÂN-TRỌNG : *Dương-liễu từ* CỦA LÊ BÍCH-NGÔ *

*MỘNG-TUYẾT Thất tiểu muội kể chuyện và dịch thơ*

Cuối triều Nguyễn, ở Lục-tỉnh có một nhân vật mà chúng ta ai ai cũng đều biết tiếng, cũng đều nghe nhắc đến luôn là Phan Thanh-Giản. Nhân-vật đó là một bậc Nho-tướng Nho-thần mà sự-nghiệp chính-trị và sự-nghiệp văn-chương đã được ghi nhiều trong lịch-sử.

Chung quanh nhân-vật đó, đã có nhiều giai-thoại. Đời còn truyền giai-thoại về một án văn-chương.

Phan Thanh-Giản có một người bạn rất thân là Lê Bích-Ngô mà có lẽ trong bọn hậu-bối chúng ta ít có người được biết. Chúng ta ít biết là phải, bởi vì Lê Bích-Ngô là một nhà ẩn-dật thanh-nhàn, không đi thi mà cũng chẳng làm quan, trong lúc Phan Thanh-Giản lấy việc giúp nước trị dân là một phận-sự, là một món nợ mà kẻ làm trai phải trả, mặc dầu có khi cũng tự cười mình:

*Đường mây cười tớ ham dung-ruỗi*

Một người mê mải dung ruổi trên đường hoạn lộ, mặc dầu mê-mải với nghĩa phụng-sự lý-tưởng cao đẹp đi nữa, mà có một

(*) Tác giả đã sửa chữa lại bài trước đây có đăng ở *Tri Tân*, 1941, tập I, số 16, tr. 9-11 (lời tòa soạn ghi)

người bạn dám cho công danh sự-nghiệp là một ảo-ảnh, dam cho cân bào, trâm hốt là đám phù-vân; đáng lẽ như vậy thì không thể ưa nhau được. Thế mà họ vẫn yêu quí nhau và rất kính mến nhau. Họ vẫn luôn luôn là đôi bạn thâm-tình, mặc dầu rất ít gặp nhau. Khi xa nhau, họ vẫn nhớ thương nhau thâm-thiết.

Khúc *Dương-Liễu từ* mà chúng tôi đem kể chuyện cho các bạn nghe hôm nay là của Lê Bích-Ngô, người bạn áo vải của Phan Thanh-Giản.

Tác-giả đã thác lời cây liễu, vận dụng hết điển cố về cây liễu để mà thở-than về cảnh chia-phôi, thương xót cho niềm ly-biệt, và cũng trách giận những người ra đi, hờn oán cho kẻ vô-tình.

Bây giờ chúng ta thử đem tưởng-tượng mà vẽ-vời để thấy lại phong độ của người xưa:

Bên đầu cầu, dưới gốc thùy-dương, đang có một cảnh phân-ly của đôi bạn thâm-tình:

Một là chàng nho-sĩ đang nặng lòng ưu-ái với giang-sơn quân quốc: Phan Thanh-Giản quả-quyết ra đi

Một là chàng dật-khách vẫn thích chí tiêu dao với tuyền thạch yên hà: Lê Bích-Ngô ngậm-ngùi ở lại.

Bẻ một cành liễu, tay trao tay, lễ tặng biệt giản-dị đó đã nói lên biết bao đoạn ân-tình. Họ chưa làm thơ mà cảnh đã nên thơ. Họ chưa than thở mà đã biểu lộ biết bao nhiêu tình tứ cảm-hoài.

Vì sau khi vó ngựa đã một bận qua cầu, rồi thì người đi biền-biệt. Biền-biệt xa, nơi góc biển bên trời, mà kẻ ở lại, thì tháng ngày vò võ âm-thầm.

Gió sớm trăng khuya, bàn-hoàng bên gốc liễu: tiếng chim oanh riu-rít, cánh hoa rơi rụng tơi-bời, tình cảnh đó biết bao là thê-nhiên trù-trướng.

Niềm thương nhớ đó không chỉ là niềm thương nhớ của bạn bè. Nó còn là lòng sâu-oán ai-hoài của người khuê-phụ *Hối giao phu tế mịch phong hầu.*

Hơn thế nữa, nó là nỗi đợi chờ của cành thùy-dương bẻ còn sót lại, mong mỏi khí dương xuân ấm-áp trở về hàn gắn vết thương xưa, do những biệt-ly-nhân, hôm nào đây, đã bẻ tặng cho nhau.

Nhưng mà, khách qua đường đó quả cũng là vô tình lắm. Một khi mà đắc ý ra đi, chốn Giang-nam chàng đã phơi ngựa rồi, thì còn có đoái-hoài chi nơi đầu cầu vắng vẻ. mặc chồi liễu yếu bên đường, buông lả mối tơ sầu.

Có những đêm khuya thanh vắng, tiếng sáo nhà ai đưa sang khúc « Chiết-liễu » nẻo-nùng. Người thiếu-phụ lạnh-lẽo đang khao-khát một ý xuân ấm áp, đứng bên lầu ủ-rũ như một góc liễu tương-tư. Tiếng sáo đó cho càng thêm não-nuột.

Lòng mong nhớ đợi chờ đó, Lê Bích-Ngô tiên-sinh đã thác ra lời cây Dương-liễu gởi cho một hành-nhân cụ Phan Thanh-Giản đang khi du-hoạn.

Biệt-ly tha-thiết, mong nhớ âm-thầm nhưng mà thở-than êm-ái, thách-móc nhẹ-nhàng, tình-tứ nũng-nịu như một giai-nhân hay chữ.

*Dương-liễu-từ*, mười bài tuyệt cú liên hoàn, Lê Bích-Ngô viết trên bức lụa gởi cho Phan Lương-Khê.

Phan Lương-Khê, ông quan say việc nước, quên tình riêng. Ông quan đã đinh ninh: « ơn nước nợ trai đành nỗi bận.» Và cũng ông quan ưa thanh đạm và giản dị có tiếng đó, đã phải yêu thích món qua của bạn, trân trọng hơn bảo vật trên đời.

Đức liêm-khiết và thanh giản của « quan Phan » đã được người đương thời truyền-tụng, còn truyền-tụng cho đến ngày nay.

Truyền rằng, nơi ăn, chốn ở, chỗ nằm ngồi của người bao giờ cũng đơn đạm lắm, không hề có trang hoàng chi. Duy chỉ có bức lụa « Dương-liễu-từ » là luôn luôn treo ở chỗ tốt nhứt trong thư-trai.

Mỗi khi thuyên chuyển, quan Phan tự tay cuốn lại, phong gói, mang theo, rồi khi đến nơi, lại cũng tự tay mở ra, treo lên, quí mến không rời.

Dưới đây là nguyên văn của bài *Dương-liễu-từ* và lời dịch nôm của Mộng-Tuyết. Dịch gọi là dịch cho có mà thôi chớ đã làm sao dịch được cho hết « lời cây liễu » Nói vậy để độc giả, dầu không thông Hán tự, sau khi đọc bài nôm, cũng cứ nên ngâm khúc Dương liễu Hán thi. Chỉ thưởng thức âm điệu mà thôi, cũng đã thú hơn đọc bản văn nôm non nớt.

## *DƯƠNG LIỄU TỪ*

### 1

*Tà ỷ đông phong bạn tịch-dương,*
斜倚東風伴夕陽
*Thanh-thanh thanh ảnh nhập trì đường.*
青青倩影入池塘
*Đa-tình, bất dữ hành-nhân thuyết,*
多情不與行人說
*Bạn trước lưu-oanh thuyết đoản trường.*
伴著流鶯說短長

### 2

*Đoản trường tình-tự kỷ ân-cần.*
短長情緒幾慇懃
*Dạ nguyệt, triêu yên, nhận vị chân.*
夜月朝煙認未真
*Trân trọng mạc giao hành-khách thủ,*
珍重莫交行客手
*Đoạn tương phân tặng biệt-ly nhân.*
斷將分贈別離人

### 3

*Biệt-ly nhân tối thi vô-tình :*
別離人最是無情

*Đắc ý Giang-nam, mã thượng hành.*
得意江南馬上行
*Mịch-mịch kiều đầu, thùy thi vấn?*
漠漠橋頭誰是問
*Dã tăng chiết xứ nộn chi sinh*
也曾折處嫩枝生

## 4

*Nộn chi sinh xứ, lộ sơ can.*
嫩枝生處露初乾
*Vô lực tiêm yêu, ngũ dạ hàn*
無力纖腰五夜寒
*Độc lập đê hồi, sầu bất ngữ.*
獨立低徊愁不語
*Thùy mi, chung nhật đải xuân hoàn.*
垂眉終日待春還

## 5

*Xuân hoàn, xuân khứ, kỷ thì qui?*
春還春去幾時歸
*Trường đoạn, thùy gia ngọc-địch xuy?*
腸斷誰家玉笛吹
*Niếu-ná na kham phong-lực quyện*
嬝娜那堪風力捲
*Khả liên xuân lão hữu hoa thì*
可憐春老有花時

## 6

*Hoa-thì, khinh bạc kỷ nhân liên.*
花時輕薄幾人憐
*Hà nhật Chương-đài tục cựu duyên:*
何日章臺續舊緣

*Thuyết đắc mai hoa hoàn bất giải,*
說 得 梅 花 還 不 解
*Khước hàm vi ý tiếu triêu yên.*
却 含 微 意 笑 朝 煙

## 7

*Triêu yên ẩn-ẩn, lục âm âm...*
朝 煙 隱 隱 綠 陰 陰
*Tận nhật tiêu-điều trước nộn câm*
盡 日 蕭 條 著 嫩 金
*Thiếu phụ bất tri xuân-ý noãn.*
少 婦 不 知 春 意 暖
*Lâu tiền, bất giác ám thương tâm*
樓 前 不 覺 暗 傷 心

## 8

*Thương-tâm, đa tại đỗ-quyên đề*
傷 心 多 在 杜 鵑 啼
*Phi khứ, phi lai, hận vị tề...*
飛 去 飛 來 恨 未 齊
*Tạc nhật, hoàng oanh thanh vị tuyệt.*
昨 日 黃 鶯 聲 未 絕
*Ý-nhi kim hựu thuyết trường-đê.*
鶺鴒 今 又 說 長 堤

## 9

*Đê-thượng kim-ti trước địa-kiều.*
堤 上 金 絲 著 地 橋
*Niên niên tặng biệt, lộ ngân tiêu.*
年 年 贈 別 露 痕 消

*Dã tri đa thiểu hành-nhân ý:*
也 知 多 少 行 人 意
*Tài đắc tân điều, yếm cựu điều.*
纔 得 新 條 厭 舊 條

## 10

*Cựu điều, tân lũ loạn như ma*
舊 條 新 縷 亂 如 麻
*Tân nhật hoàng oanh cơ trịch thoa.*
盡 日 黃 鶯 機 擲 梭
*Chức tựu xuân thành tam nguyệt cẩm;*
織 就 春 城 三 月 錦
*Dã ưng Đông-chủ tác hương la.*
也 應 東 主 作 香 羅

●

## *LỜI CÂY LIỄU*

### 1

Phe phẩy đông-phong dưới ánh chiều,
Bờ ao, cành biếc bóng xiêu-xiêu
Nặng tình không gửi người qua lại,
Thỏ-thẻ con oanh nói ít nhiều,

### 2

Ít nhiều, bao xiết nỗi ân cần...
Khuya sớm trăng xa lẫn khói gần
Trân-trọng dám chuyên tay khách lạ,
Bẻ đem đưa tặng bạn dời chân.

### 3

Dời chân, ai cũng khéo thờ-ơ.
Ngựa phới Giang-nam, để đợi chờ

Vắng về bên cầu, ai đoái hỏi
Dấu xưa cành bẻ đã chồi tơ.

## 4

Chồi tơ, lóng-lánh giọt sương trong.
Mưa gió năm canh những lạnh-lùng.
Đứng lặng, mây tơ buông ủ rũ.
Tin xuân, chiều sớm luống chờ mong.

## 5

Chờ mong xuân mấy độ đi qua,
Sáo ngọc nhà ai tiếng thiết-tha ?
Mềm yếu lả theo cơn gió lốc.
Thương thay hoa nở buổi xuân già.

## 6

Xuân già, hoa rụng đã ai nhìn
Bao thuở Chương-đài duyên nối duyên ?
Câu chuyện hoa mai khôn tỏ được,
Ngậm cười sương khói ý triền-miên

## 7

Triền miên sương khói bóng cành dâm.
Ngày đoạn, tơ non đã nẩy mầm.
Cô ấy biết đâu xuân ấm-áp.
Trước lầu, bỗng gợi mối thương tâm.

## 8

Thương tâm cái quốc giục bên tai.
Nỗi hận chưa nguôi khắc khoải hoài.
Vừa đó, chim oanh còn vẳng tiếng.
Ý-nhi ríu rít hót bờ dài.

## 9

Bờ dài, tơ mắc nhịp cầu thưa,
Ngấn móc tan bao bận tiễn đưa...
Lòng khách qua đường ai chẳng thế:
Vừa vin cành mới, bỏ cành xưa.

## 10

Cành xưa, tơ mới rối tơi bời
Chiều sớm oanh vàng đưa chiếc thoi.
Tô-điểm thành xuân, hoa gấm dệt.
Lụa thơm dành để chúa xuân chơi.

•

Đã có một lần, Mộng Tuyết bọc người xưa, gây lò hương đượm, mài mực chép thơ *Dương liễu* gởi cho người bạn vùng Gành mù-u, quê hương của quan Phan.

Văn-chương sau trước, mối hoài cảm nghìn xưa đâu có khác bây giờ; mà người con gái chốn buồng the vẫn cảm một mối cảm chung với người danh-sĩ.

*Khúc Dương-liễu tân-thanh* nay lại có, không như cổ-nhân riêng của một người nào, gởi cho một người nào mà là của hết thảy những ai ai đã có một lần để cho cảnh biệt-ly xui lòng thổn-thức, không ở một chốn tràng-đình, không ở một chốn đoản-đình, cũng không ở một nơi dịch quán nhưng mà ở một bến đò, ở một quán rượu, ở một câu lạc bộ, ở một nhà ga, ở một phi trường, hay ở những đâu đâu, mà có những chéo khăn buồn rầu vẫy lại trong gió ly tan mùi hương quyến luyến.

*Khúc Dương-liễu tân-thanh*, vì thế nhờ mây gió bốn phương đưa đến cho những tâm-hồn phiêu-lãng say mê gió bụi giang-hồ, một bước ra đi không nghĩ đón ngày trở lại.

Cành nhược-liễu kia há chẳng từng than:

*Biệt ly nhân tối thị vô tình.*

## *DƯƠNG-LIỄU TÂN-THANH*

«Dương-liễu» mười bài chép gửi anh,
Ly-hoài ai khéo gợi cho mình.
Bích-Ngô âu cũng lòng thôn nữ.
Chung với nghìn xưa một mối tình.

•

Bên đường, qua lại bao nhiêu khách.
Riêng bẻ cành xuân đưa tặng nhau.
Sung-sướng, Giang-nam chàng phới ngựa.
Tháng ngày, bóng liễu rũ tơ sầu.

•

Lả-lướt đợi ngày xuân trở lại.
Ngày xuân trở lại hỏi bao ngày.
Năm canh lạnh lẽo kinh sương gió.
Ngùi-ngậm tàn xuân, hoa rụng đầy.

•

Nét mực vừa khô lệ ướt đầm.
Lời xưa thêm gợi nỗi thương tâm.
Biệt-ly còn bận đời danh-sĩ.
Huống chốn buồng the, năm lại năm,

*MỘNG-TUYẾT, Thất tiều muội*
(Văn cảo Dưới Mái Trăng Non)

# Bài VĂN BIA

# ở miếu VĂN THÁNH VĨNH LONG

## do PHAN THANH-GIẢN soạn

*MAI-SƠN sưu-tập*

Bài văn bia này là một văn liệu giúp ta biết lịch sử việc xây dựng các văn miếu tại Miền Nam và nhứt là về Văn Miếu tại Vĩnh Long.

Dân tỉnh Vĩnh Long, chắc phải hãnh diện đã có một cổ tích là Văn THÁNH MIẾU, được thiết lập đầu tiên cho các tỉnh miền Tây.

Văn Thánh Miếu Vĩnh Long được thiết lập vào năm Bính dần, Tự Đức năm thứ 19 (1866). Và cũng chính năm này, Phan Thanh Giản đã trước tác một bài văn bia, được khắc xong vào năm Tự Đức thứ 20 (1867).

Ngày nay, 100 năm sau, chúng tôi xuống thăm Văn Miếu Vĩnh Long, tấm bia đá ấy vẫn còn rõ chữ.

Trên con đường Vĩnh Long — Vĩnh Bình, thuộc địa hạt xã Long Hồ, cách tỉnh thành Vĩnh Long khoảng hơn 2 cây số, là nơi tọa lạc Văn Thánh Miếu (1) Từ cửa Tam quan đi vào Văn miếu là con đường dài 80 thước. Giữa con đường này có chừa rảnh để đất trồng hoa kiểng và có dựng 3 tấm bia. Hai tấm bia ở phía

(1) Văn Miếu cũ xây từ năm 1866 đã đổ nát, được xây dựng lại trên nền cũ vào năm 1903. Văn Miếu ngày nay là Văn Miếu tái tạo đó, do ông Tống Hữu Định xướng xuất.

ngoài, gần cửa Tam Quan đều mới được dựng về sau. Tấm bia lớn ở ngoài cùng, mặt trước kể sự tích tu sửa Văn Miếu do ông Tống Hữu Định (2) xướng xuất vào năm 1903, còn mặt sau bia ghi danh các vị hương chức hội tề làng Long Hồ đã có công về việc phụng thờ và tu bổ Văn Miếu trong khoảng năm 1915-1930. Tấm bia nhỏ kế cận, được dựng năm 1931, khắc lời di chúc của bà Trương thị Loan cúng ruộng vườn cho Văn Miếu năm 1915. Tấm bia phía trong cùng, trước cửa miếu, dựng cao khỏi đầu người có khắc bài « *văn bia* », do Phan Thanh Giản soạn, ở mặt trước của tấm bia, về phía Tam Quan. Còn mặt sau, do Hội Văn Thánh Miếu khắc tên các Bang, Tổng, Xã có công kiến tạo Văn Miếu.

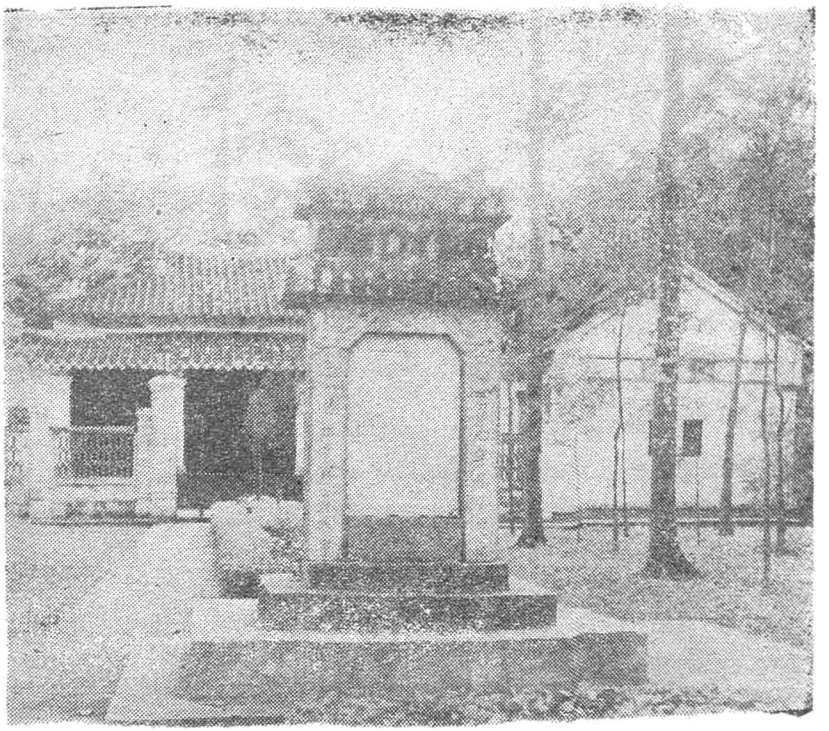

*Tấm bia dựng trước Văn Miếu Vĩnh Long, mà bài văn bia do Phan Thanh Giản soạn.*

(2) Ông Tống Hữu Định, còn gọi là Ông Phó Mười Hai (làm phó tổng Bình Long tỉnh Vĩnh Long), được coi là một trong những người tiền phong có công gây dựng lối Hát Cải Lương tại Miền Nam.

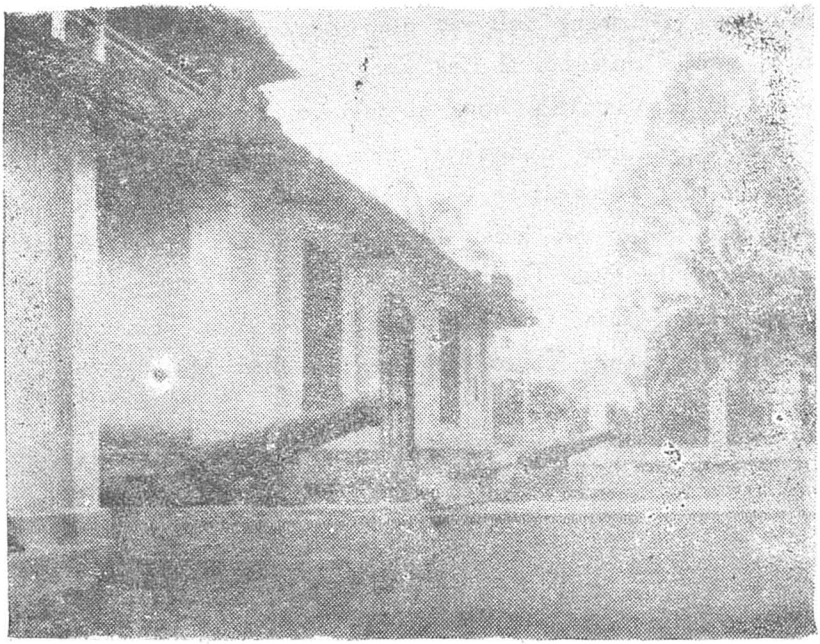

*Hai khẩu súng đựng trước Văn Xương Các*

Sau đây là bản dịch bài Văn bia trên của Tô Nam:

« Trời giúp cho hạ dân, gây cho vị vua, gây cho vị thầy, để « trao phó cho việc cai trị và giáo hóa, lòng thương yêu và ơn huệ « đến thế là rất mực vậy.

« Duy có điều: chính trị thì thấy rõ ở đương thời, mà giáo « hóa thì truyền đến muôn thuở. Ắt phải có giáo hóa rồi chính trị « mới có cơ thực hành. Đó là chỗ giáo hóa đối với việc trị dân « rất là thiết yếu mà không thể một ngày nào sao nhãng được vậy.

« Lớn thay là đạo của Đức Phu Tử! Đã vì trời đất mà « lập tâm; vì sinh dân mà dựng ra mệnh; vì bực thánh ngày trước « để nối lại sự học đã gián đoạn, vì muôn đời mở hội thái bình. « Bởi thế nên trải bao triều đại vẫn phải tôn thờ mà không dám « coi thường vậy.

« Hoàng triều ta (Nguyễn) kính thầy trọng đạo, kê cứu phép

«xưa dựng ra giáo hóa chốn kinh sư bắt đầu dựng điện Đại Thành, «qui chế thể thức rất tôn nghiêm, 300 năm trở lại đây, tôn sùng «việc dạy nuôi, trị và giáo sáng tỏ tốt đẹp là ở chỗ đó.

«Về phần 6 tỉnh Nam Kỳ, địa thế xa cách gần 3000 dặm, «sự mở mang sau những nơi khác, nhờ đức Hiển Tông Hoàng đế «ta trong thời ngự trị vào năm thứ 25 (Ất vị 1715) quan trấn «thủ dinh Trấn Biên là Nguyễn Phan Long, ký lục là Phạm Khánh «Đức (3) mới dựng miếu thờ đức Tiên Sư Khổng Tử ở phủ Phước «Long thuộc trấn, mỗi khi gặp ngày lễ mùa Xuân và mùa Thu, thì «tỉnh Gia Định ủy cho viên quan văn cao cấp, đem các học quan «cùng thân sĩ đến nơi kính cẩn làm lễ. Minh Mạng năm thứ 6 «(1826) mới chọn khoảnh đất của huyện Bình Dương thuộc về thành «cũ để dựng riêng Văn Miếu mà các trấn đều chưa có vậy. Nhưng «mỗi khi đến kỳ thi khảo, sĩ tử các trấn khăn áo chỉnh tề, kéo về «ngâm vịnh, gặp lễ thích điện cũng đều được dự, quả là nơi cao «đức sáng có nơi để ngưỡng mộ vậy.

«Đến khi đặt lại 6 tỉnh thì tỉnh Vĩnh Long mới tìm được «một nơi ở thôn Tân Sơn để kiến trúc, vật liệu đã đủ, chỉ vì có «sự trắc trở nên lại đình lại vào lúc nửa chừng.

«Tự Đức năm thứ 12 (kỷ vị 1859) Gia Định, Biên Hòa, «Định Tường tiếp tục bị mất, sĩ phu 3 tỉnh lánh tới tỉnh nhà và «các hạt thuộc tỉnh An Hà. Trong khi giặc giã tứ tung, sĩ tử lại «đeo cung tên ra trận, sự học trễ nải phần nào Rồi đến năm thứ «15 (1862) quan đề học Nguyễn Thông bèn họp thân sĩ để tính «công việc, chọn được nơi ở cách phía đông tỉnh thành chừng hơn «2 dặm, đất ấy thuộc thôn Long Hồ phía trước trông xuống trường «giang, phía sau tựa vào gò đống, hai bên rừng rậm bao quanh «địa thế có phần u tĩnh, bói xăm được tốt, bèn bỏ cáo lên thượng «ty, để dựng miếu thờ Tiên Sư Khổng Tử khởi công từ năm thứ «17, giáp tý (1864) mãi đến cuối mùa thu năm nay (4) mới hoàn

(3) *Đại Nam nhất thống chí*, Lục Tỉnh Nam Việt, tập Thượng cũng nói như trên.

(4) 1866.

« thành : tất cả đồ thờ cùng các thứ cần dùng, chế tạo đều hợp « thức. Ngoài tường về phía tay phải sát ngay bên sông có dựng 1 « thư lâu làm nơi để sách, và để hàng năm hội họp đọc sách. Ngoài « ra còn việc mướn thợ thuê người phục dịch trả tiền công, để ruộng « thờ đều đã ghi chép riêng biệt.

« Sau khi công việc hoàn thành các quan của tỉnh nhà như « Lãnh Đốc Trương văn Uyển ; Bố Chánh Nguyễn văn Nhã ; án « sát Võ Doãn Thanh, lại xin đặt 20 người thủ hộ để trông nom « thánh miếu và mấy mẫu tự điền, được miễn thuế, cho việc thờ tự « thêm phần chu đáo.

« Ôi ! Hai bên tòa điện, ngàn thuở tôn sùng, bởi vì có nơi « để cùng ngưỡng mộ. Nhưng giáo hóa của thánh nhân bắt đầu ở « điểm thành thực của mình rồi sau mới đến chỗ thành thực cho kẻ « khác, người ta theo đòi sự học cần phải tự mình thể hiện để thực « hành các sở học, về phần văn chương cần có thực chất rõ rệt, « nhưng nếu nó lại không quan hệ gì đến giáo hóa ở đời, thì dẫu « hay ho đến đâu cũng là vô ích vậy.

« Ta lại thấy rằng : Phu Tử xưa về phần đức hạnh thể hiện « trong sách Hiếu Kinh mà phần chí hướng thì ở trong bộ Xuân « Thu. Bởi vì các chí khen chê các vua chư hầu thì chép ở trong.

« Xuân thu, mà đức hạnh nhân luân ở trong Hiếu-Kinh, coi « đó thì nơi đức sáng đạo cao không ở bên ngoài điều đó.

« Giản tôi đối với việc học chửa được là bao, không biết lấy « gì để mà bổ ích, nay chỉ đọc lại những điều đã được nghe biết « như thế, mong rằng các vị thân sĩ phụng sự thánh nhân, nên nhận « biết rằng có sao mà ta phải phụng sự vậy ?

« Thời Tự Đức năm thứ 19 (năm Bính dần 1866) sau tiết « Trùng Dương 3 ngày (12 tháng 9 âm lịch).

« Kẻ hậu sinh : Phan Thanh Giản xin bái bai bái rồi kính cẩn làm bài ký này.

Lãnh Hà Tiên Án sát sứ Ty chức Nguyễn Hải Kính duyệt.

An Giang Án sát sứ Ty chức Phạm hữu Chính kính duyệt.

Đinh Viễn phủ Trị phủ Ty chức Lê Khiêm kính kiểm.

Vĩnh Bình Sĩ Nhân tiểu tử (học trò) Phan văn Tử kính kiểm

Tỉnh học sinh tiểu tử Nguyễn Lễ Nhượng kính thư (viết)

Ky quyết thị (thợ khắc chữ) Trần Danh Khoa

Kính *thuyên* (khắc) »

Viếng thăm Văn Miếu Vĩnh Long, không những chúng ta được thấy tấm Văn bia cổ do Phan Thanh Giản soạn, mà còn thấy những cổ vật lịch sử: Đó là hai khẩu Thần Công Đại Bác, hiện trí trên sân cỏ trước Văn Xương Các, mũi chỉ về hướng Đông Nam. Văn Xương Các là ngôi đền có lầu Tại tầng dưới đặt bàn thờ Phan Thanh Giản, Võ Trường Toản và một số các quan khác; tầng trên đặt bàn thờ ba vị Văn xương đế quân. Hai khẩu súng đại bác nói trên đúc bằng gang, hình thù giống nhau, nhưng một lớn một nhỏ. Khẩu lớn dài 1m90, họng súng 130 ly, khẩu nhỏ dài 1m52 họng súng 100 ly. Hai khẩu súng này trước đây được trí dọc theo bờ sông Cổ Chiên, để phòng thủ thành Vĩnh Long chống giặc Pháp khoảng từ năm 1860.

Sau khi thành Vĩnh Long thất thủ (1867), các súng đại bác này bị phế bỏ.

Hai khẩu súng này vốn lại nằm trước dinh Chủ tỉnh Vĩnh Long, lại gần Cầu Tàu, người ta chôn mủi khẩu súng lớn xuống đất sâu, còn để khúc đuôi để cột tàu, khẩu súng nhỏ thì cứ để nằm dài trên bải cỏ. Mãi tới 1937, bờ sông, đất lở gần sút hai khẩu súng này, viên quận trưởng Châu Thành bấy giờ mới sai các tù nhân dùng xe bò chở tới Văn Thánh Miếu để tại sân cỏ trước Văn Xương Các. Sau đó vào năm 1960 mới được Hội Văn Thánh Miếu cho xây cất nền cao để dựng súng cho ngay ngắn như ngày nay (5).

---

(5) Bùi Văn Triều, *Lịch sử Văn Thánh Miếu Vĩnh Long*, 1965.

# *Văn bia ở Miếu Văn Thánh Vĩnh Long*
# *do Phan Thanh-Giản soạn.*

永隆文聖廟碑

夫作之君作之師而以治與教合者其唯
孔子乎至哉唯治見於當時而教傳之萬禩必有教而
後治有所指此教之於治民其最切要而不可
一日無者也大哉夫子之道為天地立心為生
立命為往聖繼絕學為萬世開太平所以歷代
崇祀而莫之或替者也我

聖祖仁皇帝御之乙未二十五年鎮臣奏請建
文廟大員率同學官紳士前往頒帑補行禮
明命二年始奉于原城之平陽縣地別建在
城文廟而各鎮均未有焉然每至課試之期
各鎮士子赴省雜還並聞門秋闈有解額
得預事高山景行有所遵仰焉迺敬設六省
共永隆本省初仰于新山村村北已卑以
有事中停

嗣德十二年己未嘉定通和
定祥相繼失陷三省士夫歸於本省及河靖
鞏于時戎馬倥傯士子負笈從軍學業荒廢
十五年頒提學院通飭會試仲冬而試
之相于城東南二里許在龍湖村地面前俯長
江後倚阜貞左右園林帶圍地勢幽爽卜云其
吉告于上司即此奉

先師孔子廟以十七年
甲子起工迄今年秋告成凡化器與應用
等項制造各稱事文於墻外左右為
文昌祠與江建書樓
以為藏經之所且備歲時會集讀書焉錄旗
工宿役使文金四百各若干已別有記以
叙本省
提督部堂張公文琥布政使阮文程按察使武
文試公暨
諸大憲之志在春秋而
清為招請
守護廟夫二十名化田子畝免稅
以志紀事夫兩楹奠于二貢山尊盛黍稷式有所
在也而學人之教始於誠己終於誠物五人為
倫之行在孝一經首之章不開
世教雖工猶無益也之間夫子行在孝經而
志在春秋孟夫子謂我則亦是
人倫之行在孝一經首之章不開
於經之末有所得無以師益之謂所間如此多
士之事聖人其不知所以事乎 時

嗣德十九年歲在丙寅 重陽後三日
後生潘清簡
謹為記

再拜

龍飛丁酉年七月 五日

賀河仙按察使 舉阮諾 敬閱
安江按察使 舉范有政 敬閱
定遠府知府 舉梁綠 敬校
永平士人 小子潘文祥 敬檢
省學子生 一子 阮仲達 敬錄
劉廣氏 陳登科 敬鐫

# BẢN ÁN CỦA CÁC ĐẠI-THẦN NGHỊ-XỬ VIỆC...

*(Tiếp trang 174)*

Long, An, Hà, viên nào chưa bị cách chức, thì nay lập tức cách chức, và phải theo đúng dụ trước để nghiêm trị, đặng tỏ phép nước và để khuyến khích lòng người, Khâm thử.

Kính tuân lời dụ, thần đẳng hội đồng thương nghị rằng: Viên Kinh-lược Phan Thanh-Giản xưa và viên Lãnh-đốc Trương văn-Uyển, Tổng-đốc Nguyễn-hữu-Cơ, Thự-phủ Trần-Hoán, Phiên-Ty Nguyễn xuân-Ý, Nguyễn văn-Học, Nguyễn văn-Nhã (đã chết), Niết-ty Võ doãn-Thanh, Phạm hữu-Chính, Nguyễn duy-Quang, Đề-đốc Võ-Thưởng, Chánh phó Lãnh-binh Hoàng-Chiêu Hoàng-Uy, Nguyễn-Hương, Nguyễn Tập, Đỗ-Uy, Nguyễn Bút, thì trước hết đều phải cách chức và truy thâu lại phẩm hàm; Còn tội trạng thế nào sẽ xin tuân theo chỉ dụ, chiếu luật xử trị rất nghiêm.

Còn việc Án-sát Khánh-Hòa Nguyễn-Thông dâng sớ xin tên thụy cho Phan thanh-Giản, thì công tội của Phan thanh-Giản, hoàng thượng đã từng soi xét rồi; mà việc ấy kêu xin là theo ý riêng, thiết tưởng không cần bàn nữa.

Vậy nay chỉ xin đem tập tâu của viên cố Kinh-lược Phan thanh-Giản, và Tổng-đốc Vĩnh-Long Trương văn-Uyển đã trình bầy rằng: ngày 19 tháng 5 năm ngoái, vào khoảng giờ thìn thấy viên quan Tây đem số lớn tầu binh đến bến tỉnh-thành thả neo, kỳ thủy 1 viên quan 3 cùng 1 người tên là Cố-Trường đưa đến 1 phong thư, trong thư nói rằng: viên quan Tây nhận thấy bọn giặc quấy rối lâu nay phần nhiều là dân của tỉnh Châu-Đốc, nay y muốn rằng quí quốc nhường lại 3 tỉnh để y kiểm soát, thì chúng không dám quấy rối như xưa v.v...

Thần đẳng xem xong bức thư, cùng nhau thương nghị, rồi Kinh-lược sứ lập tức đem các viên Niết-Ty Võ doãn-Thanh, theo

xuống dưới Tàu cùng viên chúa tàu đàm thoại; trách y đã vin vào có nhỏ mọn mà đã vội làm thương tổn đại nghĩa v v...

Y trả lời rằng: hồn ý thế nào, đã nói ở trong bức thư? Nói đoạn y cho chiến thuyền tiến sát vào phía ngoài thành rồi cho bộ binh vào thành đóng giữ.

Còn tập tâu của nguyên Tổng-đốc An-Hà Nguyễn hữu-Cơ trình bầy rằng: ngày 20 tháng này, vào khoảng giờ mùi, có nhận được tờ sao lục của Cơ-mật viện do Kinh lược thần gửi đến, sau khi xem rồi, thấy tàu chiến của Tây đến chiếm tỉnh thành mà chúng chỉ mới dàn ra ở ngoài bến sông. Đốc-thần lập tức phái ngay 2 ty Phiên Niết là Nguyễn xuân-Ý và Phạm hữu-Chính cùng xuống dưới tàu hỏi rõ duyên do, thì viên chúa tàu đưa ra 1 bức thông tư của quan Kinh-lược, nhưng chúng chỉ cho coi ngoài phong bì, thì thấy đóng ấn tín của tỉnh Vĩnh-Long, mà chúng không chịu mở ra cho coi bên trong, yêu cầu đến 2,3 lần, thì chúng cho biết khi nào Tổng-đốc xuống đây, thì chúng sẽ mở. Vì thế Đốc-thần phải cùng Viết-Ty lập tức xuống tàu, thì viên quan Tây đem bức thông tư mở ra cho coi. rồi đem lý lẽ tranh luận, chúng vẫn không nghe; Và ngay lúc ấy đã thấy phủ-thần Hà Tiên là Trần-Hoán đương ngồi ủ rũ ở đó. Một lát sau thần đẳng cáo từ ra về thì bọn quan Tây cũng cầm tay nhau cùng bước lên bờ, viên nào cũng có mang theo súng ống, rảo bước vào thành chia binh đóng giữ các ngả, bao nhiêu sổ sách chúng đều thu lượm; riêng có các bản mật tư mật lục thì đã châm lửa đốt hết, cho nên mới phải quay về Bình Thuận để soạn tờ tâu.

Tập tâu của nguyên thự Tuần-phủ Hà Tiên Trần-Hoán trình rằng: Cùng một ngày trong tháng ấy, viên ấy vâng mệnh đem binh thuyền đến 3 tỉnh hạt để đốc sức việc dinh-điền; thì ngày 20 vào giờ Tỵ đi qua hải phận An Giang, chợt gặp chiến thuyền của Tây mời lên đàm thoại, khi lên trên tàu thì viên quan Tây đưa ra phong bì đựng tờ thông tư của quan Kinh-lược, sau khi coi xong thì chúng cầu lưu lại đó.

Rồi ngày 23 giờ Tỵ thì chiến thuyền của Tây cặp bến tỉnh thành, lúc ấy đã thấy 2 Ty Tuần, Án là Nguyễn văn-Học và Nguyễn duy-Quang, cùng Chánh lãnh-binh Nguyễn-Hương tiến xuống bến tàu, viên quan Tây lập tức cầm tay Tổng-đốc bước lên trên bờ, rồi y chia 1 nửa binh đóng giữ ngoài thành, còn 1 nửa thì sấn vào thành chiếm đóng các sở, bao nhiêu văn-thư sổ sách chúng tịch thu, còn các mật tư mật lục đã đốt hết được rồi. Tập tâu này còn nhiều khoản nữa, nhưng cũng giống như các lời của viên Kinh-lược và viên Tuần-phủ v v...

Lại đối chất với lời khai của Đốc-thần Trương văn-Uyển đã trình bầy rằng: Lần ấy viên quan Tây kia kéo nhiều chiến thuyền đến chiếm tỉnh thành, viên ấy đã cùng Kinh-lược phi báo tình hình cho 2 tỉnh thần An, Hà phải chiếu theo chỉ dụ cùng các lục văn trước sau mà liệu lý. Duy có các bản mật tư đựng riêng trong 1 cái tráp trao cho viên cố phiên Ty Nguyễn văn-Nhã thì đã trích ra đem đốt đi rồi, mà ở trong bản đệ trình không kịp nhắc đến. Sự sơ suất ấy, xin cam chịu lỗi. Còn ngoài ra thì cũng giống như các tập đã kể ở trên.

Viên nguyên Tổng-đốc An Hà Nguyễn hữu-Cơ khai rằng: Ngày 15 tháng 5 năm trước, tiếp được tờ tư của Kinh-lược Phan thanh-Giản và kiêm-tri Trương văn-Uyển, trong có 1 khoản nói rằng: Có nghe phong thanh tỉnh ấy có nhiều dân ra ứng nghĩa, quan binh của Tây thường vin có đó để sinh chuyện. Lần này chúng phái tàu chiến qua nước Cao-Man tắt nhiên đi qua quí hạt, nếu không tìm kế ngăn chặn sớm đi, e nữa chúng lại ngờ vực lôi thôi v. v... Nhưng tỉnh ấy đã từng phái viên đi do thám mà chưa thấy trở về, thì ngày 20 tháng ấy vào khoảng giờ Dậu, tàu chiến của chúng kéo đến tỉnh thành cho biết hiện có văn thư của quan Kinh-lược và quan Kiêm-tri trao cho bọn chúng đưa đến để các tỉnh thần liệu biện các việc, nhưng chúng lại bảo tỉnh thần phải xuống dưới tàu thì sẽ mở ra cho coi v v...

Tỉnh-thần nghĩ rằng: bọn chúng kéo tới lần này, hoặc giả lại vin vào có nghĩa binh mà trách móc ta; nếu mình không xuống

sợ rằng bọn chúng lại thêm nghi hoặc, âu là thử xuống xem sao? Chẳng ngờ khi thoạt bước xuống thì chúng kéo ùa cả lên chiếm cứ tỉnh thành, binh sĩ coi giữ dinh thự kho đạn, và các quan lại các sở đều chạy tán loạn, Tỉnh thần cũng bị bọn chúng bắt giam, không làm thế nào được nữa.

Kể đó đến ngày 27 về tới Vĩnh-long, tường trình với quan Kinh-lược và quan Kiêm-tri, thì quan Kinh lược bảo rằng: hãy tạm lưu lại Vĩnh-long để thảo sớ tấu trao cho Tây quan chuyển hộ về kinh. Hoặc giả chiếu theo các lẽ trong bản mật lục của cơ-mật viện đề ngày tháng 9 năm Tự-Đức thứ 19 mà rút lui về Bình-thuận sẽ đệ sớ tấu có lẽ ổn hơn v.v...

Nhưng viên ấy trộm nghĩ: Tập sớ của tỉnh Vĩnh-long đệ ngày 19 trước kia đã bị quan binh của Tây đón đường lấy mất làm phiền cho quan Kinh lược phải đi giảng giải đến 2-3 lần, chúng mới nhận lời chuyển hộ, thế mà ngày nay lại trao cho chúng, hỏi chắc vào đâu? Vì thế mới sao danh sách các viên quản suất, phủ huyện, thuộc viên của tỉnh An-Giang. kể rõ viên nào hiện đã nhậm chức, viên nào chưa đến v.v... chuyển đệ lên quan Kinh-lược để ngài điều khiển, và do quan Kinh-lược cùng quan Kiêm-tri cấp giấy cho về Bình-thuận để làm sớ tấu v v... Còn ngoài ra cũng giống các điều ở trong tập trước đã kể.

Lời khai của Thự Tuần-phủ Trần-Hoán, Bố-chánh Nguyễn văn-Học, Án-sát Nguyễn duy-Quang: Tháng 3 năm trước, các viên ấy đã thương nghị rằng: bọn quan binh Tây đòi ta trao lại 3 tỉnh, nếu không vừa lòng ắt sẽ sinh ra lắm chuyện, nên đã mật tư cho Kinh-lược thần phải trù liệu trước, để lúc lâm thời đối phó, thì tiếp được lời phúc đáp của Kinh-lược thần bảo rằng: công việc còn chưa xảy đến không thể dự liệu trước được; Vậy hãy nên đợi chừng nào bọn chúng thực hiện mưu mô chiếm đoạt, sẽ có thông tư để xử lý.

Rồi ngày tháng 5 viên Thự Tuần-phủ vâng mạng đến 3 tỉnh, đôn đốc việc dinh điền và khuyên các viên Bố, Án hãy lưu lại tỉnh để xử trí công việc

Ngày 20 giờ Tỵ, viên Thự-phủ đi đến nửa đường gặp chiến thuyền Tây, bị chúng giam giữ, tin tức không lọt ra ngoài được; Rồi viên Tây soái cho coi 1 phong thư-văn của Đốc-thần trước; đến ngày 22 thì chiến thuyền Tây đưa viên ấy về tỉnh, buổi chiều thì các viên Bố, Án nhận được bản mật-lục của Kinh-lược và Cơ-mật viện trù tính sẵn các điều, còn các mật-tư mật-lục khác thì đã đốt hết.

Ngày 23 giờ Tỵ, chiến thuyền của Tây kéo đến vây chiếm tỉnh thành, phủ-thần trao bổn thông-tư cho bọn chúng coi, còn các lẽ trong bản mật lục mật tư thế nào thì đã hiểu rõ, ngoài ra không còn gì khác với lời khai trong tập trước.

Nguyên Bố-chính Nguyễn xuân-Ý khai rằng: ngày 20 tháng 5 năm trước giờ Dậu, thấy đoàn tàu binh Tây kéo tới bến sông tỉnh thành, luôn luôn thôi thúc Đốc-thần xuống tàu coi bổn thông tư, rồi khi xuống tàu mới biết Vĩnh-long đã bị bọn chúng chiếm cứ. Sau khi cáo từ ra về thì bọn quan binh ấy đều cầm súng ống theo lên, kéo ùa cả vào, chiếm đóng các dinh thự kho đạn v.v... Còn các bổn mật tư mật lục thì viên Đốc-thần Nguyễn hữu-Cơ đã ngầm đốt hết. Rồi ngày 26 bọn chúng đưa y xuống Tàu trở về Vĩnh-long, ngày 27 về đến tỉnh, lập tức ghi chép các hạng trong kho đã bị quân Tây cướp đoạt mỗi thứ bao nhiêu, khai xong lại nhờ Vĩnh-long đệ nộp, và do Vĩnh-long cấp giấy cho về Bình-thuận Còn các khoản khác thì cũng giống như trong tập của Đốc-thần Nguyễn hữu-Cơ và Thự phủ Trần-Hoán đã khai.

Nguyên Án-sát thần Võ doãn-Thanh khai rằng: ngày 19 bọn Tây đem chiến thuyền đến cướp tỉnh thành, thì cũng y như lời khai của Trương văn-Uyển. Còn như sổ sách văn thư của 3 tỉnh bị địch cướp đoạt Riêng có mật-tư mật lục ngày thường đựng trong 1 cái trap, lần nầy đã đốt tắt cả v.v...

Nguyên Lãnh-binh Vĩnh-long Hoàng-Chiêu khai rằng: Hôm ấy vào khoảng giờ Thìn thấy bọn quan Tây kéo chiến thuyền đến bỏ neo ở bến tỉnh. kỳ thủy có viên quan 3 cùng với tên Cố-Trường đem thư lên mời tỉnh quan xuống tàu nói chuyện, thì quan Kinh-

lược và Án-sát theo bọn chúng xuống, còn y thì trèo lên mặt thành để coi sự thế, chẳng ngờ chỉ trong chốc lát đã thấy bọn quan binh kia xô đẩy các viên tỉnh thần vào thành rồi chúng chiếm đóng các sở. Còn các lời khai sau thì cũng giống như lời của Võ doãn-Thanh

Nguyên Chánh phó lãnh-binh của tỉnh An-Giang tên là Hoàng-Uy và Đỗ-Huy khai rằng: Lần này tàu chiến của Tây đến chiếm tỉnh thành, nguyên ủy thế nào cũng khai giống như lời của Bố-chánh Nguyễn xuân-Ý.

Riêng có Đỗ-Huy khai thêm rằng: ngày tháng 4 đến tỉnh An-Giang nhậm chức, thì ngày 20 tháng 5 bị tàu chiến Tây đến chiếm. Vì y mới đến nhậm chức được 10 ngày trời, địa thế nhân tình đều chưa am hiểu v.v..

Ngoài các lời khai kể trên. thì Phan thanh-Giản đã quyên sinh rồi. Phiên-Ty Nguyễn văn-Nhã cũng vừa ốm chết, Đề-đốc An-Giang Võ xuân-Thưởng hiện đương bị đau, xin được ở lại Bình-Thuận mấy tháng để chạy chữa; Niết Ty Phạm hữu-Chính bệnh tình có phần trầm trọng, xin được ở lại quê nhà tức tỉnh Vĩnh-long để điều dưỡng; Chánh phó lãnh binh Nguyễn-Hương, Nguyễn-Tập, Nguyễn-Bút chưa về đến kinh thành nên chưa lấy được lời khai.

Còn các việc lưu trong văn án, thần đẳng hội nghị xét thấy: 3 tỉnh Vĩnh-Long, An, Hà tiếp giáp với bờ cõi của Tây, thì sự lo tính để phòng chẳng nên một phút trễ nải. Năm thứ 19 bọn nhà binh Tây nẩy tấm lòng tham, đòi ta phải nhượng 3 tỉnh, thì nha Thương-bạc mấy lần gửi thư phúc đáp trách chúng phải nên giữ lời ước cũ, chúng lại luôn luôn vu cáo rằng ta chiêu mộ nghĩa binh chúng chẳng chịu bỏ lòng tham.

Tháng giêng năm ngoái, chính nha Thương-bạc lại gửi bức thư phúc đáp, thế mà chờ đợi hơn 4 tháng trời, chúng vẫn không chịu trả lời?' Coi đó thì cái âm mưu định cướp 3 tỉnh của chúng ấp ủ tự lâu? Tại sao mà Phan thanh-Giản và Trương văn-Uyển hiện có trách nhiệm Kinh-lược và Kiêm-trì, cùng là các viên Đốc-phủ, Bố, Án của 3 tỉnh đều có nhiệm vụ gìn giữ cõi bờ, phải nên do thám

tình hình xác thực rồi tâu trình lên để đợi triều đình chỉ bảo phương pháp đối phó mới phải. Thế mà trái lại, các viên chức ấy đã chẳng lo liệu từ trước, để lỡ thời cơ, khiến cho bọn kia thừa kẻ hở, đem binh áp đảo, đến nỗi thành trì và các kho đạn, sổ sách văn thư bị chúng cướp đi hết thảy! Như vậy mà đem chiếu luật để trị vào tội lỡ lầm, thì còn kêu ca sao được? Nay chiếu trong luật « thất ngộ quân sự » (bỏ lỡ việc binh cơ) có khoản nói rằng: Những khi đem quân đi chinh phạt thì các người có trách nhiệm phải nên cung đốn binh khí lương thảo v.v... nếu lúc trưng dụng mà để quá hạn hoặc là thiếu thốn, thì các tướng hiệu phải phạt 100 trượng đồn;

B) Nguyên do phạm tội: Tỷ như cấp trên tư báo chậm trễ, hoặc giả Ty dưới cung ứng không đủ; Vì lý do ấy mà đưa đến chỗ lầm lỡ quân cơ, thì bị kết tội trảm giam hậu (phải chém nhưng còn được giam lại để chờ lệnh) v.v...

Căn cứ vào những điều kể trên, vụ này cũng nên phân biệt nặng nhẹ xử tội, để cho điển hình được chính đáng. Vậy thì viên cố Kinh-lược Phan thanh-Giản; viên thự Hiệp-biện Kiêm-tri tám tỉnh Trương văn-Uyển, cũng xin chiếu dạo luật trên để ghép vào tội « xử-trảm giam hậu ».

Còn nguyên Tổng-đốc Nguyễn hữu-Cơ, Thự-phủ Trần-Hoán, Đề-đốc Vũ-Thưởng, Phiên-Ty Nguyễn xuân-Ý, Nguyễn văn-Học, Nguyễn văn-Nhã (đã chết), Niết-ty Vũ doãn-Thanh, Phạm hữu-Chính, Nguyễn duy-Quang v.v... lâu nay bọn Tây dương kia động tĩnh thế nào đã chẳng nghe biết gì hết, rồi sau khi binh thuyền của chúng đến cướp thành trì thì mới có kẻ vì bệnh mà chết; có kẻ vin cớ mật-lục tiếp được quá trễ; Có kẻ kêu là về khoản chúng đòi 3 tỉnh đã có mật phúc cho quan Kinh-lược trù tính trước đi; Có kẻ viện cớ lúc ấy đương bận về việc dinh-điền ở ngoài, và việc chưa đến không thể đoán trước v.v...

Thế thì viên Kinh-lược kia vẫn có cái lỗi không lo đến việc bọn kia dối mình; những kẻ đại thần ở nơi biên giới cũng có chuyên quyền, thì cái tội kia thực khó chối cãi.

Còn như bọn Nguyễn hữu-Cơ, Trần-Hoán; Vũ-Thưởng; Nguyễn xuân-Ý; Nguyễn văn-Học, Nguyễn văn-Nhã, Vũ doãn-Thanh, Phạm hữu-Chính, Nguyễn duy-Quang, xin giảm nhẹ hơn tội Phan thanh-Giản và Trương văn-Uyển 1 bậc, mà kết vào luật đánh 100 trượng, phát lưu đi 3000 dặm

Chánh phó Lãnh-binh Hoàng-Chiêu, Hoàng-Uy, Nguyễn-Hương, Nguyễn-Tập, Đỗ-Huy, Nguyễn-Bút, đều có trách nhiệm dông-binh, thế mà ngày thường phòng bị không nghiem ngặt, để cho bọn Tây thừa hư sẵn vào: đối với trach nhiệm chuyên-khổn của tỉnh thần dẫu có khác. Nhưng bọn quan binh ươn hèn như thế, thì cũng không tránh được tội lỗi.

Vậy thì bọn Hoàng-Chiêu, Hoàng-Uy, Nguyễn-Tập, Nguyễn-Bút, cũng xin giảm xuống 1 bậc: phạt 100 trượng, lưu đồ 3 năm (Tội đồ: lưu đầy đi phục dịch nơi biên ải, quân thứ, từ 2 tháng đến 15 năm), để tỏ ra là có phân biệt nặng nhẹ.

Riêng có Đỗ Huy tới nhậm chức mới được mươi ngày, xét thấy còn ít thời gian; Vậy nên giảm xuống bậc cuối cùng: phạt 100 trượng và cach chức lưu nhậm.

Nhưng trong số đó riêng có Phan thanh-Giản và Nguyễn văn-Nhã, hiện đã quyên sinh hoặc ốm chết rồi thì nên cho được miễn tội trảm-hậu và trượng lưu; Còn ngoài ra thì nên chiếu án để xử trị.

Nhưng còn cứu xét tới nguồn gốc, thì bọn phạm kia, đối với công việc trinh sát bí mật đâu phải dễ dàng? Hơn nữa địa thế 3 tỉnh lại rất xa xôi cach trở, tin tức khó thông. Huống chi, bọn Tây ôm ấp tấm lòng phản trắc, hiệp ước còn đầy đủ đó mà chúng trở mặt xé ngay; việc lam của chúng sự thực không ai có thể liệu tính trước được? Đối với sự thế bấy giờ, các phạm viên kia ở vào địa vị khó xử, triều đình bao phen huấn thị, thực đã xét thấu từ lâu. Chỉ vì 3 tỉnh-thần kia tuân theo mật lục, trọng chữ tín nghĩa không muốn tranh biện đến cùng, thì tình cũng nên lượng xét. Hơn nữa Phan thanh-Giản sau khi lỡ việc, đối với nghĩa vụ chả g dám cẩu thả nên đã quyên sinh; so với các viên tỉnh-thần chỉ biết bảo toàn mạng sống để trở về, cũng có khác biệt. Vậy thì từ Phan thanh-

Giản trở xuống đến bọn Đỗ-Huy, có nên phân biệt để lượng giảm thay không, ơn đó còn trông ở chỉ thị của hoàng thượng.

Trên đây thần đẳng vâng mạng nghị xử và thanh minh lên các lý do, nên đã kính cẩn thành tập tâu trình để chờ chỉ dụ

Hai nữa: Nói về sự thế Nam-Kỳ, trong vòng 5-6 năm qua, chịu đựng biết bao lo âu tủi nhục, mà nay thần đẳng nhờ ơn nước, bao phen chỉ thị, phải đem hết sức mưu tính công cuộc thâu hồi, thế mà không biết nhận định tình thế, đối phó kịp thời, để cho cái hổ khiêu khích quá sâu; sự lầm lỗi đó thần đẳng cam chịu muôn tội.

Còn như những bốn mật lục mật tư bao lần về trước, các phạm viên kia đã đốt đi rồi, tưởng cũng không còn quan ngại gì nữa.

Lại còn ở trong bốn án mà Nguyễn văn-Nhã tức là em ruột của Nguyễn văn-Phong, cùng Nguyễn văn-Thông, vì đã dâng sớ xin tặng tên thụy cho Phan thanh-Giản, cho nên không dám dự xét, cũng xin kính cẩn tâu trình.

Bổn tâu viết Tự-Đức năm thứ 21 tháng 3 ngày 25.

(Tập tâu của Viện Cơ mật)

Tự-Đức năm 21 tháng 2 trở xuống đến tháng 4 nhuận trên — Hoàng-triều châu bổn số 1629

Thần Nguyễn tri-Phương, Lê Sĩ, Hoàng văn-Tuyển, Trần-Bình, Phạm Ý, Nguyễn hữu-Lập, Đoàn Thọ, Trần Tiễn-Thành, Lê lượng-Bạt, Phạm-Thực, Nguyễn-Huy, Nguyễn Tư-Giản, Võ trọng-Bình, Nguyễn-Chính, Bùi Thức-Kiên, Tôn thất-Tứ, Nguyễn huy-Tế, Hồ-Uy, Hồ-Viêm, Nguyễn Bính, Nguyễn-Thịnh, Nguyễn-Chân, Phan huy-Vịnh, Tôn thất-Thế, Lê bá-Thận, Nguyễn-Lâm, Chu đình-Kế, Phạm phú-Thư, Lê-Dụ, Tôn thất-Triệt, Võ văn-Bính, Tôn thất-Bỉnh,

# BỨC THƯ NÔM (26-1-1837)

## *Của Phụ Thân gửi cho Phan Thanh Giản*

(Tài liệu của gia đình họ Phan số A6 và B, đăng trong cuốn *Phan Thanh Giản et sa famille d'après quelques documents annamites, Pierre Daudin — Lê Văn Phúc, tr. 58).*

*«Phụ tự Ngạn ký thơ vu Giản nhi khai khán:*

*Vả gia sự con cháu đều bình an, lại con có gởi thơ cùng các vật cho Vương Hữu Quang với Huỳnh Quang đem về thời cha đã lãnh thơ cùng các vật y như hai trương thơ ấy rồi, ngày trước con có bảo thằng Diệu làm thọ đường, thời nó đã làm, sơn ngoài đen, trong đỏ rồi, tính các việc giá tiền 77 quan, mà Bố chánh Quang hườn tiền thọ đường cho nó 20 quan, giao cho Cha 70 quan, Cha hườn cho thằng Diệu 50 quan, công 70 quan, khiến 7 quan chưa hườn, nên phải ra cho con tỏ.*

*Hựu: Như còn quế tốt giữ cho Cha 3 phiến».*

Minh Mạng thập thất niên, thập nhị «ngoạt» nhị thập nhựt.

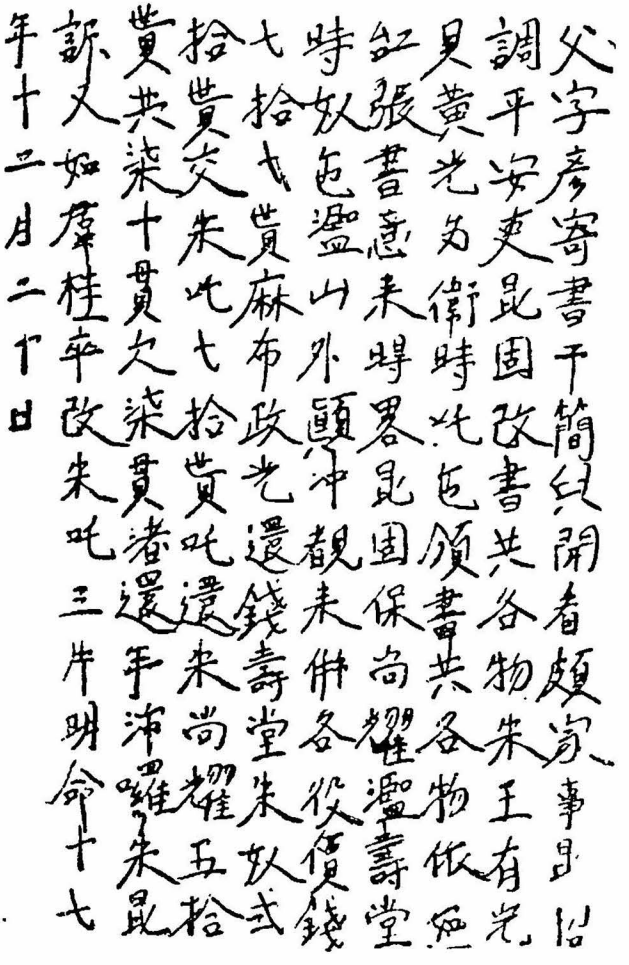

# Ý KIẾN BẠN ĐỌC

*L.T.S.: Mục này đặt ra để bạn đọc có thể đối thoại với các tác giả đã đăng bài trên Tập San Sử Địa hay để bạn đọc góp các tài liệu vụn vặt, giá trị nhưng không đủ để viết thành bài khảo cứu dài.*

● Ông NGUYỄN BỘI LIÊN, trường tiểu học An Hội, Hội An góp ý kiến về địa danh Faifoo:

«Tôi còn nhớ thời tiền chiến, ông Thanh Tịnh viết trong Hà nội Báo trên mục « Dẫn con tìm mẹ » có nói đến xuất xứ của địa danh Faifoo cùng các tên khác Nha-Trang (Nhà Trắng) Tourane (Tour d'âues hay là Chu-giang-đình). Gần đây trong Bách Khoa Thời Đại, mục tạp bút trong số 231, ông Võ Phiến cũng có đề cập đến địa danh Faifo và nhắc lại câu đáp của một thổ nhân với người ngoại quốc là « Phải-phố » tương tự như nhà văn Thanh Tịnh trước kia. Có lẽ đó là lời truyền miệng hoặc là một giai thoại trong lúc đông, tây mới gặp mà ngôn ngữ bất đồng mà thôi không có gì là xác thực.

« Lâu nay, rất băn khoăn về địa danh ấy nên cố tâm tìm cho được một bút tích gì để chứng minh các thuyết ấy là không đúng sự thật, nhưng chịu không thể tìm được. Phần vì ở vùng biển ít thế gia, vọng tộc, văn phong từ trước ít tiếng tăm, thơ tịch tàng trữ lâu đời không có là bao và dù có còn sót lại một đôi văn kiện liên quan đến thì cũng phải trải qua bao cơn bão tố, phong ba mà bị tiêu ma, tan biến. Cho nên, hiện nay không nắm được một tài liệu nào về lịch sử hay một di bút nào của nhà tư, nhưng tôi là người sinh trưởng ở gần vùng đó (Hội An) căn cứ vào các di tích hiện có, phối hợp cùng lời truyền khẩu và sự hiểu biết ít oi về cổ danh, cổ địa mà xét ra thì cái tên *Faifo là do Hải phố* mà ra. Hải phố là thành phố sát bờ biển. Trước kia có lẽ là Haifo nhưng sau biến thành Faifo,

«Hải-phố đã có từ trước đời Gia long lâu. Trong địa bộ Gia-Long có ghi chương tên xứ đất đã bị lấp mà trước kia là sông chảy qua Hải phố. Hải phố nằm về phía đông nam thanh phố Hội-an hiện nay, theo đường chim bay chừng 7 ki lo mét. Thương cảng Hải-phố xưa, hiện nay thuộc thôn 2 xã Xuyên Phước, quận Duy Xuyên, tỉnh Quảng nam (Thôn này thời Pháp là xã Trung phường, tổng Thuận An, phủ Duy Xuyên). Hải phố là một thương cảng buôn bán sầm uất, ghe tàu tấp nập, ngoại kiều rất đông đảo cho nên hiện nay còn rải rác trong thôn một số mả xây vôi, gạch, hoặc đá của người Tàu, Nhật, Bồ đào Nha. Hiện còn một ngôi chùa lớn thờ Phật, tục gọi là chùa Trung phường. Có biển đề là Thanh-Lương tự, Chùa này kiến trúc theo lối tàu, từ cột kèo, chạm trổ, ngói vách hoàn toàn y hệt các ngôi chùa Tàu hiện có ở Hội-an Đã nhiều lần trùng tu, làng xã không đủ tài chính sửa sang y cựu, nên bớt hết 2 gian tả hữu mà sửa nhỏ lại. Nay chỉ còn 3 gian giữa và 2 chái hè vẫn còn nguyên vẹn như xưa Trong ấp còn nhiều giếng xây bằng đá đỏ, xây vuông bốn góc chớ không tròn như ta thường xây. Hải-phố xưa là nơi đông đúc nên tàu bè các nước tập trung đông vì lâu nay thỉnh thoảng các người nông dân ở đấy đào được những neo sắt, dây neo bằng sợi gai chôn vùi dưới đất sâu. Nghiệm ra những neo và dây ấy là đồ dùng của tàu ngoại quốc chớ ghe tầu ta ngày trước không có. Bên cạnh ngôi chùa nói trên, hiện nay còn 1 cái bàu rộng khoảng hơn 20 mẫu ta. Nay chung quanh mép bàu nước đã cạn, nên người ta cấy lúa trồng khoai tỉa dâu. Còn lại khoảng giữa bàu nước còn sâu, mùa hè nắng nhiều thì mới cạn hết, mùa đông thì cá nhiều người ta lam chài, đánh lưới. Bàu nầy trước kia là sông, bị cát biển lấp cái cửa Khe, là cửa sát Hải-phố, nên còn thừa lại nay thành cái bàu nước nầy gọi là bàu Trung phường. Chung quanh đấy nay là gò, đồng cát trắng, nơi khai khẩn làm ruộng, nơi được trồng khoai, còn nhiều nơi gò cao, không khai phá được. Có lẽ còn nhiều vì chỉ ở dưới gò đồng ấy nhưng không có công khai-khẩn nên chưa biết được.

«Theo các bậc cố lão truyền lại, Hải-phố trước kia phố xá đông đúc, buôn bán tấp nập, sau vì cát biển bồi lấn lấp cửa khe nên

không còn đường nước cho ghe tàu lên xuống, phố xá tạm dời lên vạn Trà nhiêu (Vạn nầy ở trên bờ sông Thu-bồn (Sài giang) ngay ngánh sông Trường-giang và sông Ly-Ly (Rù rì). Nơi nầy hiện còn, tục gọi là Chợ-Chiều, thuộc xã Xuyên-thọ, quận Duy-xuyên, giáp với xã Xuyên-Phước. Xuyên-Phước và Xuyên-thọ trước kia thuộc tổng Thuận-An, thời kỳ V.M kháng Pháp nhập chung lại thành xã Duy-nghĩa). Theo các thầy phong thủy tàu thì đất Hội-An là nơi hậu địa, con đất có mạch lâu dài, không bồi, không lỡ nên mới dời phố về Hội-an ngày nky (Hội-an là tên xã Hội-an, tổng Phú-Triêm, phủ Điện Bàn)

«Có lẽ Hải-phố dời về Hội-an cũng đã lâu. trước đời Gia-long. Ta căn cứ theo địa bộ Gia-long của 2 xã Xuyên-Thọ và Xuyên-phước hiện nay thì con sông Thu-bồn trước chảy thẳng vào chợ Nồi-rang rồi quanh xuống Phương-trì (xã cũ) tới Trung phường (tức là Hải-phố) ra biển, bởi cửa Khe.

«Hiện nay tên cửa Khe vẫn còn gọi để chỉ nơi ấy (3) - (4) bình (Có cái bản đồ sơ lược để dễ thấy vị trí của Hải phố tương quan với Hội-an ngày nay.)

«Hải-phố nằm về phía nam cửa Đại chiêm hiện nay chừng 3 kilo mét. Cửa Đại nầy chắc trước kia đã có những nước cạn nên tàu ghe khó vô Sau vì cửa Khe bị lấp nên cửa Đại mới thông sâu và từ đấy cửa Đại mới đông đảo ghe tàu thay cho cửa Khe (Xin ghi thêm. Cũng ở phía nam cửa Đại-chiêm, dọc theo bờ biển đi vào chừng 10 kilo mét có 1 cái cửa nữa cũng gọi là cửa Khe Tân-an Cửa Khe sát Hải-phố là cửa Khe Trung-phường.) Hai cửa Khe nầy nay đều bị lấp hết chỉ còn tên đọi chỉ nơi ấy mà thôi.)

«Tuy rằng không có giấy tờ gì để lại chứng minh việc có Hải-phố và vị trí của nó nhưng căn cứ theo các di vật, di ngôn thì chúng ta dám quả quyết rằng: Faifo là do Hải-phố mà có vậy.

«Tôi cũng mong các vị cao minh, đi nhiều hiểu rộng, bác lãm đông tây để tâm tìm xem các sử liệu có liên quan đến địa danh nầy

để bồi bổ thêm vào cho nền sử học và địa-dư học của ta một tài liệu xác thực sau nầy. »

## BẢN ĐỒ CỦA VỊ TRÍ HẢI PHỐ CŨ

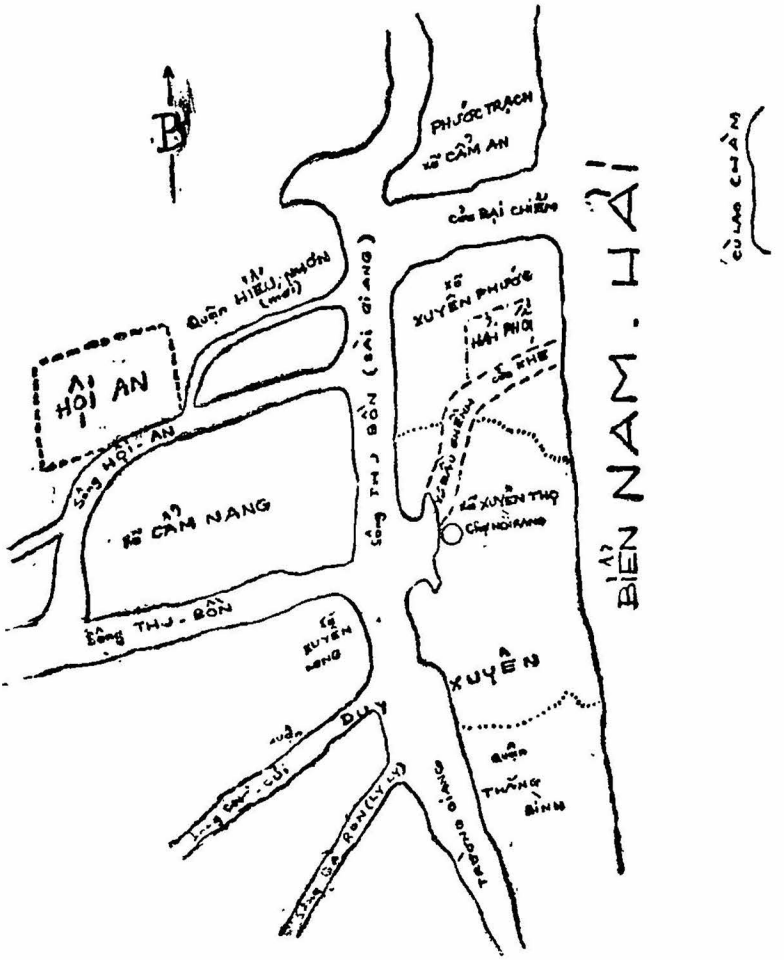


*CHÚ THÍCH : Xứ Giang Tâm, Đầu ghành Cửa Khe (Trung phường) nay thành đất bằng trong « bộ Gia Long » ghi tên xứ ấy trước kia là sông.*

● *Ông TRƯƠNG NHỨT SƠN, Bạc Liêu, nêu thắc mắc tóm tắt như sau:*

*Thư đề ngày 4-8-1967 hỏi: có phải Hồ-quí-Ly là người đầu tiên trên thế giới chế ra súng đại-bác không? Đại-bác xưa của ta có phải chỉ có công dụng làm cho quân Tàu khiếp sợ mà thôi, chứ không có ích gì? Đại-bác xưa, khi muốn bắn, phải khấn vái, khi tịt ngòi phải mời ngự y hốt thuốc, phải không? Trong thời Trịnh-Nguyễn phân tranh, người Bồ-đào-nha, Hà-lan đúc súng cho ta, súng ấy là súng gì, có tiến bộ hơn trước không? v..v...*

**Đáp:** Sách Minh-Sử Binh-chí chép: Súng thời cổ là máy bắn đá. Đời nhà Nguyên, được súng (hỏa pháo) của Tây-vực (1), đem dùng để đánh Sái-châu, nhưng không biết được cách chế tạo súng ấy. Rồi đến khi vua Thành-tổ nhà Minh (1399 - 1424) bình định Giao-chỉ (chỉ việc nhà Minh đánh Hồ-quí-Ly), được súng tay (thương pháo), mới lập Thần-cơ-doanh để luyện tập. Đến cuối đời Vũ-tông, Tuấn-kiểm, Bạch-sa là Hà-Nho lại được súng máy của Phật-lăng (Pháp); đến năm 1529, Trung-quốc mới chế được súng.» Lại có chỗ chép: «Sau khi Hồ-quí Ly Hồ-hán-Thương, Nguyên-Trừng (con cả Quí-Ly) bị giải về Kim-lăng (Nam-kinh), Nguyên-Trừng dâng phép làm súng thần, được ban cho quan-chức, Trừng xin ân xá cho cha, Quí-Ly được tha» (rồi sau mới chết)

Xem vậy thì Việt-nam biết chế tạo súng trước Trung-quốc. Thuốc súng do người Trung-quốc phát minh đã sớm lắm, nhưng chỉ dùng để làm pháo bông. Người Ả-rạp vốn tiếp xúc với người Trung-quốc đem thuốc súng truyền sang Tây-phương từ cuối thế-kỷ 13. Người Tây-phương bèn làm những ống bằng kim thuộc trong đựng những vật ấy bắn ra, và thuốc súng, để đốt thuốc súng là vật ấy bắn ra Đó là súng đầu tiên. Người Anh đã dùng súng ấy trong trận đánh Pháp năm 1346 ở Crécy. Vua Pháp là Charles VII (1453-1461), nhờ anh em ông Bureau cải thiện ngành pháo binh của vua, anh em ông này đầu tiên đã chế ra đại-bác bằng đồng, bắn ra

(1) Chỉ các nước ở phía tây Trung-quốc.

những viên đạn tròn bằng gang. Pháo binh của Pháp nhờ đó, là nhất ở Âu-châu lúc bấy giờ.

Người Việt-nam tuy biết chế súng tay, súng đại-bác nhưng còn rất thô-sơ, đến thế kỷ 16, 17 mới nhờ người Bồ-đào-nha chế cho, súng này có tiến bộ hơn trước, nhưng sánh với súng Âu-châu ngày nay thì là vô dụng.

Đại-để súng trường ngày xưa, xạ kích thiếu chính xác, vì biểu xích và các nhịp khương tuyến của nòng súng chưa được áp dụng. Với súng trường ấy, xạ thủ tác xạ theo phản ứng và linh tính hơn là thực hành các phương thức nhắm đúng. Khả năng của súng trường xưa bị giới hạn như sau; 10) nhịp bắn chậm, vì xạ thủ phải tự tay kéo và mở cần cơ-bẩm (1) mỗi lần tác xạ để nạp đạn và tháo vỏ đạn; 20) Đạn đạo sai lệch cả độ dạt (2) cũng như độ cao vì đầu đạn ra khỏi nòng súng thiếu vòng xoáy để giữ hướng; 30) tầm sat hại ngắn.

Còn đại bác xưa chế tạo như một cái ống kim-loại, mặt trong nhẵn, khối hậu khá dày và một lỗ châm ngòi. Ngay những đại bác Bồ-đào-nha chế cho ta cũng chỉ là những ống bằng đồng khổng lồ. Cách tác xạ và nhồi đạn khá phiền phức: phải dộng thuốc súng chặt vào khối hậu, tiếp theo là đá, sỏi v.v... vào nòng. Sau này, trong sự chế tạo của người Bồ-đào-nha, đá, sỏi ấy được thay bằng hòn đạn tròn bằng gang. Khi châm ngòi, lửa dẫn vào khối hậu đốt cháy thuốc nhồi, và nhờ đó, đá sỏi hoặc hòn đạn được tống ra khỏi nong súng. Như vậy khả năng sát hại của loại đại bác ấy không quan trọng lắm.

Vua Gia-long, sau khi thắng Tây-sơn, và lên ngôi Hoàng-đế, năm 1803, đem hết đồ bằng đồng thu được của quân địch, đúc thành 9 khẩu đại bác; đến năm Gia-long thứ 15 (1816), đặt tên các khẩu súng ấy là « Thần oai vô địch thượng Tướng quân »

(1) Cần để kéo khối cơ bẩm ra sau. Khối cơ-bẩm là khối sắt có lò-xo để nạp đạn và tháo vỏ đạn.

(2) Độ điều chỉnh hướng xê dịch qua lại của nòng sung.

Đến đời Minh-mạng, lập miếu thờ Hỏa-thần, hàng năm ngày mồng 1 tháng 9 có cúng tế, và phong thần ấy là « Linh-uy viễn chấn hỏa bác chi thần » Ngoài ra, ở các nơi để súng đại bác, bọn lính canh giữ có thói quen đến ngày lễ tiết thì sắm lễ vật cúng vái các « Ngài ».

Các súng đại bác, xưa kia cũng được phong tước, và hễ khi ra trận mà thắng thì về cũng được cúng quảy nhiều, được thăng tước cao hơn: trái lại, nếu bại trận thì cũng bị giáng.

Đến đầu đời Đồng-Khánh, việc cúng tế ở miếu Hỏa thần bãi bỏ, tuy vậy bọn lính canh giữ đại bác vẫn nhớ tục cũ, cứ đến ngày lễ tiết (mồng năm, ngày Tết v...v...) cũng xuất tiền riêng mua sắm lễ vật sơ sài (chuối, trầu, rượu, hương đèn), để cúng vái.

Còn việc « khi súng tịt ngòi thì ngự y hốt thuốc » thì chúng tôi không thấy sách sử nào nói đến, mà cũng không nghe những bậc già cả biết chuyện thời ấy nói đến.

● *Ông NGÔ HOÀNH, Trung-học Tây-hồ Đà-nẵng.*

*(Hỏi về « vụ tương tàn giữa vua Minh-mạng và vợ con Hoàng-tử Cảnh » đã nhắc lại trong bài « Xét lại nguyên nhân của các vụ loạn dưới đời Tự-đức » của ông Phạm-văn-Sơn).*

*Ông Phạm-Văn-Sơn đã trả lời trong số 6. Như chúng tôi đã hứa, chúng tôi xin góp thêm ý kiến như sau:*

Đông-cung Cảnh có hai người con trai là Mỹ-Đường (còn tên là Đán) và Mỹ-Thùy, Năm Gia-long thứ 16, Mỹ-Đường đã được phong là Ứng-hòa Công và Mỹ-Thùy là Thái-bình Công. Khi quần thần bàn đến việc lập ngôi chư vị, thì có người như Lê-văn Duyệt xin lập Hoàng-tôn Đán (tức Mỹ Đường, nhưng vua Gia-long không chịu, mà lập Hoàng-tử Đảm (tức vua Minh-mạng).

Năm Minh-mạng thứ 5, có người cáo là Ứng-hòa Công là người dâm dật, thông gian với mẹ đẻ là Tống-thị Quyên. Lê-văn Duyệt đem việc ấy mật tâu lên vua. Vua sai bắt thị Quyên giao cho

Lê văn Duyệt dìm chết (nịch tử), và cấm Mỹ Đường không được chầu hầu. Sau đó, Mỹ-Đường dâng sớ nói là có bệnh, xin nạp trả sách ấn và làm thứ nhân, về ở nhà riêng. Vua vời các thân công và đại thần vào bàn, bèn y cho. Hệ Mỹ Đường từ đó bị chép phụ vào sau Tôn-phổ.

Đến năm Minh-mạng thứ 7 thì Thái-bình Công Mỹ-Thủy mất, vì chứng hoắc loạn. Thực-lục chép: « Khi vua được tin Công mắc bệnh, tức thì sai đại-thần đem ngự y đến thăm, đến nơi thì Công đã chết rồi. Vua thương khóc, bãi triều 3 ngày, đặt tên thụy cho Công là uẩn-Khác, sai Tổng-phước-Lương và Tôn-thất Dịch trông nom việc tang, phát của kho cấp cho. Ngày táng, lại bãi triều một ngày, xa giá đến nhà, vua thân rót rượu cúng. Con gái của Công mới sinh, sai trưởng công-chúa (1) nuôi nấng, chiếu theo bổng công-nữ mà cấp bội cho ».

Mỹ-Đường có con trai là Lệ Chung, năm ấy mới 6 tuổi, theo lệ thì chưa được phong tước. Nhưng vua nghĩ Mỹ Đường đã phải tội, Thái-bình Công Mỹ-Thủy đã mất, việc thờ cúng Anh-duệ hoàng thái-tử không có người lo, nên đặc cách phong cho Lệ Chung là Ứng-hòa Hầu, ban cho sách ấn, lại cho miễn việc chầu hầu, cho lương mỗi năm là 600 quan tiền 500 phương gạo và cấp cho một đội lính để sai khiến, sai bộ Lại chọn một người có học, có hạnh, cho hàm thất phẩm để dạy Hầu học tập, và hộ lý ấn, triện. Sau đó mấy năm, Ứng-hòa Hầu lại được phong là Cẩm-hóa-Hầu, đến đời Tự-Đức được phong là Cẩm-hóa Quận-công. Còn các con trai, con gái và các cháu của Mỹ-Đường thì năm Minh-mạng thứ 14 được ghi vào tôn-phổ, đến Minh-mạng thứ 17, Tôn-nhơn-phủ và Lễ-bộ Hội-đồng, lại xin tước trừ khỏi Tôn-phổ, đến Tự-đức năm đầu, Đông-các Đại-học-sĩ Võ-xuân Cẩn, rồi Tạ quang Cự mới dâng sớ xin cho các con cháu của Mỹ Đường được liệt vào tôn-phổ và cấp cho tôn bổng.

Trở lên là tài-liệu lấy ở Đại Nam Thực-lục chánh biên và Đại Nam Liệt-truyện chánh-biên.

---

(1) Trưởng công chúa là chị hoặc em gái của vua.

● *Ông LÊ VĂN MĂN, Thành Nội Huế*

*Cho biết rất hoan nghênh về loại bài thuộc lý thuyết của sử học: «Lịch sử, sử ký và sử học, những danh từ cần phải phân biệt và định nghĩa» của ông Phạm Cao Dương và nêu ý kiến, theo tác giả, những tác phẩm do các công trình nghiên cứu các sách vở, tài liệu cũ mà ra, không thể gọi là sử ký mà là tác phẩm sử học, vậy tác phẩm của Ngô Sĩ Liên gọi là «Đại Việt Sử Ký toàn thư» không được chỉnh?*

**Trả lời**: Tác giả rất đồng ý về những điều ông phát biểu trong thư. Tuy nhiên sự phân biệt những danh từ lịch sử, sử học, sử ký chỉ là do ý kiến của cá nhân tác giả đề nghị. Ý kiến đó tất nhiên có thể đúng, mà cũng có thể sai hay cần được bổ khuyết. Về quyển *Đại Việt Sử Ký toàn thư* danh từ *Sử Ký* dùng ở đây không được chỉnh cho lắm như ông nói, nhưng vì ngày xưa các cụ ta không phân biệt rõ ràng thế nào là Sử ký và Lịch sử cho nên nó vẫn nghe được như thường ở thời đó.

## Tin Mừng

*Được tin bạn Nguyễn công Quan và Võ ngọc Nhã, giáo sư Trung Học Gò Công đã làm lễ hứa hôn ngày 29-7-67. Thành thật chúc đôi bạn sớm tiến tới hạnh phúc.*

Cựu sinh viên Ban Sử Địa khóa 5
Đại Học Sư Phạm Sài gòn

## Tin Buồn

*Được tin ông Phạm Tuấn Hinh, tự Tuấn Sơn, thân phụ bạn PHẠM THỊ HỒNG LIÊN đã thất lộc ngày 20-6-67 tại Sài gòn. Thành thật chia buồn cùng tang quyến và cầu chúc anh hồn người quá cố sớm tiêu diêu miền cực lạc.*

**Toàn Ban Trị Sự Tập San Sử Địa**

# Giới thiệu Sách Báo

*Tập San Sử Địa* đã nhận được.

■ Cuốn *Thực trạng của giới NÔNG DÂN VIỆT NAM dưới thời Pháp thuộc* của Phạm Cao Dương, Khai Trí xuất bản, Sài gòn, 1966 Sách dày hơn 250 trang, khảo cứu công phu về sinh hoạt của nông thôn Việt Nam dưới thời Pháp thuộc. Một công trình biên khảo về văn minh sử rất đáng được khuyến khích. Giá bán 120$.

■ *Thượng Cổ Sử Tây Phương*, Tập I (Tây Á và Ai Cập) của Phạm Cao Dương, nhà xuất bản Trình Bày, Sài gòn 1967, 296 trang — Loại sách p'ổ thông, rất cần cho các sinh viên Văn Khoa, Đại Học Sư Phạm. Bản đặc biệt không thấy đề giá.

■ *Hồ Thơm Nguyễn Huệ Quang Trung* của Nguiễn Ngu Í, nhà xuất bản Về Nguồn, Sài gòn, 1967, 89 trang, Hồ Hữu Tường đề bạt — Loại sách sử phổ thông rất dễ đọc gây nhiều phấn khích — Giá 45$.

■ *Kỷ Niệm 100 năm ngày Pháp chiếm Nam Kỳ*, gồm nhiều tác giả: Trương Bá Cần, Phạm Cao Dương, Lê Văn Hảo, Nguyễn Khắc Ngữ, Trần trọng Phủ, Lý Chánh Trung, nhà xuất bản Trình Bày, Sài gòn, 1967, 240 trang. Giá 120$.

■ *La Succession de Thiệu Trị* của Bùi Quang Tung, nguyên hội viên trường Viễn Đông Bác Cổ, nguyên giáo sư Đại Học Văn Khoa, Đại Học Sư Phạm Sài gòn và Huế. Trích phẩm của Bulletin de la Société des Études Indochinoises, nouvelle série, Tome XLII. Nos 1 et 2, Sài gòn 1967, 175 tr — một công trình khảo cứu rất công phu.

Xin ân cần giới thiệu cùng quí bạn đọc.

# hộp thư sử địa

▼ *Ông ĐÔNG TÙNG, Sài gòn.*

Đã nhận được tập biên khảo của ông. Hiện chúng tôi có dự tính sửa soạn số đặc khảo về Việt kiều tại các lân quốc. Tập biên khảo của ông rất hợp với số đặc khảo trên, chúng tôi xin được để chờ đăng. Mong ông tiếp tục gửi những công trình giá trị khác.

▼ *Nhạc Sĩ TRẦN VĂN KHÊ, Paris.*

Rất cảm kích được sự khích lệ quí báu của Nhạc sĩ. Theo ý kiến của Nhạc sĩ, kể từ số này, *Sử Địa* sẽ có phần phân tích mục lục bằng ngoại ngữ. Rất mong Nhạc sĩ sẽ đóng góp những công trình khảo cứu về nhạc sử Việt Nam.

▼ *Ông ĐẠI THẠCH LÊ ƯỚC, Quảng Nam.*

Đã nhận được 2 bài biên khảo của ông. Chúng tôi đã chuyển cho ban lựa bài.

▼ *Một số đọc giả tại Huế và Vĩnh Long thắc mắc về sự chậm trễ phát hành của Tập San Sử Địa.*

Vấn đề ấn loát, giấy in, hiện đương gây khó khăn cho Tập San. Khổ giấy báo *Sử Địa* khan hiếm biến mất trên thị trường, nhà in làm việc rất chậm chạp. Số trang *Sử Địa* lại nhiều. Phải mất đúng 3 tháng kể từ ngày đưa bài cho nhà in, mới hoàn tất xong trong 1 kỳ báo. Chúng tôi sẽ tìm mọi cách cải tiến tình trạng này. Rất cảm kích sự lo lắng và thương mến của quí bạn.

## *Tin mừng*

*Nhận được hồng thiếp báo tin bạn Võ Thanh Sum, giáo sư Trung Học Nguyễn đình Chiểu, Mỹ Tho, đẹp duyên cùng chị Nguyễn thị Hoàng Lê. Hôn lễ cử hành ngày 11-11-67 tại Sài gòn. Thành thật chúc SUM - LÊ trăm năm hạnh phúc.*

**NGUYỄN NHÃ**

## TIN TỨC ĐẶC BIỆT:

## SỰ THÀNH LẬP CỦA HỘI GIÁO SƯ SỬ ĐỊA VIỆT NAM

*Đại Hội sơ khởi các giáo sư Sử Địa ngày 5-8-1967 tại Đại Học Sư Phạm, Sài gòn đã quyết định thành lập HỘI GIÁO SƯ SỬ ĐỊA VIỆT NAM.*

*Đại Hội đã cử ban chấp hành lâm thời:*

*Chủ tịch: giáo sư Phạm đình Tiếu (Đại Học Sư Phạm Sài gòn)*

*Phó chủ tịch nội vụ: giáo sư Nguyễn đôn Phong (Quốc gia Nghĩa Tử)*

*Phó chủ tịch ngoại vụ: giáo sư Đặng ngọc Thiềm (Trung Học Võ Trường Toản)*

*Tổng thư ký: giáo sư Phạm đình Lân (Lý Thường Kiệt)*

*Phó tổng thư ký: giáo sư Nguyễn ngọc Trác (Thủ Khoa Nghĩa)*

*Thủ quỹ: giáo sư Phạm đức Liên (Trịnh Hoài Đức)*

*Phó thủ quỹ: giáo sư Lê trọng Phỏng (Pétrus-Ký)*

*Ban chấp hành lâm thời đang tích cực hoạt động thu nạp các hội viên, hiện có tới gần trăm giáo sư đã gia nhập Hội. Ban chấp hành lâm thời cũng chuẩn bị ấn hành cuốn Thống kê Địa lý, cùng các tài liệu giáo khoa khác.*

*Vấn đề xin hợp thức hóa của hội đương gặp phải vài khó khăn nội bộ.*

*Quí vị giáo sư gửi tài liệu và thư từ xin đề: Nguyễn Đôn Phong, 25 Trương Minh Ký, trụ sở tạm thời của Hội.*

*Nhận thấy cùng một tôn chỉ và mục đích, Nhóm Chủ Trương TẬP SAN SỬ ĐỊA rất hoan nghênh sự thành lập của «Hội Giáo Sư Sử Địa Việt Nam» và cầu chúc Hội phát triển mạnh mẽ để góp phần vào việc cải tiến nghề nghiệp và ngành Sử Địa nước nhà. Chúng tôi cũng mong quí vị giáo sư Sử Địa, quí vị tha thiết đến văn hóa, giáo dục hãy khuyến khích, tiếp tay các hoạt động của Hội Giáo Sư Sử Địa Việt Nam.*

# TIN BUỒN VĂN GIỚI

*Mùa thu năm nay, văn giới miền Nam chịu hai cái tang đau đớn :*

*— Giáo sư Nguyễn Thiệu Lâu, đã từ trần hồi 13 giờ 45 ngày 19-8-67.*

*— Thi sĩ Đinh Hùng tạ thế hồi 5 giờ sáng ngày 24-8-67 tại Sài gòn.*

*NHÓM CHỦ TRƯƠNG TẬP SAN SỬ ĐỊA tỏ bày niềm xúc động đau đớn và thành thật phân ưu cùng tang quyến.*

**Nguyễn Nhã**
**và Tập San Sử Địa**

## ĐÍNH CHÍNH SỬ ĐỊA SỐ 6

▼ Bài *Các dòng Hải Lưu trên đại dương* của Phan đình Tần.

— Trang 76 dòng 14, (Mer de Sargasse) thay vì (Mer de Sagesse).

— Trang 76, hình vẽ (1) : tại Vịnh Thái Lan, chiều dòng nước vẽ ngược lại.

— Trang 77, dòng 5, dưới hình vẽ (2) : (tháng 6) thay vì (tháng 9).

▼ Bài *Các lăng tẩm vua Lê* của Lê Ước.

— Trang 93, dòng 6 *Nhà Lê và Hậu Lê* thay vì *Tiền Lê và Hậu Lê.*


# *NHÀ XUẤT BẢN SINH VIÊN*

Các bạn sinh viên Khoa Học chứng chỉ MPC, MGP, SP CN, nên tìm mua ngay hai bộ sách rất quí đã được dịch sang tiếng Việt :

*1.— Bài tập Toán của Tétrel.*

*2.— Bài tập Vật Lý của Tétrel.*

**Sách đã có bán tại nhà sách KHAI TRÍ**
62, Lê Lợi — Sài gòn

# Tại sao hàng chục ngàn người đổ xô ghi tên mua SUZUKI ? Vì :

■ SUZUKI xài **BOUGIE THƯỜNG** như tất cả các loại xe gắn máy khác.

■ SUZUKI **2 THÌ**, 30% phụ tùng ít hơn các xe khác **4 THÌ** nên máy móc rất giản dị, khỏe và rất bền, không hư bậy.

■ SUZUKI nếu hư thì người thợ sửa xe ở góc đường cũng có thể sửa được, khỏi cần đưa vào một xưởng xe hay phải đưa tới thợ chuyên môn.

■ SUZUKI nhiều đại lý nhập cảng xe nhất và đồ phụ tùng cũng nhập cảng nhiều nhất so với các hiệu xe khác.

■ Hãng IMI đã tổ chức các xưởng chuyên sửa xe SUZUKI trong đó có các kỹ sư của chính hãng SUZUKI từ Nhật sang trông coi và huấn luyện các chuyên viên ráp máy cũng như sửa chữa

**Châm ngôn của người Việt hiện nay là :**

**Ăn chắc, mặc bền đi... SUZUKI**

*LA KHỎI... THẮC MẮC*

**GIÁ PHỎNG ĐỊNH :**

**M30 : 30.500$ M15-2 : 32.500$ M12-2 : 33.500$**

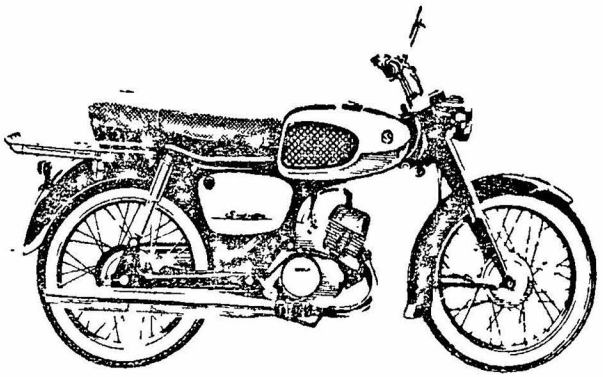

SUZUKI-50 MODEL M-15 M-15D

**▼ 50cc — ▼ 2 thì — 1 xy-lanh**

**▼ 4,5 mã lực — 8 000 tua**

**▼ Tốc lực 85 cây số một giờ**

**100 cây số hết 1 lít 5 xăng**

*Đại-Lý Độc-Quyền :* **IMI**, *58 Pasteur — SAIGON*

**Điện - Thoại : 25.676**

# CÔNG-TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM

**Công-Ty nặc-danh vốn 175 triệu bạc VN.**

*Trụ-sở : 34, 35 bến Vân-Đồn, KHÁNH-HỘI Sài gòn*

Điện-thoại : 24.454, 24.455, 20.141

**Hộp thơ 286**

☆

— Nhà Máy Đường và Rượu tại HIỆP-HÒA (Tỉnh HẬU-NGHĨA)
— Nhà Máy Đường và Rượu tại KHU KỸ-NGHỆ BIÊN-HÒA
— Nhà Máy Lọc Đường tại KHÁNH-HỘI SAIGON

**CHUYÊN SẢN-XUẤT :**

— *Đường cát trắng tinh, trắng ngà.*
— *Đường miếng đóng hộp 1 kilô, tinh-khiết.*
— *Rượu luyện tinh, bán luyện tinh, rượu đốt.*

**Và hai SẢN-PHẨM ĐẶC-BIỆT**

★ Rượu mạnh « RUM VIEUX HIỆP-HÒA » để lâu trên 3 năm trong những thùng bằng cây « Chêne » theo đúng tiêu-chuẩn Âu-châu, dành riêng cho người sành điệu.

★ Rượu khai-vị có chất Quinquina « APERITIF HIỆP-HÒA » chế bằng rượu vang và chất Quinquina nhập-cảng thẳng tại Âu-châu, dành cho các Bà và đãi khách tao-nhã.

# Thuốc Bác-sỹ Tín vì sao ra đời?

Gần một trăm năm tiếp-xúc với văn-minh Âu-Mỹ, người mình ít ai chịu khó áp-dụng khoa-học để khảo-cứu dược-phẩm trong nước và kiến-tạo một nền dược-học, y-học hoàn-toàn Việt-Nam.

Trông thấy khuyết-điểm ấy, Bác-Sỹ Tín lại nhận định rằng một nước độc-lập mà nền khoa-học cũng phải đứng trên những căn-bản độc-lập. Nhiều ngành khoa-học phải khảo-cứu riêng về thổ-sản, thổ-nghi và dân-sanh trong nước để áp-dụng vào các ngành nông, công, thương thì mới mong phát-triển kịp người.

Vì vậy cho nên Bác-Sỹ Tín đã sang Âu-Châu du-học tìm, hiểu y-lý Tây-phương tận gốc. Trong những năm tòng-sự tại các bịnh-viện và các khảo-cứu-viện ở Ba-lê, Bác-Sỹ Tín đã cố công xem-xét các phương-pháp chế thuốc của Âu-Mỹ, lại có cơ-hội thí-nghiệm những thảo-mộc ở nước nhà gởi sang, lọc những nguyên-chất dùng vào việc chế thuốc, thâu thập cái hay của người đặng nâng cao giá-trị những dược-phẩm dồi-dào của xứ mình.

Kịp khi về nước vào đầu năm 1941 ngay trong thời kỳ chiến-tranh, Bác-Sỹ Tín liền tổ-chức một sở bào-chế, tìm góp những Nam-dược giống như dược-vật Âu-Mỹ chế ra khoa thuốc Bác-Sỹ Tín, thích-hợp với cơ-thể người mình và khí hậu nhiệt đới. Toa nhẫn đều dùng chữ quốc-ngữ và phát-hành khắp tiệm thuốc các nơi, mục-đích là để phổ-thông trong dân chúng, tận xóm làng, thôn lâm, cống hiến cho đồng-bào môn thuốc khoa-học, công hiệu, rẻ tiền và dễ dùng.

Khi thái bình văn hồi, giấy rẻ, in rẻ, Bác-Sỹ Tín sẽ ấn-hành những sách báo dạy về vệ-sinh cần yếu để tránh những bệnh hiểm nghèo suy-nhược, mong đồng-bào giữ vững sức khỏe và bồi bổ sinh-lực của nòi giống.

**NHÀ THUỐC BÁC-SỸ TÍN**

Lại còn có tham-vọng :

1.— Trồng cây thuốc Việt-Nam và cây thuốc nhập-cảng như Ipéca, Quinquina, v. v...

2.— Xuất-cảng những dược-phẩm Việt-Nam.

3.— Đào-tạo những Kỹ-thuật-gia để sản-xuất thuốc hóa-học theo quan-niệm kỹ-nghệ-hóa quốc-gia.

(Viết tại Cholon tháng 3 năm 1945)

No 7 & 8
3e et 4e trimestres 1967
3rd and 4th quarters 1967

REVUE TRIMESTRIELLE

# SỬ ĐỊA

QUARTERLY REVIEW

■ REVUE TRIMESTRIELLE DE RECHERCHE HISTORIQUE ET GÉOGRAPHIQUE

▼ QUARTERLY REVIEW OF HISTORICAL AND GÉOGRAPHICAL RESEARCH

■ PUBLIÉE PAR L'UNION DES PROFESSEURS ET DES ÉTUDIANTS DE LA FACULTÉ DE PÉDAGOGIE DE SAIGON.

▼ PUBLISHED BY A GROUP OF INSTRUCTORS AND STUDENTS OF THE FACULTY OF PEDAGOGY, UNIVERSITY OF SAIGON.

## ■ TABLE DE MATIÈRES

## ▼ CONTENTS

1 ■ TRƯƠNG BÁ CẦN, Phan Thanh Giản en ambassade à Paris (13-9 — 10-11-1863) pp. 3 — 21.

*Relation détaillée de l'ambassade de Phan Thanh Giản. Avec notes.*

▼ TRƯƠNG BÁ CẦN, Phan Thanh Giản, ambassador in Paris (13-9 — 10-11-1863) pp 3 — 21.

*Detailed account of the mission of Phan Thanh Giản. With notes.*

2 ■ NGUYỄN THẾ ANH, Phan Thanh Giản vu par les Français à travers quelques documents pp. 22 — 34.

*Documents concernant Phan Thanh Giản tirés de:*

*E. Luro, Le pays d'Annam, Paris, 1897, pp 101-104.*

*P. Vial, Les 1ères années de la Cochinchine, Colonie française, Paris, 1876, pp XI-XIII.*

*G. Taboulet, La geste française en Indochine, Paris, 1956, pp. 519-520.*

▼ NGUYỄN THẾ ANH, Phan Thanh Giản, seen by the French, through some documents pp. 22 — 34.

*Documents concerning Phan Thanh Giản extracted from:*

*E. Luro, Le Pays d'Annam, Paris, 1897 pp 101-104.*

*P. Vial, les 1ères années de la Cochinchine, colonie française, Paris 1876, pp XI-XIII.*

*G. Taboulet, La geste française en Indochine, Paris 1456, pp: 509-512, 519-512 519-520*

3 ■ LĂNG HỒ, un sujet de doute à propos de l'ouvrage « Phù Tây Nhật Ký » ou « Journal de la mission en Occident », pp. 35 — 40.

*Ce texte, publié en Vietnamien par Tôn Thọ Tường, ne serait pas la traduction d'un manuscrit original écrit en Chinois par Phan Thanh Giản, mais une nouvelle version du journal inspiré de l'ouvrage « Như Tây Sứ Trình Nhật Ký » ou Journal de l'ambassade en Occident », rédigé en Chinois par Phạm Phú Thứ sous la direction de Phan Thanh Giản et connu par sa traduction française de 1919-21.*

▼ LÃNG HỒ, a matter of doubt about the work: « Phù Tây Nhật Ký » or « log-book of the mission in the West » pp 35 40.

*This text written in Vietnamese by Tôn Thọ Tường would not be the translation of an original manuscript in Chinese by Phan Thanh Giản but a new version of the log-book inspired by the work « Như Tây Sứ Trình Nhật Ký » or « Journal of the embassy in the West », drawn up in hinese by Phạm Phú Thứ under the editorship of Phan Thanh Giản and known by its French translation (1919-1921).*

4 ■ PHÙ LANG TRƯƠNG BÁ PHÁT, La vice-roi Phan Thanh Giản et l'occupation des 3 provinces occidentales de la Cochinchine, pp. 41-77

*Relation des évènements de Cochinchine et de l'occupation des province susdites D'après l'auteur, Phan Thanh Giản était un mandarin intelligent et ouvert: Sa reddition comme son suicide étaient alors les seules attitudes logiques.*

▼ PHÙ LANG TRƯƠNG BÁ PHÁT, The vice-roy and great mandarin Phan Thanh Giản and the occupation of the three Western provinces of Cochinchina. pp 41-77.

*Relation of the events of Cochinchina and of the occupation of the oforesaid provinces. According to the author, Phan Thanh Giản was a clever and open man; his surrender and his suicide were the only possible attitudes*

5 ■ PHẠM VĂN SƠN, Autour de la mort et de la responsabilité de Phan Thanh Giản devant les troubles de la Cochinchine à la fin du 19è s. pp 78-95.

*Contre la politique défaitiste de Phan Thanh Giản Selon l'auteur, Phan Thanh Giản n'avait jamais voulu se suicider pour la bonne raison qu'il avait lui-même, de son plein gré négocié la cession des provinces de Cochinchine; obligé d'avaler du poison sous la pression des grands mandarins, il ne pu être sauvé à temps par les Français.*

▼ PHẠM VĂN SƠN, About Phan Thanh Giản's death and responsability before the troubles of Cochinchina at the end of the 19th century. pp. 78 95

*Against Phan Thanh Giản's defeatist policy According to the author, Phan Thanh Giản never wanted to commit suicide, simply because he had negociated the assignment of the provinces of Cochinchina of his own accord, he was obliged to take poison under the great mandarins' pressure, he could not be saved in time by the French.*

6 ■ TRẦN QUỐC GIAM Biographie de Phan Thanh Giản pp 96-148.

*Biographie détaillée avec notes et bibliographie*

▼ TRẦN QUỐC GIÁM, Phan Thanh Giản's biography pp 96-148.

*A detailed biography with notes and bibliography*

7 ■ LÊ VĂN NGÔN, Découverte fortuite d'un trésor de documents sur Phan Thanh Giản, lors d'une sortie printanière pp. 149-153.

*Compte-rendu d'une visite rendue par l'auteur aux descendants de Phan Thanh Giản chez lesquels il a pu consulter les papiers et souvenirs de ce dernier.*

▼ LÊ VĂN NGÔN, A discovery by chance of a treasure of documen s about Phan Thanh Giản, on a spring trip, pp 149-153.

*Account of an author's visit to Phan Thanh Giản's descendants' family where he had the opportunity to look over Phan Thanh Giản's papers and souvenirs.*

8 ■ T.Q G. Attitudes de la cour de Huế envers Phan Thanh Giản depuis l'empereur Tự Đức à l'empereur Đồng Kh nh, pp. 154 - 171.

*Edition transcription et traduction des édits et diplômes impériaux d'après des textes originaux publiés en chinois dans :* Daudin et Lê Văn Phúc, Phan Thanh Giản et sa famille d'après que'ques documents annamites

▼ T Q G, Attitudes of the Court of Huế towards Phan Thanh Giản, from Emperor Tự Đức to Emperor Đồng Khánh. pp. 154 - 171

*Edition transcription and translation of imperial edicts and diplomas according to the original texts published in:* « P Daudin and Lê Văn Phúc, Phan Thanh Giản et sa famille d'a rès quelques documents annamites.»

■ TÔ NAM trad, Rapports du Conseil Secret, procès-verbal rédigé par les grands mandarins de l'empire au sujet de la per'e des 3 provinces de Vĩnh Lo g, *An Giang* et Hà Tiên p 172.

*Archives impériales no 1629 21è année Tự Đức, original en Chinois publié dans « P. Daudin et Lê Văn Phúc » p. 94-96.*

*Relation des évènements et jugements par les mandarins de l'attitude de Phan Thanh Giản et de ses Collaborateurs.*

▼ TÔ NAM transl, Statements of the Secret Council, report of the greatest mandarins about the loss of the 3 provinces of Vĩnh Long, An Giang and Hà Tiên p 172.

*Impérial records no 1629. Tự Đức 21st original in Chinesse published in «P. Daudin et Lê Văn Phúc», p. 94-96.*

*Account of the events and mandarins' judgements about Phan Thanh Giản and his Collaborators' attitudes*

9 ■ LƯƠNG KHÊ THI THẢO ou Poèmes à propos de Lương Khê, pp. 175-231

*Recueil de poèmes composé par Phan Thanh Giản et imprimé en 1876.*

*Introduction au recueil inventaire des poèmes par Mai Chưởng Đức.*

*Et extrait de quelques textes avec leur traduction en Vietnamien par Tô Nam*

▼ LƯƠNG KHÊ THI THẢO or poem about Lương Khê written by Phan T anh Giản Edition and translation of the texts, pp 175-231.

10 ■ MAI SƠN, une inscr ption sur stè e d'un tex e de Phan Thanh Giản au temple du Génie de la littérature de Vĩnh Long pp. 232-238.

*Description, édition et traduction du texte (du Chinois en Vietnamien).*

▼ MAI SƠN, On inscription on stele of a poem composed by Phan Thanh Giản at the literature Genius's temple in Vĩnh Long, pp. 232-238

*Description, edition and translation (from Chinese into Vietnamese) of the text.*

**11** ■ Une lettre écrite en caractère démotique datée du 26-1-1837 et envoyée à Phan Thanh Giản par son père, p. 248.

*Document de la famille Phan n° A6 et* B, *publié dans* P. Daudin et Lê Văn Phúc, Phan Thanh Giản et sa famille d'après quelques documents annamites, p 58.

Edition et transcription du texte

▼ A letter written in demotic symbols (chữ nôm) dated the 26th of January 1837 and sent to Phan Thanh Giản by his father, p. 248.

*Document of the Phan family, n° A6 and B, published in* P. Daudin and Lê Văn Phúc, Phan Thanh Giản et sa famille d' orès quelques documents annamites, p. 58

Edition and transcription of the text.

**12** ■ Avis du lecteur pp 249-257.

— *Sur la toponymie de Faifo, plan de Hải Phố par M. Nguyễn Bội Liên, Hội An. pp. 249-252.*

— *Réponse à M Trương Nhứt Sơn, Bạc Liêu au sujet de l'invention du Canon par Hồ Quí Ly.*

*Historique des armes à feu au Vietnam, pp. 253-255.*

— *Réponse à M. Ngô Hoành, Đà Nẵng, au sujet de la liquidation de la famille du prince Cảnh par l'empereur Minh Mạng. pp. 255-256.*

— *Réponse à M. Lê Văn Mãn, Huế, au Sujet de la distinction entre les ternes : « Histoire, Historiographie et Étude historique », p. 257.*

▼ Notice to Readers, pp 249-257.

— *About the toponymy of Faifo, map of Hải Phố, by Mr. Nguyễn Bội Liên from Hội An pp. 249-252.*

— *Answer to M Trương Nhứt Sơn from Bạc Liêu about the invention of gun by Hồ Quí Ly, historical account of gunfires in Viet Nam pp. 253-255.*

— *Answer to Mr. Ngô Hoành, from Đà Nẵng about the liquidation of prince Cảnh's family by Emperor Minh Mạng pp 255-256.*

— *Answer to Mr. Lê Văn Mãn, from Huế about the distinction between the words «History, Historiography and historical Study». p. 257.*

In tại nhà in VIỆT-HƯƠNG, 34 Đại lộ Lê-Lợi — SAIGON

# SAIGON-TAIPEI-SAIGON

- Mỗi Thứ Ba và Thứ Bảy
  bằng
  *Phản Lực Cơ* **Caravelle**
  **VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG**
- Mỗi Thứ Hai và Thứ Sáu
  bằng
  ***Super Constellation***
  **CHINA AIR LINES**

* * *

*Xin hỏi chi tiết và lấy vé nơi các Hãng Du Lịch hay*

**AIR VIETNAM**

116, NGUYEN-HUE. SAIGON. ĐT. 91.624 - 91.625. 91.626

**CAI**

**CHINA AIR LINES**

16, Duong Tu-Do. SAIGON. Đ.T. 24.452 - 23.144. 25.846

# SỬ ĐỊA

— Số — 7 và 8 — Tháng 7, 8, 9, 10, 11, 12-1967


## MỤC-LỤC


⊕ *Lá thư tòa-soạn* 1

⊕ *Phan Thanh Giản đi sứ ở Paris*
TRƯƠNG BÁ-CẦN 3

⊕ *Phan Thanh Giản dưới mắt người Pháp*
NGUYỄN THẾ-ANH 22

⊕ *Một nghi vấn về tập Tây Phù Nhật-Ký*
LÃNG HỒ 35

⊕ *Kinh Lược Đại Thần Phan Thanh Giản với sự chiếm cứ ba Tỉnh miền Tây*
PHÙ LANG 41

⊕ *Chung quanh cái chết và trách nhiệm của Phan Thanh Giản trước các biến cố của Nam Kỳ cuối thế kỷ 19*
PHẠM-VĂN-SƠN 78

⊕ *Cuộc đời Phan Thanh Giản*
TRẦN QUỐC-GIÁM 96

⊕ *Nhơn cuộc du Xuân, may gặp kho tàng quí giá về Cụ Phan Thanh Giản*
LÊ VĂN NGÔN 149

⊕ *Thái độ của triều đình Huế đối với Phan Thanh Giản*
T. Q. G 154

● *Bản án của các Đại Thần nghị xử về việc để thất thủ 3 tỉnh Vĩnh Long — An Giang — Hà Tiên*
TÔ NAM dịch 172

● *Lương Khê Thi Văn Thảo*
TÔ NAM — MAI CHƯỞNG ĐỨC — MỘNG TUYẾT thất tiểu muội trích dịch 175

● *Bài Văn Bia ở Miếu Văn Thánh Vĩnh Long do Phan Thanh Giản soạn*
MAI SƠN sưu tập 232

◍ *Bức thư nôm (26-1-1837) của Phụ Thân gửi cho Phan Thanh Giản* 248

◍ *Ý kiến bạn đọc: về Địa danh Faifo — Lịch sử súng thần công — Sự tương tàn giữa gia đình hoàng tử Cảnh và vua Minh Mạng* 249

◍ *Giới thiệu sách báo* 258

◍ *Hộp thơ Sử Địa* 259

⊕ *Tin tức đặc biệt: Sự thành lập Hội Giáo Sư Sử Địa Việt Nam* 260

◍ *Mục lục phân tích số 7 & 8 bằng ngoại-ngữ* 265



**Giá: 80$**

Công-sở giá gấp đôi